Pháp Cú Đối Chiếu [Văn bản Pali và Prakrit Sanksrit hóa] (Anandajoti; Nguyễn Quốc Bình dịch & chú)

Kinh Pháp Cú — các bản dịch & giảng giải

3+È3&ÒĈÆ

I CHI⁂U

Văn bản i với Pāḷ các bản tương đương ng tiế hóa,

Prakrit Sanskrit cùng Bài nghiên cứu vềbộ Pháp Cú.

ỊQDQGDMRWL

Bhikkhu

Nguyễ n Quốc Bìnhdị ch và chú Email: nguyenquocbinh.lhp@gmail.com

Ghi chú cDQJ i dị ch: Nếu như chtrong thuật ta có thểdị dễcảm nhận ý nghĩa a nhận nhđị củ rằng "khôngt bả có n dị ch mộ hoàn hảo", thì c truytrong việ tầm các tài liệu cổ, như trong ng hợp của trườ Phật giáo sơ kì, đổi ng ta hướ cũngđịnh của nhận có thể này thành t bản gố "không c hoàn hảo". có Việc ghi chép kinh điển c thành thực hiệ văn n bởi những bản ng bộphái đượ khác nhau mãi một thời gian dài sau c Phậ khi t diệt Đứ độ. Thêm vào n quađó, nhiều thếviệc hệđế n thờilưu chúng ta truyề ngày nay chả ng thểtránh khỏi những thiế u sót chủquan lẫn kháchn bả quan. n gốc, vì vậ y,Vă trong ngữ cảnh như y, chỉđư vầ ợc hiểu theo một nghĩa xác suất unào khảdĩđó. cónângNhưng thể cao xác suất ấy lên là củng cốchúng bằng các bằng chứngi sánh. đốNói một cách đơn n, nếu hai giả nguồ n tài liệu c lậđộ p nhau cùng nói vềmột sựkiện theo cách unhư khảnăng nhau hơn ng thì rằn sựkiện đó c đã diễn đượ ra theo cách như vậy. n do vậy làLĩnh rất cần thiếvực t nếu đối muốn đào sâu tri c vềthời quá khứ. thứ Và làđây chỉ một tác dụ ng dễthấy nhất của phương pháp này.

Trong công trình này, Bhikkhu Ānandajoti u dịbản kinh Pháp Cú trong ngôn ngữgố cđã so của chúng vềmặt văn n họ bả c, từđó rútc khá ra uđượ nhiề nhận nhđị thú vịvềbản kinh quen thuộc này. Các nhận định iđó cũng mởvềcách gợ nhìn vềphương c kế thứ kinh t tập điể n nói chung trong thời kì u. đầVềmặt phương pháp, côngvì không trình chỉđơn này thuầncũng là khá soth bản với nhau mà là so sánh nhiều văn bảTác giảchọn văn i làbản n cùng lúc. trục so Pāḷ để sánh các bản còn lại nhưng điều đó, thấy trong như ta bài viết, không sẽ có nghĩa n là xe mực chính xác tuyệt i. Cóđố một mđiể nhỏnữa nhưng cũng n phải lưu cầ tâm thêm i là chiếu, cần phải đánh tham chiếu theo đã ngdù ởđây. cách iNếu logic, chiếu cácđốbộkinhnhư tá dài mà chỉđư ợc tham chiếu theo cách vật lý (chẳng hạn như số trang) thì rất khó trong việc thao tác.

Công trình này i dạng được điệ n tửlưu hành lẫn bản in, và tất dướ nhiên cũng m dịbiệ có t nhữ giữa 2 bản này, chẳng hạn bản in thì tươngphần đốivăn nchính bả nđiệ còn bản xác tửthì lại hơn v có phần chính phầ xác n chỉmụ hơn c. Trong về lúc dịch chúng tôi cũng đã m so s cần thiết trong phần ccướ chú. Trong bài viết có bản về đồđịam tìmđiể thấy các dịbản này, chúng tôi giữnguyên các chữtrên phần hình ả nh này. Riêng vềcác bài kệrắn (Uraga) tuy có nhắc tới trong bài nhưng cxin trình bàyđượ ởdị p sau.

Trong bản gốc, tác giảcó dùng nh màu dạ và ng chữ để đị đị nh dạng văn bản trong i chiếu. Tuy lú khi soạn lại chúng tôi vẫn giữcác quy ước này trong bảnnhưng in trắng có đen thể có thể chỉ thể hiện màu sắc thông đậ m qua độ nhạt. Trong bản dịch, chúng tôi dị ch chữPháp Cú cho những phầ n nói chung vềbản kinh này. Các chỗliên quan cụthểtới từng dịbản cụthểthìnguyên đểtheo phiên âm theo ngôn ngữcủ a nó, chẳng hạn Dhammapada, Dharmapada... tiện cho Ngoài c giảViệđột r Nam theo dõi, trong bản dị ch chúng tôi có dùng bản Việ ch của ngài Minh t dị Châu ghi chú thêm tên để tiế ng Việ t cho các phẩm cũng như trong các bản Pāḷi bài cơ nhậ kệ sởđể n dạng.

Cùng với các công trình nghiên cứu/phân tích vềPháp Cú đã c tiêu cóbiểu trong như nướ "Nghiên u so sánh văn n kinh Pháp Cúbả chữHán và chữPāli" a Thíchcủ NữNguyệt Chiếu (2000), Kinh Pháp Cú (Phân tích từngữPā ḷi) của c ĐứHiề n (2009), hay gần đây n dịlà ch Pháp bả Cú Hán Tạng của Thích Nhất Hạnh dưới Kết nhan đề(2014)... hy vọng bài "Pháp Một Tràng Hoa i chiế Cú đố u" này sẽ tiế p tục gợi mởnhiề u giá trịthú vịcho bộkinh này.

PHÁP CÚ I CHIẾĐỐ
U
Lời Nói u Đầ
Nơi Các Bản Pháp c Tìm Cú yKhác
Thấ Nhau Đượ
Giới Thiệ u
Tóm tắ t
3. Sắ p xế p
4. Chủ đề
5. Kế t luậ n
Lời Cảm Ơn
Part 2: The Comparative Dhammapada
1. Yamakavagga
2. Appamādavagga
3. Cittavagga
4. Pupphavagga
5. Bālavagga
6. Paṇḍ itavagga
7. Arahantavagga
8. Sahassavagga
9. Pāpavagga
10. Daṇḍ avagga
11. Jarāvagga
12. Attavagga
13. Lokavagga

14. Buddhavagga
15. Sukhavagga
16. Piyavagga
17. Kodhavagga
18. Malavagga
19. Dhammaṭṭhavagga
20. Maggavagga
21. Pakiṇṇ akavagga
22. Nirayavagga
23. Nāgavagga
24. Taṇhāvagga
25. Bhikkhuvagga
26. Brāhmaṇavagga

Comparative Dhammapada Word Index

/ʒL1yLĈçX Công trình này tập hợp tấ t cảcác bản tương đương Trung -Aryan (Middle Indo Indo-Aryan - MIA) củ a bả n Dhammapada tiế ng Pāḷi ợ đư c tìm thấ y trong các tàn tích còn sót lạ i thuộc nhiề u truyề n thống Phậ t giáo khác nhau, và rồ i nghiên cứu các nguyên tắ c làm ởchocơ s cách tổ chức và kết tập bộkinh này.

Phầ n 1 của ập t sách này trình c vềcác bảnbày tương tóm m đương lượ nêu ra một ổng t nhằ quan minh bạ ch vềsựliên hệgiữa các phiên bản khác nhau. Có những ghi chú chi tiế t thảo luận vềcác vấn như đề tiêu đề ể của các phm, nội dung và trình ự t của các bài ệ k , cũng nh cách kế t tậ p và tổchức tài liệ u.

Phần 2 là phầ n chính củ p sách gồm văn a tậ n của bả ả Pāḷ bn Dhammapada tiếngi cùng với tấ t cảcác bản tương đương khác. Trình ng mốibày quan hệphứ theo c tạp các giữa các bản trởnên rõ ràng.

Phầ ục trình bày một nghiên ứ n Phụ L t cảcác bản tương c u cùng với tấ củ đương a các bài kệ Uraga, một bộ tài liệu cđượ hình thành từba bản tương đương chính, i thì nh lại được c thấ đượ y trọn ẹ vn ởmột ậ tp kinh khác.1

Ngoài ra còn có một ChỉMục So Sánh ủc a các bài ệ k Pháp Cú c trình đượ bày ởđây, nó đó vai trò như là ả một ng ngữvựbng so sánh giữa các phiên bả n, cho thấ y hình thái của các ừ t n kệđang xét. trong các bả

1 [ND] n này Đoạ n in, sẽđư không có trong bả ợc dị ch ởdị p sau.

1₷L&iF%ıъQ3KiS&~.KiF1KDX Dharmapadāni Āyatanāni

Bản đồ trên đây mô tả khoảng 3,000 k và 4,000 km từ Bắc tới Nam

Đức Phật chủ ếyu thuyết giảng trong và lân cậ n các khu vực Đông c Ấn, Bắnơi c biếtđượn đế nhưMajjhimadesa là (Trung Quốc), và sau diệt độ thì giáoủa 2 pháp cngài c kế t đã tậ n đượ p lầ đầ u tại đây. uCó rấ một t kì lạ là mặc điề dù đượ c thuyế t giảng và kết tập ởẤn-độ nhưng không có n nào văn còn lạibả chon thờiđế đạ chúng ta ngày

nay, i của i t được tồn ạti ởcác nước a mộtbiên khoả ng thời đị gian dài sau khi tấ t cảđấ t của kinh u vế n đi đã bặt tăm tại quê a chúng trong hương thời Trung Cổ. củ

Tam tạng Pāḷi c truyền đã đếnđượ Tăng -già (Saṅgha) Śrī Laṅkan; các n Prakrit Sanskrit vă hóa khácc viế nhau, t trên vỏ cây đượ bạch dương, i ởsa mạ ccòn Trung Á;lạ và các bả n chỉ nh lý khác c tìm đã thấy ởNepal đượvà Tây Tạ ng.

Bản sách cổxưa t nhấ mà còn tới chúng ta từthời cổđạ i là một bả n chỉnh lý vềPháp Cú c đượ bảo quản trong Gāndhārī. phươngt không ngữ Thậ may cho chúng ta là nó bịtách thành 3 phần và bán cho các nhà thám hiể m trong những năměkỷ cuối 19; một th phần đi n Paris,đế một đi đế n St. Petersburg, và một phần thư t tích bahoàn đãtoàn. mấ

Phiên bả n của văn n mà hiệ bản nay ta biết như là Patna Dhammapa Saṁskṛtāyana tìm y trong một tuthấviệ n vô danh ởTây Tạng đâu đó trong nh Có một ậ tp hình ả nh vềtác phẩ m,3 và nhiề u phần của nó bịmờnên không thểđọc chính xác đượ c. Những gì đã y ra vớ xả i tác phẩ m này sau cuộc xâm c củalượ Trung Quốc vào Tây Tạng trong năm n nay 1950 vẫn chưa đếc rõ. Nóđượ có thểbịmang tới Bắc Kinh, nhưng không có gì xác nhận gì vềđiề u này.

Hàng trăm nh bả omả n thả của Udānavarga c tìm thấ đãsa mạc y trong đượ Trung Á, ch chứng minh cho sựphổbiế n của tác phẩ m. Ghép tấ t cảchúng với nhau nhằm tái tạo một văn bản mạ ch lạc là một công trình khổngồ l được thực hiện bởi tiến sĩ Bernhard tro 1950 (xuấ t bản 1965-67). Tuy nhiên giờđây nó như có là vẻ ôngẫ đã n hai bản chỉ trộn nh lý l khác nhau củ a tác phẩ m4 do đó cam giákết củatrị ôngn nào đã giảmphầ bớt với thời gian. Gần đây, có ả một phiên n mới đã b cđượ c thự hiện theo một trong những bản chỉnh lý bởi H. Hakatani tên là Udanavarga de Subasi.5

Các chứng cớcho các bả n chỉnh ilý Pāḷ của tác phẩ m chủ ế y u cđượ viết trên loại lá bối- đa (ola) kém bền và có niên i chỉmột vài thếkỷ đạtrởlại, nhưngt nhiề chúng u, và chúng có rấ cũng đang đượ c chứng thự c bởi các công trình khác, ngõ hầ u giả i nghi vềniên i củađạ tác phẩm. Dường-giànhư (Saṅgha)TăngŚrī Laṅkan đãsuốt t trung thành ghihơn chép ngà năm, điề u này ta có thểchắ c chắn, vì ncác văn bả có chứa nhiều bài ậ nđọc luậ t và saithậ vm chí sai ngữpháp nhưng cũng các thầ không y kí lục xóa hoặ c sửabị đổi, ế u không n thì chúng chỉcòn những văn n bịchỉnhbảsửa.

2 [ND] Khái niệ m Trung Quốc (Middle Country) ởđây cho chỉquốc gia c lấyđượ làm trung tâ là khái niệm đượ c nhiều nơi dụ sử ng, không liên quan gì c Trung Quố đến c (China) n nướ hiệ nay. 3 Tên c đượ lấy theo a danh củ ađị các bức ả nh ởJ.P. Jayaswal Research Institute of Patna 4 Lambert Schmithausen 1970: Zu den Rezensionen des Udanavarga in Wiener Zeitschrift fur die Kunde Sudasiens, vol 14 pp 47-124 5 Xuấ t bản bởi Publications de l'Institut de civilisation indienne, Paris

*L3L7KLꝶX Vănn củ bảa truyền thống Phật giáo đượ sơ c bảo tồnkỳ bằng tiếng Pāḷi, nhiề Gāndhār u dạng Prakrit Sanskrit hóa (Sanskritised Prakrit) khác;6 bên cạ nh các bản dịch c tìm đượthấyở Trung Quốc và Tây Tạ ng. Trong các bả n MIA, chỉcòn lạ i một bản duy nhất cđượ chỉnh lý trọn ẹ v n lưu ntruyền thời chúng đế c bả tatrong o tồn đượ

Tam Tạngi,7 Pāḷ và chắc chắ n rằng văn điển i, chủ ếyu Pāḷ là qua các bả n dịch hiện đại, nh hìnhđã đị một chân dung phổ biế n về giáo lý sơ kì c mà không nhiên khi chúng thuộccó ề v mộtgì ề truyn ngạ thống Phậ t giáo vẫn đang p diễtiế n.

Trong các i thì văn điển Dhammapada có lẽPāḷ p hợp các Phật ngôn là tậ đượ c yêu thích nhấ t. Có rất nhiề n8 và vô vàn bả u phiên bả ch của bản văn ngày n dị ế n nàycàng sang hầ phổ u hế t bi các ngôn ngữhiện i.9 đạ Còn ởnhững quốc gia có truy ền thống Theravāda t tửthì n đều có một quyển, đồng ời có rất nhiều ngườ th i thuộc lòng ít nhấ t vài bài kệtrong số đó.

Tuy nhiên, ngoài Dhammapada tiếng i raPāḷ còn có những bộkinh tương tự vềcác bài kệ Dharmapadāni còn trọn vẹn, hoặc gần nhượ n, trọn trong ba bả v n chỉ nh lý MIA khác, và những bản tương đương ng có thểlàmnày sáng tỏthườ những giáo lý sơ kì, một ựs bổsung, đôi khi u chỉ cũng nh, cho các bài kệlà Pā ḷi. hiệCũng có tương ng bản nhữ đương i từngvớ bài kệriêng lẻđượ c tìm thấy trong n khác các thuộcvăn bả những truyền thống Phật giáo sơngkì của phái khác.10 các trườ

6 Tôi hay dùng thuậ t ngữnày hơn quen là thuộc làtừ Sanskrit Phậ t giáo Lai hợp (Buddhist Hybrid Sanskrit) hoặ c Sanskrit Hỗn tậ p (Mixed Sanskrit), vì rằ ng chúng nghe như ta thểđang i làm việ phả c với các dạ ng Sanskrit, trong khi các ngôn ngữlàm cơ chosở văn điển cảPā ḷ sơ i, lại là cáckì, dạ ng kể Prakrit đãhóađượ c Sanskrit ít nhiều. 7 Tấ t nhiên Tam Tạ ng bao gồm nhiều văn n từcácbả thời kì khác nhau những nhưng gì mà 4 rõ bộnikāya chính u là các bảlưu n chỉnh lại lýđề tương đối giáo pháp nguyênđángthủy. tin về 8 Các bả n chính viế t bằng văn Roma tự đượ c soạn bởi V. Fausböll (1855, 2nd ed. London, 1900); S. Sumangala Thera (London, 1914); D.J. Kalupahana (Lanham, 1986); J.R. Carter & M. Palihawadana (Oxford, 1987); O. von Hinüber & K.R. n một bả Norman n mớ i vào (O năm 2002 và đây. dùng nó ở 9 Xem bài khả o sát vềcác bả n dịch Pháp Cú đến nămThe1989 a Russel Webb: Dhammapada củ - East and West (Buddhist Studies Review 6.2 1989: 166-175). 10 Theo Bhikkhu Kuala Lumpur Dhammajoti, trong The Chinese Version of Dharmapada (Colombo, 1995, p. 26), n Dharmapada cóvà “2 2 bảnbảUdānavarga trong tiếng n H Udānavarga ng Tâytrong Tạng.”tiế Hơn a, nữ có những bản tương đương n thống Kỳtrong -na (Jain) vàtruyề Bà-la-môn. Các bản tương đương củac liệ đạo t kê bởi đãW.B. đượ Bollée, trong Reverse Inde Thera- and Therīgāthā Pādas with Parallels from the and Isibhāsiyāiṁ (Reinbek, 1983). Các bản tương -la-môn đươnggiáo Bàc thuđã thập bởđượ i W. Rau trong tiể u luậ n củ a mình: "Bermerkungen und nicht-buddhistische Sanskrit-Parallelen zum Pāli -Dhammapada", c xuấ t bả nở đượ trong Jñānamuktāvalī. Commemoration Volume in H (New Delhi, 1959). Tuy vậ y, không cuốn nào trong sốnày c xử đượlý ởđây, theo cách tác chúngphẩ m này ta qu với các mối quan hệcủ a bả n chỉ nh lý các bài kệtrong các bộkinh khác c thựcnhau hiệ n bằ đượ ng tiế ng MIA.

Trong số các bộ kinh này, bả n gầ n nhất với Pāḷi c biếtđượ n đế nay là bả n Patna Dharmapada. Tấ 11 đề t cảcác phiên bản u dự a trên một bản thảo cđượ Rahula Saṁkṛtyāyana tìm thấy tạ i một tu việ n Tây Tạng vào khoảng những năm 12 hình ả Các1930. nh của bản thảo này nay c giữtạđượ i Viện Nghiên Cứu K.P. Jayaswal (K.P.

Jayaswal Research Institute) tạ i Patna, vì thếngười ta quy ước dùng n. tên này đặt cho

Ngôn ngữcủa các bài ệ k đã cđượ kết tập trong Patna Dharmapada rấ n với bản i Pāḷ t gầ củ a văn này. bảVềhình thái thì có đôi chút Sanskrit t cửai có thểđọcếti ng Pāḷ m chí chỉmới làm quen với tiếng Sanskrit i, và thậ u có thểđọc c. đề đượ

Điều này không i bản *ŀQGKŀUƯ đúng vớ 'KDUPDSDGD , vịghi chép lạ i bản này đã kh phân biệ t hoàn toàn giữa các nguyên âm ngắn và dài (đoản âm hầ ng âm); nên trong và u trư hết các phầ n, vịấy đã không chú khác biệt giữa liênýtừđồng sự hóa (assimilated conjuncts) và đơn dạ hay giữlạ ng (simplex), i âm niggahīta (anusvāra)13; còn các giá trịngữâm của văn bản thì khác nhau tùy từng bả đánglý. n chỉnh kể ố Đã nỗựclcó đáng một s trânằm tr thực hiện việ c khôi phụ c lại các giá trịngữâm của văn n, từđó bảlàm rõ n chấ bả t thực sựcủ a ngôn ngữlàm cơ cho cácsở bản văn còn i. sót lạ

Cơ của sở văn n này làbả một bản thả o còn sót lại đã c tìm đượ thấy trong vùng Gan là khu tựtrịTân Cương Duy Ngô Nhĩ a Trung(Xinjiang Quốc vào cu ối thếkỷ19.Uyghur Ban đầu đã ốấ có n của một n bả một phsần văn bản này c chia làm ba phầđượ n và bán cho nhiề u nhà thám hiể m châu Âu. Một phần cđượ bán sang Pháp, phầ n khác sang Nga, còn phầ n thứba thì bịthấ t lạc.14 Theo ướ c tính của Giáo Sư i Brough có tổng ố s khoảđã ng phả 540 bài kệtrong văn nbản, của Brough nhưng chỉcó 342 bài,bả và nhiề u bài trong số đót rờirấrạc.

Bản tương đương ba củ chính a bản văn thứ này không cgọi biết là đếnPhápnh là 8GŀQDYDUJD . Tuy nhiên, đây ự chỉrõ nh ràng lý của cùng mộtlà chấ một t liệ u s

11 Có 4 phiên bả n của văn bả n này hiệ n tại. Ban đầu tiên, c thực hiện bởi N.S. đượ iShuklatên The dư Buddhist Hybrid Sanskrit c xuất bả n tại Dharmapada, Patna 9; vào đã một phiênnăm bả n đượ t197 rấ đáng y tin vềvăncậ bản c thựđã c hiệ đượ n bởi G. Roth, và công bốnhư là t phầ mộ n của The Language of the Earliest Buddhist Tradition, biên tậ p bởi Giáo sư Heinz Bechert n thứba đã (Göt đư ợc thực hiệ n bởi Margaret Cone như là t phầ mộ n củ a luận án vềgiáo pháp của mình, c côngvà đượ bốtrên Chuyên San củ a Pali Text Society, Volume XIII (Oxford, 1989); bả n thứtư đã c thựcđượhiện bởi K. Mizuno trong A Study of the Buddhist Sanskrit Dharmapada in Buddhist Studies Vol. 11 & 19 (Hamamatsu, 1982, 1990). 12 Thời gian chính xáclà trong thì chưa chuyến đi i Tâyrõ Tạtớ nhưng ng vào có lẽ 1934 hay 1936. 13 (ND) Tức là phụ âm "ṃ" (niggahita c hay gọi là chữ anusara) thoát âm đ (ghosāghosavimutti), c phát âm nghĩa không thành âmlà vang hay tiếng âm không vang; đượ nó chỉđư ợc phát âm tùy theo nguyên âm, nên mới gọi nó là anusara, và luôn luôn "ṃ" đượ c đi sau nguyên âm, , iṃ, uṃ ...như (theo là - Giácaṃ Pāli Giới –2013) Hàm Thụ 14 Một bả n phiên âm củ a tài liệ u ởPháp đã c công đượ bốbởi E. Senart i tựa Le đề dướ manscrit kharoṣṭ hī du Dhammapada: les fragments Dutreuil t phiên bả n de thứ2 củ a tài liệu nàyc thự đã c hiệnđượ bởi B. Barua và S. dư ớMitra i tiêu Prakritvào đề n Dhammapada (University of Calcutta Press); một phiên bả n thứ3 củ a cùng một tài liệu đã c thựđượ c hiện vào năm 1945 bởi Giáo The sư Khotan H.W. DharmapadaBailey (Bulletin of the dướ School of Oriental and African Studies, volume xi, London). Nhưng n khhi phiên bả đó n là c

Giáo Sư John Brough, mang tên t cả Thecác phầ Gāndhārī n còn lạ i của văn Dhar bản đã c tổngđượ hợp và công bốởLondon vào năm 1962 (School of London; reprinted by Motilal Banarsidass in Delhi, 2001) .

Dharmapadāni , ngay cảnế u bộkinh cđã bổsungđượ đáng kể . Những phầ n còn sót lạ i của vănn tiế bả ng Sanskrit thì rời rạc, nhưng c tếrằngdo t thự có rấ nhiề u mảnh ghép so sánh, để nên cũng cóạ khôi phục li thể các bài kệđế n mức nhiều hơn so Gāndhārī. i bản vớ 15

Văn bản này rõ ràng c Sanskrit hóa nhiềulà hơn đã đượ các phiên bản kh đến giờ, nhưng Sanskrit mức độ hóa c chuẩ chưa n hóa đượ toàn vẹn và văn bản n có tạp so với ngôn ngữcủa mình. Vậ n luật của văn bản cũng ữa các hình là pha thức u đầ trộ và cuối, nhưh bày tôi đã nghiên trong một trìnức u riêng.16

Trong số các bản tương đương ẩ chưa m từmột bả đầy n Dharmapada đủ, hai ph c khá bả o quản trong bộMahāvastu (Đạ i Sự),17 một trong những văn bản Prakrit u tiên; một trong các phẩ m có tên là Sahasravarga (Phẩ m Ngàn), và có vẻnhư trọn đủ ả c phẩm; một bản khác đượ c trích chọn ừt Bhikṣ uvarga (Phẩ m Tỳ -kheo) vẫn chưat tên. được Các đặ bản tương đương ại trong cũng tồn Divyāvadāna đượ n tTruyện) c biên p(Thầ tậ bởi E.B. Cowell & R.A. Neil (Cambridge, 1886); Gilgit Manuscripts do Giáo (Calcutta, 1950) biên tậ p; và Avadana-śataka do J.S. Speyer (St. tập.

15 Chương xxix c xuấ t bản bởiđượ R. Pischel t phầ n năm của chương 1908; mộ xxii, - và xxxii c công đã bố đượ bởi L. de la Vallée Poussin Parisvào năm vào 1n 1930 gđã bốchươngcôn- iii; v - i xxi; và B. Pauly công bốchương xxxiii nămn 1961; hoàn chỉnhu tiên đầ củ a những gì còn lạ i của văn n tiếng bả Sanskrit c xuấ t bả n bởi đượ Tiến sĩ Fran Bernhard inăm Gottingen. 1965 tạ 16 Vào www.ancient-buddhist-texts.net/Buddhist-Texts/S1-Udanavarga/ xem hai nghiên đề cứu về Udānavargan thi liên pháp và theo quan sựSanskrit đế n. hóa văn bả 17 [ND]i sự Đạ (sa. mahāvastu) t tác phẩ m củ a Thuyếmột xuấ t thếbộ(sa. lokottaravādi ợc xế p vàoi chúng Đạ bộ(Mahāsanghika), c hình thành chừ đãng thế đượ kỷthứ2 trướ c Tây lịch. Mahāvas cho ta biế t vềnhững chuyệ n tiề n thân của c Đứ Phật cũngu vấn nhưpha đề nhiề tạp khác, c biệ t về đặ lịch sửcủa Ngài.c cân Nó nhắc đã như đượ đề chính là chủđã đóngn sự góp phát triể khá n củ a nhiề Đạ i thừa sau này. Trong phầ n nội dung chính, bộnày tương ng với đồ Nidānakathā i, ghi lạ i tron tiể u sửcủa c Đứ Phậ t, mà cuộc i củ đờ a Ngài có lẽđư ợc phân ra làm ba thời kỳ : - Cuộc i củ đừa một vịBồ-tát ởvào thời c Đứ Phật Dīpankara), và kể (Nhiên lại sựxuấ t hiệ nĐăng củ a Ngài trong thời quá khứ. - Giới thiệ u cho chúng ta biế t rằ ng Bồ-tát đang cung trờitrúTusita ở (Đâu nh sựSuất), tái sanh vào thai tạ ng củ a Hoàng hậ u Mayadevi; kểlạ i những điều ng từphikhi Thái thườ tửđư ợc sinh ra, sựxuấ t gia, sựhàng phụ c ma quân và cuối cùng Ngài ng ngộtạ i cộđã i Bồđề chứ . - Giống như những đặc trưng i Phẩ chính m) củ a Nam tạng, trong Mahāvastu Mahāvagga l đế n sựchuyể n hóa và những cuộc tọa đàm đầ giáo đoàn u tiên của ch sửcủ cũng như lị a sựhình thành cộngng đồ tu viện. Đây làc về lýLuậ do t tạ ng. nó thuộ Ngoài ra, Mahāvastu t tác phẩm nhđị rõ vềlà vănmộ chương thuậ t, songnghệkhông kém phầ n phức tạ p - vì thiế u tính lôgic và những dụvềchuyệ n

tiề n thân của c Đứ Phậ t còn mang tính giáo điề u. Thêm vào đó,t câu cùng chuyệ n tiềnmộ thân, ngmà lặ p lại nó đế n vài thườ ba lần, ban u theo thểđầvăn xuôi nhưng ngsau những vầ bằn kệ ; còn vềngôn ngữcủa nó thì y thốngchưanhấ t, thậ m mấ chí cảkệtụ ng đã quá i thời vì lỗ ít thông dụng. Vềphương diện giáo lý, Mahāvastu u truyề n thống cổvà giáo lý của duyc Đứ trì nhiề Phật, như: t cả tấ các pháp thếgian là không thậ t, còn tấ t cảcác pháp xuấ t thếlà thậ t, chứkhông phải đơn n là nhữthuầ ng giáo c thù lý của đặriêng Lokottaravādins i theo Xuấ t thếbộ) (những như: -āryaCatvāri ngườ -satyāni (Tứthánh đế -mārga (Bát thánh đạo), Pratītyasamūtp), Asta-āryā ng) vềsựhình thành củ a một chúng sanh (các uẩ n), không hiệ n hữu củ a linh hồn (ātman)... u (th Tam Tạ ng Sanskrit - Nguyên Thế)

Trong quá trình soạn bài “Pháp ấu” Cú này đối tôi dụng chibả đã sửtiếngi Pāḷ n Dhammapada làm ,cơ và thu sở thậ p các phầ u còn lại liên quan đến n tài liệ nó. Tuy u này không nên suy diễn theo ng ngụhướ ýằ rng bả n tiếngi làPāḷ n mực mà từđó các bản khá chuẩ nhiều phân hóa; và ng cũng bả n tiếngkhông i làPāḷ bả nên n gốc, hay thậ mcho rằ chí là bả n đầu tiên.18

***

Khi trình bày lạ i tài liệu này, mục đích chínhộ củanhằ i dung tôimlàlàm nêusáng ột ra n tỏ m cách thực sựđáng kể vềnhữ ng bài kệcòn nghi vấn. Chính vì điều này n bày từng n đoạ có khảnăng tương i mỗiđương bài ệ vớ n việ k, và cân nhắc đế c liệ u nó có thực sựtăng thêm u hiể ít u biết củ nhiề a ta vềcác bài kệnày hay không, ng chỉchấ mà p nhận thườ u khi nó là ít nhất tương tài liệ đương i một phần tư vớ .19 bài kệ

Tương như tự vậy, tôii tấ đã t cảcáckhông bản tương chép đương i mỗilạ bài ệ k , u này vớ điề sẽrất mrườrà, mà chỉchép lại các bản tươngđoạ nđương kệPā ị gầ ở n nhất, do u có đó n một bản tương đương ả4 dòng củagiốngmột trong cnhững bài kệPā ị, và csau tìm đó y giống ớ thấ vi ba dòng của một bài ệ k khác, thì nó chỉđượ c chép lạ đầ20 i trong lần u tiên.

u theo cách này có thểlàm sáng tỏhơn ngnhữ Trình bày các tài liệ Pāḷ bài kệtiếngi, cùng các mối quan hệmà chúng có với các phiên bả n khác. Tuy vậy, nó ngcũng t lộđượ thểtiế chắc toàn cảnh, vì cácôi khi văn có nhiềbản u bài kệcókhác thểđược đ coi như i tươn một trong những bài kệPā ị, do có những bài lặp lại và thay thếtừkhóa. Điều t này c biệ đúng cho trườ ng hợp của Udānavarga.

Để giúp khắ c phục tình trạ ng này, trong Phụ L ục, m ột ố s câu quan trọng đã c nêu đượ trong các phiên bản tương đương, n thiếu bả nhưng n chỉnh lývẫ Pāḷi, c gom lại với đã nhau, vàđượ đượ c trình bày theo bốn góc khác u tiên là nhau. theo bản tương Đầ đương i cùng các tiến dịbả n của chúng, sau đó lần lượt đến các văn Udānavarga. Điề u này cho thấ y cảhai văn n và các bả bản tươngi nhữ đương ng bài kệ vớ trong tấ t cảcác phiên bản khác, và t cáchcũng những bài cho kệđượ biế c tổchức trong các phiên bả n khác nhau.21

18 Ngay cảnế u chúng ta có thểxác nh mộđị t cách chắ c chắn vềđộ tuổi tương i củ a các bả đốn chỉ nh lý khác nhau trên văn bản Dharmapadāni, hầu như không thì cho t gì

vềtínhđiều chúngn chân thực củ a bài kệtrong cóđó. thểlà mộ Đó t bài kệđã Sanskrit m nét một hóa Phậ t ngônđệ chân xác; và một bài khác lạ i trong một hình thức nguyên khởi của Prakrit là t cả cũng các bả n có t chỉnh lý là trong bộcác bài kệcòn tồn tạ i, chúng ta có thểkhá chắ c chắ n rằ ng chúng có chứa những tư liệu với các tuổi khácđộ nhau. 19 Điề u quan trọng là một bản tương ng đương thườ chỉlà phán quyế t hoàn toàn chủquan, và không nghi ngờlà có những ingười khác có thểđôi không chỗ ng ý vớ đồi những gìc kể đãđế n vàđượnhững gì bịloại đi; y nhiên, cótu vẻlà không có tránhcáchđiều nào như này. đểy, vớ vậ Tương i khối nglượ tự lớn các tài liệ u trong tay, có thểcó một sốmâu thuẫn trong itrình với những thiếbày. u sót củ a tôiĐố chỉcó thểcầ u mong hỷxảcủa người c. đọ 20 Đây là mộth cầ phương n thiết vì có rấ các t nhiều loạt bài kệtrong tấ t cảcác phiên bả n mà chỉđơn giản mởrộng sốlư ợng các câu bằ ng cách thay thếcác từkhóa. Nế u mỗi bản tươngu phả đương i in đề ra hết thì tôi e là nó sẽlàm rối hơn là làm rõ. 21 Nế u thời gian cho phép, tôi hy vọng sẽtạ o ra một bộkinh tương bằ ng cách sửtự dụng Udānavar làm cơ sở, n dụngtrong lợi thếlà cácđó bộkinhtậ kệlớn nhất, và tạo do ra đó đượ c tài liệsẽ u so sánh có sốlư ợng lớn nhấ t.

&iFQ₩LGXQJÿнжöFVÿGѳQJWUR Pháp Cú Tân Bản (The Dhammapada, A New Edition) đ (trang web Ancient Buddhist Texts, 2002).

Các văn n vềPhápbảCú trong phiên bả n mới này c thànhđượ lậ p qua sựso sánh các bả n Sinhala, Miến-điệ n, Thái-lan, và châu Âu.

Những thay ềmặ đổi t trình bàyvtrong phiên bả n này gồm có:

m và bài kệđược Số phổ đánh thêm trong các ầ i số tu bản n tự. tương

Tôi đã phầ điu chấm n nào bớt các câu dấ đểvới các bản tương đương. canh dòng

Bản Patna Dharmapada đư ợc Margaret Cone hiệu đính (JPTS Vol XIII lạ i với sựcho phép củ a PTS).

Tôi biết ơn Giáo Sư iK.R. một vài chỉ Norman nh sửa nhỏđểhoànđãthiệngửcác n in.văn b Chúng bao gồm các thiế u sót ngẫ ột nửa bài kệ(145cd), và việ u nhiên của m c lặ p lạ i củ a một phần tư(149b). bài kệ

Những thay đổi trong c thực hiệ trình n trong phiên bả bày n này gồm: đượ

m và bài kệđược Số phổ đánh thêm trong các ầ i số tu bản n tự. tương

Việ c sửdụng cácavagraha (dấ lượ u tỉnhc) trong bả n gốc đã c thayđượ thếbằ u" ’ ng dấ ".

Kí hiệu nguyên âm ri trong tiếng Sanskrit c viế đượ t với một vòng tròn i thay vì bên dấu chấ ā(không phả m, ví dụ dṣṭ i dṛṣṭā).

Ngắt dòng trong bả n thảo ban đầ đã được đánh u, phần n bằdấu ng ara trong akṣ u âm) đầ (mẫ u tiên được viế ng chữđậm, cđã t bằ đượ bỏqua.

Các đoạn đọc ắc chắn đượcu bằ không ch đánh ng chữmàu dấ đỏ in nghiêng .

Tiến Sĩ nh Coneng cóthỉ thoả thảo luận vềcác đoạn đọc ắc chắ không n trongchcác ghi o luận nàyc bỏ chú, các thả đã qua, đượ và cácakṣ u âm) trong câu hỏi được ara (mẫ đá dấu bằng chữmàu đỏ in nghiêng .

Các từvà akṣ u âm) thiếu đã được ara (mẫ u bằ đánh ng dấ u ngoặ dấ rỗng" [c vuông]" thì ởđây được u bằđánh ng dấ dấ u tỉnhc "lượ . . ."

Một vài kí ự t mà Tiến Sĩ Cone (trong thư riêng) nói nghĩa, cũng c bỏ. được lượ

Bả n *ĦQGKĦUƯ 'KDUPDSDGD do John Brough (Motilal Banarsidass, Delhi, 2001) biên tậ p (chép lạ i với sựcho phép của Motilal Banarsidass).

Tôi rất biết ơn án BảDự n thả o Phật giáo Sơ kì Buddhist (Early Manuscript Project) tại i Đạ học Washington, c biệt là Tiến và sĩ đặ Andrew Glass, n bịcơ dữ sở người liệu cácđã vă bản hiệ n có cho tôi. Việc trình bày lại văn bản cnhư nvầy thực hiệ với sựgiúp đã củ đượ a đỡ Tiến Sĩ Mark Allon.

Những thay đổi trong c thực hiệ trình n trong phiên bả bày n này là: đượ

Trong các văn u của bản Gāndhārī ban đầDharmapada c in bởi Brough đượ dụng ột mđấố s sử quyc nhất ướ nh mà đị i ởđây. Chúng bao gồm: ta dùng lạ

ng một dấ Phân chia các từghép bằ u gạ ch ngang.

ột Sửdụng m đường lượnchỉ sóng lượ đôi tỉnhc nguyên âm. " " để

Brough biểu thịnguyênu ởâm giữa từđầ bằ ng dấu phẩ y trên " ’Ởđây". nguyên c âm đặt sau một nguyên âm khácởgiữa từnên c đượ hiểu làc viết đã đượ như một nguyên âm đầu trong n gốc.Lưu văn ngýbả khirả a & i hoặ c a & u ghép với nhau theo cách này thì các nguyên âm thứhai được u bằ đánh ng dấ dấ trên đầu u hai chấm phân(aï biệt & a với từSanskrit ai & au.

Cũng lưu ng: ý rằ

m và bài kệđược Số phẩ đánh thêm trong các ng vớ ầ i số tu bản n tự. tương

n của mình, Brough đã Trong bả cung cho 13 phẩ cấp m (vagga) cuốicác ủ c a văntiêu bản; ông đặdấ t chúng trong u ngoặ c vuông và viết bằ ng Sanskrit. Ởđây, ng tiế dấ u ngoặc đã cđượgiữlại, nhưng thay Sanskrit ng Prakrit thì sẽphù hợp hơnbằ vớ i tính chất công việc.

Các đoạn đọc ắc chắn đượcu bằ không ch đánh ng chữmàu dấ đỏ in nghiêng .

Brough đôi khi thêm ỏng đoán các đoạn vào văn đọc t chúng bản, trongph dấu ngoặc và đ vuông. Các dấ u ngoặc vuông i đã c loạ bỏởđây, đượ và chúng ánh dấ đã u bằng chữđược màu xanh lá in nghiêng.

nh thoảng cũng xuấ Brough thỉ nêu các cước t trong phần đề sửa chữ chú để a những sai sót trong các ởđây bài tôiđọc;đã đưa chúng vào uvăn bằng bản chữmàu xanh lá in nghiêng. Bả n thân các cướ c chú, vốn đã rấ t ít trong bất kì ng hợptrườ nào, thì c bỏ. được lượ

Bản 8GłQDYDUJD được biên tập bởi Franz Bernhard (Vandenhoeck + Ruprecht, Göttingen, 1965) (chép lại với sựcho phép của Akademie der Wissenschaften zu Göttingen, và bà Sobotzik, em gái và người thừa kếvăn ủ học a biênctậ p viên).

Những thay đổi trong bài trình bày:

Việc đánh tiêu số các đề phẩm đã được ừsốLa-mã thay thànhđổi sốÅ-rậ t p (ví dụ : 33: Brāhmaṇ avarga, chứkhông phải XXXIII: Brāhmaṇavarga), ậy đây cũng tuy v l chúng đượ c viết ởphầ n cuối phẩ m trong các phiên bả n gốc.

n tựđã cđượ Các sốtuầ bỏqua.

Kí hiệu nguyên âm ri trong tiếng Sanskrit c viế t bằ đượ ng một vòng tròn i thay vì bên dấu chấm, ví dụ nhưd ṣṭ vā(không phả vā i dṛṣṭ hay dṛ vā iṣṭ).

Các đoạn đọc ắc chắn đượcu bằ không ch đánh ng chữmàu dấ đỏ in nghiêng .

n không thống nhất Các bài kệcó 2 phiên bả thì được riêng đánh (như số[a], in cạ nh nhau.

Bản 'LY\łYDGłQD được biên tậ p bởi E.B. Cowell & R.A. Neil (Cambridge 1886). Việc n tựcủa văn chuyể n này bảđãc sửađượ đổ i cho phù hợp với các vănc trình bản bày khác ởđây.

Các trích đoạ sau n từcác nguồn đây n đã c chuyể đượ tựbởi các tác giảhiệ n nay:

0DKłYDVWX , biên tậ p bởi E. Senart (Paris, 1882, 1890, 1897).

Gilgit Manuscripts, biên tậ p bởi Giáo Sư Nalinaksha Dutt (Calcu

Avadana-ǴDWDND , biên tậ p bởi J.S. Speyer (St. Petersburg, 1902, 1906).

0DKł-karmavibha ga, biên tậ p bởi Sylvain Lévi (Paris, 1932).

3KяяQJSKiSWUuQKEj\

Khi các dòng trong một bài kệcủ a mộ t trong các bản tương ương đ có trong bả không ị n Pāi Dhammapada thì tôi gom các dòng lạ i, như ậ v y sẽdiễn tảtốt hơn ức hìnhban ầu,th đ nhưng đặ t chúng trong dấu ngoặc vuông [ ], và tô màu xám.

Cũng có thểnêu ra ởđây ằ r t bài kệmà chỉcó một phầ ng mộ n tươngới Pháp đương Cú thì v vẫn có thểtìm thấy ợđư c một ạ n đotương đương ởnhững hoànđâu toàn đó ạ trong ng Pāḷ ng có vẻnhư bình i, dù rằ ờng khi trọ thư n một bài kệvắng mặ n tương đươ t trong các bả thì nó cũng ặ không t trong phần còn lạ có i củ m Tạ a Chánh ng.

Tôi đôi khihơn u nhiều nê 1 bản tương đương i tôi việc nêuyvào lànhư hợp lýnơi vì vậ mà nó làm sáng tỏ các bài ệk Pāḷi. Nhưng thườ ng thì tôi chỉchọn bản tươngn nhấ đương t với gầ bài kệPā ị i mà tôi có thểtìm thấy - đặ c biệt là ới bản đối vUdānavarga, n này thường cóvì bả nhiều bản tươnglựađương chọn. để

Cách bốtríc chọn đượ liên n cácquan bản tương đế đương c duy trì nhấ đượ t quán trong suốt bài trình bày này:

Pā ḷ i Patna

Gāndhārī Udānavarga

Cách bố trí này ẩv n cđượduy trì ngay cảkhi nó làm lãng phí rất nhiề u không gian trống, vì nó giúp cho việc tham chiếu dễdàng thơn nhiều khirấ ta cần tìm một bản tươnga theo đương một văn n cụthể ;bả nó có vẻcũng t hữurấích yđể cho thấ rằng bản văn nào không n tương đương.

Cũng có ố bảmột n tương s đương các nguồntừ khác, như Mahāvast Avadānaśataka, & Mūlasarvāstivādivinaya; ng bản này thường đã c bỏqua trong ng đượnh bả nế u không tìm thấy bản tương đương nào, nhưng c kểvào thì cách bốtrí nếu c đượ chún mởrộng như sau:

Pā ḷ i Patna

Gāndhārī Udānavarga

Mahāvastu Các văn n khác bả

Tuy nhiên, thỉ ng khi có những bản tươngmột nh thoả đương từ ồn nhưng khô trong các ngu phải từGāndhārī và Udānavarga, ẽnhư này: thếthì cách bố trí s

Pā ḷ i Patna

Mahāvastu Các văn n khác bả

Tôi đã đánh ế số u theo sốtham phẩ chisốbài kệở3 bản tương đương m và c dù bản chín của Brough ề v Gāndhārī n của vàCone ềvbả Patna chỉđánh nsố tuầ tự,22 vì như y sẽchovậ phép ta nhìn thấy nhanh c liệu cácđượ bài kệcó trong các bản tương đương ng hay hạn, ởđầ u của m ột phẩ m.

3KçQ 1JKLrQ&əXEǂ3KiS
3KȚP
Pāḷ
Trong bản i Dhammapada có 26 phẩ m, gồm 423 bài kệ
.
Trong bả n Patna Dharmapada có 22 phẩ m, với 414 bài kệ .

Trong bản Gāndhāri Dharmapada phẩm, trong ốịbcóđó thiế 26 một u hoặ c rời rạc. s Giáo S Brought kêđã ra 344 liệ bài kệhiệ i, một ố n còn lạ s trong đó đang trong ng thái rời rạc, và t ướ ng bộ kinh u có c tính rầ ban khoảngđầ c gần như 540 bài kệhoặ y. vậ

Trong bản Udānavarga có bài33 m, gồm 1050 phẩ kệtrong ấ n của Tiến Sĩ Bernh n bả nhưngu bàinhiề trong số này có các phiên bả n bấ t nhấ t (ởđây được đánh u theo cdấ a, b), hoặ đã được đánh A, lư B,ợng inC, là thựcD…, sựlớn dohơnđóso đáng số ban với kể u đầ (khoảng 1100).

Bảng dưới nêu đây ra các phẩ tiêu m của bản Pāḷi đề Dhammapada của các ả bn cùng tương đương trong các bộ kinh khác: 22 Trong những ngtrườ hợp này tôip cho cũng

cung các sốthứtự; Udānavarga cấ thứtự, nhưng có số đ bịbỏqua ởđây, i trích vìdẫnmọ có thểdễdàngc tìm đượ thấy idướ sốcác phẩm và bài kệ.

Pā ḷ i Patna Gāndhārī Udānavarga 1: Yamaka 1: Jama 13: Yamaka 29: Yuga 2: Appamāda 2: Apramāda 7: Apramadu 4: Apramāda 3: Citta 19: Citta 8: Cita 31: Citta 23 4: Puppha 8: Puṣpa [18: Puṣ pa] 18: Puṣ pa 5: Bāla 11: Bāla 9: Bala 6: Paṇḍ ita [14: Paṇ ida] 7: Arahanta 5: Araha 8: Sahassa 21: Sahasra [19: Sahasa] 9: Pāpa 4: Pavu 28: Pāpa 10: Daṇḍ a 12: Daṇḍ a 11: Jarā 10: Jara 12: Atta 17: Ātta 23: Ātma 13: Loka 14: Buddha 15: Sukha 11: Suha 30: Sukha 16: Piya 5: Priya 17: Kodha [17: Kodha] 20: Krodha 18: Mala 10: Mala 19: Dhammaṭṭ ha 20: Magga 20: Māgga 6: Magu 12: Mārga 24 21: Pakiṇṇ aka [16: Prakiṇ aka (?)] 16: Prakirṇaka 22: Niraya 23: Nāga [22: Naga, hay Aśa (?)] 24: Taṇ hā 9: Tahna 3: Tasiṇ a 3: T ṣṇ ā 25: Bhikkhu 4: Bhikṣ u 2: Bhikhu 32: Bhikṣ u 26: Brāhma ṇa 3: Brāhma ṇ a 1: Brammaṇa 33: Brāhma ṇa

Bản Patna Dharmapada có, ngoài những gìc liệt đã kê, đượ phẩm 9 tiêu sau đề đây khô phần tương đương i: 5:trong
Attha;bản
6:Pāḷ
Śoka; 7: Kalyāṇ
Āsava; 16: Vācā 18: . Dadantī & 22: Uraga
Bản Gāndhārī Dharmapada tcó, c liệ ngoài kê, 4 tiêu phẩ đề những m sau: 12: Thera; gì [15: Bahoṣuda]; [20: Śila ; và các(?)]; phẩ m 23 – 26[21: và tên ủ c aKica chúng bịthất(?)] lạc.

Bản Udānavarga có,c liệt ngoài kê,những 9 tiêu phẩm sau:
gì đề đã
1: đượ
Anity
6: Śīla; 7: Sucarita; 8: Vāca; 9: Karma; 10
Smṛti; 17: Udaka; 19: Aśva; 21: Tathāgata;
27: Paśya.
23 Brough thêm cho một tiêu sốchương đề còn t chúng thiếu, trong dấ và u ngoặ đặtrong hầ c vuông, u hết các ng hợp,trừ các tiêu đề có vẻnhấtnh.đị 24 đặ Việc t tên của chương Prakiṇ này là akavaga chỉlà một phỏng đoán a Brough, củ vì các nội dung còn lại dường như i ý ra chủkhông đề. gợ

Từđi ều này, ta có thểthấ ng có những tiêu y rằ phẩm tương đề đương i hầu hết các phẩ mvớ Pā ḷi, và mộ t số phần dường như c thiế pcũng t lậ rấ t tố đượ ng hạn như t, chẳ 1: Yamaka; 2: Appamāda; 3: Citta; 4: Puppha; 5: Bāla; 8: 26: Brāhmaṇa.

Tuy nhiên, không có các bản tương đương phẩ với m sau: 4 14: 13: Loka; tiêu đề Buddha; 19: Dhammaṭṭha; & 22: Niraya; m 6: Paṇḍita & cũng và các phẩ 23: Nāga không có thểctìm đ các đoạn tương củađương, Brough chỉlà phỏng vì tiêuđoán đề a trên các dự nội dung còn tồn i của tác phẩ tạ m.

Cũng t thúrấ vịnếu ý để rằng rõ ràng là phẩm mởđầ u và kế t thúc bản Pāḷi là tương cũng có nói thểnhư y vềbản vậPatna Dharmapada, u tiên vàtrong 3 trong 4 đó phẩ m cuối cđược thấy là tương i bả đương n tiếng Pāḷ i. Mộ vớ n nữa với bản Gāndhār t lầ Dharmapa, các phẩ m 1-3; 5-11; 13-14; 16-19 tấ t cảđều c được thấy là tương i bản đươn tiếng Pāḷi; tuy nhiên, ng hợp này, ta không trong biết bộ này ế kttrườ thúc thếnào vì thấ t lạ c u. Bản Udānavarga tài liệ mô hình nàyphá vỡ trong phầ n mởđầu, nhưng m cuố có i 6 tương đương.

Thực tếlà có những điểm tương ới hầ u hết đồng các tiêutuy vphẩm, đều nhiên, này chỉ đ t chút ít vềnhững gì cho ta cho ta biế c kế được t tập trong từng phẩm. Do đó n phả chúng i t xét kỹhơn nộiủa ừ dungt ngcphẩm có để cđượcái nhìn tổng quát hơn về bộ kinh.

1ǂLGXQJ Một trong những u nổi điề bậ t nhấ t vềbản i Pāḷ Dhammapada là gần như t cảnhữtấ ng bài kệ của nó (95%) c tìm thấ đều y trong ít được nhấ t là một trong những bộkinh khác, m như t cảcác bộ này. Do tính chấ khi là trong tấ t rời rạ c của ả b n Gāndhārī Dharmapad tương đồngủa c nó ớvi bản i Pāḷhiệ n còn, ta có thểmongi rằ được ng những con số này ẽ s còn cao hơ nếu ta có thêm n sẵ n có. các văn bả

Dư ới đây là các bảng m trongcho bản i hai Pāḷ mươi Dhammapada, với cácsáu thông tinphẩ liên nquan sựtương đế ng giữaúphẩ m và bài kệđược tóm lược, thấ do y nhanh sự đó c tương ng giữaúbố n bộkinh.25 Sau mỗi bảng tôi đã ghi m làmmộtnổi bậ vài t mộ t lưu vài khía cạnh nào đón nội liên quan dung và trình ự t , cùng đế các ghi chú thuyế t minh bấ t cứ khi nào cần thiết.

Có những bài kệnhấtnh đị trong bộkinh Pāḷi ckhôngbản tương tìm được đương t kỳ tr bộkinh nào khác; ng hợp trong đó tôitrườ cũng m tra đã kiể Chánh Tạng Pāḷi xem liệu để chúng có bản tương đương nào không, t quả và trong các ghi chú theo nêu sau các các bảng.

Trong trườ ng hợp những bài kệchỉcó một phần tươngi bản đương Pāḷi, vớ cthì c ng cách chỉra các câu tương đương vớing hợ ghi chú bằ nhau p (n

25 Thông thường các thông tin liên quan đến đây, Mahāv vì chúng nói chung là không kết tậ , và chỉcó các bản tương đương p các bài kệ (Mahāvastu tình c một Sahasravarga, và có thểcó một Bhikṣuvarga, và các n các thông phẩm này tinc đã liên đư tóm tắt).

các phần củ o nên một bản a hai bài kệghép với nhau tạ tương đương, cthì đ xác đị nh rõ.

Các phầ n của bản Gāndhārī Dharmapada, hỏng hoặ không c bịmất, nên may, đôi b không còn biế t nội dung ủ ca toàn bộ câu, và do ậ v y cũng không biết i bản nó t Pāḷin mứ đếc nào. Vì thếnhững bài kệbịảnh hưởng như uvậy bằ được ng một dấ u đá hoa thịtrong các bảng bên i. dưới

Tổng ố s bài ệ k trong bản i Pāḷ n trong các bộkinh và các bả khác nđược c ghi nhậ ởcuối m ỗi bả ng.

<DPDNDYDJJD 3KŢP6RQJ

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānav arga

1.1 Yamaka 1.1 Jama 13.1 Yamaka 31.23 Citta

1.2 Yamaka 1.2 Jama 13.2 Yamaka 31.24 Citta

1.3 Yamaka 1.5 Jama 14.9 Droha

1.4 Yamaka 1.6 Jama 14.10 Droha

1.5 Yamaka 14.15 Khānti 14.11 Droha

1.6 Yamaka 14.16 Khānti

1.7 Yamaka 1.7 Jama 13.17 Yamaka 29.15 Yuga

1.8 Yamaka 1.8 Jama 13.18 Yamaka 29.16 Yuga

1.9 Yamaka 6.11 Śoka 12.11 Thera 29.7 Yuga

1.10 Yamaka 6.12 Śoka 12.12 Thera 29.8 Yuga

1.11 Yamaka 10.15 Mala 13.13 Yamaka 29.3 Yuga

1.12 Yamaka 10.16 Mala 13.14 Yamaka 29.4 Yuga

1.13 Yamaka 19.10 Citta 13.19 Yamaka 31.11 Citta

1.14 Yamaka 19.11 Citta 13.20 Yamaka 31.17 Citta

1.15 Yamaka 1.3 Jama 13.5 Yamaka 28.34 Pāpa

1.16 Yamaka 1.4 Jama 13.6 Yamaka 28.35 Pāpa

1.17 Yamaka

1.18 Yamaka

1.19 Yamaka 16.13 Vācā 12.9 Thera 4.22 Apramāda

1.20 Yamaka 16.14 Vācā 12.10 Thera

$SSDPłGDYDJJD 3KŢP.K{QJ

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

2.1 Appamāda 2.1 Apramāda 7.6 Apramadu 4.1 Apramāda

2.2 Appamāda 2.2 Apramāda 7.7 Apramadu 4.2 Apramāda

2.3 Appamāda 2.3 Apramāda 4.3 Apramāda

2.4 Appamāda 2.15 Apramāda 7.3 Apramadu 4.6 Apramāda (

2.5 Appamāda 2.16 Apramāda 7.2 Apramadu 4.5 Apramāda

2.6 Appamāda 2.4 Apramāda 7.8 Apramadu 4.10 Apramāda

2.7 Appamāda 7.20bc & 25cd 4.12 Apramāda Apramadu

2.8 Appamāda 2.6 Apramāda 7.10 Apramadu 4.4 Apramāda

2.9 Appamāda 2.5 Apramāda 7.9 Apramadu 19.4 Aśva

2.10 Appamāda 7.11 Apramadu 4.24 Apramāda

2.11 Appamāda 2.10 Apramāda 2.24 Bhikhu 4.29 Apramād a

2.12 Appamāda 2.9 Apramāda 2.23 Bhikhu 4.32 Apramāda

12 10 11 12

Trong phẩm 2 tính ậ đồng cao, n là rất thu có đượcba bamươi mươisáu ba b khảnăng tươngt cả đương,i trừba bài,và , ngoạ tấ là thuộc ề v một phẩm Appamāda.

Các bản i,Pāḷ Patna, và uUdānavarga mởđầ đề u với cùng ba bài kệ, nhưng sau đó bịphá vỡ.

&LWWDYDJJD 3KṬP7kP

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

3.1 Citta 19.1 Citta 8.2 Cita (ab)* 31.8 Citta

3.2 Citta 19.2 Citta 8.? Cita (a)* 31.2 Citta

3.3 Citta 19.4 Citta 31.1 Citta

3.4 Citta 19.5 Citta

3.5 Citta 19.3 Citta 8.? Cita (a)* 31.8A Citta (ab)

3.6 Citta 18.9 Dadantī 8.? Cita 31.28 Citta

3.7 Citta 19.6 Citta (abc) 8.? Cita 28.6 Pāpa

3.8 Citta 19.9 Citta 31.35 Citta

3.9 Citta 19.8 Citta 8.19 Jara 1.35 Anitya

3.10 Citta 31.9 Citta (bc)

3.11 Citta 31.10 Citta (abc)

11 9 6 10

Tất cảcác bài kệđề u tìm thấy một bản tương đươngề u trong bộ kinh khác, một và hay nh gần như t cảđề u tấ trong Cittavagga (bốn bài là trong các phẩ m khác).

Bản Gāndhārī Dharmapada, n nhấ nh, là bịhỏng ấ n mạ cầ ng ởCittavaga của nó và có rt nặ thểchứa các bản tương đương mấ t. đang bị

3XSSKDYDJJD 3KṬP+RD

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

4.1 Puppha 8.11 Puṣpa
18.12 Puṣpa
18.1 (bcd)*
Puṣpa
4.2 Puppha 8.12 Puṣpa 18.13 Puṣpa 18.2 Puṣpa

4.3 Puppha 8.14 Puṣpa
18.11 Puṣpa
18.18 (bcd)*
Puṣpa
4.4 Puppha 8.8 Puṣpa 18.5 Puṣpa 18.14 (bcd)* Puṣpa

4.5 Puppha 8.9 Puṣpa 18.15 Puṣpa

4.6 Puppha 8.7 Puṣpa 18.3 Puṣpa 18.8 Puṣpa

4.7 Puppha 17.4 Ātta 16.13 18.9 Puṣpa Prakiṇaka? (ab (abc)

4.8 Puppha 8.5 Puṣpa 18.1 Puṣpa 18.6 Puṣpa

4.9 Puppha 8.6 Puṣpa 18.2 Puṣpa 18.7 Puṣpa

4.10 Puppha 8.10 Puṣpa 18.4 Puṣpa 18.10 Puṣpa

4.11 Puppha 8.1 Puṣpa 18.6 Puṣpa 6.16 Śīla

4.12 Puppha 8.2 Puṣpa 18.7 Puṣpa 6.17 (cd)* Śīla (acd

4.13 Puppha 8.3 Puṣpa 6.18 Śīla

4.14 Puppha 8.4 Puṣpa 18.8 Puṣpa 6.19 Śīla

4.15 Puppha 8.15 Puṣpa 18.14 Puṣpa 18.12 Puṣpa

4.16 Puppha 8.16 Puṣpa 18.15 Puṣpa 18.13 Puṣpa

16 16 14 16

Bộ các bài ệ k có so sánh vềhoa dường c như thiế t lậ đã p rất tốt, đượ và có những bả n tương đương n khôngkhớp chỉtên phẩ mđế mà còn cảnội dung trong n Patna có đó. mười sáu bài kệtrong Puṣ pavarggaḥ ủc a nó, và mười lăm i bảnbài ī; Pāḷ là Gāndhārī Puṣpavaga và có mườimười ba lăm bài bài i các tương kệ đươ bài trong Pupphavagga.

Loạ y một bản tương đương t các bài 11-14 tìm thấ trong các bả một phần như y trong vậ bản Gāndhārī.

%ŁODYDJJD 3KʈP1JX

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

5.1 Bāla 11.12 Bāla 1.19 Anitya

5.2 Bāla 14.15 Droha (acd)

5.3 Bāla 1.20 Anitya

5.4 Bāla 11.11 Bāla 25.22 Mitra

5.5 Bāla 11.18 Bāla 14.10 Paṇida (abc) 25.13 Mitra

5.6 Bāla 11.19 Bāla 14.11 Paṇida (abc) 25.14 Mitra

5.7 Bāla 11.1 Bāla 9.13 Karma

5.8 Bāla 11.2 Bāla 9.14 Karma

5.9 Bāla 11.3 Bāla 9.15 Karma

5.10 Bāla 28.18 Pāpa

5.11 Bāla 21.13 Sahasra (abd) 24.17 Peyāla (

5.12 Bāla 7.12 Kalyāṇī 9.17 Karma

5.13 Bāla 11.4 Bāla 13.2 Satkāra

5.14 Bāla 11.5 Bāla 13.3 Satkāra

5.15 Bāla 11.6 (abd) 13.4 (bd) & 11.7 (ab) Bāla & 13.5 (ab) Sa

5.16 Bāla 11.7 (cd) & 11.8 13.5cd & 13.6 Bāla Satkāra

16 13 2 16

Phẩm Ngu (Balavaga) của bản Gāndhārī ữ là ng phẩ mmột trong nh và do đ bịmất, còn hai bài kệtương đương i bản i Pāḷ vớ trong phẩm này, và c kế chúngp trong đã đ t tậ Paṇidavaga ủ c a nó.

Loạ t các bài 6-9 là tương i bảnđương Patnavớ và Udānavarga; t bài 13-16, c nhưng sau đó phân chia sự các bài kệkhông còn ậ đồng n vớ thu tương đươn i các bản nhiên vẫn ngđồ thuận với nhau.

3DLWDYDJJD 3KṬP+LJQ

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

6.1 Paṇḍita 12.12 Attha 14.8 Paṇida 28.7 Pāpa

6.2 Paṇḍita 12.13 Attha 14.7 Paṇida 5.26 Priya

6.3 Paṇḍita 12.11 Attha 25.3 Mitra

6.4 Paṇḍita 19.7 Citta 14.1 Paṇida 30.13 Sukha

6.5 Paṇḍita 17.10 Udaka

6.6 Paṇḍita 6.10 Śoka 14.16 Paṇida 29.49 Yuga

6.7 Paṇḍita
15.15 Āsava
14.2 Paṇida

17.11 Udaka
6.8 Paṇḍita 5.16 Attha 14.3 Paṇida 30.52 Sukha

6.9 Paṇḍita 17.21 Ātta 20.3 Śila?

6.10 Paṇḍita 15.1 Āsava 29.33 Yuga

6.11 Paṇḍita 15.2 Āsava 29.34 Yuga

6.12 Paṇḍita 15.3 Āsava 16.14 Prakirṇa

6.13 Paṇḍita 15.4 Āsava 16.14 Prakirṇa (ef)

6.14 Paṇḍita 15.5 Āsava 31.39 Citta

14 13 7 13

Các bản tương đương i Paṇḍ với itavagga Pāḷ n Patna Dharmapada chủ ế trong bả y u cđượ y trong Atthavarggaḥ và Āsavavarggaḥ tìm thấ ủa nó. c

Năm bài kệlà liên ục cuối cùng t trong ả c hai bộ kinh.

Chỉcó sáu bài kệPā ḷi là tương i bản đương Gāndhārī vớ Dharmapada, u này có chút ngạc nhiên, vì có c kế mười t tậ chínủ p trong Paṇidavaga c abài nó. đượ

Các bản tương đương m rả Udānavarga i rác p bộkinh đó. khắ nằ

$UDKDQWDYDJJD -la-hán) 3KṬP$

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

7.1 Arahanta 6.3 Śoka 29.35 Yuga

7.2 Arahanta 13.16 Śaraṇa 17.1 Udaka

7.3 Arahanta 6.4ab Śoka & 29.26 Yuga 15.10c-f Āsava

7.4 Arahanta 15.10 Āsava 29.29 Yuga

7.5 Arahanta 6.6 Śoka 19.3 Aśva

7.6 Arahanta

7.7 Arahanta 6.5 Śoka 31.45 Citta

7.8 Arahanta 18.7 Dadantī 29.23 Yuga

7.9 Arahanta 14.7 Khānti 29.18 Yuga

7.10 Arahanta 9.19 Tahna 29.17 Yuga

10 9 9

Bản Gāndhārī có một mấ Arahavaga, t cảcác bài kệtrong t cùng tấ nhưngđó. nó bị

Cảbả n Patna lẫn Udānavarga mục cũngnày, vàkhông các bản tương có đề đương m rả i rác khắp các bộ kinh.

Không có bản tương p với đương bàikhớ 6,so nhưng Udā có 17.12. sánh với navarga thể

6DKDVVDYDJJD 3KṬP1Jj

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

8.1 Sahassa 21.1 Sahasra 19.2 Sahasa 24.1 Peyāla (b

8.2 Sahassa 19.4 Sahasa

8.3 Sahassa 21.2 Sahasra 19.5 Sahasa 24.2 Peyāla

8.4 Sahassa 21.3 Sahasra 19.1 Sahasa 23.3 Ā tmavarga

8.5 Sahassa 17.14 Ātta 23.4 Ātmavarga

8.6 Sahassa 17.15 Ātta 23.5 Ātmavarga (abc)

8.7 Sahassa 21.4 Sahasra 19.6ab & 19.16 Sahasa

8.8 Sahassa 21.5 Sahasra 19.15ab & 19.16 24.16 Peyāla Sahasa

8.9 Sahassa 21.6 Sahasra 19.17 Sahasa 24.30 Peyāla

8.10 Sahassa 11.11 Suha

8.11 Sahassa 21.15 Sahasra 24.3 Peyāla

8.12 Sahassa 21.16 Sahasra 24.4 Peyāla

8.13 Sahassa 21.17 Sahasra 19.12 Sahasa 24.5 Peyāla

8.14 Sahassa 21.18 Sahasra 19.13 Sahasa 24.6 Peyāla

8.15 Sahassa 21.20 Sahasra 24.15 Peyāla

8.16 Sahassa 21.19 Sahasra 19.14 Sahasa 24.14 Peyāla

16 14 11 13

Mặc dù Udānavarga không có một Sahasravar ột cái tên không có trong các bộ kinh khác) có chứa rấ t nhiề u bài kệ .

Các bài 11-14 Pāḷi tương cảPatna đương và Udānavarga, ở n liênvà t hiệ cũ tục trong Gāndhārī.

Mahāvastu có bài i một mười tương i các bài: đương 1, 2, 4, 7, 8, 9,với 11, 13, 14, 15, và 16.

3ŀSDYDJJD 3KṬPÈF

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

9.1 Pāpa 7.1 Kalyāṇī 28.23 Pāpa

9.2 Pāpa 7.2 Kalyāṇī 13.7 Yamaka 28.21 Pāpa

9.3 Pāpa 7.3 Kalyāṇī 13.8 Yamaka 28.22 Pāpa

9.4 Pāpa 7.7 Kalyāṇī 28.19 Pāpa

9.5 Pāpa 7.8 Kalyāṇī 28.20 Pāpa

9.6 Pāpa 11.20 Bāla 13.9 Yamaka 17.5 Udaka

9.7 Pāpa 11.21 Bāla 13.10 Yamaka 17.6 Udaka

9.8 Pāpa 7.21 Kalyāṇī 28.14 Pāpa

9.9 Pāpa 7.11 Kalyāṇī 28.15 Pāpa

9.10 Pāpa 7.20 Kalyāṇī 28.9 Pāpa

9.11 Pāpa 15.14 Āsava

9.12 Pāpa 9.5 Karma

9.13 Pāpa 1.25 Anitya

13 11 4 12

Có rất nhiều bản tươngi các đương bài kệtrong vớ trong Udānavarga Pāpava thứtựrấ t khác nhau.

Trong bả n Patna, phần Kalyāṇīvarggaḥ tương xứ ng chặ t chẽvới Pāpavagga, và kệmởđầ u chung.

Phần Pavuvaga trong bản Gāndhārī ữlà ng phổ một m mà ta trong biếtnh là t,đã mấ vì bị vậy chỉcó một vài bài tương ộkinh đồngphầ đó, trong b ở n Yamakavaga của nó.

'DDYDJJD 3KŧP+uQK

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

10.1 Daṇḍa 12.8 Daṇḍa (acd) 5.19 Priya (acd)

10.2 Daṇḍa 12.8 Daṇḍa 5.19 Priya

10.3 Daṇḍa 12.9 Daṇḍa 30.3 Sukha

10.4 Daṇḍa 12.10 Daṇḍa 30.4 Sukha

10.5 Daṇḍa 12.3 Daṇḍa 26.3 Nirvāṇa

10.6 Daṇḍa 12.4ab & 12.5cd 26.5 Nirvāṇa Daṇḍa

10.7 Daṇḍa 12.6 Daṇḍa (abc) 1.17 Anitya

10.8 Daṇḍa 9.12 Karma

10.9 Daṇḍa 28.26 Pāpa

10.10 Daṇḍa 28.28 Pāpa

10.11 Daṇḍa 28.27 Pāpa (cd

10.12 Daṇḍa 13.11 Yamaka (cd) 28.29 Pāpa (ab

26 -DUłYDJJD 3KŧP*Lj

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

11.1 Jarā 13.18 Śaraṇa 10.? Jara 1.4 Anitya

11.2 Jarā

$WWDYDJJD 3KŢP7ӵ1J

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

12.1 Atta 17.7 Ātta 5.15 Priya

12.2 Atta 17.12 Ātta 14.4 Paṇida 23.7 Ātma

12.3 Atta 17.13 Ātta 23.8 Ātma

12.4 Atta 17.16 Ātta 23.11 Ātma

12.5 Atta 17.2 Ātta 28.12 Pāpa

12.6 Atta 17.1 Ātta 20.9 Śila? 11.10 Śramaṇa

12.7 Atta 10.11 Mala 16.6 Prakiṇaka? 28.16 Pāpa

12.8 Atta 17.10 Ātta 15.16 Bahoṣuda 8.7 Vāca

12.9 Atta 17.3 Ātta 28.11 & 28.12ab Pāpa

12.10 Atta 17.20 Ātta 16.7 Prakiṇaka? 23.10 Ātma

10 10 5 10

Pāḷ Patnanh đều Cảbản i lẫn xác rõ Attavagga, đị với bả n rộng hơn. n Patna thì có phầ

Udānavarga cũng có một có bốnĀtmavarga, trong ố s hai mươi nhưng kệlàsáu b c tương đương i các bài kệtrong vớ i Attavagga, Pāḷmặ c dù nhiều bài trong sốđó là bản dị của bản i 12.4. Pāḷ

/RNDYDJJD 3KŢP7KЭ*L

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

13.1 Loka 2.18 Apramāda 7.12 Apramadu 4.8 Apramāda

13.2 Loka 2.14 Apramāda 7.1 Apramadu 4.35 Apramāda

13.3 Loka 13.9 Śaraṇa 20.7 Śila? 30.5 Sukha

13.4 Loka 14.20 Khānti 27.15 Paśya

13.5 Loka 27.17 Paśya (b

13.6 Loka 2.7 Apramāda 7.13 Apramadu 16.5 Prakirṇak

13.7 Loka 16.9 Prakirṇak

13.8 Loka 27.5 Paśya

13.9 Loka 13.17 Śaraṇa (abc) 17.2 Udaka (abc)

13.10 Loka 16.20 Vācā 9.1 Karma

13.11 Loka 16.16 Vācā (abc) 10.2 Śraddhā

13.12 Loka 18.12 Dadantī (bcd)

12 9 4 11

Ởđây ta thấycó rằ thể ng mặc dù một ố s bàic tìmđượ y cảởbả thấ Udā n Patna lẫn navarga, nhưng chỉ có duy đềLokavagga trong bộ kinh nhất mục i. Pāḷ

Hai bài đầu tiên c tìm thấy trong đượ các Apramādavarga ộ kinh khác. của c

%XGGKDYDJJD -ÿj 3KŢP3KɣW

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

14.1 Buddha 15.16 Āsava 29.52 Yuga

14.2 Buddha 15.17 Āsava 29.53 Yuga

14.3 Buddha 14.6 Khānti 21.9 Tathāgata

14.4 Buddha 18.8 Dadantī (abd) 16.5 Prakiṇaka

14.5 Buddha 19.16 Citta 28.1 Pāpa

14.6 Buddha 14.1 Khānti 26.2 Nirvāṇa

14.7 Buddha 31.50 Citta

14.8 Buddha 9.9 Tahna 2.17 Kāma

14.9 Buddha 9.10 Tahna 2.18 Kāma

14.10 Buddha 13.1 Śaraṇa 27.31 Paśya

14.11 Buddha 13.2 Śaraṇa 27.32 Paśya

14.12 Buddha 13.3 Śaraṇa 27.33 Paśya

14.13 Buddha 27.34 Paśya

14.14 Buddha 13.4 Śaraṇa 27.35 Paśya

14.15 Buddha 5.15 Attha 11.12 Suha 30.27 Sukha

14.16 Buddha 5.4 Attha 30.22 Sukha

14.17 Buddha

14.18 Buddha

18 14 1 16

m này bịphân tán trong các bộkinh Những bài kệtrong phẩ Patna và Udāna

ột trong những bài kệtừbản i Pāḷ Ta có thểhy vọng m Buddhavagga có tương i Udānavarga Tathāgatavarga, . nhưng không ph

t cảtrừmột bài ckhông Thực tếlà tấ tìm thấ y trongđượ bản Gāndhārī dường y rằng đây làữngmột phẩ mtrong còn thiế nh u trong bộ kinh này.

Sựthiế ng các bản tươnghai đương u vắ bài cuối là nổở i bậ t nhất; chúng cũng bản tương đương ng. trong Chánh Tạ

6XNKDYDJJD 3KѮP$Q/ʜ

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

15.1 Sukha 14.17 Khānti 11.5 Suha 30.47 Sukha

15.2 Sukha 30.45 Sukha

15.3 Sukha 14.18ti Khān 11.4 Suha 30.43 Sukha

15.4 Sukha 14.19 Khānti 11.7 Suha 30.49 Sukha

15.5 Sukha 5.17 Attha 11.19 Suha 30.1 Sukha

15.6 Sukha

15.7 Sukha 5.11 Attha 11.2 Suha 26.7 Nirvāṇa

15.8 Sukha 5.12 Attha 11.1 Suha 26.6 Nirvāṇa

15.9 Sukha 28.5 Pāpa

15.10 Sukha 5.5 Attha 11.14 Suha 30.25 Sukha

15.11 Sukha 5.6 Attha 11.15 Suha 30.26 Sukha

15.12 Sukha 5.7 Attha 11.16 Suha

12 9 9 10

y nổi bậ
Ta thấ t là phần Sukhavagga t nhấ t được nh tố trong bản xác
Pāḷi, đị Gānd
Udānavarga unhưng i thiế trong bả lạ n Patna.
Ba bài cuối xuấ n liên tục trong bản Pāḷi, Patna, t hiệ Gāndhārī, v có trong bản Udānavarga, i thiế nhưng u bài thứba. lạ

Bài 6 không tìm thấ y một bản tươngc tiếp đương nào, trự nhưng Udānava đương vớ i 18.17) có thểso sánhc. Khôngđượ có bản tương đương ng. trong

3L\DYDJJD 3KѮP+ЫÈL

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

16.1 Piya 10.17 Daṇḍa
16.8 (abc)
Prakiṇaka?
5.9 Priya

16.2 Piya 5.9 Attha 5.5 Priya (acd)

16.3 Piya 5.10 Attha 5.8 Priya

16.4 Piya 5.8 Attha (abd) 5.1 Priya

16.5 Piya

16.6 Piya 2.3 Kāma

16.7 Piya 2.2 Kāma

16.8 Piya

16.9 Piya 16.17 Vācā
20.1 (bd)
Śila?
5.24(bd)
Priya (bd)
16.10 Piya 2.9 Kāma

16.11 Piya 5.20 Priya

16.12 Piya 5.21 Priya

12 5 2 10

Có rất ít bản tương đương kinh trong Gāndhārī đây,bộ và ởcó Piyavaga là một thể mất.

Phần này c thiếtđượ lập trong Udānavarga, n Patna, nhưng u trong bả và có rấ nthiế t ít bả tương đương i bộkinhvớđó.

Một ầ ln nữa ta có hai bài kệPāḷi không tìm thấy bản tương đương những chính nơi khác trong các bộkinh, nhưng sẽdễdàng có hơnlẽ giải thíchđể lúc này, rằng những bài kệhỏi là dịbả n của m ột chuỗi các bài ệ t cảđề k, mà tấ u có cùng một ấ cu trúc, chỉthay i đổ từkhóa. Cảhai đều khôngi Chánh tươngTạng. đương vớ

.RGKDYDJJD 3KŢP3KɣQ

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

17.1 Kodha 13.23 Śaraṇa 17.1 Kodha 20.1 Krodha

17.2 Kodha 17.2 Kodha 20.22 Krodha

17.3 Kodha 17.7 Kodha 20.19 Krodha

17.4 Kodha 16.15 Vācā 17.8 Kodha 20.16 Krodha

17.5 Kodha 14.2 Khānti 7.7 Sucarita

17.6 Kodha 15.9 Āsava 15.8 Smṛti

17.7 Kodha 16.6 Vācā 14.14 Paṇida 29.45 Yuga (cdef)

17.8 Kodha 16.7 Vācā 14.17 Paṇida 29.46 Yuga

17.9 Kodha 16.9 Vācā 14.18 Paṇida 29.47 ab & 29.48ab Yuga

17.10 Kodha 16.10 Vācā 14.19 Paṇida 22.11cd Tathāg

17.11 Kodha 16.2 Vācā 7.1 Sucarita

17.12 Kodha 16.3 Vācā 7.2 Sucarita

17.13 Kodha 16.4 Vācā 7.3 Sucarita

17.14 Kodha 16.5 Vācā 2.1 (abc) Bhikhu 7.10 Sucarita

14 12 9 14

Cảbản Gāndhārī và Udānavargacó một đều ố s ítcó các bàiKrodha ệ k đượ c tìm thấ Pāḷ y trong bản i là có trong các phẩ m này, phầ n còn lạ i thì bịphân tán.

Bản Patna không có một Krodhavarggaḥ, nhưng u hế hầ t các bản tương c đương tìm thấy trong Vācāvarggaḥ ủa nó. c

Các bài 8-10 Pāḷi cũng c trong bảnlà Gāndhārī liên tụ và Udānavarga c dù sựphân chia các bài kệcó khác nhau vềsau. Hai trong sốba bài cũng là c trong bả liên tụ n Patna.

Các bài 11-14 Pāḷic tìm cũngy trongđượ thấ n Patna, và các bài 11 - 13 cũngt hiệ bả xuấ n trong bản Udānavarga.

0DODYDJJD 3KŢP&ѡX8

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

18.1 Mala 10.5 Mala

18.2 Mala 10.6 Mala (cd)

18.3 Mala

18.4 Mala 16.3 Prakirṇak

18.5 Mala 10.7 Mala 2.10 Kāma

18.6 Mala 10.4 Mala 9.19 Karma

18.7 Mala 10.1 Mala

18.8 Mala 10.2 Mala

18.9 Mala 10.3 Mala

18.10 Mala 10.8 Mala 13.21 Yamaka 27.3 Paśya

18.11 Mala 10.9 Mala 13.22 Yamaka 27.4 Paśya

18.12 Mala

18.13 Mala

18.14 Mala

18.15 Mala 18.1 Dadantī 10.12 Śraddhā

18.16 Mala 18.2 Dadantī 10.13 Śraddhā

18.17 Mala 29.37 Yuga (bcd)

18.18 Mala 10.10 Mala 16.14 Prakiṇaka? 27.1 Paśya

18.19 Mala 15.8 Āsava 21.8 Kica? (ef)* 27.2 Paśya (ab

18.20 Mala 29.38 Yuga

18.21 Mala 29.38 Yugavarga (ab)

21 13 4 12

Các bài 12-14 không thấy có bản tương đương trong kinh khác, hoặc trong các Chánh bộ Tạng; chúng cập cũng đếkhông n mala hay một ừ t đồng đề nghĩa i mala, do vớt có đó, rấ vẻnhư chúng c thêm đã vào. đượ

Không có bản tương bài đương cho 3, cảtrong các bả n kinh khác lẫ n Chánh Tạ ng.

Bả n Patna là bộkinh khác duy nhấ t có Malavarga, mặ c dù có thểbản Gāndhārī c nhưngmấ đã t. bị

Các bài 7-9 cũng đượ c tìm thấ y trong bả n Patna; và cặ p 10-11 cũng nở t hiệ xuấ cảba bộ kinh tương . đương

'KDPPDKDYDJJD 3KŢP3K

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

19.1 Dhammaṭṭha

19.2 Dhammaṭṭha

19.3 Dhammaṭṭha

19.4 Dhammaṭṭha 2.19 Apramāda 7.5 Apramadu 4.21 Apramāda

19.5 Dhammaṭṭha 12.1 Thera 11.11 Śramaṇa

16.12 Vācā 19.6 Dhammaṭṭha (abc)

19.7 Dhammaṭṭha 16.11 Vācā 12.5 Thera 29.10 Yuga

19.8 Dhammaṭṭha 16.12 Vācā 12.6(cd) Thera (d)* 10.7 Śraddhā (

19.9 Dhammaṭṭha 13.20 Śaraṇa 12.7 Thera 11.13 Śramaṇa

19.10 Dhammaṭṭha 13.21 Śaraṇa 1.1cd & 12.8cd 33.8 Brāhmaṇa (Brammaṇa

19.11 Dhammaṭṭha 2.17 Bhikhu 32.18 Bhikṣu

19.12 Dhammaṭṭha 2.18 Bhikhu (bcd) 32.19 Bhikṣu (

19.13 Dhammaṭṭha

19.14 Dhammaṭṭha

19.15 Dhammaṭṭha

19.16 Dhammaṭṭha 15.11 Āsava 2.15 Bhikhu (acd) 32.31 Bhikṣu

19.17 Dhammaṭṭha 15.12 Āsava 2.16 Bhikhu 32.32 Bhikṣu

17 8 10 10

Ta có thểthấ y rằ ng không bả n khác có một Dhammaṭṭhavagga, n nào trong các bả 28 và các bài kệkhá là r8

0DJJDYDJJD 3KꝈPçʜR

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

20.1 Magga 20.1 Māgga 6.13 Magu 12.4 Mārga

20.2 Magga 20.3 Māgga

20.3 Magga 20.3ef & 20.2ab 12.9 Mārga (ab Māgga

20.4 Magga 20.2 Māgga (cdef) 12.9cd Mārga & 6.20cd Śīla

20.5 Magga 20.16 Māgga 6.10 Magu 12.5 Mārga

20.6 Magga 6.11 Magu 12.6 Mārga

20.7 Magga 20.17 Māgga 6.12 Magu 12.8 Mārga

20.8 Magga 2.17 Apramāda 7.4 Apramadu 31.32 Citta

20.9 Magga 16.1 Vācā (abc) 7.12 Sucarita

20.10 Magga 20.18 Māgga 29.40 Yuga (abcd) (abcdf)

20.11 Magga 20.4 Māgga
3.3 Tasiṇa
18.3 (d)*
Puṣpa
20.12 Magga 20.5 Māgga 3.4 Tasiṇa 18.4 Puṣpa

20.13 Magga 20.6 Māgga 18.10 Puṣpa 18.5 Puṣpa

20.14 Magga 20.7 Māgga 21.2 Kica? 1.38 Anitya

20.15 Magga 20.8 Māgga 21.3 Kica? 1.39 Anitya

20.16 Magga 20.9 Māgga 16.3 Prakiṇaka? 1.40 Anitya

20.17 Magga 6.15 Śīla

17 15 11 16

c dù Maggavagga có vẻđượ Mặ c thiế t lậ t tốt và có p rấ ậ đồng n cao giữathu cácn văn Pā ḷi và Patna, ậ nhưnk ác tài l] i l]

1LUD\DYDJJD 3KṬPçID

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

22.1 Niraya 7.19 ī
Kalyāṇ
16.11 Prakiṇaka?
8.1 Vāca (abc)
22.2 Niraya 7.18 Kalyāṇī 11.9 Śramaṇa (

22.3 Niraya 16.18 Vācā 20.10 Śila? 9.2 Karma

22.4 Niraya 12.16 Daṇḍa 16.12 Prakiṇaka? 4.14 Apramāda

22.5 Niraya 12.17 Daṇḍa (abc) 4.15 Apramāda (abc)

22.6 Niraya 16.19 Vācā 13.15 Yamaka 11.4 Śramaṇa

22.7 Niraya 11.3 Śramaṇa

22.8 Niraya 11.2 Śramaṇa (

22.9 Niraya 7.5 & 7.6 21.6 Kalyāṇī Kica? 29.41 &29.42 Yuga

22.10 Niraya 13.19 Śaraṇa 7.22 Apramadu 5.16cd & 5.17 Priya (bcd)*

22.11 Niraya 10.13 Mala (abef) 16.15 Prakiṇaka? 16.4 Prakirṇak (abef) (abef)

22.12 Niraya 10.13 Mala 16.15 Prakiṇaka? (cdef)

22.13 Niraya 10.14 Mala

22.14 Niraya

14 11 8 11

Không bộ kinh nào khác biếtn một đế Nirayavagga,bịrả và do p cácđó i rác khắ cá phiên bả n.

Loạ t các bài 11-13 thì theo bả n Patna.

Bài cuối cùng trong bản Pāḷi,c lạ là bài i của ngượtrước, thì i bấ không t kì bản nào khác, cvà cũng tìm thấ không y trong Chánh Tạ ng. đượ

1ĦJDYDJJD 3KṬP9RL

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

23.1 Nāga 12.21 Daṇḍa 20.8 Śila? 29.21 Yuga

23.2 Nāga 6.7 Śoka 19.6 Aśva

23.3 Nāga 6.8 Śoka 22.1 Naga 19.7 Aśva hay Asa? (d)*

23.4 Nāga 6.9 Śoka (cd) 22.? Naga hay Asa? (d)*

23.5 Nāga

23.6 Nāga 29.13 Yuga

23.7 Nāga 31.5 Citta

23.8 Nāga 2.11 Apramāda 7.23 Apramadu 4.27cd & 4.36ad (acd) Apramāda

23.9 Nāga 1.9 Jama 14.13 Droha (acd)

23.10 Nāga 1.10 Jama 14.14 Droha (acd)

23.11 Nāga 1.11 Jama 14.16a & 14.16b Droha

23.12 Nāga 5.1 Attha 30.34 Sukha

23.13 Nāga 5.2 Attha 30.21 Sukha

23.14 Nāga 5.3ab & 5.18cd 30.20 Sukha (abd) Attha

14 11 4 12

Bản Gāndhārī đã có cómột thể ầ Nagavaga, n còn cáclại ph là cóquá cít thểchắ n; để chắ nhưngn nàyphầ với bản Patna và Udānavarga c biếtn. đế thì không

Bài 5 khôngc tìm thấ đượ y trong bấ t kỳbộkinh nào khác, và không có bản tương đư Chánh Tạ ng.

Loạt các bài 2-4 đồng ậnthu với bản Patna, và ới các cũng vậynhưng bài 12-14, iđối v ch ởbài cuối cùng. lệ

7DKłYDJJD 3KŢP7KDP

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

24.1 Taṇhā 9.1 Tahna 3.3 Tasiṇa 3.4 T(d)* ṣṇā (abd)

24.2 Taṇhā 9.2 Tahna 3.9 T ṣṇā

24.3 Taṇhā 9.3 Tahna 3.10 T ṣṇā

24.4 Taṇhā 9.4 Tahna (ab) 7.17 Apramadu 3.11 T ṣṇā

24.5 Taṇhā 9.20 Tahna 3.16 T ṣṇā

24.6 Taṇhā 13.22 Śaraṇa

24.7 Taṇhā

24.8 Taṇhā 9.12 Tahna 3.5 T ṣṇā

24.9 Taṇhā 9.13 Tahna 3.6 T ṣṇā

24.10 Taṇhā 9.13 Tahna (ab) 3.6 T ṣṇā (ab)

24.11 Taṇhā 9.15 Tahna 3.2 Tasiṇa 27.29 (d)* Paśya

24.12 Taṇhā 9.7 Tahna 11.8 Suha 2.5 Kāma (abd)

24.13 Taṇhā 9.8 Tahna 11.9 Suha 2.6 Kāma

24.14 Taṇhā 11.10 Suha

24.15 Taṇhā 9.14 Tahna 10.? Jara 29.57 Yuga

24.16 Taṇhā 3.1 T ṣṇā

24.17 Taṇhā 3.2 T ṣṇā

24.18 Taṇhā

24.19 Taṇhā 9.11 Tahna

24.20 Taṇhā 21.1 Tathāgata

24.21 Taṇhā 26.31 Nirvāṇa

24.22 Taṇhā 2.16 Kāma

24.23 Taṇhā 9.16 Tahna 16.16 Prakirṇa

24.24 Taṇhā 9.17 Tahna 16.17 Prakirṇa

24.25 Taṇhā 9.18 Tahna 16.18 Prakirṇa

24.26 Taṇhā 9.18 Tahna (acd) 16.21 Prakirṇa (acd)

26 18 7 21

Mặ n Taṇhā đã c dù phầ t đượ c thiế lậ p rấ t tố t và xuấ t hiệ t cảcác bản tương n trong tấ đư (dù bản Gāndhārī vẫn nh ởđoạnchươnày), hoàn ầ nhưng chỉ n nữa nội dung ủ cmột a nól thì không y. được như vậ

Có bốn bài ệ k trong bản Pāḷi không i cáctương phiên bản đương khác, vớ và chú không c tìmđượ y ởđâu khác trong thấ i. Chánh Tạng Pāḷ

Loạt các bài 2-4 và 23-26 cũng t hiệ xuấ n trong bản Patna và 29 Udānavarg ngoạ i trừbài cuối cùng.

29 Udānavarga có 3 bài tương mānadoṣā, đương lobhadoṣā, nhưng āởdòng thứ thay 2. vàthế tṛ

%KLNNKXYDJJD -kheo) 3KҶP7ы

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

25.1 Bhikkhu

25.2 Bhikkhu 4.2 Bhikṣu 2.2 Bhikhu (abcde) 7.11 Sucarita

25.3 Bhikkhu 4.3 Bhikṣu 2.3 Bhikhu 32.7 Bhikṣu

25.4 Bhikkhu 4.5 Bhikṣu 2.4 Bhikhu 8.10 Vāca

25.5 Bhikkhu 13.11 Śaraṇa 2.14 Bhikhu 32.8 Bhikṣu

25.6 Bhikkhu 4.6 Bhikṣu 2.11 Bhikhu 13.8 Satkāra

25.7 Bhikkhu 4.7 Bhikṣu 2.12 Bhikhu

25.8 Bhikkhu 2.29 Bhikhu 32.17 Bhikṣu

25.9 Bhikkhu 4.10 Bhikṣu 2.20 Bhikhu 32.21 Bhikṣu

25.10 Bhikkhu 4.8 Bhikṣu 2.26 Bhikhu 26.12 Nirvāṇa

25.11 Bhikkhu 2.28 Bhikhu

25.12 Bhikkhu 2.19 Apramāda 2.25 Bhikhu 31.31 Citta (bc) (bcd)

25.13 Bhikkhu 4.13 Bhikṣu 2.8 Bhikhu

25.14 Bhikkhu 4.11 Bhikṣu 2.5 Bhikhu 32.9 Bhikṣu

25.15 Bhikkhu 4.12 Bhikṣu 2.6 Bhikhu 32.10 Bhikṣu

25.16 Bhikkhu 4.14 Bhikṣu 2.9 Bhikhu 32.26cd & 32.27ab Bhikṣu

25.17 Bhikkhu 4.15 Bhikṣu (abcde) 2.10 Bhikhu (abcd)* 32.6 Bhikṣu (bcde)

25.18 Bhikkhu 8.13 Puṣpa 18.9 Puṣpa 18.11 Puṣpa

25.19 Bhikkhu 4.4 Bhikṣu 32.24 Bhikṣu

25.20 Bhikkhu 17.19 Ātta

25.21 Bhikkhu 17.17 Ātta 19.14 Aśva (ab

25.22 Bhikkhu

25.23 Bhikkhu 16.7 Prakirṇak

23 18 17 17

y một à Ta có thểnhìn thấ ln nữa ởđây các t nố tkế i chặchẽgiữa các bản Pāḷi và Gā với mười trong lăm bản bài Gāndhārī kệ này c tìm thấ cũng y trong đợ Bhikhuvaga của nó, và chỉcó một bài làừ t phần khác trong bộ kinh.

Udānavarga cũng ṣ có uvarga,30 như ngmột chỉcó Bhik ng một nửa số bản tương khoả đương trong phẩm đó, mặc dù nó .31 có không í

y bản tương đương cũng không có
Hai bài kệkhông tìm thấ
Chánh Tạng, nhưng đầu bài tiên kệlà tương đương ởđây cũng với c
M những bản tươngi cácđương bài: 2, 3, 5, 9,vớ và 10.
30 Gāndhārī Bhikhuvaga có 39ra thì kệngoài bàichủyếu kệ, tươngnhưng i cáiđương các bà giờ vớ đây là Uragasutta i.trong Suttanipāta tiếng Pāḷ 31 26 trong sốđó tương đương với Uragasutta, i rấ t nhiề nhưng u bài kệkhác. tất n

%UĦKPDDYDJJD -la-môn) 3KŢP%j

Pāḷi Patna Gāndhārī Udānavarga

26.1 Brāhmaṇa 3.1 Brāhmaṇa 1.10 Brammaṇa 33.60a Brāhmaṇ

26.2 Brāhmaṇa

3.8 Brāhmaṇa
1.14 Brammaṇa
33.72 Brāhmaṇa
26.3 Brāhmaṇa
3.7 Brāhmaṇa
1.35 Brammaṇa
33.24 Brāhmaṇa (abd)
26.4 Brāhmaṇa 3.16 Brāhmaṇa 1.48bd & 1.25cd 33.32 Brāhmaṇa Brammaṇa (abd)

26.5 Brāhmaṇa
3.6 Brāhmaṇa
1.50 Brammaṇa
33.74 Brāhmaṇa
26.6 Brāhmaṇa 1.16 Brammaṇa 11.15 Śramaṇa

26.7 Brāhmaṇa
3.13 Brāhmaṇa
1.11 Brammaṇa
33.63 Brāhmaṇa
26.8 Brāhmaṇa 1.15 33.75 Brammaṇa Brāhmaṇa (abc)

26.9 Brāhmaṇa
3.12 Brāhmaṇa
1.23 Brammaṇa
33.16 Brāhmaṇa
26.10 Brāhmaṇa 3.2 Brāhmaṇa (acd) 33.66 Brāhmaṇa

26.11 Brāhmaṇa
3.4 Brāhmaṇa 1.1 (ab)
Brammaṇa 33.7 (ab)
Brāhmaṇa
26.12 Brāhmaṇa 1.2 Brammaṇa 33.6 Brāhmaṇa

26.13 Brāhmaṇa 1.38 Brammaṇa (abd)

26.14 Brāhmaṇa 1.17 Brammaṇa 33.15 Brāhmaṇa

26.15 Brāhmaṇa 33.49 Brāhmaṇa (abd)

26.16 Brāhmaṇa 1.42 Brammaṇa 33.58a Brāhmaṇ

26.17 Brāhmaṇa 1.28 Brammaṇa 33.18 Brāhmaṇa

26.18 Brāhmaṇa 33.19 Brāhmaṇa

26.19 Brāhmaṇa
3.5 Brāhmaṇa

1.21 Brammaṇa
33.30 Brāhmaṇa
26.20 Brāhmaṇa 1.30 Brammaṇa 33.27 Brāhmaṇa

26.21 Brāhmaṇa 3.15 Brāhmaṇa 1.49abd & 1.25cd 33.33 Brāhmaṇa Brammaṇa

26.22 Brāhmaṇa
3.11 Brāhmaṇa
1.32 Brammaṇa
33.20 Brāhmaṇa
26.23 Brāhmaṇa 1.18 Brammaṇa 33.36 Brāhmaṇa

26.24 Brāhmaṇa 1.29 Brammaṇa

26.25 Brāhmaṇa 1.27 Brammaṇa 33.40 Brāhmaṇa (abd) (abd)

26.26 Brāhmaṇa
3.10 Brāhmaṇa
1.22 Brammaṇa
33.17 Brāhmaṇa
26.27 Brāhmaṇa 1.19 Brammaṇa 33.25 Brāhmaṇa

26.28 Brāhmaṇa 33.43 Brāhmaṇa

26.29 Brāhmaṇa 33.54 Brāhmaṇa

26.30 Brāhmaṇa 1.46 Brammaṇa 33.29abd & 33.22cd Brāhmaṇa

26.31 Brāhmaṇa 1.36 33.31C Brāhmaṇ Brammaṇa (cd)*

26.32 Brāhmaṇa 33.41 Brāhmaṇa

26.33 Brāhmaṇa 1.20 Brammaṇa 33.35 Brāhmaṇa (abd)

26.34 Brāhmaṇa 33.42 Brāhmaṇa (cd)

26.35 Brāhmaṇa 33.45 Brāhmaṇa

26.36 Brāhmaṇa 33.44 Brāhmaṇa

26.37 Brāhmaṇa 1.44 33.48 Brammaṇa Brāhmaṇa (abd)

26.38 Brāhmaṇa 1.43abd & 1.26cd 33.46 Brāhmaṇa Brammaṇa (abd)

26.39 Brāhmaṇa 1.34 Brammaṇa 33.29A Brāhmaṇ (acd)* (acd)

26.40 Brāhmaṇa 1.41 33.50 Brammaṇa Brāhmaṇa (bcd)*

26.41 Brāhmaṇa 1.5 Brammaṇa 33.47 Brāhmaṇa (abcd) (abcdf)

41 15 30 39

Phẩm cuối cùng trong bộkinh cũng là y sựtương m cho thấ phẩ ng mạ xứ nh nhấ t giữa tiêu đềphẩm và nội dung trong các ả b n tươngi chỉ đương, một bài ệ k đượ cvớ tìm

thấy dưới đ mục khác, ứ t c là bản tương đương i bài của 26.6. Udānavarga vớ

m Bà-la-môn (Brāhmaṇavargga Phẩ ḥ) ủ c aả b n Patna tương i nhỏ, chỉcó mư ờiđố sáu bài kệ, nhưng mườ i bố n trong ố s đó là tương i bản i.đương Pāḷ vớ

Phẩm Bà-la-môn (Brāhmaṇavarga) ủa bản Udānavarga, c lớn nhấ t các bàilà kệ , có bộ tám mươi ba bài trong có hai phẩm bàiđó. i tương bản Chỉ i Pāḷ đương là bịmấ t tích ởđây, vớ và một trong những bài c tìmđó thấyđượtrong Śramaṇavarga ủa nó. liên quan c

Có lẽđángc nhiên ngạ nhấ t là các bản tương đương dường . như kh

7yPWχW t các bảng như sau: Ta có thểtóm tắ bản i Dhammapada Pāḷ có 423 bài kệ, trong đó c y bản tương đương không tìm thấ (5%); u thú vịlà tất cảnhững bàiđiề kệkhông tìm thấ y bản tương đương trong các phiên bản khác icũng n còn lạ của Chánh Tạng.

Có 304 bài tương đương trong chỉ Patna tương Dharmap đương t phần; 214 bài trong Gāndhārī, tương đương trong t phần; & 370mộ bàiđó trong 41 b Udānavarga, trong tương đó đương 56 ầ bài n. một Tổng ộclà ng ph chỉcó 888 bài đương trong tương đó 126 đương bài ần(14%).chỉ một ph

Hay nói mộ t cách khác, có một ự s rất tương đồng trong i 86%các số bài bài kệ. Nhiề u trong số nhữ ng bài khác chỉkhác nhau một dòng hoặc i loại đạ như y. Trongvậ thực tế165 bài c(39%) tìm thấ đượtương đương y có bản tất cảcác bộ trong kinh khác, bấ t chấp việc các bộkinh Gāndhārī n còn rời rạ c. vẫ

3. Sχp xƘ p Dướ i đây khả otôi sẽ sát vềcác phẩ m có sựsắ p xế p có vẻdiễ n ra theo sựxuấ t hiệ n củ a từ khóa trong tiêu , và sẽthả o luậ đềphẩ n vềcác m khác trong phầ n kếnói vềchủđề . Trong những n đoạkếtiếp, các bài kệkhông có từkhóa được t trong dấ u đặ ngoặc đơn, đượ c và sẽ thả o luậ n trong các ghi chú phía sau.

Ta c đặ biệt chú n việcýgomđếnhóm các bài kệtheo chú giả i và những bản tương đư trong phần này, vìhé điề u này giúp mởcho việ c làm sao một bài ệ u từkhóa lại cđượ k thiế sát nhậ p vào bộkinh. Tôi o luậncũng vềcác bài kệthảmà dườngc cho nhưlà ghépđượ thêm vào, và bất cứđâu có thể cung cấp lời giả i thích cho sựxuấ n của chúng trong các bộ kinh. t hiệ

$SSDPĦGDYDJJD 3Kţ m Không Phóng Dạ t): 1ac; 2b; (3); 4d; 5a; 6c; 7c; 8a; 9a; 10ac; 11a; 12a.

Bài 3 không cập n appamāda đế đề (bấ t phóng dật) nhưngc xế p liề đượ n mạch từ1 nđế 3 theo như trong chú y trong giải, các bản Patna và cũng và nhưUdānavar t vậ c kế thành phẩ m theo mạ ch này.

3. Cittavagga (Phţ m Tâm): 1a; 2c; 3cd; 4cd; 5c; 6a; 7a; 8b; (9); 10c; 11c.

Citta (tâm) không xuấ t hiện trong bài đồng 9, nghĩa viññāṇa nhưng là (thức) từ thì có, và nội dung chủđề(sựmong manh củ a thân xác) thì giống như bài ậy chúng 8,có vẻtạdo o v thành một cặ p khá tựnhiên, ngay cảkhi chúng chẳ ng hềđư ợc ghép nối lại

trong các bộ kinh khác hay trong chú giải.

4. Pupphavagga (Phṭm Hoa):1d; 2d; 3c; 4a; 5a; 6a; (7); 8a; 9a; 10a; 11a; (12); (13); (14); (15); (16).

Bài kệsố7 dường unhư là được ít nhiề thêm vào cậ vì p puppha nó (hoa), không hay có bất kì điều gì khác liên t hiện quannhư đến ần một củahoa; ột m ph nó đoạ ặ n kệliên tục, m p 6-7 là tương đương trong Udānav c dù cặ

Các bài 11-14 là một dãy liên ục t cũngt hiệ xuấbả n trong n Patna (mở đầ u cho Pupphavarggaḥ); và Udānavarga ệ (ba cũng trong tương sốđươn các bài Gāndhārī), và đã được ừ pupphađưa xuấ nvào t hiệ trong câubộ 1 của ả kinh c dãy. theo t

Tương như tự vậ y, bài 15 & 16 là một ặcp, xuấ t hiệ n trong tấ t cảcác phiên bản;cập đến đế hoa sen (paduma) là có liên kế t với hoa ng trong hợp này, trườ nhưng puppha không từ được nhắ c tới, vì vậ y mà có vẻrằ ng những bài kệđã cđượ kết tậ p vào phẩ m qua việc kế t nối theo chủ đề .32

%ŀODYDJJD m Ngu): 1c; 2d;3Kṭ 3b; 4acd; 5a; (6); 7a; (8); (9); 10ad; 11b; 12c; 13bc; (14); 15e; (16).

Bài 5 & 6 là một ặ cp xuấ t hiệ n trong tấ ặc t cảcác bộ kinh, m dù chúng đượ c xét riêng trong chú giải.

Các bài 7-9 là một dãy, bài đầu bāla tiên trong dòng mở trong đầu, đó và như có cũng t vậy trong các bản Patna, và Udānavarga c biế (phần t là có tồn ạ n Balav ti trong bả Gāndhārī,ng bài nhưng kệtrong bộnhữ ện còn kinh hi thấ đã t lạc). bị

Bài 13-16 là một dãy t hiệ cũng xuấPatna n trong bản và bāla Udānavarga, xuấ n ở2 t hiệ trong sốcác bài.

32 Phẩm này, m do đó, giữa ranh nằ giới phân i ởđây loạ vì đượ c tổchức bằ ng cách sắ p xế p từ; và trong phần tiế i tổchức theo chủđề p theo, lạ .

itavagga (Phṭm HiЈ 6. Pa n Trí): 1d; (2); (3); 4d; 5d; 6d; 7d; 8d; (9); (10); (11); 12b; 13d; (14).

Bài 1-3 không xếp thành dãy liên tục trong các bộkinh khác, c chia ra và đượ theo chú giải, nhưng đề chúng chắc chắn, cóvà chủdường ã tạ như o thành một nhómđ ề trong truyn thốngi. Từ Pāḷ khóa xuấ t hiện trong câu u tiên của ững đầ nh bài này.

Bài 9-11 có vẻđượ c thêm vào. Bài 9 có thểđược kế t tập tốt hơn mụ dưới c đ Dhammaṭṭha, nói ềngườ ột ặ v i sống theo pháp (dhammika); 10 & 11, là m cp theo như chú giải, và cũng kinhcó Patna trong và bộ tốt Udānavarga, hơn c nên p vào đượ xế có Arahantavagga, khi xét theo chủ đề .

o thành một dãy theo Bài 12-14 tạ như i và trong bảnchú Patna giảu (nhưng trong bả n th Gāndhārī, phânvà tán bị trong a). Udānavarg

3ŀSDYDJJD 3Kṭ m Ác): 1bd; 2ad; (3); 4abcd; 5a; 6a; (7); 8d; 9d; 10c; 11b; 12d; (13).

Bài 2 & 3 và 6 & 7 là các cặ p xuấ t hiệ t cảcác bản tương đương. n trong tấ

Bài 12 & 13ặ p,cũng là khác nhau chỉởdòng mộtcuối; c tuy nhiên, c tách ra chú trong bản Udānavarga.

12. Attavagga (Phţ m TŧNgã): 1a; 2a; 3a; 4ac; 5a; 6c; 7b; 8f; 9abcd; 10ac.

Có sựsắ p xế t cảcác bài kệởđây. p rõ ràng dựa trên từatta trong tấ

13. Lokavagga (Phţ m ThĶGian): 1d; 2d; 3d; 4c; 5a; 6c; 7c; 8a; 9c; 10c; 11a; 12c.

Có sựsắ p xế p rõ ràng dựa trên từloka xuyên suốt.

14. Buddhavagga (Phţ m Phỵ t-ÿj : 1c; 2c; 3d; 4d; 5d; 6b; 7f; (8); 9d; (10); (11); 12a; (13); (14); (15); 16a; 17b; (18).

o thành một ặ Bài 8 & 9 tạ cp, cảtrong các bản tương đương n trong i. lễ chú giả

Loạ t các bài 10-14 cđược tìm thấy trong Udānavarga ệbịthấ và c), Patna t lạ và trong chú giả c dù theo tựnhiên thì dường i, mặ ềmộtnhưSaraṇavagga chúng thu nh trong Patna, hơn là ẽ một đượ cBuddhavagga. xế p vào bộ kinh ạ Chúng có l mđiể ti thời này do có cậpđề đến c Phậ Đứ bài 12. t trong

Bài 15 cập không đến đề Đứ nhưngu Purisājañña c Phật, có danh đồng hiệ nghĩa.

o thành một ặ Bài 17 & 18 tạ c p theo i,như mặ chú c dù cảhai ugiảđềcó bản không tương đương.

15. Sukhavagga (Phţ m An Lнc): 1a; 2a; 3a; 4a; 5c; 6d; 7d; 8d; (9); 10bd; 11e; (12).

Bài 9 dường như c thêm vào ởđây đượ vì nó không o thành p, dãy, haytạ cặ có liên quan đế n sukha theo bấ t kỳcách nào.

Bài 10-12 xuấ t hiệ c trong bản Patna, Gāndhārī, n liên tụ và i, và 2 trong số các bài chú kệcũng o thànhtạcặp trong Udānavarga, như là do bài đó, c thêm12 vào bộcó đã vẻđư kinh theo kết nối đó, dùcậ pnó sukha không . đề

16. Piyavagga (Phţ m HьIÁi): 1c; 2abcd; 3abd; 4abc; (5); (6); (7); (8); 9d; (10); (11); 12d.

Bài 4-8 là một phầ a một dãy liên ục n củ t ồg m các bài ệ k giống nhau chỉthay từkhóa (tấ t cảcác từđồng nghĩa i từpiya trongvớ ngữcảnh này: pema; rati;). kāma; ta

ểcho việ Có vẻkhông có lý do cụ th c tạ i sao bài 10 xuấ t hiện dưới đề mục này.

Bài 11-12 là một ặ cp, xuấ như t hiện thếtheo chú giải cũng như bản t tương của chúng trong Udānavarga.

25. Bhikkhuvagga (Phţm T Ġ-kheo): (1); 2e; 3d; 4a; 5c; 6c; 7a; 8d; 9a; 10a; 11c; 12a; (13); 14b; (15); 16b; (17); 18d; 19c; 20d; (21); 22a; 23a.

Bài 1 & 2 là một ặ c p theo i,như chú giả mặc dùu tiên bài không đã xuấ t hiệ n trong bấ t cứ bàn tương đương nào.

Chú giả i gom nhóm tất cảcác bài 9-17 lạ ệ i với nhau trong một câu chuyn. Vì những bài kệ xuấ t hiệ n khá khác nhau, nên không có gì ngạ c nhiên khi thứtựnày không c tuân theođượ trong các bản tương đương.

Bài 14 & 15, tuy nhiên, không xuấ t hiệ n thành cặ p trong tấ t cảcác bộ kinh khác.

Bài 16 & 17ặ cũng p trong cảbả là vàmột n Patna bảnc Gāndhārī.

Bài 20 & 21 là một ặc p theo như chú giải, n nhưng y trong bả Patna, ởđó khôn cũng hai có cả bài kệnày nhưng tách ra. bị

%UHKPD avagga (Phţ m Bà-La-Môn): 1bd; 2b; 3d; 4d; 5d; 6a; 7abc; 8a; 9d; 10d; 11bd; (12); 13a; 14af; các bài 15-41 kế điệ t thúc bằngp khúc tam-ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ (cũng vậy khi kết thúc bài số3, 4, & 9).

Bài kệduy nhấ t cần giải thích trong phẩ m kế t thúc, do vậ y, là bài 12, vềhình thức rõ ràng là một ặcp với bài 11, mặc dù chúng đượ c xét riêng theo chú giả i. Chúng xuất hiện thành một ặcp trong bả n Patna, và theo thứtựngượ c trong bản Udānavarga.

Từđ ây ta có thểthấ ng một khi các ậ y rằ cp bài kệvà các dãy kệđượ c chấ p nhận, thì phư thức của bộkinh trong các phẩ m này rõ ràng là sắ p theo từkhóa, và rằng phương ph p xế chức này giả m sau (có chính xác một nửa số phẩ i thích cho các phẩ m, tức là 13/26 phẩ m,

trong bộkinh 33 Pāḷī): Appamāda, Citta, Puppha, Bāla, Pa Sukha, Piya, Bhikkhu, Brāhamaṇa.

Do đó rõ c sắ ràng p theo là p xế từkhóaviệlà một nguyên ắ tc tổchức rấ t mạnh trong tâm thức của các ịvbiên tập, và trong hầu hết các phẩ m còn lại thì kết luận tương cũng tự vẫn đúng vậy dù rằ ng các phẩm này đó c kết tậcó p lỏngđượ ẻlo và mặ c dù nên tốt hơn là t nên tập theo chủđề, nhưng trong u phần khác nhiề nhau, y, thì tanhư thấ vẫ ta theo n xét chúng sẽ thứtự.

4. ChëÿЛ 7. Arahantavagga (Phţ m A-la-hán): (1); (2); (3); (4); (5); (6); (7); (8); 9c; (10).

Không có sựsắ p xế p theo từkhóa trong Arahantavagga, và từnày chỉxuấ t hiện một ầ ln, trong bài đề 9, đã nhưng đủ rõ ràng, ấ chủ vìđề t cả t u mô tảcácc tính đặ của các ịv A-la-hán. Không ngạ c nhiên khi không có bản tương đương phẩmnào này trongvới tiêu các bộ kinh đ khác, và những bản tươngi nhữ đương ng bài kệ, nếuvớ có, thì bịphân tán khắp cảcác phẩ m khác nhau.

8. Sahassavagga (Phţm Ngàn): 1a; 2a; (3); 4a; (5); (6); 7a; (8); (9); (10); (11); (12); (13); (14); (15); (16).

t cảđề Các bài 3, 8, và 11-16 tấ sata, trong vassasata), u có số 100 (- c kểvào đây theo đề(chúng cách xét cũng u xuấ chủ t hiệ đề n trong Sahasravarggaḥ ủ c a bả n Patna).

Bài 5, 6 và 10 dường c thêm vào, vì chẳnhư ng có con là sốnào đượ c đượ nhắ c tới, và chúng cũng o thànhkhông cặ tạ p hay chuỗi.

Bài 8 & 9 là một ặ c p cũng t hiệ xuấ n trong bản Patna và Gāndhārī , mặ c dù rõ (h ràng có liên quan, lại được ngăn ỗcách i một chu i dài các bàibở ệ k trong Udānavarg

Phẩm này xét theo chủđề trước tiên, nsau số, chủ đó ế xét yu là số ngàn, đế nhưng cũ cập sốtrăm, dù ng có rằ ba trong số các bài ệ k dường như không t với chủ đề liên kế chính.

10. Daavagga (Ph ţm Hình Phʜ t): 1a; 2a; 3b; 4b; 5d; (6); 7a; (8); 9a; (10); (11); (12); (13); 14c; (15); (16); (17).

Bài 5 c&nhóm 6lạ iđượ thành một ặ cp bởi theo chú giả i, mặ c dù chúng bịphân cách bởi một bài khác trong ả c bản Patna và Udānavarga.

Bài 8 có chủ đề là ý vềtrừng phạ t.

33 Nghiên cứu của tôi vềUdāna cũng y kế cho t quảtương thấ tự , với mộ t nửa sốphẩm đượ c tổchức theo cách sắ p xế p. Dù tôi vẫn chưa phân Pháp tích Cú các khác, ng bộ nhưng ghi ngờ gì rằng kế chả t quảvới các bộnày cũng tương nhưy. vậ tự

Bài 9-12 cđượ nhóm lạ i với nhau theo chú giải; chúng ncũng t hiệ xuấ cùng nhau trong Udānavarga,c dù theo thứmặ tựkhác.

c bịđánh Bài 15-16 có liên quan với việ bắ ng roi), c đượ (kasā t theo chủđề liên kế đòn roi hay trừng phạt (daṇḍa).

Bài 17 c thêm đượ vào, không nói đến n trừngđòn phạ t. roi, cũn

Chủđề xuyên suốt phẩ m này là hình phạ n một nửa số bài ệ t hay quảbáo, và gầ k có cách sắ p xếp dựa từtrên từdaṇḍa.

-DUʜYDJJD : (1); (2); 3Kţm (3); (4); 5c; Già) 6b; (7); (8); (9); (10); (11).

t ngữcăni chữ Bài 3, 7 và 10 có chứa các từliên kế vớ jarā .

Điều gì đã đưa nổi tiế ngcác đầ bài n kệ bắtu bằng đoạ anekajāti saṁsāraṁ vào phẩm này vẫn là điều chưa hoàn ch, trừkhi đó toàn là liên kế minh sựgiữa jāti t cú pháp bạ với jarā .

Một ố s trong các bài ệ k dường như c xế đãbởi p vào đượ vì chúng liên n sựsuy yế u qua của cơ , mặc thể dù jarā không cập; chính xem thứccác bài được 2, t đề 3, trong những chủđề mơ hồ nhấ bộ kinh. Thật đáng t trong c nhiên, ngạ do vậy, rằ ng bả n Gāndhārī cũng có ầ một n này lạ i Jaravaga, lớn gấp hai vàlần ph kíchc củ thướ a bản i,Pāḷ mặc dù chỉcó 5 bản tươngi cácđương vớ ī. bài kệtrong bản Pāḷ

17. Kodhavagga (Phţ ж m Phyn N): 1a; 2a; 3a; (4); (5); (6); (7); (8); (9); (10); (11); (12); (13); (14).

Việ c sắ p xế p chỉtồn tại trong u của3phẩ mbài cđầ này, mặ dù một Kodhavagga ng như cũng c lậ đã p và t đượ xuấ n trong bản Gāndhārī và Udānavarga hiệ

Bài 4 có ngữcăn liên ừkujjhati. kết động t

p vào một Kodhavagga, Bài 5 & 6 là khó có thểxế có thểmong vài, chúng như đợ xuấ tta n ởcác phẩ hiệ m khác nhau trong các bản tương đương.tốt hơnChúng nên c kế t có đư tập dưới đề mục Arahanta.

Các bài 7 -10 là có chủ đề mơ hồ,ột có mnđoạ liên tục nói n việ đế c bịchê (nindati).

Bài 11-14 là một dãy rõ ràng liênn chủ quan đề chính, đếcập nđề đế từkopa, cũng có nghĩan nộ là . phẫ

Cách sắp xế p là khá là yế u trong phẩ c dù chủđề, ớđối m này, mặ i hầ u hế v t các phầ n, vẫ n được duy trì.

18. Malavagga (Phţ m Cœ u UĶ): (1); 2c; (3); 4c; 5d; 6a; 7c; 8abc; 9abcd; (10); (11); (12); (13); (14); (15); (16); (17); (18); (19); (20); (21).

c theo chú giải, và Bài 1-4 là liên tụ c kế đượ t nối bằ ng cách lặ p lại, nhưng chún xuấ n trong bản tương đương. t hiệ

Bài 10 & 11 là một ặ cp xuấ n ởtấ t hiệ t cảcác bản tương iễ mđương; ha) nh ô (saṁkilitţ trong bài 10 là liên kế t với cấ u uế(mala).

Bài 12-14 không có bản tương đương, p thành một nhưng nhóm theo chúlậ giả i; việ c liệt kê các việc xấu khác nhau, gọi chung ác pháp pāpadhamma ( ) trong bài t với 14 đã chủ đề chính.

Bài 15 & 16 là một ặ cp xuấ t hiện trong bản Patna và Udānavarga, giả i; có lẽlý do chúng xuấ t hiệ n ởđây là t có với dãyliên các bài kệtrước kế đó, hai vì bài đều cập n mūla đế đề (13d mūlaṁ khaṇati attano; 16b mūlaghaccaṁ samūhataṁ) mặ c dù theo nghĩa c. trái đạo đứ

Bài 17 cập nđề rāga, đế dosa, ấmoha, và taṇhā, t đề t cả u là phiề n não chính.

i là một ặ Bài 18 & 19 không phả c p, nhưng hai đều cả n lỗi cập đế đề vajja), (đó tlà li ởđây.

Bài 20 & 21 là một ặ c p theo i, như mặc dù chú chúng giả không c tìm thấ đượ y trong các bản tương đương; t có lẽlàcác đoạn cậpliênđế đề kế ng n những chướ ngại (papañca)34 trong câu 20c.

Mặc dù pđượ c sắ xếp tố đầ phẩm này, t trong nửa u của nhưng n tiế nó p tục tuân vẫ ủđề theo ch cấ u uếhay phiền não.

19. Dhammahavagga (Ph ţm Pháp Trө): 1a; 2d; (3); (4); (5); (6); (7); (8); (9); (10); (11); (12); (13); (14; (15); (16); (17).

Bài 1 & 2 là một ặ cp theo chú giải nhưng không có các bản ng tư bài kệduy nhất cập đề đến mngươi nắ).35 vững pháp (Dhammaṭṭha

i mô tảđiều tương Các bài khác, tuy nhiên, lạ dướ tự i những tên khác nhau, ta có thểliệ t kê ra ởđây như (các i cặp c nhóm lạ đượ với nhau theo chú giải. 7 & 8; 9 & 10, xuất hiệ n thành cặ p trong một hoặ c nhiề u bản tương3adđương): paṇḍ ita; 4ae

Dhammadhara; 5a & 6d thera; 7c & 8d sādhurūpa ; 9ad & 10d samaṇa ; 11ad & 12d bhikkhu; 13a & 14bd muni; 15ad ariya.

Bài 16 & 17 là một ặ i và trong các bản tương cp theo chú giả đương, n quá liê trình hành trì chân chánh của m ột ị vbhikkhu được cập đề ởcâu 17c.

Chủđề trong bộ kinh này ấ rt lỏngẻo, l và ngườ i ta không thểkhông ng nghĩ một ố s bàirằ ệ k là thuộc ề v những mụ đề c khác nhau, vì thực sựchúng c tìmđượy có bản tương thấ đư nhưng n các này khôngbả có Dhammaṭṭhavagga.

20. Maggavagga (PhṭPĈнo) : 1a; 2a; 3c; (4); 5d; 6d; 7d; 8d; 9d; (10); (11); (12); 13c; (14); (15); (16); 17c.

34

[ND] Bả n Việ t dị ch dị ch là hý luậ n.

35

[ND] Bả n Việ t dị ch dị ch là Pháp Trụ.

Bài 4 là một phần của dãy các bài 1-4, cđượ i theo chú giải; chúng nhóm lạ c tìmkhông thấ y theo dãy liên tụ t kỳbản tương đương nào. c trong bấ

Bài 10 cậpđề đến ngcon đườ (patha), có liên kế đạ t vớio (magga).

Bài 11 & 12, là một ặcp theo chú giả t cảcác bản tương đương, i và trong tấ việc n đố nó n dụ) ừ (ẩ r ng (vana), do khai đóhoangcó lẽ con đường cho ra một u này ắ t chính là m điể liên kế t ởđây.

Bài 14-16 là một dãy trong 2 bản tương đương, nhưng tách ra theo chú giả i; bị

Ngườ i ta không thểkhông cả m thấ ng bài 14 thực ra nên thuộc trong Bālavag y rằ

Cảbài 15 lẫn 16 cũng cậpkhông đến ng,con đề và đườ thực ra lại liên n cái quan chế t, đế và có lẽtốt hơn c kế nên t tập đượ trong ng Jarāvagga cách xét theo chủ để . bằ

Mặ c dù có vẻnhư mộtốbài đượ s c thêm vào trong phẩ m này, tuy nhiên cách sắ p xế p theo từ khóa magga xuấ đế t hiện n 11 bài kệ .

22. Nirayavagga (PhṭPaĈI Ngөc): 1a; 2d; (3); 4d; (5); 6d; (7); (8); (9); 10f; (11); (12); (13); (14).

Bài 3 chỉgầ n chủđề đềnày, và có thểđã pnhậ với mục vào bài kệthứ2 bởi từasañña xuất hiện ởcả(2b & 3d). c nhóm Nó thành không cặ đượ p hay thành dãy.

Bài 4 & 5 là một ặ cp theo chú giả i, bản Patna, và Udānavarga hỏngở (đoạn này, và chỉcó một bài ệk xuất hiệ n).

Bài 6-8 là một dãy theo nhưt hiệ chú giải n liên tục theo và dãy cũng i thứtựnhưng xuấ ngượ c lại trong Udānavarga.

Bài 9 có vẻnhư có chút nó gì cậpsai n pacchā đế chỗ, , tapati nghĩa dù giày đềvòlàsau bị đó, nhưng vì thếmà cónó lẽđã đượcởđoạđưa n này. vào bộ kinh

Bài 11 cập và n duggati, đế 12 đềđó ừlà đồng một tnghĩa i niraya. vớ

Bài 13 & 14 là một ặ c p,cập đề đế trong n duggati bài đầu ậ tiên, p với suggati (sic, và m.c., = sugati) trong bài thứhai.

Các chủđề đượ c thiế p tốt trong phẩ t lậ m này, mặ n thân từniraya chỉđư c dù bả ợc cậ đề p trong 5 bài kệ .

1ĦJDYDJJD m Voi): 1a; (2); 3Kţ 3c; (4); 5d; (6); (7); (8); (9); 10d; 11d; (12); (14).

Bài 1-3 là một dãy liên ục t theo như i, vàtrong o chú bài 2 & 3 tạ giả thành một ặ cp trong bản Patna và Udānavarga.

Bài 4 cũng có ầ là một ph thể n của dãy đượ c liên kế i theo từnāga t không phả , mà theo chủ đề vềđiề u phục danta). (

Bài 6 dường tnhưnối ớ không vi chủđề có chính của phẩ mkế này, và có lẽsẽcó cđượ vị trí tốt hơn trong Bālavaggacập n đế từ manda(nó đồng có nghĩa); đềc Pakiṇṇakavagga.

Câu 7d p từđề cậ hatthi, một ừ t đồng nghĩa vớ ững ý nghĩa i một trong nh của n

Câu 8d có từkuñjara, mộtừ t đồng nghĩa khác.

Bài 9-11 là một dãy theo chú giả n Patna – ấ i, và trong bả rt thú vịnếu lưu ý rằ ng chúng xuất hiện trong Jamavarggaḥ ủ c a bộkinh cđó, dù chúngmặlà một dãy 3 bài kệvà chẳng phải là một ặc p nhưc dự đãđoán. đượ

Bài 12-14 có vẻhoàn toàn không phù hợp trong một Nāgavagga, t nối ớvkhông i chủ c đềchính; cập chúng đế trong n sukha đề mỗi dòng của ấ tt cả3 bài kệvà, i ngườ ta sẽnghĩ ng, chúng có lẽtốt hơn c kế rằ nên t tậ đượ p trong Sukhavagga.

Các chủ đề ởđây là con voi, m 10 của à b i thơ chiế mtrong này. phẩ

24. TaKĦYDJJD 3Kţm : 1b; 2b;
Tham 3b; 4c;
Ái)5c; (6); (7); (8); (9); (10); (11); (12); (13);
(14); (15); 16c; (17); 18b; 19a; 20c; 21d; 22c; (23); (24); (25); (26).
o thành 1 dãy liên tục theo chú giả Bài 5-10 tạ i, mặc dù không có trong bản tương đươ Chúng đều n chủđềnói tham ái, đế mặ c dù từnày không phả i luôn luôn xuấ n; ngữcăn t hiệ tasiṇa đồng nghĩa i nó xuấ t hiệ vớ n tạ i câu 9a và 10a.

Bài 11, 12 & 13, haicũng cặ như p bài kệxuấ 16như t hiện y& trong17 vậ (cả chú giải và các bản tương đương) có từ dường bandhana (trói buộc), ằ như ng các vịbiênngụ tập ýđãr lấy nó làm một ừ t đồng nghĩa i taṇhā. vớ

Bài 14 c kế đượ t nối ớ vi taṇhā do cậpđề n rāga đế.

Bài 15 dường trí ởđây, như sai và cậpnó n vị jātijaraṁ đếđề có lẽtốt nên hơn xế p trong Jarāvagga.

Bài 16 & 17 là một ặ cp theo chú giải và trong Udānavarga.

o thành một dãy liên ục Bài 23 - 26 tạ t theo i;như và 23-25chú cũng giảlà liên t Patna và Udānavarga. c tới rāga, t nhắ Chúng dosa, vàlần icchā, moha, lượ đượ c dùng như u

thịvềham muốn. Thậ các biể t thú vịlà Udānavarga, u từicchā c dù còn thiế mặ, cũng có một bài tương i bài sau vàđương từt ṣṇāđược vớ dùng như khóa thay . từ thế

Chủđề vềtham ái dường c duy trìnhư một cáchđã ỏng l ẻo, lđượ quaặ t đó một là có các từ m đồng nghĩa i taṇhā vớ và mặ t khác lạ i là các biể u hiệ n củataṇhā.

Ta có thểthấ ng một ố y rằ s phẩm có chủ đề đượ c thiết lậ p tố t, và ngay cảkhi việ c sắp xế p phải không luôn luôn diễ n ra, thì mặt chủđềcũng chiếmsẽ ưu ; mặ tthế khác một ố s phẩm là rấ t lỏngẻ lo. Khá nhiều bài kệcó lẽtốt hơn c kế nên t tập đượ dưới mụccác khác. đề

Vẫ n còn 2 phẩ m nữa cầ n phả i thả o luậ n:

1. Yamakavagga (Phṭ m Song YƄ u): tiêu này đề thườngc dịch đượ nghĩa pđen l (Song), nhưng mtrên c tếkhi kiể lại thì là rõthự ràng rằng các bài kệgồm không chỉđơnn giả p, mà ởđó còn đối là các cặ là ậ l các p, và các ập vềđạo đối lđức. c phân Do nhómđó, vi tương n cặpphả bài kệnhư vậy đã đóng vai c tổchứctrò cơ như bả n trong phẩmlà ng này.c khảo Lượ quau này thì dường điề như cũng là ng trong các tình phẩm tương trạ đươ của các bộ kinh khác.

ẩ 21. Pakiṇṇakavagga (Ph m Tạ p Lục):

Không có chủ đề, đương nhiên y, trong phẩ m tạ là p lục! vậ

Nhưng thú vịlà nế y 2 bài kệđ u chú ý thì ta sẽthấ ầu ềcậ đp ế nđ c) không dư sukha (lạ ới 5 n, và có lẽnênợcđư lầ ặtđtrong Sukhavagga (Phẩ m An Lạc).

Bài 3 & 4 là một ặ cp trong cảbộ kinh. Các phẩm được kết tập theo các tên k Āsava (Patna), Kica ? thêm c Brough (Gāndhārī, vào dấ u chấ m hỏi không sau tiê ch phẩ m hay không) và Apramāda (Udānavarga), ng là vì sựxuấ t hiện củ đoán chừ a pamatta trong bài 3c).

Bài 5 & 6 là một ặ t ly của ngườ cp, có liên quan với sựxuấ i Bà-la-môn chân chính, và có lẽ tốt hơn c xếp nên vào đượ trong Brāhmaṇavagga.

Loạt các bài 7-12 liên tụ c nhau trong bản Pāḷi, Gāndhārī (Maguv (Sm tivarga), và 3 bài cuối là liên ụ tc trong bản Patna (Khāntivarggaḥ ệđầ u tiên đềcập n việđế c niệm tưởng c Phậ Đứ t, nên có thểxế p chúng vào Buddhavagga.

đề n đế Bài 16, với phần cập damayam naṁ, attā có thểđã tìm y mộtthấ ị v trí trong Attavagga. b

L ʒi Cɲm Ƙn

Công trình này đã được công bố trên trang -buddhist-texts.net của web tôi w Ấn bản sách thì có thêm một phần Giới Thiệu mới dựa vào các ý kiến khác nhau mà tôi nhận được t của bài viết này cũng đã được cập nhật.

Tôi rất biết ơn Giáo Sư R.S. Bucknell đã n đọc q chính và phần Phụ Lục, đồng thời đã giúp tôi l Andrew Glass và Đại Đức Anālayo đã đọc qua phần giúp tôi sửa chữa một số sai sót đồng thời cải

Tôi cũng xin cảm ơn Trưởng Bộ Môn Pāḷi và Phật đã vậy giúp xuất bản công trình này; và tôi biế hành xuất bản công trình này.

Khi biên soạn công trình này, tôi đã được hỗ tr J. Brough (The Gandhari Dharmapada), F. Bernhar O. von Hinüber và K.R. Norman (Dhammapada), K.L. Dhammajoti (The Chinese Version of Dhammapada), và các tác giả khuyết danh của một (Buddhist Studies Review 6, 2 - 1989), tất cả đều đã cung cấp cho Trong quá trình nghiên cứu cho bài viết này, tô đây chưa từng được kể đến.

Khi làm phần chính của công trình này, tôi đã p bản khác, rồi sau đó biên soạn lại tất cả. h chính xác, Mặc nhưng vẫn có thể còn một số sai sót trong phiên để hoàn thiện thêm, tôi xin được vinh danh tro anandajoti@gmail.com.

Ānandajoti Bhi Tháng Chín, 2006/2550 (thêm 2 bản tương đương:

Part 2: The Comparative Dhammapada

4ßćM Patna Namo tassa Bhagavato Arahato siddhaṁ namaḥ Sammāsambuddhassa sarvabuddhadharmmāryyas

9HßREZEVKE siddham

1. Yamakavagga 4ßćM 1 [1.1] Yamaka Patna 1 [1.1] Jama manopubbaṅgamā dhammā, manopūrvvaṁgamā dhammā manoseṭṭhā manomayā, manośreṣṭhā manojavā | manasā ce paduṭṭhena manasā ca praduṣṭena bhāsati vā karoti vā, bhāṣate otivā vā kar | tato naṁ dukkham anveti tato naṁ dukham anneti cakkaṁ va vahato padaṁ. cakram vā vahato padaṁ

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKE'MXXE maṇopuvagama dhama manaḥpūrvaṅgamā mā dhar ă| maṇośeṭha maṇojava manaḥśreṣṭhā manojavā maṇasa hi praduṭheṇa manasā hi praduṣṭena va karodi va bhaṣadi bhāṣate vā karoti vā | tado ṇa duhu amedi tatas taṁ duḥkham anvet cako va vahaṇe pathi. || cakraṁ vā vahataḥ padam

1ELß -OEVQEZMFLEčKE<<: manaḥpūrvaṅgamā dharmā manaḥśreṣṭhā manojavāḥ manasā cet praduṣṭena bhāṣate vā karoti vā tatas taṁ anveti duḥkham cakraṁ vā vahata ḥpadam

*****

4ßćM?A=EQEOEPatna 2 [1.2] Jama manopubbaṅgamā dhammā, maRSTõVZZEĉ gamā dhammā manoseṭṭhā manomayā, manośreṣṭhā anojavā m | manasā ce pasannenamanasā ca prasannena bhāsati vā karoti vā, bhāṣate vā karoti vā | tato naṁ sukham anveti tato naṁ sukham anneti chāyā va anapāyinī.cchāyā vā anapāyinī ||

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßRE varga 31.24 Citta maṇopuvagama dhama manaḥpūrvaṅgamā dharmā maṇośeṭha maṇojava manaḥśreṣṭhā | manojavāḥ maṇasa hi prasaneṇamanasā hi prasannena bhaṣadi va karodi va bhāṣate vā karoti vā | tado ṇa suhu amedi tatas taṁ sukham anveti ßvā hy anugāminī chaya va

aṇukamiṇi.cchāy ||

1ELß -OEVQEZMFLEčKE<<: manaḥpūrvaṅgamā dharmā manaḥśreṣṭhā manojavāḥ manasā cet prasannena bhā ṣate vā karoti vā tatas taṁ sukham anveti chāyā vā anuyāyinī

*****

4ßćM?A=EQEOEPatna 5 [1.5] Jama akkocchi maṁ avadhiākrośi maṁ maṁ avadhi maṁ ajini maṁ ahāsi me,ajini maṁ ahāsi me | ye ca taṁ upanayhanti yeni tā upanahyanti veraṁ tesaṁ na sammati. veraṁ tesaṁ na śāmyati

9HßREZEVKE (VSLE ākrośan QEZSGERQßQ mā ENE]ERQßQE et | jāpay atra ye hy upanahyanti vairaṁ teṣāṁ || na śāmyati

1õPEWEVZßWXMZßHMZMRE]E (Gilgit III.ii.184) ākrośan mām avocan mām ajayan mām ahāpayan | atra ye upanahyanti vairaṁ teṣ āṁ na śāmyati ||

*****

4ßćM?A=EQEOEPatna 6 [1.6] Jama akkocchi maṁ avadhiākroñMQEĉ maṁ avadhi maṁ ajini maṁ ahāsi me,ajini maṁ ahāsi me | ye taṁ na upanayhanti ye tāni nopanahyanti veraṁ tesūpasammati. veraṁ tesaṁ upaśāmyati |

9HßREZEVKE(VSLE ākrośan mām avocan mām ajayan mām | ajāpayet atra ye nopanahyanti vairaṁ teṣāṁ || praśāmyati

1õPEWEVZßWXMZßHMZMRE]E (Gilgit III.ii.184) ākrośan mām avocan mām ajayan mām ahāpayan | atra ye nopanahyant i vairaṁ teṣ āṁ praśāmyati ||

*****

4ßćM?A=EQEOE4EXRE?A/LßRX na hi verena verānina hi vereṇa verāṇi sammantīdha kudācanaṁ,śāmantīha kadācanaṁ | averena ca sammanti, avereṇa tu śāmaṁti esa dhammo sanantano. esa dhaṁmo no || sanāta

9HßREZEVKE(VSLE na hi vaireṇa vairāṇi śāmyantīha kadā cana | kṣāntyā vairāṇi śāmyant || sanātanaḥ eṣa dharmaḥ

1õPEWEVZßWXMZßHMZMRE]E (Gilgit III.ii.184) na hi vaireṇa vairā ṇi śāmyantīha kadācana | kṣāntyāṇivairā śāmyanti eṣa dharmaḥsanātana ḥ||

*****

4ßćM?A=EQEOE4EXRE?A/LßRX pare ca na vijānanti pare ca na vijānaṁti mayam ettha yamāmase, vayam ettha jayāmatha | ye ca tattha vijānanti ye ca tattha vijānaṁti tato sammanti medhagā. tato śāṁmaṁti || medhakā

1õPEWEVZßWXMZßHMZMRE]E (Gilgit III.ii.183) pare 'tra na vijānanti vayam atrodyamāmahe | atra ye tu vijānanti teṣ ā ṁ śāmyantiḥ||medhakā

*****

4ßćM?A=EQEOEPatna 7 [1.7] Jama subhānupassiṁ viharantaṁ śubhā ’nupaśśiṁ viharan indriyesu asaṁvutaṁ, indriyesu asaṁvṛtaṁ | bhojanamhi amāttaṁññū bhojanamhi amattañññuṁ, kusītaṁ hīnavīriyaṁ, kuśīdaṁ hīnavīriyaṁ || taṁ ve pasahati māro taṁ ve prasahate māro vāto rukkhaṁ va dubbalaṁ. vāto rukkham va dubbala

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKE =YKE śuhaṇupaśi viharaduśubhānudarśinaṁ nityam idrieṣu asavudu indriyaiś cāpy| asaṁvṛta bhoyaṇasa amatraño bhojane cāpy amātrajñaṁ kusidu hiṇaviryava hīnaṁ jāgarikāsu ca | ta gu prasahadi raku taṁ vai ate prasah rāgo vadu rakhkṣa ba drubala. || vāto vṛkṣam ivābalam

*****

4ßćM ? A=EQEOEPatna 8 [1.8] Jama asubhānupassiṁ viharantaṁ aśubhānupaśśiṁ arantaṁvih indriyesu susaṁvutaṁ, indriyeṣu susaṁvṛtaṁ || bhojanamhi ca mattañññuṁ, bhojanamhi ca mā. . . saddhaṁ āraddhavīriyaṁ, . . .ddhaṁ āraddhavīriy taṁ ve nappasahati taṁ mārove na prasahate mār vāto selaṁ va pabbataṁ. vāto śelaṁ va parvvataṁ

+ßRHLßVé ? A=EQEOE 9HßREZEVKE =YKE aśuhaṇupaśi viharadu aśubhānudarśinaṁ nityam idrieṣu sisavudu | indriyaiś ca susaṁvṛtam bhoyaṇasa ya matraño bhojane cāpi mātrajñaṁ ṣadhu aradhaviryavayuktaṁ jāgarikāsu ca | ta gu na prasahadi raku taṁ na prasahate rāgo vadu śela va parvada. || vātaḥ śailam iva sthira

*****

4ßćM ? A=EQEOE4EXRE ?AđSOE anikkasāvo kāsāvaṁ anikkaṣāyo kāṣāyaṁ yo vatthaṁ paridahessati, yo vastaṁ paridhehiti | apeto damasaccena apeto damasaccena na so kāsāvam arahati. na so kāṣāyam arihati |

+ßRHLßVé ?A8LIVE 9HßREZEVKE =YKE anikaṣayu kaṣaya aniṣkaṣāyaḥ kāṣāyaṁ yo vastra parihasidi yo vastraṁ paridhāsyati avedu damasoraca apetadamasauratyo na so kaṣaya arahadi.nāsau kāṣāyam arhati ||

*****

4ßćM?A=EQEOE 4EXRE ?AđSOE yo ca vantakasāvassa yo tu vāntakaṣāyassa sīlesu susamāhito, śīlehi susamāhito | upeto damasaccena upeto damasaccena sa ve kāsāvam ti. arahasa ve kāṣāyam arihati |

+ßRHLßVé ?A8LIVE 9HßREZEVKE =YKE yo du vadakaṣayu ăsyāc yas tu vāntakaṣāya śileṣu susamahidu | chīleṣu susamāhitaḥ uvedu damasoraca upetadamasauratyaḥ so du kaṣaya arahadi. || sa vai kāṣāyam arhati

*****

4ßćM?A=EQEOE Patna 171 [10.15] Mala asāre sāramatino asāre sāramatino sāre cāsāradassino,sāre cā no ’sārasaṁñi | te sāraṁ nādhigacchanti te sāran

nādhigacchanti micchāsaṅkappagocarā. micchasaṁkappagocarā ||

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKE =YKE asari saravadiṇo asāre
sāramatayaḥ sari asaradaśiṇo | sāre cāsārasaṁjñinaḥ te sara nadhikachadi te sāraṁ nādhigacchanti michasaggapagoyara. mithyāsaṁ || kalpagocarāḥ

*****

4ßćM?A=EQEOE Patna 172 [10.16] Mala sārañ ca sārato ñatvā sārañ ca
sārato ññāttā asārañ ca asārato, asārañ ca asārato | te sāraṁ adhigacchanti te sāram adhigacchanti sammāsaṅkappagocarā. saṁmasaṁkappagocarā ||

GßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKE =YKE sara du saradu ñatva
sāraṁ tu sārato jñātvā asara ji asarado | hy asāraṁ cāpy asārataḥ te sara adhikachadi te sāram adhigacchanti samesagapagoyara. || samyaksaṁkalpagocarāḥ

*****

4ßćM?A=EQE ka Patna 351 [19.10] Citta yathā agāraṁ ducchannaṁ yathā
agāraṁ ducchannaṁ vuṭṭhī samativijjhati, vaṭṭhī samitivijjhati | evaṁ abhāvitaṁ cittaṁ evaṁ abhāvitaṁ cittaṁ rāgo samativijjhati. rāgo samitivijjhati ||

+ßRHLßVé ? A=EQEOE 9HßREZEVKE'MXXE yadha akaradruchana
yathā hy agāraṁ ducchan vuṭhi samadibhinadivṛṣṭiḥ samatibhindati | emu arakṣida cata evaṁ hy abhāvitaṁ citta raku samadibhinadi. || rāgaḥ samatibhindati *****

4ßćM?A=EQEOE Patna 352 [19.11] Citta yathā agāraṁ succhannaṁ yathā
agāraṁ succhannaṁ vuṭṭhī na samativijjhati, vaṭṭhī na samitivijjhat evaṁ subhāvitaṁ cittaṁ evaṁ subhāvitaṁ cittaṁ rāgo na samativijjhati. rāgo na samitivijjhati

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKE'MXXE yadha akara suchana
yathā hy agāraṁ succhan vuṭhina samadibhinadi vṛṣṭir na vyatibhindati emu surakṣida cita evaṁ subhāvitaṁ cittaṁ raku na samadibhinadi. || rāgo na vyatibhindati

*****

4ßćM?A=EQEOE Patna 3 [1.3] Jama idha socati pecca socati, iha śocati
precca śocat pāpakārī ubhayattha socati, pāpakam mo ubhayattha śocati | so socati so vihaññati so śocati so vihaṁnyati disvā kammakiliṭṭham dṛṣṭā attano. kammakileśam ātta

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKE 4ßTE idha śoyadi i preca
śoyad iha śocati pretya śocat pavakamu duhayatra pāpakarmā śoyadi hy ubhayatra so śoyadi so vihañadi sa hi śocati sa praśoca diṣpa kamu kiliṭha dṛṣṭvā || kliṣṭam atvaṇo.karma hi

*****

4ßćM?A=EQEOE Patna 4 [1.4] Jama idha modati pecca modati, iha nandati
precca nandati katapuññño ubhayattha modati, katapuṁño ubhayattha na so modati so

pamodati so nandati . . . . .dati disvā kammavisuddhim dṛṣṭāattano. kammaviśuddhim āt

+ßRHLßVé 206 [13.6] Yamaka 9HßREZEVKE 4ßTE idha nanadi preca nanadi iha nandati pretya nandati puñakamo duhayatra nanadi kṛtapuṇyo hy ubhayatra so nanadi so pramodadi sa hi nandati sa pramodate diṣpa kamu viśudhu dṛṣṭvā atvaṇo.karmaātmanaḥ hi ||viśuddh

*****

4ßćM?A=EQEOE idha tappati pecca tappati, pāpakārī ubhayattha tappati, pāpaṁ me katan ti tappati, bhiyyo tappati duggatiṁ gato.

*****

4ßćM ? A=EQEOE idha nandati pecca nandati, katapuññño ubhayattha nandati, puññaṁ me katan ti nandati, bhiyyo nandati suggatiṁ gato.

*****

4ßćM ? A=EQEOE 4EXRE ?A:ßGß bahum pi ce sahitaṁbahuṁ bhāsamāno,sahitaṁ pi ce bhāṣamāno na takkaro hoti naro pamatto, na takkaro hoti naro pramatto | gopo va gāvo gaṇayaṁ gopo paresaṁ, va gāvo gaṇayaṁ pa na bhāgavā sāmañña ssa na bhāgavā hoti. śāmaṇṇassa h

+ßRHLßVé ? A8LIVE 9HßREZEVKE%TVEQßHE baho bi ida sahida subahv bhaṣamaṇa apīha sahitaṁ bh na takaru bhodi naru pramatu | na tatkaro bhavati nara govo va gaü gaṇaü pareṣa gopaiva gāḥ saṁgaṇayaṁ na bhakava ṣamañathasa na bhāgavāṁ bhodi . cchrāmaṇyār ||

*****

4ßćM?A=EQEOE 4EXRE ?A:ßGß appam pi ce sahitaṁappaṁ bhāsamāno, pi ce sahitaṁ bhā dhammassa hoti ī,anudhammacār dhammassa hoti anudhamm rāgañ ca dosañ ca pahāya rāgaṁ ca mohaṁ, doṣaṁ ca prahā sammappajāno suvimuttacitto, vimuttacitto akhilo akaṁcho | anupādiyāno idha vāanupādiyāno huraṁ vā, iha vā hure sa bhāgavā sāmañña ssa sa bhāgavā hoti. śāmannassa h

+ßRHLßVé ?A8LIVE 9HßREZEVKE%TVEQßH apa bi ida sahida bhaṣamaṇa alpam api cet sahi taṁ bhāṣamāṇo i aṇudha dhamasa bhod macari dharmasya bhavati hy an iaṇu idha va hororāgaṁ aṇuvad va ca doṣaṁ ca tatha so bhakava ṣamañathasa prahāya bhodi. || bhāgī śrāmaṇyār

=EQEOEZEKKSTEěLEQS

%TTEQßHEZEKKE 4ßćM?A%TTEQßHE 4EXRE?A%TVEQßHE appamādo amatapadaṁ, apramādo amatapadaṁ pamādo maccuno padaṁ,pramādo maccuno padaṁ | appamattā , na mīyanti apramattā na mrīyanti ye pamattā yathā matā. ye pramattā yathā matā

+ßRHLßVé?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE%TVEQßHE apramadu amudapada apramādo hy amṛtapadaṁ pramadu mucuṇo padapramādo mṛtyunaḥ | padam apramata na miyadi apramattā na mriyante ye pramata yadha mudu . || ye pramattāḥ sadā mṛtāḥ

*****

4ßćM?A%TTEQßHE Patna 15 ?A%TVEQßHE etaṁ visesato ñatvāetaṁ viśeṣataṁ nyāttā appamādamhi paṇḍitā, apramādamhi paṇḍitā | appamāde pamodanti,apramāde pramodanti ariyānaṁ gocare ratā. ayirāṇāṁ gocare ratā ||

+ßRHLßVé?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE%TVEQßHE eda viśeṣadha ñatvaetāṁ viśeṣatāṁ tvā jñā apramadasa paṇido hy apramādasya| paṇḍitaḥ apramadi pramodia udyetapram apramādaṁ arianạ goyari rado.nityam āryaḥ || svagocaram

*****

4ßćM?A%TTEQßHE 4EXRE?A%TVEQßHE te jhāyino sātatikā, te jhāyino sātatikā niccaṁ daḷhaparakkamā, niccaṁ dṛḍhaparākramā | phusanti dhīrā nibbānaṁ, phusanti dhīrā nibbāṇaṁ yogakkhemaṁ anuttaraṁ. yogacchemaṁ anuttaraṁ |

9HßREZEVKE%TVEQßHE apramattāḥ sātatikā | nityaṁ dṛḍhaparākramāḥ spṛśanti dhīrā nirvāṇaṁ yogakṣemam || anuttaram

*****

4ßćM?A%TTEQßHE 4EXRE ?A%TVEQßH uṭṭhānavato satīmato,uṭṭhāṇavato satīmato sucikammassa nisammakārino, śucikammassa niśāmmakār saññatassa ca dhammajīvino, saṁyyatassa ca dhammajī appamattassa yasobhivaḍḍhati. apramattassa yaśo ’ssa

+ßRHLßVé?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE%TVEQßHE aṇamado svadimado utthānavataḥ smṛtātmana suyikamasa niśamacariṇo | niśāmyac [śubhacittasya sañadasa hi dhamajiviṇo saṁyatasya hi dharmajīv apramatasa yaśidha hy apramattasya|| yaśo ’b vaḍhadi.

*****

4ß ćM?A%TTEQßHE 4EXRE ?A%TVEQßH uṭṭhānenappamādena uṭṭhāṇenā ’pramādena saṁyamena damena ca, saṁyyamena damena ca | dīpaṁ kayirātha medhāvī, dīpaṁ kayirātha medhāvī yaṁ ogho nābhikīrati. yam ogho nādhipūrati ||

+ßRHLßVé?A%TVE madu 9HßREZEVKE%TVEQßHE utthßnenāpramādena sañameṇa dameṇa ca saṁyamena damena ca | divu karodi medhavi dvīpaṁ karoti medhāvī ya jara nabhimardadi. || tam ogho nābhimardati

*****

4ßćM?A%TTEQßHE 4EXRE?A%TVEQßHE pamādam anuyuñjantipramādam anuyuñjanti bālā dummedhino janā, bālā dummedhino janā | appamādañ ca medhāvī apramādan tu medhāvī dhanaṁ seṭṭhaṁ va rakkhati. dhanaṁ śreṣṭhaṁ va rakk

+ßRHLßVé? A%TVEQEHY 9HßREZEVKE%TVEQßH pramada aṇuyujadi pramādam anuvartante bala drumedhiṇo jaṇa | bālā durmedhaso janāḥ apramada du medhavi apramādaṁ tu medhāvī dhaṇa śeṭhi va rakṣadi. || dhanaṁ śreṣṭhīva rakṣat

*****

4ßćM?A%TTEQßHE mā pamādam anuyuñjetha mā kāmaratisanthav aṁ, appamatto hi jhāyanto pappoti vipulaṁ sukhaṁ.

+ßRHLßVé ?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE%TVEQßH [apramadi pramodia] pramādaṁ nānuyujyeta ma gamiradisabhamu | na kāmaratisaṁstavam apramattaḥ sadā dhyāyī prāpnute hy ||acalaṁ sukh [viśeṣa adhikachadi.]

+ßRHLßVé?A%TVEQEHYZEKE [naï pramadasamayu aprati asavakṣayi] apramato hi jayadu pranodi paramu sukhu.

*****

4ßćM ? A%TTEQßHE 4EXRE ?A%TVEQßHE pamādaṁ appamādena pramādam apramādena yadā nudati paṇḍito, yadā nudati paṇḍito | paññāpāsādam āruyha, praṁñāprāsādam āruyha asoko sokiniṁ pajaṁ, aśoko śokiniṁ prajāṁ | pabbataṭṭho va bhummaṭṭhe parvvataṭṭho va bhoma ’ dhīro bāle avekkhati.dhīro bāle avecchati ||

+ßRHLßVé ?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE%TVEQßHE pramadu apramadeṇa pramādam apramādena yadha nudadi paṇiduyadā nudati | paṇḍitaḥ prañaprasada arusu prajñāprāsādam āruhya aśoka śoiṇo jaṇa tv aśokaḥ śokinīṁ prajā parvatasthaiva bhūmisthāṁ dhiru bala avekṣidi. dhīro bālān || avekṣate

*****

4ßćM ? A%TTEQßHE 4EXRE ?A%TVEQßHE appamatto pamattesu, apramatto pramattesu suttesu bahujāgaro,suttesu bahujāgaro | abalassaṁ va sīghassoabalāśśam va śīghrāśśo hitvā yāti sumedhaso.hettā yāti sumedhaso ||

+ßRHLßVé ? A%TVEQEHY 9HßREZEVKE %ñZE apramatu pramateṣu apramattaḥ XXIēY prama suteṣu bahojagaru WYTXIēYFELY | jāgaraḥ a iva bhadrāśvaṁ avalaśa va bhadraśuabalāśv hitva yadi sumedhasu. hitvā yāti|| sumedhasam

*****

4ßćM?A%TTEQßHE appamādena maghavā devānaṁ seṭṭhataṁ gato, appamādaṁ pasaṁsanti, pamādo garahito sadā.

+ßRHLßVé?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE%TVEQßH a apramadeṇa
makavha apramādaṁ praśaṁsanti devaṇa samidhi gadupramādo garhitaḥ sadā | apramādena maghavāṁ pramadu gara hidu sada. || devānāṁ śreṣṭhatāṁ gata

*****

4ßćM?A%TTEQßHE 4EXRE?A%TVEQßH appamādarato
bhikkhu, apramādagaru bhikkhū pamāde bhayadassivā, pramāde bhayadaṁśino saṁyojanaṁ aṇuṁ thūlaṁ saṁyojanam aṇutthūlaṁ ḍahaṁ aggīva gacchati. dahaṁ aggīva gacchati |

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE %TVEQßH apramadaradu yo
bhikhu apramādarato bhikṣuḥ pramadi bhayadañMQE pramāde darśakaḥ| bhaya sañoyaṇaEdŸthula saṁyojanam aṇusthūlaṁ ḍahu agi va gachadi. dahann agnir iva gacchati ||

*****

4ßćM?A%TTEQßHE 4EXRE? A%TVEQßHE appamādarato bhikkhu,
apramādagaru bhikkhū pamāde bhayadassivā, pramāde bhayadaṁśino | abhabbo parihānāya,abhavvo parihāṇāya nibbānasseva santike. nibbāṇasseva santike ||

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE%TVEQßH apramadaradu yo
bhikhu apramādarato bhikṣuḥ | pramadi bhayadaśimapramāde bhayadarśakaḥ abhavu parihaṇaï abhavyaḥ parihāṇāya nivaṇaseva sadii. va so|| ’ntike nirvāṇasyai

%TTEQßHEZEKKSHYXM]S

3. Cittavagga 4ßćM?A'MXXEPatna 342 [19.1] Citta phandanaṁ capalaṁ
cittaṁ phandanaṁ capalaṁ citta dūrakkhaṁ dunnivārayaṁ, durakkhaṁ dunnivārayaṁ ujuṁ karoti medhāvīujjuṁi karot medhāvī usukāro va tejanaṁ.uṣukāro va tejanā ||

+ßRHLßVé? A'MXE 9HßREZEVKE 'MXXE phanaṇa cavala
citaspandanaṁ capalaṁ citta drurakṣa drunivaraṇa | durakṣyaṁ durnivāraṇam u..... ṛjuṁ karoti medhāvī ..... iṣukāra iva tejasā ||

*****

4ßćM?A'MXXEPatna 343 [19.2] Citta vārijo va thale khitto vārijo va thale
khitto okam okata’ ubbhato, okamokātu ubbhato | pariphandatidaṁ cittaṁ pariphandatimaṁ cittaṁ māradheyyaṁ pahātave. māradheyaṁ prahātaye ||

+ßRHLßVéF? #A' itavaga 9HßREZEVKE'MXXE vario vao thale
kṣitvārijo vā sthale kṣipta ..... okād oghātă` samuddhṛta ..... parispandati vai cittaṁ ..... māradheyaṁ prahātavai |

*****

4ßćM?A'MXXEPatna 345 [19.4] Citta dunniggahassa lahuno dunniggrahassa
laghuno yatthakāmanipātino,yatthakāmanipātino | cittassa damatho sādhu, cittassa

damatho sādhu cittaṁ dantaṁ sukhāvahaṁ. cittaṁ dāntaṁ sukhāvaha

9HßREZEVKE'MXXE durnigrahasya laghuno yatrakāmanipātinaḥ| cittasya damanaṁ sādhu cittaṁ dāntaṁ sukhāvaha

*****

4ßćM?A'MXXEPatna 346 [19.5] Citta sududdasaṁ sunipuṇaṁ sududdaśaṁ sunipuṇaṁ yatthakāmanipātinaṁ, yatthakāmanipātinaṁ | cittaṁ rakkhetha medhāvī, cittaṁ rakkheya medhāvī cittaṁ guttaṁ sukhāvahaṁ. tad<a>hi guttaṁ sukhāva

*****

4ßćM?A'MXXEPatna 344 [19.3] Citta dūraṅgamaṁ ekacaraṁdūraṁgamaṁ ekacaraṁ asarīraṁ guhāsayaṁ,aśarīraṁ guhāśayaṁ | ye cittaṁ sañña̐m essanti ye cittaṁ saṁyyamehinti mokkhanti mārabandhanā. mokkhaṁte mārabaṁdhanā

+ßRHLßVéE? #A'MXEZEKE

9HßREZEVKE %'MXXE duragama eka HõVEĉKEQEQIOEGEVEQ

..... EñEVéVEĉKYLßñE]EQ`

.....]IGMXXEĉHEQE]Mē]ERXM

..... ZMQSOē]ERXIQELßFLE]ßX

4ßćM 38 [3.6] Citta 4EXRE? A(EHERX anavaṭṭhitacittassaanavaṭṭhitacittassa saddhammaṁ avijānato, saddhaṁmam avijānato | pariplavapasādassa pāriplavaprasādassa paññā na paripūrati. praṁñā na paripūrati ||

+ßRHLßVéG? #A'MXEZEKE 9HßREZEVKE 'MXXE itasa anavasthitacittasya ..... saddharmam avijānataḥ | ..... pāriplavaprasādasya ..... prajñā na || paripūryate

*****

4ßćM ?A'MXXEPatna 347 [19.6] Citta anavassutacittassa anaprāśrayamāṇassa ananvāhatacetaso, ananvāhatacetaso | puññapāpapahīn assa [hettā kallāṇapāpāni] natthi jāgarato bhayaṁ. nāsti jāgarato bhayaṁ |

+ßRHLßVéH? #A'MXEZEKE 9HßREZEVKE 4ßTE sa aṇuvaṣudacita anavasrutacittasya ..... tv anunnahanacetasaḥ | ..... puṇyapāpaprahīṇasya ..... nāsti durgatito || bhayam

*****

4ßćM? A'MXXEPatna 350 [19.9] Citta kumbhūpamaṁ kāyam imaṁ kuṁbhopamaṁ viditvā,kāyam imaṁ nagarūpamaṁ cittam nagaropamaṁ idaṁ ṭhapetvā, cittam adh yodhetha māraṁ paññāvudhena, jitañ ca rakkhe anivesano siyā.

4. Pupphavagga

4ßćM?A4YTTLE 4EXRE ?AÞXXE na paresaṁ vilomāni, na paresaṁ vilomāni na paresaṁ katākataṁ,na paresaṁ katā ’kataṁ attano va avekkheyya āttanā ye aveccheyā katāni akatāni ca. katāni akatāni ca ||

+ßRHLßVé?A?4VEOMďEOEZEKE#A 9HßREZEVKE 4YēTE na pareṣa vilomaṇi na pareṣāṁ vilomāni na pareṣa kidakida na pareṣāṁ | k ṛtākṛtam atvaṇo i samikṣea ātmanas tu samīkṣeta [samaṇi viṣamaṇi ca.] [samāni viṣamāni | ca]

4ßćM?A4YTTLE 4EXRE? A4YēTE yathā pi puppharāsimhā yathā pi puṣparāśimhā kayirā mālāguṇe bahū, kayirā mālāguṇe bahū | evaṁ jātena maccenaevaṁ jātena māccena kattabbaṁ kusalaṁ bahuṁ. kātavvaṁ kuśalaṁ bahuṁ

+ßRHLßVé ? A?4YēTEA 9HßREZEVKE 4YēTE yada vi puṣparaśisayathāpi puṣparāśibhyaḥ kuya malaguṇa baho kuryā n mālāguṇāṁ | bahūn emu jadeṇa maceṇa evaṁ jātena martyena katavi . . . . . kartavyaṁ kuśalaṁ bahu

*****

4ßćM?A4YTTLE 4EXRE? A4YēTE na pupphagand ho paṭivātameti, na puṣpagandho paṭivāta na candanaṁ tagaramallikāna candanaṁ vā, tagaraṁ vāh satañ ca gandho paṭivātamsatān tu eti, gandho paṭivāt sabbā disā sappuriso sabbā pavāyati. diśā vāti sappuruṣo || pr

+ßRHLßVé ? A?4YēTEA 9HßREZEVKEđéPE . . . . pradivada vayadi na puṣpagandhaḥ prativā na malia takara canaṇa va na vāhnijāt tagarac can sadaṇa gano pradivada satāṁ vaïdi tu gandhaḥ ivātam eti prat sarva diśa sapuruṣo padaïdi. sarvā diśaḥ satpuruṣaḥ

*****

4ßćM?A4YTTLE 4EXRE? A4YēTE candanaṁ tagaraṁ vācandanaṁ pi, tagaraṁ cāpi uppalaṁ atha vassikī, uppalaṁ atha vāśśikiṁ | etesaṁ gandhajātānaṁ etesāṁ ātānāṁ gandhaj sīlagandho anuttaro. śīlagandho anuttaro ||

+ßRHLßVé ? A?4YēTEA 9HßREZEVKEđéPE . . . . . .ya vi tagarāc candanāc cāpi ..... [vārṣikāyās | tathotpalāt . . . ganajadaṇa etebhyo gandhajātebhyaḥ śilagano ivutama. śīlagandhas tv anuttara

*****

4ßćM?A4YTTLE 4EXRE? A4YēTE appamatto ayaṁ gandho appāmātro ayaṁ gaṁdho yāyaṁ tagaracandanī, yoyaṁ tagaracandane | yo ca sīlavataṁ gandho yo tu śīlavatāṁ gandho vāti devesu uttamo.vāti devesu uttamo ||

9HßREZEVKE đéPE alpamātro hy ayaṁ gandh yo ’yaṁ tagaracandanāt yas tu śīlavatāṁ gandho vāti deveṣv apīha saḥ |

*****

4ßćM?A4YTTLE 4EXRE? A4YēTE tesaṁ sampannasīlānaṁ tesāṁ sampannaśīlānāṁ appamādavihārinaṁ apramādavihāriṇāṁ | sammad aññāvimuttānaṁ, sammadaṁñāvimuttānāṁ māro maggaṁ na vindati. māro māggaṁ na viṇḍati

+ßRHLßVé ? A?4YēTEA 9HßREZEVKE đéPE . . . FEđE śilaṇa teṣāṁ viśuddhaśīlānām apramadavihariṇa | apramādavihāriṇām samadañavimutaṇa samyagājñāvimuktānāṁ gadi maro na vinadi. māro mārgaṁ na vindati

*****

4ßćM ?A4YTTLE 4EXRE? A4YēTE yathā saṅkāradhānasmiṁ yathā saṁkārakūṭamhi ujjhitasmiṁ mahāpathe, ujjhitamhi mahāpathe | padumaṁ tattha jāyetha padumaṁ ubbhidaṁ assa sucigandhaṁ manoramaṁ. śucigandhaṁ manoramaṁ |

+ßRHLßVé? A?4YēTEA 9HßREZEVKE 4YēTE yadha sagaraüḍasa yathā saṁkārukūṭe tu vyujjhite hi mahāpathe padumu tatra jaea padmaṁ tatra tu jāyeta mam || manora suyigaa maṇoramu. śucigandhi

*****

4ßćM ?A4YTTLE 4EXRE? A4YēTE evaṁ saṅkārabhūtesuevaṁ saṁkārabhūtesu andhabhūte puthujjane, andhabhūte pṛthujjane | atirocati paññāya atirocanti praṁñāya sammāsambuddhasāvako. saṁmāsabuddhasāvakā ||

+ßRHLßVé ? A?4YēTEA 9HßREZEVKE 4YēTE emu saghasadhama ü evaṁ Oß saṁ rabhūte ’sminn aahodi prudhijaṇe andhabhūte| pṛthagjane abhiroyadi prañaï prajñayā vyatirocante || samesabudhaṣavaka. samyaksaṁbuddhaśrāvakāḥ

Pupphavaggo catuttho.

&ßPEZEKK a 4ßćM?A&ßPE 4EXRE ?A&ßPE dīghā jāgarato ratti, drīghā assupato rātrī dīghaṁ santassa yojanaṁ, drīghaṁ śāntassa yojana dīgho bālānaṁ saṁsāro drīgho bālānā saṁsāro saddhammaṁ avijānataṁ. saddhaṁmam avijānatāṁ |

9HßREZEVKE 9 Anitya HéVKLßNßKEVEXSVßXVMV dīrghaṁ śrāntasya | yojan dīrgho bālasya ă saṁsāra saddharmam aZMNßRE taḥ ||

*****

4ßćM?A&ßPE carañ ce nādhigaccheyya seyyaṁ sadisam attano, ekacariyaṁ daḷhaṁ kayirā, natthi bāle sahāyatā.

9HßREZEVKE 14.15 Droha caraṁś ca nādhigaccheta [sahāyaṁ tulyam | ātmanaḥ ekacaryāṁ dṛḍhaṁn kuryā nāsti bāle sahāyatā ||

1õPEWEVZßWXMZßHMZMRE]E (Gilgit III.ii.185) caraṁś cen nādigaccheta śreya ḥsadṛ śam ātmanaḥ| ekacaryā ṁ dṛḍ hāṁ kuryān nāsti bāle | sahāyatā |

*****

4ßćM?A&ßPE puttā matthi dhanam matthi iti bālo vihaññati, attā hi attano natthi kuto puttā, kuto dhanaṁ.

9HßREZEVKE%RMX]E putro me ’sti dhanaṁ me ’stī evaṁ vihanyate bālo| ātmaiva hy ātmano nāsti kasya putraḥ dhanam || kuto

*****

4ßćM?A&ßPE 4EXRE ?A&ßPE yo bālo maññati bālyaṁ, yo bālo bālamānī paṇḍito vā pi tena paṇḍito so, cāpi tattha so bālo ca paṇḍitamānībālo tu paṇḍitamānī sa ve bālo ti vuccati. sa ve bālo ti vuccati |

9Hß navarga 25.22 Mitra yo jānīyād ahaṁ bāla iti bālaḥ sa paṇḍitaḥ | bālaḥ paṇḍitamānī tu bāla eva|| nirucyate

(MZ]ßZEHßRET yo bālo bālabhāvena paṇḍ itas tatra tena sa ḥ| bāla ḥpaṇḍ itamānī tu sa vai bāla ihocyate ||

*****

4ßćM?A&ßPE 4EXRE ? A&ßPE yā vajīvam pi ce bāloyāvaj jīvaṁ pi ce bālo paṇḍitaṁ payirupāsati paṇḍite payirupāsati | na so dhammaṁ vijānāti, neva dhammaṁ vijānāti dabbī sūparasaṁ yathā. dravvī sūparasān iva ||

+ßRHLßVé?A?4EdMHEA 9HßREZEVKE1MXVE yavajiva bi ya balu yāvajjīvaṁ pi ced bālaḥ paṇida payuvasadi | paṇḍitāṁ paryupāsate neva dhamu viaṇadi na sa dharmaṁ vijānāti [praña hisa na vijadi.] || darvī sūparasān iva

*****

4ßćM?A&ßPE 4EXRE ? A&ßPE

muhuttam api ce viññū muhuttam api ce praṁño paṇḍitaṁ pāsati payiru paṇḍite payirupāsati | khippaṁ dhammaṁ vijānāti, khipraṁ dhammaṁ vijānāt jivhā sūparasaṁ yathā. jivhā sūparasān iva ||

+ßRHLßVé?A?4EdMHEA 9HßREZEVKE1MXVE muhuta bi ya viñu muhūrtam api saprajñaḥ paṇada payuvasadi | paṇḍitāṁ paryupāsate so du dhamu viaṇadi sa vai dharmaṁ NßRßti vi [praña hisa tadovia.] || jihvā sūparasān iva

*****

4ßćM?A&ßPE 4EXRE?A&ßPE caranti bālā dummedhā caranti bālā dummedhā amitteneva attanā, amitteṇa r iva āttanā | karontā pāpakaṁ kammaṁ karontā pāpakaṁ kammaṁ yaṁoti h kaṭukapphalaṁ. yaṁ hoti kaṭukapphalaṁ

9HßREZEVKE /EVQE caranti bālā duṣprajñā hy amitrair | iva cātmabh kurvantaḥ pāpakaṁ karma yad bhavati || aṁ phalaṁ kaṭuk

*****

4ßćM? A&ßPE 4EXRE?A&ßPE na taṁ kammaṁ kataṁkathañ
sādhu ca taṁ kare kaṁm yaṁ katvā anutappati, yaṁ kattā anutappati | yassa assumukho rodaṁ yassa aṁśumukho rodaṁ vipākaṁ paṭisevati.vipākaṁ paṭisevati ||

9HßREZEVKE /EVQE na tat karma kṛtaṁ sādh yat kṛtvā hy anutapyate rudann aśrumukho yasya || vipākaṁ pratiṣevate

*****

4ßćM ? A&ßPE Patna ?A&ßPE tañ ca kammaṁ kataṁtaṁ sādhuca
kaṁmaṁ kataṁ sād yaṁ katvā nānutappati, yaṁ kattā nānutappati | yassa patīto sumanoyassa pratīto sumano vipākaṁ paṭisevati.vipākaṁ paṭisevati ||

9HßREZEVKE /EVQE tat tu karma kṛtaṁ sādh yat kṛtvā nānutapyate | yasya pratītaḥ sumanā || vipākaṁ pratiṣevate

*****

4ßćM ?A &ßPE madhuvā maññati bālo, yāva pāpaṁ na paccati, yadā ca paccati pāpaṁ, atha (bālo) dukkhaṁ nigacchati.

9HßREZEVKE 4ßTE QEHLYZEHQER]EXIFßPS | na pacyate yāvat pāpaṁ yadā tu pacyate pāpam || atha duḥkhaṁ nigacchati

*****

4ßćM? A&ßPE Patna 388 [21.13] Sahasra māse māse kusaggenamāse māse
kuśāggreṇa bālo bhuñjetha bhojanaṁ, bālo bhuñjeya bhojanaṁ na so saṅkhātadhammānaṁ [na taṁ saṁghe prasādas kalaṁ agghati soḷasiṁ. kalām agghati ṣoḍaśiṁ |

9HßREZEVKE4I]ßP a māse māse kuśāgreṇa | yo hi bhuñjīta bhojanam [na tad buddheprasādasya] kalām arghati || ṣoḍaśīm

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE māse māse ṇa kuśāgre bāloṁjeya bhubhojanaṁ | na so buddhe prasādasya kalām arghati ṣoḍaśīṁ ||

*****

4ßćM?A &ßPE 4EXRE?A/EP]ßď na hi pāpaṁ kataṁ kammaṁ
na hi pāpakaṁ kataṁ kam sajju khīraṁ va muccati, sajjaṁ chīraṁ va muccha ḍahantaṁ bālam anveti dahantaṁ bālam anneti bhasmacchanno va pāvako. bhassachanno va pāpako

9HßREZEVKE / arma na hi pāpakṛtaṁ karma sadyaḥ kṣīram iva mūrch dahantad bālam anveti bhasmācchanna|| ivānalaḥ

*****

4ßćM?A&ßPE4EXRE?A&ßPE yāvad eva anatthāyayāvad eva anatthāya ñattaṁ bālassa jāyati, ñāttaṁ bālassa jāyati | hanti bālassa sukkaṁsaṁ čKKEĉ śukrā hanti bālassa muddham assa vipātayaṁ. muddham assa nipātaye |

9HßREZEVKE7EXOßVE yāvad eva hy anarthāya | jñāto bhavati bāliśaḥ hanti bālasya śuklāṁśaṁ mūrdhānaṁ cāsya pātayet

*****

4ßćM?A&ßPE4EXRE ?A&ßPE asataṁ bhāvanam iccheyya, asatāṁ bhāvanam icchant purekkhārañ ca bhikkhusu, purekkhārañ ca bhikkhus āvāsesu ca issariyaṁ,āvāsesu ca essariyaṁ pūjā parakulesu ca.pūjāṁ parakulesu ca ||

9HßREZEVKE7EXOßVE asanto cchanti lābham i satkāraṁZEFLMOēYēY` cai ßvßseṣu ca mātsaryaṁ pūjāṁ parakuleṣu ca ||

*****

4ßćM?A&ßPE Patna 17 ?A&ßPE mameva kata’ mañňantumameva katamannentu gihī pabbajitā ubho, gṛhī pravrajitā ca ye | mameva ativasā assu [na me pratibalā assa] kiccākiccesu kismici,kiccā ’kiccesu kesuci | iti bālassa saṅkappo 4EXRE ?A&ßPE icchā māno ca vaḍḍhati. iti bālassa saṁkappo icchāmāno ca vaddhati | [aṁñā hi lābhopaniśā aṁñā nibbāṇagāminī] ||

9HßREZEVKE7EXOßVE [mām nityaṁ eva jānīyur] gṛhī pravrajitas tathā ßś ca syuḥ] [mama prativaś || kṛtyākṛtyeṣu keṣu cit

9HßREZEVKE7EXOßVE iti bālasya saṁkalpā | icchāmānābhivardhakāḥ [anyā hi lābhopaniṣad || anyā nirvāṇagāminī]

*****

4ßćM?A&ßPE4EXRE ?A&ßPE aññā hi panisā, lābhū [iti bālassa saṁkappo aññā nibbānagāminī,icchāmāno ca | vaddhati] evam etaṁ abhiññāyaaṁñā hi lābhopaniśā bhikkhu buddhassa sāvako aṁñā nibbāṇagāminī || sakkāraṁ nābhinandeyya, vivekam anubrūhaye.4EXRE ? A&ßPE evam etaṁ yathābhūtaṁ paśśaṁ buddhassa sāvako sakkāraṁ nābhinandeyā vivekam anubrūhaye ||

9HßREZEVKE7EXOßVE [iti bālasya saṁkalpā | icchāmānābhivardhakāḥ] anyā hi lābhopaniṣad || anyā nirvāṇagāminī

9HßREZEVKE7EXOßVE etaj jñātvā taṁ yathābhū buddhānāṁ śrāvakaḥ sadā satkāraṁ nābhinandeta vivekaṁ anubṛṁhayet ||

&ßPEZEKKSTE²GEQS

4EďÿMXEZEKKE 4ßćM?A4EďÿMXE Patna 206 [12.12] Attha nidhīnaṁ va pavattāraṁ nidhino va pravattāraṁ yaṁ passe vajjadassinaṁ, yaṁ paśśe vajjadaṁśinaṁ niggayhavādiṁ medhāviṁ nigṛhyavādiṁ medhāvīṁ tādisaṁ paṇḍitaṁ bhaje, tārisaṁ puruṣaṁ bhaje | tādisaṁ bhajamānass a tārisaṁ

bhajamānassa seyyo hoti na pāpiyo. śreyo hoti na pāpiyo ||

+ßRHLßVé? A?4EdĎMHEA 9HßREZEVKE 4ßTE nisedara pravatara nişeddhāraṁ pravaktāraṁ yo paśi daśaṇa vaji | yaj jāned vadyadarśinam nigiśavadi medhavi nigṛhyavādinaṁ dhīraṁ | tadiśa paṇada bhayi tādṛśaṁ satataṁ bhajet tadi bhayamaṇaṇa tādṛśaṁ bhajamānasya ṣeho bhodi na paviu. śreyo bhavati || na pāpaka

*****

4ßćM?A4EdÿMXEPatna 207 [12.13] Attha ovadeyyānusāseyya, ovadeyā anuśāseyā asabbhā ca nivāraye, asabbhāto nivāraye | sataṁ hi so piyo hoti, satāṁ hetaṁ priyaṁ hoti asataṁ hoti appiyo. asatāṁ hoti apriyaṁ ||

+ßRHLßVé?A?4 EdĎMHEA 9HßREZEVKE4VM]E anuśaśadi ovadadi avavadetānuśāsīta asabhe hi navaraï cāsabhyāc |ca nivārayet paṇidaṇa prio bhodi asatāṁ na priyo bhavati balaṇa bhodi aprio. satāṁ bhavati || tu priyaḥ

*****

4ßćM ?A4EdÿMXE Patna 205 [12.11] Attha na bhaje mitte,pāpake na bhajetha pāpake mitr na bhaje purisādhame, na bhajetha puruṣā 'dha bhajetha mitte kalyāṇe, bhajetha e medhāvī praṁñ bhajetha purisuttame. bhajetha puruṣottame | [tārise bhajamānassa śreyo hoti || na pāpiyo]

UHßREZEVKE1MXVE na bhajet ĉmitraṁ pāpaka na bhajeXTYVYēßHLEQEQ` bhajeta mitraṁ kalyāṇaṁ || bhajed uttamapūruṣam

*****

4ßćM ?A4EdÿMXE Patna 348 [19.7] Citta dhammapīti sukhaṁ seti, dhammaprītirasaṁ pāttā vippasannena cetasā, viprasannena cetasā | ariyappavedite dhamme ayirapravedite dhamme sadā ramati paṇḍito. sadā ramati paṇḍito ||

+ßRHLßVé?A?4EdĎMHEA 9HßREZEVKE7YOLE dhamapridi suhu śayadi dharmaprīt iăsukhaṁ śete viprasaneṇa cedaso viprasannena cetasā | ariapravedidi dharmi āryapravedite dharme || sada ramadi paṇidu.ramate paṇḍitaḥ smṛtaḥ

*****

4ßćM ?A4EdÿMXE udakaṁ hi nayanti nettikā, usukārā namayanti tejanaṁ, dāruṁ namayanti tacchakā, attānaṁ damayanti paṇḍitā.

9HßREZEVKE9HEOE udakena nijanti RINEOß MēYOßVßREQE]ERXMXI jasā | dāruĉnamayanti takṣakā hy ātmānaĉHEQE || yanti paṇḍitāḥ

*****

4ßćM ?A4EdÿMXE

4ßćM ? A4EďÿMXE na attahetu na parassa hetu, na puttam icche na dhanaṁ na raṭṭhaṁ, na iccheyya adhamm ena samiddhim attano,

4ßćM ?A%VELERXE 4EXRE ?AđSOE yassindriyāni samathaṁ yassendriyāṇi gatāni, samathaṁ assā yathā inā sārath sudantā,aśśā yathā sārathinā su pahīnamānassa anāsavassa, prahīṇamānassa anāsavas devā pi tassa pihayanti devā pi tādino. tassa prihayant

9HßREZEVKE %ñZE yas]IRHVM]ßďMni samatāṁ gatā | aśvo yathā sārathinā su prahīṇadoṣāya nirāsravā devāpi tasmaityam ||spṛhayant

*****

4ßćM ?A%VELERXE paṭhavisamo no virujjhati, indakhīlūpamo tādi subbato, rahado va apetakaddamo, saṁsārā na bhavanti tādino.

*****

4ßćM ?A%VELERXE 4EXRE ?AđSOE santaṁ tassa manaṁ śānto hoti, tassa mano hoti santā vācā ca kammaśāntā ca, vācā ca kaṁmu ca sammad aññāvimuttassa, saṁmadaṁñāvimuttassa upasantassa tādino.upaśāntassa tāyino ||

9HßREZEVK a 31.45 Citta śāntam asya mano bhavat śāntā vāk kāyakarma ca samyagājñāvimuktasya hy upaśāntasya || bhikṣuṇa

*****

4ßćM ? A%VELERXE Patna 333 [18.7](EHERXé assaddho akataññū ca aśraddho akataṁñū ca sandhicchedo ca yo naro, saṁdhicchedo ca yo naro hatāvakāso vantāso hatāvakāśo vāntāśo sa ve uttamaporiso. sa ve uttimaporuṣo ||

9HßREZEVKE =YKE aśraddhaś cākṛtajñaś ca saĉdhicchettā| ca yo naraḥ hatāvakāśo vāntāśaḥ || sa vai tūttamapūruṣaḥ

*****

4ßćM ? A%VELERXE 4EXRE?A/LßRXM gāme vā yadi vāraññe, aranne yadi vā ggrāme ninne vā yadi vā thale, ninne vā yadi vā thale yattharahanto viharanti yattha arahanto viharaṁ taṁ bhūmiṁ rāmaṇeyyakaṁ.taṁ bhomaṁ rāmaṇīyakaṁ

9HßREZEVKE =YKE grāme ā yadi v vāraṇye nimne vā yadi vā sthale yatrārhanto viharanti || te deśā ramaṇīyakāḥ

*****

4ßćM ?A%VELERXE Patna 155 [9.19] Tahna ramaṇīyāni araññāni, ramaṇīyaṁṇaṁ vatā ’raṇ yattha na ramatī jano, yamhiṁ na ramate jano | vītarāgā ramissanti, vītarāgāttha raṁsanti na te kāmagavesino.nāṁñe kāmagaveṣiṇo ||

9HßREZEVKE =YKE ramaṇīyāny araṇyāni | na cātra ramate janaḥ vītarāgātra raṁsyante || na tu kāmagaveṣiṇaḥ

Arahantavaggo sattamo.

8. Sahassavagga 4ßćM? A7ELEWWE Patna 376 [21.1] Sahasra sahassam api ce vācā sahasram api ce vācā anatthapadasaṁhitā,anatthapadasāhitā | ekaṁ atthapadaṁ seyyoekaṁ atthapadaṁ śreyo yaṁ sutvā upasammati.yaṁ śottā upaśāṁmati ||

+ßRHLßVé? A?7ELEWEA 9HßREZEVKE4I]ßPE sahasa bi ya vayaṇa[yac ca gāthāśataṁ bhāṣ aṇa thapadasahida anarthapaHEWEĉLMXEQ` eka vayapada ṣevha IOEQEVXLETEHEĉñV eyo y upaśāmyati ya ṣutva uvaśamadi.yac chrutvā h ||

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE sahasram ṁ api vācānā anarthapadasa ṁhitā | ekāarthavatī śreyā yāṁ śrutvā upaśāmyati ||

*****

4ßćM? A7ELEWWE sahassam api ce gāthā anatthapadasaṁhitā, ekaṁ gāthāpadaṁ seyyo yaṁ sutvā upasammati.

+ßRHLßVé ? A?7ELEWEA . hasa bi ya gadhaṇa aṇathapadasahida eka gadhapada ho ṣe ya ṣutva uvaśamadi.

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE sahasram api gāthānām anarthapadasa ṁhitā | ekā arthavatī śreyā yāṁ śrutvā upaśāmyati ||

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 377 [21.2] Sahasra yo ce gāthāsataṁ bhāse yo ca gāthāśataṁ bhāṣe anatthapadasaṁhitā anatthapadasāhitaṁ | ekaṁ dhammapadaṁ seyyo ekaṁ dhamapadaṁ śreyo yaṁ utvā s upasammati. yaṁ śottā upaśāṁmati ||

+ßRHLßVé ? A?7ELEWEA 9HßREZE VKE4I]ßPE yo ja gadhaśada bhaṣiyac ca gāthāśataṁ bhāṣe aṇathapadasahida | adharmapadasaṁhitam eka gadhapada ṣebhaekaṁ dharmapadaṁ śreyo L]YTEñßQ]EXM`` ya ṣutva uvaśamadi.yac chrutvā

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 378 [21.3] Sahasra yo sahassaṁ sahassena yo sahasraṁ sahasrāṇāṁ saṅgāme mānuse jine, saṁggrāme mānuṣe jine | ekañ ca jeyya attānaṁ ekaṁ ca paṁñam āttānaṁ sa ve saṅgāmajuttamo. sa ve saṁggrāmamuttamo

+ßRHLßVé? A?7ELEWEA 9HßREZEVKEÞXQE yo sahasa sahasaṇi yaḥ sahasraṁ ahasrāṇāṁs | saǵami maṇuṣa jiṇi saṁgrāme dviṣatāṁ jayet eka ji jiṇi atvaṇa yaś cātmānaṁ jayed ekaṁ so ho sagamu utamu. | saṁgrāmo durjayaḥ sa va

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE yo śatāni ṇā ṁ sahasrā saṁgrāme manujā jaye | yo caikaṁ jaye ātmāna ṁ sa vai saṁgrāmajit ḥ|| vara

*****

4ßćM? A7ELEWWE4EXRE ?AÞXXE attāhave jitaṁ seyyo āttā hi
bhe varaṁ dānto yā cāyaṁ itarā pajāyacchāyam itarā prajā | attadantassa posassa, āttadāntassa poṣassa niccaṁ saññatacārino. sadā saṁyyatacāriṇo ||

9HßREZEVKEÞXQE ātmā hy asya jitaḥ śrey yac ceyam itarāḥ prajāḥ | ātmadāntasya puruṣasya || nityaṁ saṁvṛtacāriṇaḥ

*****

4ßćM? A7ELEWWE 4EXRE?AÞXXE neva devo na gandhabbo,
neva devā na gandhabbā na māro saha brahmunā, na ro mā saha brahmuṇā | jitaṁ apajitaṁ kayirā jitaṁ apajitaṁ kayirā tathārūpassa jantuno. tattharūpassa jantuno |

9HßREZEVKEÞXQE na devā nāpi gandharvā na māro brāhmaṇā saha | jitasyāpajitaṁ kuryus || [tathā prājñasya bhikṣu

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 379 [21.4] Sahasra māse māse sahassenamāse
māse sahasreṇa yo yajetha sataṁ samaṁ, yo yajeya śataṁ samā | ekañ ca bhāvitattānaṁ ekañ ca bhāvi<tta>tāttā muhuttam api pūjaye, muhuttam api pūjaye | sā yeva pūjanā seyyo sā eva pūjanā śreyo yañ ce vassasataṁ hutaṁ.yac cha vaśśaśataṁ hutaṁ ||

+ßRHLßVé? A?7ELEWEA masamasi sahasiṇa yo yaea śadeṇa ca [nevi
budhi prasadasa kala avedi ṣoḍaśa.]

+ßRHLßVé? A?7ELEWEA eka ji bhavidatvaṇa muhuta viva puyaï sameva
puyaṇa ṣevha ya ji vaṣaśada hodu.

1ELßZEWXY iii. p. 434 Sahasra yo yajeta ṇāṁ sahasrā māse māse ṁ śataṁśata | na so buddhe prasādasya kalām arghati ṣoḍaśīṁ ||

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 380 [21.5] Sahasra yo ca vassasataṁ jantu yo ca
vaśśaśataṁ jantū aggiṁ paricare vane, aggiṁ paricare vane | ekañ ca bhāvitattānaṁ ekañ ca bhāvitāttānaṁ muhuttam api pūjaye, muhuttam api pūjaye | sā yeva seyyo pūjanā sā eva pūjanā śreyo yañ ce vassasataṁ hutaṁ. yac cha vaśśaśataṁ huta

+ßRHLßVé ? A?7ELEWEA 9HßREZEVKE4I]ßPE ya ja vaṣaśada
jaduyac ca varṣaśataṁ pūrṇa agi pariyara vaṇi agniṁ paricared vane | [kṣireṇa sapiteleṇayac caikaṁ itātmānaṁ bhāv divaratra atadrido.] muhūrtam etapi | pūjay tasya pūjanā śreṣṭhā sā +ßRHLßVé? A?7ELEWEA || na tad varṣaśataṁ
hutam eka ji bhavidatvaṇa muhuta viva puyaï sameva puyaṇa ṣevha ya ji vaṣaśada hodu.

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE yo ca varṣaśata ṁ jīve agniparicaraṁ caret | [pannāhāro chavāvāsī karonte vividhaṁ tapaṁ] ||

yo caikaṁ bhāvitātmāna ṁ muhūrtam api pūjayet | sā ekapūjanā śreyo na ca varṣ aśata ṁ hutaṁ ||

*****

4ßćM ? A7ELEWWE Patna 381 [21.6] Sahasra yaṁ kiñci yiṭṭhaṁ ca yaṁ hutaṁ kiñci ṭaṁ cava yaṣloke, hutaṁ va lo saṁvaccharaṁ yajetha saṁvatsaraṁ puññapekkho, yajate puṁñ sabbam pi taṁ na catubhāgam sabbaṁ pi eti, taṁ na catubb abhivādanā ujjugatesu abhivādanā seyyo. ujjugatesu ś

+ßRHLßVé? A?7ELEWEA 9HßREZEVKE4I]ßPE ya keja yaṭha oke va hoda]EXOMĉGMHMēĕEĉGELY va l savatsara yayadi puñaveOēE WEĉZEXWEVEĉ]ENEXMTYd] sava bi ta na cadubhaku vedi sarvEĉTM m eti taṁ na caturbhāga ahivadaṇa u ujukadeṣ ṣiho. EFLMZßHEREĉXZđNNYKEXI

*****

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE yat kiṁcid iṣṭ aṁ ca hutaṁ ca loke saṁvatsaraṁ yajati puṇyaprekṣī | sarvaṁ pi taṁ na caturbhāgam eti abhivādana ṁ ujjugateṣ u śreyaṁ ||

*****

4ßćM ? A7ELEWWE abhivādanasīlissa niccaṁ vaddhāpacāyino, cattāro dhammā vaḍḍhanti: āyu vaṇṇo sukhaṁ balaṁ.

+ßRHLßVé?A7YLE ahivadaṇaśilisa nica vridhavayariṇo catvari tasa vardhadi ayo kirta suha bala.

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 390 [21.15] Sahasra yo ca vassasataṁ jīve yo ca vaśśaśataṁ jīve dussīlo asamāhito, duśśīlo asamāhito | ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo ekāhaṁ jīvitaṁ śreyo sīlavantassa jhāyino. śīlavantassa jhāyato ||

9HßREZEVKE4I]ßPE]EGGEZEVēEñEXEĉNé ved duḥśīlo hy| asamāhitaḥ ekāhaṁ jīvitaṁ śreyaḥ sadßśīlavataḥ || śuceḥ

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE yo ca varṣ aśata ṁ jīve duḥśīlo asamāhita ḥ| ekāhaṁ jīvita ṁ śreya ṁ śīlavantasya dhyāyato ||

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 391 [21.16] Sahasra yo ca vassasataṁ jīve yo ca vaśśaśataṁ jīve duppañño asamāhito,dupraṁño asamāhito | ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo ekāhaṁ jīvitaṁ śreyo paññavantassa jhāyino. praṁñavantassa jhāyato

9HßREZEVKE4I]ßPE yac ca varṣaśataṁ ed jīv duṣprajño hy | asamāhitaḥ ekāhaṁ vitaṁjī reyaḥ ś prājñasya dhyāyinaḥ || sad

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 392 [21.17] Sahasra yo ca vassasataṁ jīve yo ca vaśśaśataṁ jīve kusīto hīnavīriyo, kusīdo hīnavīriyo | ekāhaṁ īvitaṁ j seyyo ekāhaṁ jīvitaṁ śreyo viriyam ārabhato daḷhaṁ. vīryyam ārabhato dṛḍaṁ

+ßRHLßVé? A?7ELEWEA 9HßREZEVKE4I]ßPE ya ja vaṣaśada jiviyac caXEĉvarṣaśa jīvet kusidhu hiṇaviyava kusīdo ZéV | yavān hīna muhutu jivida ṣevhaekāhaṁ jīvitaṁ o śrey ÿLEQ`` dṛ virya arahado driḍha. vīryam ārabhato

1ELßZEWXYMMMT7ELEWVE yo ca varṣ aśata ṁ jīve kuśīdo hīnavīryavān | ekāhaṁ jīvita ṁ śreyo vīryam ṁbhato āradṛḍ haṁ ||

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 393 [21.18] Sahasra yo ca vassasataṁ jīve yo ca vaśśaśataṁ jīve apassaṁ udayabbayaṁ, apaśśaṁ udayavyayaṁ | ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo ekāhaṁ jīvitaṁ śreyo passato udayabbayaṁ. paśśato udayavyayaṁ ||

+ßRHLßVé 317 [19.13] [Sahasa] 9HßREZEVKE4I]ßPE ya ji vaṣaśado jiviyac ca varṣaśataṁ jīved apaśu udakavaya nn udayavyayam| apaśya muhutu jivida ṣevhaekāhaṁ jīvitaṁ śreyaḥ paśado udakavaya. paśyato hy am ||udayavyay

*****

1ELßZEWXYMMM7ELEWV a yo ca varṣ aśata ṁ jīve apaśyaṁ udayavyayam | ekāhaṁ jīvita ṁ śreyo paśyato udayavyaya ṁ ||

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 395 [21.20] Sahasra yo ca vassasataṁ jīve yo ca śasataṁ vaś jīve apassaṁ amataṁ padaṁ, apaśśaṁ amataṁ padaṁ | ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo ekā 'haṁ jīvitaṁ śreyo passato amataṁ padaṁ. paśśato amataṁ padaṁ ||

9HßREZEVKE4I]ßPE yac ca varṣaśataṁ jīved nn amṛtaṁ apaśya | padam ekāhaṁ jīvitaṁ śreyaḥ || paśyato hy amṛtaṁ padam

1ELßZEWXYMMM7ELEWVE yo ca varṣ aśataṁ jīv e apaśyaṁ amṛ taṁ padaṁ | ekāhaṁ jīvitaṁ śreya ṁ paśyato ṛtaṁ pada amṁ ||

*****

4ßćM? A7ELEWWE Patna 394 [21.19] Sahasra yo ca vassasataṁ jīve yo ca vaśśaśataṁ jīve apassaṁ dhammam uttamaṁ, apaśśaṁ dhammam uttamaṁ ekāhaṁ jīvitaṁ seyyo ekā 'haṁ jīvitaṁ śreyo passato dhammam uttamaṁ. paśśato dhammam uttamaṁ

+ßRHLßVé ? A?7ELEWEA 9HßREZEVKE4I]ßPE ya ja vaṣaśada jiviyac ca varṣaśataṁ jīved apaśu dhamu utamu dam | apaśyann uttamaṁ pa mohotu jivida ṣehu ekāhaṁ jīvitaṁ śreyaḥ || paśadu dhamu utamu.paśyato hy uttamaṁ pada

1ELßZEWXYMMM7ELEWVE yo ca varṣ aśata ṁ jīve apaśyaṁ dharmam uttamaṁ | ekāhaṁ jīvita ṁ śreyo paśyato dharmam ṁ || uttama

7ELEWWEZEKKSEěěLEQS

4ßTEZEKKE 4ßćM? A4ßTE4EXRE ?A/EP]ßďé abhittharetha
kalyāṇe, abhittaretha kallāṇe pāpā cittaṁ nivāraye, pāpā cittaṁ nivāraye | dandhaṁ hi karoto puññaṁ daṁdhaṁ hi karato puṁña pāpasmiṁ ramatī mano. pāpamhi ramate mano ||

9HßREZEVKE 4ßTE abhitvareta kalyāṇe pāpācṁ citta | nivārayet dhandhaṁ hi kurvataḥ pu || pāpeṣu ramate manaḥ

*****

4ßćM? A4ßTE4EXRE ?A/EP]ßďé pāpañ ce puriso kayirā, kayira ce
puruṣo pāpaṁ na taṁ kayirā punappunaṁ, na naṁ kayirā punappuno | na tamhi chandaĉkayirātha na tamhi chandaṁ kayirātha, dukkho pāpassa uccayo. dukkho pāpassa ĉcayo || sa

+ßRHLßVé?A=EQEOE pava ja puruṣu kuya na ṇa kuya puṇa

4ßćM ? A4ßTE na antalikkhe, na samuddamajjhe, na pabbatānaṁ vivaraṁ
pavissa, na vijjatī so jagatippadeso yatthaṭṭhitaṁ nappasahetha maccu.

9HßREZEVKE%RMX]E naivāntarīkṣe na samudr | na parvatānāṁ vivaraṁ p
na vidyate ’sau pṛthivī yatra sthitaṁ na|| prasah

4ßTEZEKKSREZEQS

(EďÿEZEKKE 4ßćM ?A(EďÿE 4EXRE? A(EďÿE sabbe tasanti
daṇḍassa, sabbe trasanti daṇḍānāṁ sabbe bhāyanti maccuno, [sabbesaṁ jīvitaṁ | priya attānaṁ upamaṁ katvā, āttānaṁ upamaṁ tā kat na haneyya na ghātaye. neva haṁyyā na ghātaye

9HßREZEVKE 4VM]E sarve daṇḍasya bibhyant | [sarveṣāṁ jīvitaṁ priya ātmānam upamāṁ kṛtvā || naiva hanyān na ghātaye

*****

4ßćM?A(EďÿE sabbe tasanti daṇḍassa, sabbesaṁ j vitaṁ l ya,

4ßćM?A(EďÿE 4EXRE?A(EďÿE sukhakāmāni
bhūtānisukhakāmāni bhūtāni yo daṇḍena na hiṁsati, yo daṇḍena na vihiṁsati attano sukham esānoāttano sukham eṣāṇo pecca so labhate suk haṁ. precca so labhate sukha

9HßREZEVKE7YOLE sukhakāmāni bhūtāni yo daṇḍena na hiṁsati | ātmanaḥ sukham eṣānaḥ || sa pretya labhate sukham

*****

4ßćM?A(EďÿE 4EXRE ?A(EďÿE māvoca pharusaṁ kañci, mā
vade paruṣaṁ kaṁci vuttā paṭivadeyyu’ vuttā taṁ, paṭivadeyu taṁ | dukkhā hi sārambhakathā, dukkhā hi sārambhakathā paṭidaṇḍā phuseyyu’paṭidaṇḍā taṁ. phuseyu taṁ |

9HßREZEVK E2MVZßďE mā kaṁ cit paruṣaṁ brūt | proktāḥ prativadanti ta ă duḥkhā hi saṁrambhakath | spṛśanti hi pratidaṇḍaṁ

*****

4ßćM?A(EďÿE Patna ?A(EďÿE sace neresi attānaṁ, sace iresi āttānaṁ kaṁso upahato yathā, kaṁso upahato r iva | esa pattosi nibbānaṁ, [jātimaraṇasaṁsāraṁ sārambho te na vijjati. ciraṁ praccanubhohisi] ||

4EXRE A(EďÿE [na ce iresi āttānaṁ kaṁso anupahato | r iva] esa prātto si nibbāṇaṁ sārambhā te na vijjati

9HßREZEVKE2MVZßďE na rayasi tv ī hātmānaṁ kaṁsir nopahatā yathā | eṣa prāpto 'si nirvāṇaṁ | saṁrambhas te na vidyat

*****

4ßćM?A(EďÿE 4EXRE?A(EďÿE

yathā daṇḍena gopālo yathā daṇḍena gopālo gāvo pāceti gocaraṁ, rājeti gāvo p gocaraṁ | evaṁ jarā ca maccu evaṁ ca jarā ca maccū ca āyuṁ pācenti pāṇinaṁ. [prāṇināṁ ||adhivattati]

9HßREZEVKE%RMX]E yathā daṇḍena gopālo gāḥ prāpayati| gocaram rogair jarāmṛtyuḥ evaṁ || āyuḥ prāpayate nṛṇām

*****

4ßćM? A(EďÿE atha pāpāni kammāni karaṁ bālo na bujjhati, sehi kammehi dummedho aggidaḍḍho va tappati.

9HßREZEVKE /EVQE sa cet pāpāni karmāṇi kurvaṁ bālo na budhyate karmabhiḥ svais tu durm hy agnidagdhaiva tapyate ||

*****

4ßćM? A(EďÿE yo daṇḍena adaṇḍesu appaduṭṭhesu dussati dasannam aññataraṁ ṭhānaṁ khippam eva nigacchati:

9HßREZEVKE 4ßTE adaṇḍeṣu hi daṇḍena | yo 'praduṣṭeṣu duṣyate daśānām anyatamaṁ sthān kṣipram eva | nigacchati

*****

4ßćM ?A(EďÿE vedanaṁ pharusaṁ ṁ, jāni sarīrassa ca bhedanaṁ, garukaṁ vā pi ābādhaṁ, cittakkhepaṁ va pāpuṇe,

9HßREZEVKE 4ßTE vedanāṁ kaṭukāṁ vāpi śarīrasya |ca bhedanam ābādhaṁ vāpi paruṣaṁ | cittakṣepam athāpi vā |

*****

4ßćM ?A(EďÿE rājato vā upasaggaṁ, abbhakkhānaṁ va dāruṇaṁ, parikkhayaṁ va ñātīnaṁ, bhogānaṁ va pabhaṅguraṁ.

9HßREZEVKE 4ßTE ñātīnāṁ vā vināBhāvaṁ bhogānāṁ vā| parikṣayam rājato hy upasargaṁ vāp khyānaṁ ca || dāruṇam abhyā

*****

4ßćM?A(EďÿE atha vāssa agārāni, aggi ḍahati pāvako. kāyassa bhedā duppañño nirayaṁ so upapajjati.

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKE 4ßTE [kayakamu vayikamu atha vāsyāpy agārāṇi maṇokama ca pavaka]hy agnir dahati sarvath asevaïti drupañu bhedāt asya kāycāprājño niraeṣu vavajadi. || [daśamāṁ durgatiṁ vraje

*****

4ßćM?A(EďÿE 4EXRE ?A(EďÿE na naggacariyā na jaṭā na naggacariyā na paṅkā, ṭā na paṁko na ja nānāsakā thaṇḍilasāyikā nānāśanaṁ vā, tthaṇḍīlaśāyi rājo ca jallaṁ ukkuṭikappadhānaṁ, rajocelaṁ ukkuṭukapradh sodhenti maccaṁ avitiṇṇakaṅkhaṁ. śodhenti māccaṁ avitiṇṇ

9HßREZEVKE&VßLQEď na nagnacaryā na jaṭā n no ’nāśanaṁ ßyikā sthaṇḍilaś vā | na rajomalaṁ notkuṭukaprahā śodheta martyaṁ čkṣam akā hy || avit

1ELßZEWXYMMM(MZ]ßZEHßRET na muṇḍ abhāvo ṭ ā na naṁkoja pa EPWS1õPEWEVZßWXMZßHMZM nānāsana ṁ thaṇḍilaśāyikā vā(Gilgit | III.iv.40) rajojalaṁ votkuṭ ukaprahāṇaṁ na nagnacaryā ṭ ā paṅ na ko na ja [duḥkhapramokṣ aṁ na hi tena bhoti]|| nānāśana ṁ sthaṇḍilaśāyikā vā | na rajomalaṁ notkuṭ ukaprahāna ṁ viśodhayen ṇ moham akāṅkṣ am || aviśīr

*****

4ßćM?A(EďÿE4EXRE ?A(EďÿE alaṅkato ce pi samaṁ alaṁkato careyya, cāpi samaṁ car santo danto niyato dānto brahmacārī, śānto niyato dham sabbesu bhūtesu nidhāya sabbesu daṇḍaṁ, prāṇesu nidhāya so brāhmaṇo sa bhikkhu. so samaṇo so brāhmaṇo so śamaṇo s

+ßRHLßVé ?A&LMOLY 9HßREZEVKE&VßLQEď alagido ya vi carea dhamu alaṁkṛtaś cāpi careta d dadu śadu sañadu brammayari ďěSRM kēßRXS dā yato brahmacārī | saveṣu udeṣu bh nihaï daṇa sarveṣu bhūteṣu nidhāya so bramaṇo so ṣamaṇo sa so brahmaṇaḥ || bhikhu. sa śramaṇa

1ELßZEWXYMMM(MZ]ßZEHßRET alaṁkṛ to vāpi caretha maṁ EPWS1õPEWEVZßWXMZßHMZM dhar śānto dānto niyato (Gilgit brahmacārī III.iv.40 41) | sarvehi bhūtehi ṇḍaṁ nivārya alaṁkṛ da taś cāpi cāreta ṁ dhar so brāhma ṇo so ṇo śrama sa bhikṣ uḥ|| dāntendriya ḥśānta ḥsaṁyato brahmacā sarveṣ u bhūte ṣu nidhāya ṇḍaṁ da sa brāhma ṇaḥsa śrama ṇaḥsa bhikṣ uḥ||

*****

4ßćM?A(EďÿE hirīnisedho puriso koci lokasmi’ vijjati, yo nindaṁ appabodhati asso bhadro kasām iva.

9HßREZEVKE %ñZE hrīniṣevī hi puruṣaḥ o yaḥ susamāhi [prājñ | taḥ sarvapāpaṁ jahāty eṣa] || bhadrāśvo hi kaśām iva

*****

4ßćM?A(EďÿE 4EXRE ? A(EHERX asso yathā bhadro
kasāniviṭṭho aśśo va bhadro kaṣāya p ātāpino saṁvegino bhavātha. ātāpino saviṁgaṇo carāṇ saddhāya sīlena ca śraddhāya vīriyena ca, sīlena ca vīr samādhinā dhammavinicchayena samādhinā dhammavipaśśa ca, sampannavijjācaraṇā[te patissatā, khāntisoracchasamād pahassath a dukkham idaṁ śutassa anappakaṁ. praṁñāya || ca sār

9HßRE ZEVKE %ñZE bhadro yathāśvaḥ kaśayā ßś careta hy ātāpinaḥ saṁvijit|
śrāddhas tathā śīlaguṇa | samāhito dharmaviniścay ăpratismṛtas saṁpannavidyācaraṇa [tāyī sa sarvaṁ || prajahā

*****

4ßćM?A(EďÿE udakaṁ hi nayanti nettikā, usukārā namayanti tejanaṁ,
dāruṁ namayanti tacchakā, attānaṁ damayanti subbatā.

9HßREZEVKE9HEOE udakena nijanti RINEOß MēYOßVßREQE]ERXMXI jasā
| dāruĉnamayanti takṣakā hy ātmānaĉHEQE || yanti paṇḍitāḥ

(EďÿEZEKKSHE samo.

.EVßZEKKE 4ßćM?A.EVß 4EXRE? AđEVEď ko nu hāso
kim ānando kin nu hāśo kim ānando niccaṁ pajjalite sati. niccaṁ prajjalite sati andhakārena onaddhāandhakāramhi prakkhittā padīpaṁ na gavesatha. pradīpaṁ na || gaveṣatha

+ßRHLßVé?#A.EVE 9HßREZEVKE%RMX]E ko nu o ki m aďERS harṣ
ko nu harṣaḥ ka ānanda tava pajvalide sado evaṁ prajvalite sati | anakarasma pakṣiti iṣṭ ßă andhakāraṁstha prav pra . . . . . pradīpaṁ na gaveṣatha |

1ELßZEWXYMMMT [kā nu ḍā krīkā nu ratī] evaṁ prajvalite sadā |
andhakārasmi ṁ prakṣiptā pradīpa ṁ na gaveṣ atha ||

ko nu harṣ o ko nu ānando evaṁ prajvalite sadā | andhakārasmi ṁ prakṣ iptā [ālokaṁ na prakāśatha] ||

*****

4ßćM?A.EVß passa cittakataṁ bimbaṁ arukāyaṁ samussitaṁ āturaṁ
bahusaṅkappaṁ yassa natthi dhuvaṁ ṭhiti.

9HßREZEVKE4Eñ]E paśya citrakṛtaṁ bimbam | arukaṁ kāyasaṁjñitam
āturaṁ moṣasaṁkalpaṁ yasya nāsti|| dhruvasthit

*****

4ßćM ?A.EVß 4EXRE ?A/LßRX parijiṇṇam idaṁ rūpaṁparijinnam idaṁ rūpaṁ roganiḍḍhaṁ pabhaṅguraṁ, roganīḍaṁ prabhaṁguraṁ bhijjati pūtisandeho bhijjīhiti<ti> pūtisaṁd maraṇantaṁ hi jīvitaṁ. maraṇāttaṁ hi jīvitaṁ |

+ßRHLßVé?#A.EVE 9HßREZEVKE%RMX]E parijiṇam ida ruvu parijīrṇam idaṁ rūpaṁ roaneḍa uṇo pravhag | roganīḍaṁ prabhaṅguram bhetsidi pudi . . . bhetsyate pūty asaṁdeha ..... maraṇāntaṁ|| hi jīvitam

*****

4ßćM ?A.EVß yānimāni apatthāni alāpūneva sārade, kāpotakāni aṭṭhīni tāni disvāna kā rati.

+ßRHLßVé?#A.EVE 9HßREZEVKE 1.5 Anitya yaṇi maṇi avathaṇi yānīmāny apaviddhāni alaüṇi ba śarada [vikṣiptāni | diśo diśam] ?ñE ṇi śiṣaṇi] ghavarďE kāpotavarṇāny asthīni i dṛṣṭv tān taṇi diṣpaṇi ka radi. eha kā ă|| rati

+ßRHLßVé?#A.EVE [yaṇimaṇi pravhaguṇi vikṣitaṇi diśo diśa]

taṇi diṣpaṇi ka radi.

(MZ]ßZEHßRET yānīmānyapaviddhāni [vik ṣ iptāni diśo | daśa] kapotavarṇānyasthīni tāni ṛṣṭ veha d kā ḥ|| rati

*****

4ßćM?A.EVß aṭṭhīnaṁ nagaraṁ kataṁ maṁsalohitalepanaṁ, yattha jarā ca maccu ca māno makkho ca ohito.

+ßRHLßVé ?A?/SHLEA 9HßREZEVKE4VEOMV nagaraṁ hyaṁasthiprākār matsalohidalevaṇa | māṁsaśoṇitalepanam yatra rako ya doṣo yatra ya veṣaś ca d rāgaś māno mrakṣaś|| ca bādhyat maṇo makṣo samokadu.

*****

4ßćM?A.EVß jīranti ve rājarathā sucittā, atho sarīram pi jaraṁ upeti. satañ ca dhammo na jaraṁ upeti, santo have sabbhi pavedayanti.

+ßRHLßVé? ?] Jara 9HßREZEVKE %RMX]E jiyadi hi rayaradha sucitra jīryanti vai rājarathāḥ adha śarira bi jarahy uvedi atho śarīram | api jar sada du dharma na jara uvedi satāṁ tu dharmo na jarā sado hi ṣa sabhi praverayadi. santo hi taṁ satsu nivedayanti

*****

4ßćM?A.EVß 4EXRE ?A(EdÿE appassutāyaṁ purisoappaśśuto ayaṁ puruṣo balivaddo vajjīrati | balivaddo va jīrati, maṁsāni tassa vaḍḍhanti, māṁsāni tassa vaddhanti paññā tassa na vaḍḍhati. praṁñā tassa na vaddhati ||

*****

4ßćM? A.EVß anekajātisaṁsāraṁ sandhāvissaṁ anibbisaṁ gahakārakaṁ gavesanto: dukkhā jāti punappunaṁ.

9HßREZEVKE'MXXE anekaṁ jātisaṁsāraṁ saṁdhāvitvā | punaḥ punaḥ gṛhakārakaiṣamāṇas tvaṁ ăpunah duḥkhā jāti ||punaḥ *****

4ßćM? A.EVß gahakāraka diṭṭhosi! puna gehaṁ na kāhasi: sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūṭaṁ visaṅkhitaṁ, visaṅkhāragataṁ cittaṁ, taṇhānaṁ khayam ajjhagā.

9HßREZEVKE'MXXE gṛhakāraka dṛṣṭo 'si na punarariṣyasi gehaṁ k | sarve te pārśukā bhagnā | gṛhakūṭaṁ visaṁskṛtam visaṁskāragate citte || ihaiva kṣayam adhyagāḥ

*****

4ßćM?A.EVß Patna 229 [13.14]đEVEđE acaritvā brahmacariyaṁ acarittā brahmaceraṁ aladdhā yobbane dhanaṁ aladdhā yovvane dhanaṁ jiṇṇakoñcā va jhāyanti jinnakroṁcā va jhāyaṁti khīṇamacche va pallale. jhīnamacche va pallare

9HßREZEVKE9HEOE acaritvā brahmacaryam alabdhvā yauvane | dhanam ñcaiva dhyāyante jīrṇakrau 'lpamatsya le || iva palva

*****

4ßćM? A.EVß 4EXRE?AđEVEđ acaritvā brahmacariyaṁ acarittā brahmaceraṁ aladdhā yobbane dhanaṁ aladdhā yovvane dhanaṁ senti cāpātikhittā śenti va cāpādhikinno vā purāṇāni anutthunaṁ. porāṇāni a 'nutthunaṁ |

+ßRHLßVM F.EVE 9HßREZEVKE9HEOE . . . . aGEVMXZßFVELQEGEV]E m ..... m| alabdhvā yauvane dhana ..... ßXM śentiké rṇā cāp vā poraďaṇi EđY svaru. ntMXßă`` paurāṇāny anuci

.EVßZEKKSIOßHEWEQS

12. Attavagga 4ßćM?A%XXE 4EXRE?AÞXXE attānañ ce piyaṁ jaññā āttānañ ce priyaṁ ñāyyā rakkheyya naṁ surakkhitaṁ rakkheyā naṁ surakkhita tiṇṇam aññataraṁ yāmaṁ ñataraṁ ttiṇṇam añ yāmānaṁ paṭijaggeyya paṇḍito. paṭijāggreya paṇḍito.

9HßREZEVKE4VM]E ātmānaṁ cet priyaṁ vidy rakṣed enaṁ |surakṣitam [yathā pratyantanagaraṁ | gambhīraparikhaṁ dṛḍham trayāṇām anyatamaṁ yāma || pratijāgreta paṇḍitaḥ

*****

4ßćM ?A%XXE Patna 317 [AÞXXE attānam eva paṭhamaṁ āttānaṁ ce priyaṁ ñāyyā patirūpe nivesaye, rakkheyā naṁ surakkhita athañña anusāseyyattiṇṇam añataraṁ yāmāna na kilisseyya paṇḍito. paṭijāggreya paṇḍito ||

+ßRHLßVé?A?4EďMHEA 9HßREZEVKEÞXQE atmaṇam eva
pradhamu ātmānam rathamaṁ eva p pradiruvi niveśaï pratirūpe| niveśayet tadañi aṇuśaśea a tato ’nyam anuśāsīt TEďÿMXEă`` na kiliśea paṇidu. na kliśyeta hi

*****

4ßćM ?A%XXE 4EXRE ?AÞXXE attānañ ce tathā kayirā āttanā
ye tathā kayirā yathañ̃ñam anusāsati, yathāṁñam anuśāsaye | sudanto vata dametha, adānto vata dameyā attā hi kira duddamo. āttā hi kira duddamo ||

9HßREZEVKE ÞXQE ātmānaṁ kuryāc hi tathā ßnyaṁ yathā chāsīt | svayam sudānto bata me nityam ātmā sa hi|| sudurdamaḥ

*****

4ßćM?A%XXE 4EXRE?AÞXXE attā hi attano nātho āttā hi
āttano nātho ko hi aro nātho siyā. p ko hi nātho paro siyā | attanā va sudantenaāttanā hi sucinnena nāthaṁ labhati dullabhaṁ. nāthaṁ labhati dullabha

9HßREZEVKEÞXQE ātmā tv RßXLEă ihātmano OSRYRß o bhavet |
thaăTEV ßXQ ERß hi sudāntena abhati nāthaṁ XEă`` l paṇḍi

*****

4ßćM?A%XXE 4EXRE?AÞXXE attanā va kataṁ pāpaṁ āttanā
hi kataṁ pāpaṁ attajaṁ attasambhavaṁ, āttajaṁ āttasaṁbhavaṁ | abhimatthati dummedhaṁ anumaṁdhat i dummedhaṁ vajiraṁ vasmamayaṁ vayiraṁ maṇiṁ. vā ahmamayaṁ ma

9HßREZEVKE 4ßTE [aśuddhabuddhiṁ pratyāt nānyo hy anyaṁ | viśodhay abhimathnāti taṁ pāpaṁ || vajram añQEQEďMĉ]E thā

*****

4ßćM?A%XXE 4EXRE?AÞXXE yassa accantadussīlyaṁ yassa
accantadośśillaṁ māluvā sālamivotataṁ malutā sālam ivo ’tatā karoti so tathattānaṁkaroti so tathāttānaṁ yathā naṁ icchatī diso. yathā naṁ biṣam icchati

+ßRHLßVé? A?đMPEZEKE#A 9HßREZEVKEđVEQEď yasa
acadadruśilia yo ’sāv atyantaduḥśīlaḥ malua va vilada vaṇi | sālavāṁ mālutā yathā kuya so tadhaatvaṇa karoty asau tathāṭmānaṁ yadha ṇa viṣamu ichadi. || yathainaṁ dviṣa d iccha

*****

4ßćM?A%XXE Patna 167 [10.11] Mala sukarāni asādhūni sukarāṇi
asādhūni attano ahitāni ca, āttano ahitāni ca | yaṁ ve hitañ ca sādhuñ yaṁ ve ca hitaṁ ca sādhuñ taṁ ve paramadukkaraṁ. taṁ ve paramadukkaraṁ |

+ßRHLßVé?A?4VEOMďEOEZEKE#A 9HßREZEVKE 4ßTE sukaraṇi
asadhuṇi sukarāṇi hy asādhūni atvaṇo ahidaṇa yi svātmano hy | ahitāni ca ĉ ya du

hida ji sadhu ji yad vai hitaĉc004B14>thya ta gu paramadrukara.

4ßćM? A%XXE 4EXRE ?AÞXXE attanā va kataṁ pāpaṁ, āttanā hi kataṁ pāpaṁ attanā saṅkilissati, āttanā saṁkiliśśati | attanā akataṁ pāpaṁ, āttanā akataṁ pāpaṁ attanā va visujjhati, āttanā ye viśujjhati | suddhī asuddhī paccattaṁ, śoddhī aśoddhī praccatt nāññño aññaṁ visodhaye. nāṁño aṁñaṁ viśodhaye |

9HßREZEVKE 4ßTE ātmanā hi kṛte pāpe tv ātmanā kliśyate sadā ātmanā tv akṛte pāpe || hy ātmanaiva viśudhyate

9HßREZEVKE 4ßTE aśuddhabuddhiṁ atyātmaṁ pr

13. Lokavagga 4ßćM?A0SOE

4ßćM?A0SOE 4EXRE ?A/LßRX yathā bubbulakaṁ passe, yathā bubbudakaṁ paśśe yathā passe marīcikaṁ, yathā paśśe marīcikaṁ | evaṁ lokaṁ ntaṁ avekkha evaṁ lokaṁ avecchānam maccurājā na passati. maccurājā na paśśati ||

9HßREZEVKE4Eñ]E yathā budbudikāṁ paśyed yathā paśyen | marīcikām evaṁ lokam avekṣaṁ vai mṛtyurāja || ṁ na paśyati

*****

4ßćM?A0SOE etha passathimaṁ lokaṁ cittaṁ rājarathūpamaṁ yattha bālā visīdanti, natthi saṅgo vijānataṁ.

9HßREZEVKE4Eñ]E [paśyatemaṁ sadā kāyaṁ] | citraṁ rājarathopamam yatra bālāḥ pramuhyante || saṅgoprajānatām nāsti

*****

4ßćM?A0SOE 4EXRE?A%TVEQßHE yo ca pubbe pamajjitvā pūrvve cāpi pramajjittā pacchā so nappamajjati, yo pacchā na pramajjati somaṁ lokaṁ pabhāseti so imaṁ lokaṁ prabhāset abbhā mutto va candimā. abhramutto va candramā ||

+ßRHLßVé?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE4VEOMVď yo du puvi pramajeti yas tu pūrvaṁ pramādyeh pacha su na pramajadi paścād vai na pramādyat so ida loku ohasedi sa imaṁ bhāsate lokam abha muto va suriu. || abhramuktaiva candramāḥ

*****

4ßćM?A0SOE yassa pāpaṁ kataṁ kammaṁ kusalena pithīyati, somaṁ lokaṁ pabhāseti abbhā mutto va candimā.

9HßREZEVKE 4VEOMVď yasya pāpakṛtaṁ karma kuśalena pithīyate | sa imaṁ bhāsate lokam || abhramuktaiva candramāḥ

*****

4ßćM? A0SOE andhabhūto ayaṁ loko, tanukettha vipassati, sakunto jālamutto va appo saggāya gacchati.

9HßREZEVKE4Eñ]E andhabhūto hy ayaṁ loka | tanuko ’tra vipaśyakaḥ śakunto jālamuktaiva | hy alpaṁ svargeṣu modat

*****

4ßćM? A0SOE 4EXRE?AđEVEď haṁsādiccapathe yanti, haṁsā
va ādiccapathe ākāse yanti iddhiyā, vehāyasaṁ yānti iddhiyā nīyanti dhīrā lokamhā niyyāṁti dhīrā lokamhi jetvā māraṁ savāhanaṁ. [mārasenaṁ ||pramaddiya]

9HßRE varga 17.2 Udaka haĉsßdityapaXLI]ßRXM āOßñINéZM | tendriyāḥ nti dhé niryā rā lokān [mārasainyaṁ || pramathya

*****

4ßćM?A0SOE Patna 297 [16.20] VßGß ekaṁ dhammaṁ atītassa ekadhaṁmam atītassa musāvādissa jantunomuṣāvādissa jaṁtuno | vitiṇṇaparalokassa vitinnaparalokassa natthi pāpaṁ akāriyaṁ. nāsti pāpaṁ akāriyaṁ ||

9HßREZEVKE /EVQE ekadharmam atītasya | mṛṣāvādasya jantunaḥ vitīrṇaparalokasya || nākāryaṁ pāpam asti yat

*****

4ßćM?A0SOE 4EXRE ?A:ßGß na ve kadariyā alokaṁ
vajanti, dev na ve kadāryyā devaloka bālā have nappasaṁsanti bālā hi dānaṁ, bhe (te) na pra dhīro ca dānaṁ anumodamāno, dhīro tu dānaṁ anumodam teneva so hoti sukhī [teneva parattha. so pareti] devalokaṁ ||

9HßREZEVKEđVEHHLß na vai kadaryā devaloka bālā hi te na |praśaṁsan śrāddhas tu dānaṁ hy an ’py evaṁ hy asau bhavat

*****

4ßćM ?A0SOE 4EXRE ? A(EHER pathavyā
ekarajjena[manuṣyapaṭilābhena] saggassa gamanena vā saggānāṁ gamanena ca | sabbalokādhipaccenapṛthivyām ekarājjena sotāpattiphalaṁ varaṁ. sotāpattiphalaṁ varaṁ |

Lokavaggo terasamo.

14. Buddhavagga 4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE?AÞWEZE yassa
jitaṁ nāvajīyati, yassa jitaṁ nā ’ppajjīy jitaṁ assa no yāti jitam koci loke, assā na upeti ant tam buddham anantagocaraṁ taṁ buddham anomanikram apadaṁ kena padena apadaṁ nessatha. kena padena nehi

9HßREZEVKE =YKE yasya jitaṁ nopajīyate jitam anveti na kaĉcid eva loke | taṁ buddham anantagocar hy apadaṁ kena|| padena n

1ELßZEWXYMMMT yasya jitaṁ nātha jīvati jitam asya na jināti antako | taṁ buddham anantagocara ṁ apadaṁ kena padena ne ṣ yatha ||

* ****

4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE?AÞWEZE yassa jālinī visattikā, yassa jālinī visattikā taṇhā natthi kuhiñci tahnā netave, nāsti kahiṁ ci ne tam buddham anantagocaraṁ taṁ buddham anantagocar apadaṁ kena padena apadaṁ nessatha. na padena ke nehisi ||

9HßREZEVKE =YKE yasya jālinī viṣaktikā tṛṣṇā nāsti hi lokanāyi taṁ buddham anantagocar hy apadaṁ kena|| padena n

1ELßZEWXYMMMT yasya jālinī samūhatā tṛṣṇ ā nāsya ṁ pikahi netrikā | taṁ buddham anantavikramaṁ apadaṁ kena padena ne ṣyatha ||

*****

4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE?A/LßRXM ye jhānapasutā dhīrā ye jhānaprasutā dhīrā nekkhammūpasame ratā, nekkhaṁmo 'paśame ratā devā pi tesaṁ pihayanti, devā pi prihayanti tesaṁ sambuddhānaṁ satīmataṁ. saṁbuddhānāṁ satīmatāṁ

9HßREZEVKE 8EXLßKE ye dhyānaprasṛtā dhīrā | naiṣkramyopaśame ratāḥ devāpi nty spṛhaya eṣāṁ buddhānāṁ śrīmatāṁ sadā

*****

4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE? A(EHERX kiccho manussapaṭilābho, kiccho buddhāna uppādo kicchaṁ macchāna' jīvitaṁ, kicchā dhammassa deśanā kicchaṁ saddhammasavanaṁ, [kiccho śraddhapaṭīlābh kiccho buddhānam uppādo. kicchaṁ maccāna jīvitaṁ

+ßRHLßVé?A?4VEOMďEOEZEKE#A kiche maṇuśapradilabhu kicha macaṇa ivida j kiche sadhamaśramaṇa kiche budhaṇa upaya.

*****

4ßćM ?A&YHHLE Patna 357 [19.16] Citta sabbapāpassa akaraṇaṁ, sabbapāpassa akaraṇaṁ kusalassa upasampadā, a apasaṁpadā | kuśalass sacittapariyodapanaṁ sacittapariyodamanaṁ etaṁ buddhāna' sāsanaṁ. etaṁ buddhāna śāsanaṁ |

9HßREZEVKE 4ßTE sarvapāpasyākaraṇaṁ kuśalasyopasaṁpadaḥ| svacittaparyavadanam etad buddhasya || śāsanam

1ELßZEWXYMMMT sarvapāpasyākara ṇaṁ kuśalasyopasa ṁpadā | svacittaparyādāpana ṁ etad buddhānu śāsana ṁ ||

*****

4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE ?A/LßRXM khantī paramaṁ tapokhāntī titikkhā, praramaṁ tapo ti nibbānaṁ paramaṁ vadanti nibbāṇaṁ buddhā. paramaṁ buddhā vadant | na hi pabbajito parūpaghātī, na hi pravrajito paropa samaṇo hoti paraṁ viheṭhayanto. śamaṇo hoti pare vihesa

9HßREZEVKE2MVZßdE kṣāntiḥ paramaṁ tapas t nirvāṇaṁ paramaṁ| vadant na hi pravrajitaḥ parop | śramaṇo bhavati paraṁ v

*****

4ßćM ? .7] Buddha anupavādo anupaghāto, pātimokkhe ca saṁvaro, mattaññutā ca bhattasmiṁ, pantañ ca sayanāsanaṁ, adhicitte ca āyogo etaṁ buddhāna' sāsanaṁ.

9HßREZEVKE'MXXE nopavādī nopaghātī prātimokṣe ca saṁvaraḥ mātrajñatā ca bhakteṣu ĉca śayanāsanam prānta | adhicitte samāyoga || etad buddhasya śāsanam

*****

4ßćM ? A&YHHLE Patna 145 [9.9] Tahna na kahāpaṇavassena na kāhāpaṇavāsena titti kāmesu vijjati, ttrettī kāmesu vijjati appassādā dukhā kāmā appāssādā dukhā kāmā iti viññāya paṇḍito. iti viṁñāya paṇḍito ||

9HßREZEVKE/ßQE na karṣāpaṇavarṣeṇa tṛptiḥ kāmair hi vidyat alpāsvādasukhāḥ kāmā || iti vijñāya paṇḍitaḥ

(MZ]ßZEHßRET na ṣ kār āpa ṇavarṣena tṛ ptiḥkāme ṣ u vidyate | alpāsvādān ḥkhān bahudu kāmān ñāya vijṇḍitaḥ pa ||

*****

4ßćM ? A&YHHLE Patna 146 [9.10] Tahna api dibbesu kāmesu api divvesu kāmesu ratiṁ so nādhigacchati. ratiṁ so nādhigacchati taṇhakkhayarato hoti tahnakkhayarato hoti sammāsambuddhasāvako. saṁmasaṁbuddhasāvako | |

9HßREZEVKE /ßQE api divyeṣu kāmeṣu sa ratiṁ nādhigacchati tṛṣṇākṣayarato bhavati || buddhānāṁ śrāvakaḥ sadā

(MZ]ßZEHßRET api divyeṣ u kāme ṣ u rati ṁ naivādhigacchati | tṛṣṇ ākṣ aye rato bhavati samyaksaṁbuddhaśrāvaka ḥ||

*****

4ßć i 188 [14.10] Buddha 4EXRE?AđEVEdE bahuṁ ve saraṇaṁ yanti, bahū ve śaraṇaṁ yānti pabbatāni vanāni ca, parvvate ca vanāni ca | ārāmarukkhacetyāni,vastūni rukkhacittāṇi manussā bhayatajjitā. manuṣyā bhayatajjitā ||

9HßREZEVKE4Eñ]E bahavaḥ śaraṇaṁ yānti | parvatāṁś ca vanāni ca ārāmāṁ vṛkṣacaityāṁś ca | manuṣyā bhayatarjitāḥ |

(MZ]ßZEHßRET bahavaḥśara ṇaṁ yānti parvatā ṁś ca vanāni ca | ārāmāṁś caityav ṛ kṣā ṁś ca manuṣyā bhayavarjitā ḥ||

*****

4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE?AđEVEđE netaṁ kho saraṇaṁ khemaṁ, na etaṁ śaraṇaṁ khemmaṁ netaṁ saraṇam uttamaṁ, na etaṁ śaraṇam uttamaṁ netaṁ saraṇam āgamma etaṁ śaraṇam āgaṁma sabbadukkhā pamuccati. sabbadukkhā pramuccati

9HßREZEVKE4Eñ]E naitad ṇaṁ dhi kṣemaṁ śara | naitac charaṇam uttamam naitac charaṇam āgamya sarvaduḥkhāt || pramucyate

(MZ]ßZEHßRET na hyetaccharaṇaṁ śreṣṭ haṁ naitac charaṇam uttamam | naitac charaṇam āgamya sarvaduḥkhāt pramucyate ||

*****

4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE ?AđEVEđE yo ca buddhañ ca dhammañ ca yo tu buddhañ ca dhammañ ca saṅghañ ca saraṇaṁ saghaṁ gato, ca śaraṇaṁ gato cattāri ariyasaccāni cattāri ca ayirasaccāni sammappañññāya passati: yathābhūtāni paśśati ||

9HßREZEVKE4Eñ]E yas tu buddhaṁ ca dharmaṁ ca saṁghaṁ ca śaraṇaṁ gata catvāri cāryasatyāni prajñayāTEñ]EXI yadā ||

(MZ]ßZEHßRET yas tu buddha ṁ ca dharmaṁ ca saṁghaṁ ca ṇ śara aṁ gataḥ| āryasatyāni catvāri paśyati prajñayā sadā |

*****

4ßćM ?A&YHHLE dukkhaṁ dukkhasamuppādaṁ dukkhassa ca atikkamaṁ, ariyañ caṭṭhaṅgikaṁ maggaṁ dukkhūpasamagāminaṁ.

9HßREZEVKE4Eñ]E duăOLEĉ WEQYXTß duḥkha daṁ | duḥkhasya samatikramam āV]Eĉ cāṣṭāṅgikaṁ mārgaṁ || duḥkhopaśamagāminam

(MZ]ßZEHßRET duḥkhaṁ duḥkhasamutpannaṁ nirodhaṁ samatikramam | āryaṁ cāṣāṭ ṅgikaṁ mārgaṁ kṣemaṁ nirvāṇagāminām ||

*****

4ßćM ?A&YHHLE 4EXRE ?AđEVEđE etaṁ kho saraṇaṁ khemaṁ, etaṁ ve śaraṇaṁ khemmaṁ etaṁ saraṇam uttamaṁ, etaṁ śaraṇam uttamaṁ | etaṁ saraṇam āgammaetaṁ śaraṇam āgamma sabbadukkhā pamuccati. sabbadukkhā pramuccati

9HßREZEVKE4Eñ]E etad dhi śaraṇaṁ kṣemam etac charaṇam | uttamam etac chEVEđE m āgamya sarvaduḥkhāt pramucyate

(MZ]ßZEHßRET etac charaṇaṁ śreṣṭ haṁ etac charaṇam uttamam | etac charaṇam āgamya [sarvaduḥkhāt pramucyate] ||

*****

4ßćM ?A&YHHLE Patna 79 [5.15] Attha dullabho purisājañño, dullabho puruṣājaṁño na so sabbattha jāyati, na so sabbattha jāyati | yattha so jāyatī dhīro yattha so jāyate vīro taṁ kulaṁ sukham edhati. taṁ kulaṁ sukham edhati

+ßRHLßVé?A7YLE 9HßREZEVKE7YOLE drulavhu puruṣayañudurlabhaḥ puruṣo jātyo na sa savatrajayadi nāsau sarvatra jāyate | yatra . . jayadi viru yatrāsau jāyate vīras ta kulu suhu modadi. | | tat kulaṁ sukham edhate

1ELßZEWXYMMMT dullabho puruṣ ājanyo na so sarvatra jāyate | yatra soḥjāyate vīra taṁ kulaṁ sukham edhati | |

*****

4ßćM ?A&YHHLE Patna 68 [5.4] Attha sukho buddhānam uppādo, sukho buddhāna uppādo sukhā saddhammadesanā, sukhā dhammassa deśanā sukhā saṅghassa sāmaggī, sukhā saṁghassa sāmaggr samaggānaṁ tapo sukho. samaggrāṇāṁ tapo sukho

9HßREZEVKE7YOLE sukhaṁ buddhasya cotpād sukhaṁ dharmasya deśanā sukhaṁ saṁghasya sāmagrī sukhamtapaḥ samagrāṇāṁ | |

*****

4ßćM ?A&YHHLE pūjārahe pūjayato, buddhe yadi va sāvake, papañcasamatikkante, tiṇṇasokapariddave.

*****

4ßćM ? A&YHHLE te tādise pūjayato, nibbute akutobhaye, na sakkā puññaṁ saṅkhātuṁ imettam api kenaci.

Buddhavaggo cuddasamo.

4EěLEQEOEFLßdĎEZßVEĉ

15. Sukhavagga 4ßćM ?A7YOLE 4EXRE?A/LßRX susukhaṁ vata jīvāma susukhaṁ vāmo vata jī verinesu averino, veriṇesu averiṇo | verinesu manussesu veriṇesu manuṣyesu viharāma averino. viharāma averiṇo | |

+ßRHLßVé?A7YLE 9HßREZEVKE7YOLE suhaï vada jivamu susukhaṁ bata jīvāmo veraṇeṣu averaṇa vairikeṣu | tv avairikāḥ veraṇeṣu maṇuśeṣu vairikeṣu manuṣyeṣu viharamu averaṇa. viharāmo hy| | avairikāḥ

*****

4ßćM ?A7YOLE susukhaṁ vata jīvāma āturesu anāturā, āturesu manussesu vihar5 0

4ßćM?A7YOLE jighacchāparamā rogā, saṅkhāraparamā dukhā, etaṁ ñatvā yathābhūtaṁ

16. Piyavagga 4ßćM ?A4M]E 4EXRE?A(EďÿE ayoge yuñjam attānaṁ, ayoge yuñjiyāttānaṁ yogasmiñ ca ayojayaṁ, yogamhi ca ayuṁjiya | atthaṁ hitvā piyaggāhī, rāhī priyagg atthaṁ hettā pihetattānuyog inaṁ. pṛhayantatthānuyogināṁ

+ßRHLßVé? A?4VEOMďEOEZEKE#A 9HßREZEVK a 5.9 Priya ayoi yuji atvaṇa ayoge yujya cātmānaṁ yoaseva ayujadu yoge cāyujya | sarvadā atha hitva priagaha arthaṁ hitvā priyagrāhī [svihadi arthaṇupaśiṇo.] spṛhayaty arthayogine |

*****

4ßćM?A4M]E Patna 73 [5.9] Attha mā piyehi samāgañchī mā priyehi samāgaṁma appiyehi kudācanaṁ,apriyehi kadācanaṁ | piyānaṁ adassanaṁ dukkhaṁ, priyassa addaṁśanaṁ duk appiyānañ ca dassanaṁ. apriyassa ca daṁśanaṁ |

9HßREZEVKE4VM]E mā priyaiḥ saṁgamo jātu [mā ca syād | apriyaiḥ sa priyāṇām adarśanaṁ duḥk | | apriyāṇāṁ ca darśanam

*****

4ßćM?A4M ya Patna 74 [5.10] Attha tasmā piyaṁ na kayirātha, tassā priyaṁ na kayirāt piyāpāyo hi pāpako,priyāvādo hi pāpako | ganthā tesaṁ na vijjanti ggraṁthā tesaṁ na vijja yesaṁ natthi piyāppiyaṁ. yesaṁ nāsti priyāpriyaṁ

9HßREZEVKE 4VM]E tasmāt priyaṁ na kurvīta priyabhāvo| hi pāpakaḥ nte granthās teṣāṁ na vidya yeṣāṁ nāsti| | priyāpriyam

*****

4ßćM?A4M]E Patna 72 [5.8] Attha piyato jāyatī soko,priyāt o jāyate dukkhaṁ piyato jāyatī bhayaṁ,[priyā śokā | priyā bhaya piyato vippamuttassa priyāto vipramuttassa natthi soko kuto bhayaṁ. nāsti śokā kato bhayaṁ

9HßREZEVKE4VM]E priyebhyo jāyate śokaḥ | priyebhyo jāyate bhayam priyebhyo vipramuktānāṁ nāsti śokaḥ| | kuto bhayam

%ZEHßREñEXEOET priyebhyo yateḥjā śoka priyebhyo jāyate bhayam priyebhyo vipramuktānā ṁ nāsti ḥkuto śoka bhayam | |

*****

4ßćM?A4M]E pemato jāyatī soko, pemato jāyatī bhayaṁ, pemato vippamuttassa natthi soko kuto bhayaṁ.

*****

4ßćM?A4M]E ratiyā jāyatī soko, ratiyā jāyatī bhayaṁ, ratiyā vippamuttassa natthi soko kuto bhayaṁ.

9HßREZEVKE/ßQE ratibhyo jāyate śoko | ratibhyo jāyate bhayam ratibhyo vipramuktānāṁ nāsti śokaḥ| | kuto bhayam

*****

4ßćM?A4M]E kāmato ko, jāyatī so kāmato jāyatī bhayaṁ, kāmato vippamuttassa natthi soko kuto bhayaṁ.

9HßREZEVKE/ßQE kāmebhyo jāyate śokaḥ | kāmebhyo jāyate bhayam kāmebhyo vipramuktānāṁ nāsti śokaḥ kuto bhayam

*****

4ßćM? A4M]E taṇhāya jāyatī soko, taṇ hāya jāyatī bhayaṁ, taṇhāya vippamuttassa natthi soko kuto bhayaṁ.

*****

4ßćM? A4M]E 4EXRE ?A:ßGß sīladassanasampannaṁ,
[śīlavantaṁ śuciṁ dacch dhammaṭṭhaṁ saccavādinaṁ dhammaṭṭhaṁ saccavādinaṁ attano kamma kubbānaṁ, [āttano kārakaṁ śantaṁ] taṁ jano kurute piyaṁ. taṁ jano kurute priyaṁ

+ßRHLßVé?A?đMPEZEKE#A 9HßREZEVKE4VM]E [śilamadu suyidrakṣo] [dharmasthaṁ śīlasaṁpan hrīmanta | ṁ satyavādinam [atvaṇo karako sadu] [ātmanaḥ kārakaṁ santaṁ ta jaṇo kuradi priu. || taṁ janaḥ kurute priyam

*****

4ßćM ?A4M]E chandajāto anakkhāte, manasā ca phuṭo siyā, kāmesu ca appaṭibaddhacitto, uddhaṁsoto ti vuccati.

9HßREZEVKE /ßQE chandajāto hy avasrāvī | bhavet manasānāvilo kāmeṣu tv apratibaddhac ūrdvasroto || nirucyate

4ßćM ? A1EPE Patna 163 [10.7] Mala anupubbena medhāvī anupūrvveṇa medhāvī thokathokaṁ khaṇe khaṇe, thokathokaṁ khaṇe khaṇe kammāro rajatassevakammāro rajatasseva niddhame malam attano. niddhame malam āttano |

9HßREZEVKE/ßQE anupūrveṇa medhāvī stoOEĉ stokaṁ kṣaṇe kṣaṇe | karmāro rajatasyaiva || nirdhamen malam ātmanaḥ

*****

4ßćM? A Mala Patna 160 [10.4] Mala ayasā va malaṁ samuṭṭhitaṁ, ayasā tu malo samuṭṭhit taduṭṭhāya tam eva tato khādati, uṭṭhāya tam eva kh evaṁ atidhonacārinaṁ em eva vidhūnacāriyaṁ sakakammāni nayantisakāni duggatiṁ. kaṁmāṇi nayanti

9HßREZEVKE /EVQE ayaso hi malaḥ samuttit sa tadutthāya tam eva k evaṁ hy aniśāmyacāriṇaṁ svāni karmāṇi nayanti d

*****

4ßćM? A1EPE Patna 157 [10.1] Mala asajjhāyamalā mantā, asajjhāyamalā vedā anuṭṭhānamalā gharā, anuṭṭhāṇamalā gharā | malaṁ vaṇṇassa kosajjaṁ, malo vaṇṇassa kosajjaṁ pamādohato rakkmalaṁ. pramādo rakkhatāṁ malo

*****

4ßćM? A1EPE Patna 158 [10.2] Mala malitthiyā duccaritaṁ, malo istiye duccaritaṁ maccheraṁ dadato malaṁ, maccheraṁ dadatāṁ malo malā ve pāpakā dhammā malo pāpāni kaṁmāṇi asmiṁ loke paramhi assiṁ ca. loke paramhi ca |

*****

4ßćM? A1EPE tato malā malataraṁ,

4ßćM? A1EPE surāmerayapānañ ca yo naro anuyuñjati, idheva m eso lokasmiṁ mūlaṁ khanati tano. at

*****

4ßćM ? A1EPE evaṁ bho purisa jānāhi pāpadhammā asaññatā. mā taṁ lobho adhammo ca ciraṁ dukkhāya randhayuṁ.

*****

4ßćM ? A1EPE 4EXRE? A(EHERX dadāti ve yathāsaddhaṁ dadanti ve yathāśraddha yathāpasādanaṁ jano, yathāprasādanaṁ janā | tattha yo maṅku bhavati tattha yo duṁmano hoti paresaṁ pānabhojane paresaṁ pānabhojane | na so divā vā rattiṁ na vā so divā ca rātto ca samādhiṁ adhigacchati. samādhim adhigacchati |

9HßREZEVKEđVEHHL dadanty eke yathā śraddhā | yathāvibhavato janāḥ tatra yo durmanā bhavat pareṣāṁ pānabhojane | nāsau divā ca rātrau ca || samādhim adhigacchati

*****

4ßćM? A1EPE yassa cetaṁ samucchinnaṁ mūlaghaccaṁ samūhataṁ, him ad sa l ve divā a ādhim ïad him a .13]

4ßćM? A(LEQQEěěLE na tena thero hoti yenassa palitaṁ siro, paripakko vayo tassa moghajiṇṇo ti vuccati.

+ßRHLßVé ?A8LIVE 9HßREZEVKEđVEQEď na tavada theru bhodi sthaviro na tāvatā bhav yaasa pali . . . r. . | yāvatā palitaṁ śiraḥ parivako vayu tasa paripakvaṁ vayas tasya mohajiďS di vucadi. mohajīrṇaḥ || sa ucyate

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE4EXRE ?A:ßGß yamhi saccañ ca dhammo ca yamhi saccaṁ ca dhammo ahiṁsā saṁyamo damo, viratī saṁyyamo damo | sa ve vantamalo dhīro sa vāntadoṣo medhāvī thero iti pavuccati. [sādhurūpī || ti vuccati]

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE Patna ?A:ßGß na vākkaraṇamattenana vākkaraṇamātteṇa vaṇṇapokkharatāya vā vannapukkhalatāya vā | sādhurūpo naro hotisādhurūpī naro hoti issukī maccharī saṭho. iśśukī maccharī śaṭho |

+ßRHLßVé ?A8LIVE 9HßREZEVKE =YKE . . . . karaṇamatreṇa na nāmarūpamātr eṇa varṇapuṣkalarṇaï vavarṇapuṣkalayā na ca | sadaruvu naru bhodi sādhurūpo naro bhavati || iṣui matsari śaḍhu.māyāvī matsarī śaṭhaḥ

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE 4EXRE ?A:ßGß yassa cetaṁ samucchinnaṁ [yamhi saccaṁ ca ca dhammo mūlaghaccaṁ samūhataṁ viratī saṁyyamo | damo] sa vantadoso medhāvī sa vāntadoṣo medhāvī sādhurūpo ti vuccati. sādhurūpī ti vuccati ||

+ßRHLßVé ?A8LIVE 9HßREZEVKEđVEHHLß ..... [yasya śraddhā ca śīlaṁ ..... | āhiṁsā saṁyamo damaḥ] ..... sa ntadoṣo vā medhāvī sadaruvu di vucadi. sādhurūpo|| nirucyate

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE 4EXRE?AđEVEď na muṇḍakena samaṇona muṇḍabhāvā śamaṇo abbato alikaṁ bhaṇaṁ avrato alikaṁ bhaṇaṁ | icchālobhasamāpannoicchālobhasamāpann o samaṇo kiṁ bhavissati. śamaṇo kiṁ bhaviṣyati |

+ßRHLßVé ?A8LIVE 9HßREZEVKEđVEQEď . . . . . ṣamaṇo na muṇḍabhāvāc chramaṇo avradu alia bhaṇi hy avṛtas tv n| anṛtaṁ vad ichalohasamavarṇo icchßlobhasamāpannaḥ ṣamaṇo ki bhaviṣadi. śramaṇaḥ ṣyati|| kiṁ bhavi

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE 4EXRE?AđEVEď yo ca sameti pāpāni, yo tu śameti pāpāni aṇuṁ thūlāni sabbaso, aṇutthūlāni sabbaśo | samitattā hi pāpānaṁ śamaṇā eva pāpānāṁ samaṇo ti pavuccati. śamaṇo ti pravuccati ||

+ßR HLßVé?A &VEQQEďE 9HßREZEVKE &VßLQEď [na jaḍaï na gotreṇa [na jaṭābhir na gotreṇa na yaca bhodi bramaṇo] | na jātyā brāhmaṇaḥ smṛt yo du brahetva pavaṇa yas tu vāhayate pāpāny aṇuthulaṇi sarvaśo aṇusthūlāni | sarvaśaḥ [brahidare va pavaṇa [vāhitatvāt tu pāpānāṁ brammaṇo di pravucadi.] brāhmaṇo vai|| nirucyate]

+ßRHLßVé ? A8LIVE [. . . . va pavaṇi ta viñu śramaṇa vidu] śamadhare vaṇiva pa śramaṇ o di pravucadi.

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE na tena bhikkhu hoti yāvatā bhikkhate pare, vissaṁ dhammaṁ samādāya bhikkhu hoti na tāvatā.

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE &LMOēY na bhikhu tavada bhodi bhikṣur na tāvatā bhava yavada bhikṣadi para yāvatā ṣate | parān bhik veśma dharma samadaï veśmāṁ dharmāṁ samādāya bhikhu bhodi na tavada. bhikṣur bhavati na tāva

1ELßZEWXYMMMT bhikṣ u na tāvatā bhavati yāvatā ṣ ate bhik ṁparā | viṣ amā ṁ dharmā ṁ samādāya bhikṣ u bhoti na tāvatā ||

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE yodha puññañ a ca pāpañ c bāhetvā brahmacariyavā, saṅkhāya loke carati, sa ce bhikkhū ti vuccati.

+ßRHLßVé ? A&LMOLY 9HßREZEVKE &LMOēY [yo du baheti pavaṇa] yas tu puṇyaṁ ca pāpaṁ vadava brammayiyava prahāya n| hmacaryavā bra saghaï caradi loku [viśreṇayitvā carati] so du bhikhu du vucadi. sa vai bhikṣur nirucyat

1ELßZEWXYMMMT yo caṁ ca kāmā pāpa ṁ cā dhik ṛtvā brahmacaryavā ṁ| [ni ḥśre ṇībhūto saprajño] sa vai bhikṣ ū ti vuccati ||

*****

4ßćM ? A(LEQQEěěLE na monena munī hoti mūḷharūpo aviddasu, yo ca tulaṁ va paggayha varam ādāya paṇḍito,

*****

4ßćM ? A(LEQQEěěLE

pāpāni parivajjeti, sa munī tena so muni, yo munāti ubho loke muni tena pavuccati.

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE na tena ariyo hoti yena pāṇāni hiṁsati, ahiṁsā sabbapāṇānaṁ ariyo ti pavuccati.

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE 4EXRE?AÞWEZE na sīlabbatamattena,
na hi śīlavrateneva bāhusaccena vā pana, bāhuśoccen a vā puna | atha vā samādhilābhena, atha vā samādhilābhena vivittasayanena vā,vivittaśayanena vā ||

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE&LMOēY na śilavadamatreṇa
na śīlavratamātreṇa [bahoṣukeṇa va maṇo] bahuśrutyena | vā punaḥ adha samadhilabheṇatathādhilābhena samā vevitaśayaṇeṇa va. viviktaśayanena || vā

1ELßZEWXYMMMT na śīlavratamātre ṇa bāhuśrutyena ḥ| vā puna atha vā samādhilābhena prāntaśayyāsanena ca ||

*****

4ßćM? A(LEQQEěěLE 4EXRE?AÞWEZE phusāmi nekkhammasukhaṁ, phusāma nekkhaṁmasukhaṁ aputhujjanasevitaṁ,apṛthujjanasevitaṁ | bhikkhu vissāsa' māpādi bhikkhū viśśāsamāpādi appatto āsavakkhayaṁ. aprāpyāsavakkhayaṁ ||

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVK E&LMOēY phuṣamu nekhamasukhu bhikṣur viśvāsam āpadye aprudhajaṇasevida aprāpte hy āsravakṣaye i bhikhu viśpaśa mavad m spṛśet tu saṁbodhisukha || aprate asavakṣaye. akāpuruṣasevitam

1ELßZEWXYMMM sphṛhayaṁ naiṣkramyasukhaṁ apṛthagjanasevitaṁ | bhikṣu viśvāsamāpadye aprāpteṣ ayeāśravak ||

(LEQQEěěLEZEKKSIOõREZéWEXMQ o.

20. Maggavagga 4ßćM?A1EKKE 4EXRE ?A1ßKKE maggānaṭṭhaṅgiko seṭṭho, māggānaṣṭaṁgiko śreṣṭho saccānaṁ caturo padā, saccānāṁ caturo padā | virāgo seṭṭho dhammānaṁ, virāgo śreṣṭho dhammāṇā dipadānañ ca cakkhumā. dupadānāṁ humā ca cakk ||

+ßRHLßVé ?A1EKY 9HßREZEVKE1ßVKE magaṇa aṭhagḡio śeṭho mārgeṣv aṣṭāṅgikaḥ śreṣ sacaṇa caüri pada | catvāry āryāṇi satyataḥ viraku śeṭho dhamaṇa śreṣṭho virāgo dharmāṇā praṇabhudaṇa cakhuma cakṣuṣmāṁ dvipadeṣu ca

*****

4ßćM?A1EKKE 4EXRE?A1ßKKE eso va maggo natthañño eseva māggo nāstaṁ 'ño dassanassa visuddhiyā, daṁśanassa viśuddhiye | etaṁ hi tumhe paṭipajjatha, taṁ māggaṁ paṭipajjahvo mārassetaṁ pamohanaṁ. mārasse 'sā pramohanī | [etāhi bhetub paṭipannā dukkhassa antaṁ || kariṣya

*****

4ßćM?A1EKKE 4EXRE?A1ßKKE etaṁ hi tumhe paṭipannā [eseva māggo nāstaṁ 'ño dukkhassantaṁ karissatha, daṁśanassa viśuddhiye | akkhāto ve mayā maggo taṁ māggaṁ paṭipajjahvo aññāya sallasanthanaṁ. mārasse 'sā | pramohanī] etāhi tubbhe paṭipannā dukkhassa antaṁ kariṣya

4EXRE ?A1ßKKE ākkhāto vo mayā māggo aṁñāye śallasaṁsano | [tubbhehi kiccam ātappa akkhātāro tathāgatā | paṭipannā pramokkhanti jhāyino mārabaṁdhan ā] ||

9HßREZEVKE 1ßVKE ākhyāto vo mayā mārgas tv ajñāyai śalyakṛntana [yuṣmābhir eva karaṇīya ākhyātāras|| tathāgatāḥ] *****

4ßćM?A1EKKE 4EXRE ?A1ßKKE tumhehi kiccaṁ ātappaṁ [ākkhāto vo mayā māggo akkhātāro tathāgatā, aṁñāye śallasaṁsano] | paṭipannā pamokkhanti tubbhehi kiccam ātappaṁ jhāyino mārabandhanā . akkhātāro tathāgatā | paṭipannā pramokkhanti jhāyino mārabaṁdhanā ||

9HßREZEVKE 1ßVKE [ākhyāto vo mayā mārgas tv ajñāyai |śalyakṛntana yuṣmābhir a karaṇīyam ev ākhyātāras|| tathāgatāḥ

9HßREZEVKEđéPE [eṣa kṣemagamo mārga eṣa mārgo |viśuddhaye] pratipannakāḥ prahāsyan dhyāyino mārabandhanam

*****

4ßćM?A1EKKE 4EXRE?A1ßKKE sabbe saṅkhārā aniccā
aniccā ti, sabbasaṁkhārā yadā paññāya passati, yato praṁñāya paśśati | atha nibbindatī dukkhe atha nivvaṇḍate dukkhā esa maggo visuddhiyā. esa māggo viśuddhiye ||

+ßRHLßVé?A1EKY 9HßREZEVKE1ßVKE di ĉsarvasaṁskārāṁ savi
saghara aṇica anityā yada prañaya paśadiprajñayā paśyate yadā | tada nivinadi dukha atha nirvidyate duḥkhād eēSmagu viśodh ia. eṣa mārgo ||viśuddhaye

*****

4ßćM ?A1EKKE sabbe saṅkhārā dukkhā ti, yadā paññāya passati, atha nibbindatī dukkhe esa maggo visuddhiyā.

+ßRHLßVé?A1EKY 9HßREZEVKE1ßVKE savi saghara dukha di
duḥkhaṁ hi sarvasaṁskār yada prañaï gradhadi prajñayā paśyate yadā | tada nivinadi dukha atha nirvidyate duḥkād eṣo magu viśodhia. eṣa mārgo ||viśuddhaye
*****

4ßćM ?A Magga 4EXRE?A1ßKKE sabbe dhammā
anattāsabbadhaṁmā ti, anāttā ti yadā paññāya passati, yato praṁñāya paśśati | atha nibbindatī dukkhe atha nivvaṇḍate dukkhā esa maggo visuddhiyā. esa māggo viśuddhiye ||

+ßRHLßVé ?A1EKY 9HßREZEVKE 1ßVKE sarvi dhama aṇatva di
sarvadharmā anātmānaḥ yada paśadi cakhkṣuma prajñayā paśyate yadā | tada nivinadi dukha atha nirvidyate duḥkhād eṣo mago viśodhia. eṣa mārgo ||viśuddhaye

*****

4ßćM ? A1EKKE 4EXRE?A%TVEQßH uṭṭhānakālamhi
anuṭṭhahāno, uṭṭhāṇakālamhi anuṭṭhih yuvā balī ālasiyaṁ yuvā upeto, balī ālasiko upoko saṁsannasaṅkappamano saṁsannasaṁkappamano kusīto, ku paññāya maggaṁ alaso praṁñāya na vindati. māggaṁ alaso n

+ßRHLßVé?A%T ramadu 9HßREZEVKE'MXXE utthānakāleṣu
nihīnavīr yoi bali alasie uvidu vācā balī tv ālasiko ni satsanasagapamaṇo svadima sadaiva saṁkalpahataḥ k prañaï maga alasu na vinadi. jñānasya mārgaṁ satataṁ

*****

4ßćM ? A1EKKE 4EXRE ?A:ßGß vācānurakkhī
manasāvācānurakkhī susaṁvuto, manasā sus kāyena ca akusalaṁ kāyena na kayirā,

yo akuśalaṁ na s ete tayo kammapathe visodhaye, ete ttayo mapathe kaṁ viśodhiya ārādhaye maggaṁ isippaveditaṁ. [prāppojja so śāntipada ||

9HßREZEVKE7YGEVMX vācānurakṣī manasā susa | kāyena caivākuśalaṁ na etāṁ śubhāṁ karmapathāṁ ārādhayen mārgam ṛṣipra

*****

4ßćM ?A1EKKE 4EXRE? A1ßKKE yogā ve jāyatī bhūri, yogā hi
bhūrī saṁbhavat ayogā bhūrisaṅkhayo, ayogā bhūrisaṁkhayo | etaṁ dvedhāpathaṁ ñatvā etaṁ jethāpathaṁ ñāttā bhavāya vibhavāya ca, bhavāya vibhavāya | ca tathattānaṁ niveseyya [tathā śiccheya medhāvī yathā bhūri pavaḍḍhati. yathā bhūrī pravaddhati

9HßREZEVKE =YKE yogād bhavaḥ prabhavati | viyogād bhavasaṁkṣayaḥ etad dvaidhāpathaṁ jñāt bhavāya vibhavāya ca | [tatra śikṣeta medhāvī || yatra yogān atikramet]

*****

4ßćM ?A Magga 4EXRE?A1ßKKE vanaṁ chindatha mā vanaṁ
rukkhaṁ, chindatha mā rukk vanato jāyatī bhayaṁ, vanāto jāyate bhayaṁ | chetvā vanañ ca vanathañ chettā ca, vanañ ca vanadha nibbanā hotha bhikkhavo. nibbanena gamiśśatha ||

+ßRHLßVé ? A8EWMdĚ 9HßREZEVKE 4YēTE ..... vanaṁ chindata mā
vṛkṣa ..... | vanād vai jāyate bhayam . . . . . yi chitvā vanaṁ samūlaṁ tu nivaṇa bhodha bhikṣavi. || nirvaṇā bhavata bhikṣav

*****

4ßćM ?A1EKKE 4EXRE?A1ßKKE yāv a hi vanatho na chijjati
yāvatā vanadho na cchij aṇumatto pi narassaaṇumātto nārisu pi narassa ñāt paṭibaddhamano va tāva paṭibaddhamano so, hi tatth vaccho khīrapako vavaccho mātari. cchīravako va mā

+ßRHLßVé ?A8EWMdĚ 9HßREZEVKE 4YēTE ..... na chidyate ĉ yāvatā
vana ..... hy anumātram api narasy ..... ăsa tatra vai pratibaddhamanā . . . kṣiravayo va vatsaḥ madara.kṣīrapaka || iva mā

* ****

4ßćM ?A1EKKE 4EXRE?A1ßKKE ucchinda sineham attano,
ucchinna sineham āttano kumudaṁ sāradikaṁ va kumudaṁ pāṇināśāradikaṁ va pā santimaggam eva brūhaya śāntimāggam eva byūhaya nibbānaṁ sugatena desitaṁ. nibbāṇaṁ gatena su deśitaṁ ||

+ßRHLßVé ? A?4YēTEA 9HßREZEVKE 4YēTE uchina siṇeha atvaṇo
ucchindi hi sneham ātma raṇiṇa ba padmaṁ kumudu śaradaka p | śāradakaṁ yathod śadimagam eva brohaï QßVKE śāntim eva bṛṁhayen nivaṇa sukadeṇa deśida.

nirvāṇaṁ sugatena|| deśitam

*****

4ßćM ?A1EKKE 4EXRE?A1ßKKE idha vassaṁ vasissāmi,
idaṁ vaśśā karişyāmi idha hemantagimhisu, idaṁ hemaṁna gṛhmasu | iti bālo vicinteti iti bālo viciṁteti antarāyaṁ na bujjhati. antarāyaṁ || na bujjhati

+ßRHLßVé?A?/MGEZEKE#A 9HßREZEVKE %RMX]E idha vaṣa
karişamu iha varṣaṁ karişyāmi idha hemadagi . . hemantaṁ grīṣmam eva ca ..... bālo yaty vicinta evam ..... antarāyaṁ || na paśyati

*****

4ßćM ?A1EKKE taṁ puttapasusammattaṁ byāsattamanasaṁ naraṁ,

21. PakiďďEOEZEKKE 4ßćM ?A4EOMďďEOE Patna 77 [5.13] Attha
mattāsukhapariccāgāmāttāsukhapariccāgā passe ce vipulaṁ sukhaṁ, paśśe ce vipulaṁ sukhaṁ caje mattāsukhaṁ dhīro caje māttāsukhaṁ dhīro sampassaṁ vipulaṁ sukhaṁ. saṁpaśśaṁ vipulaṁ sukha

+ßRHLßVé?A7YLE 9HßREZEVKE7YOLE . . . trasuhaparicaï
mātrāsukhaparityāgād yo paśivulu visuha | yaḥ paśyed vipulaṁ sukh cayi matrasuha dhiro tyajen mātrāsukhaṁ dhīr sabaśu vula suha. vi || saṁpaśyaṁ vipulaṁ sukha

*****

4ßćM ?A4EOMďďEOE 4EXRE?A/EP]ßď paradukkhūpadānena
paradukkhopadhānena attano sukham icchati, yo icche sukham āttano verasaṁsaggasaṁsaṭṭho verasaṁsaggasaṁsaṭṭho verā so na parimuccati.dukkhā na parimuccati |

+ßRHLßVé ? A Suha 9HßREZEVKE7YOLE pa . . .eṇa . . . . . .
paraduḥkhopadhānena ṇ yo atvaďEW u . .icha . . | ya icchet sukham ātmana . . rasaṣaga tWMěLE . . vairasaṁsargasaṁsakto so duha na parimucadi. duḥkhān na parimucyate

*****

4ßćM ?A4EOM ďďEOE 4EXRE?AÞWEZE yaṁ hi kiccaṁ tad
apaviddhaṁ, yad<a>hi kiccaṁ tad apa akiccaṁ pana kayirati, akiccaṁ puna kīrati | unnalānaṁ pamattānaṁ unnaddhānāṁ pramattānāṁ tesaṁ vaḍḍhanti āsavā. tesaṁ vaddhaṁti āsavā |

+ßRHLßVé ? A [Kicavaga?] 9HßREZEVKE %TVEQßH ya kica ta a . . . . . .
yat kṛtyaṁ tad apaviddh . . . . . .kiyadi | akṛtyaṁ kriyate punaḥ unaḍaṇa XEďE prama uddhatānāṁ pramattānāṁ ..... teṣā | ṁ vardhanti āsravāḥ [asava teṣa vaḍhadi[āsravās teṣu vardhante ara te ya.] asavakṣa ārāt te hy || āsravakṣayāt

*****

4ßćM ?A4EOMďďEOE PatnE?AÞWEZE yesañ ca
susamāraddhā yesaṁ ca susamāraddhā niccaṁ kāyagatā sati, niccaṁ kāyagatā satī | akiccaṁ te na sevanti akiccaṁ te na sevaṁti kicce sātaccakārino, kicce sātaccakāriṇo | satānaṁ sampajānānaṁ satānāṁ samprajānānāṁ atthaṁ gacchanti āsavā. [tesaṁ khīyaṁti || āsavā]

+ßRHLßVé? A?/MGEZEKE#A 9HßREZEVKE%TVEQßH yeṣa du
susamaradhayeṣāṁ tu susamārabdhā nica kayakada sva di | nityaṁ kāyagatā smṛtiḥ . . . . akṛtyaṁ te na kurvanti ..... | kṛtye sātatyakāriṇaḥ sadaṇa sabrayaṇaṇa smṛtānāṁ saṁprajānānām [taṣa adi . kṣay ....] || astaṁ gacchanti āsravāḥ

*****

4ßćM ?A4EOMďďEOE 4EXRE?A&VßLQEď mātaraṁ pitaraṁ
hantvā, mātaraṁ paṭhamaṁ hantā rājāno dve ca khattiye, rājānaṁ do ca khattiye raṭṭhaṁ sānucaraṁ hantvā, rāṣṭaṁ sānucaraṁ hantā anīgho yāti brāhmaṇo. anigho carati brāhmaṇo

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE =YKE mātaraṁ pitaraṁ
hatvā rayaṇa dvayu śotriarājānaṁ dvau ca śrotriy u raṭha saṇ rāṣṭraṁ sānucaraṁ hatvā anighoßhmaṇaḥ aṇiho yadi brammaṇo. || yāti br

*****

4ßćM ?A4EOMďďEOE mātaraṁ pitaraṁ hantvā, rājāno dve ca sotthiye,
veyyagghapañcamaṁ hantvā, anīgho yāti brāhmaṇo.

9HßREZEVKE&VßLQE mātaraṁ pitaraṁ hatvā rājānaṁ dvau ca śrotiya
vyāghraṁ ca pañcamaṁ ha [śuddha ity|| ucyate nara

9HßREZEVKE&VßLQE pitaraṁ hatvā [mātaraṁ rājānaṁ dvau ca śrotiya
rāṣṭraṁ sānucaraṁ hatvā anigho yāti|| brāhmaṇaḥ

*****

4ßćM ?A4EOMďďEOE suppabuddhaṁ pabujjhanti sadā gotamasāvakā,
yesaṁ divā ca ratto ca niccaṁ buddhagatā ati. s

+ßRHLßVé?A1EKY 9HßREZEVKE7QđXM supraüdhu praüjadi
suprabuddhaṁ prabudhyan imi godamaṣavaka | ime gautamaśrāvakāḥ yeṣa diva ya radi ca yeṣāṁ divā ca rātrau ca nica budhakada svadi. || nityaṁ buddhagatā smṛti

*****

4ßćM ? A4EOMďďEOE suppabuddhaṁ pabujjhanti sadā gotamasāvakā,
yesaṁ divā ca ratto ca niccaṁ dhammagatā sati.

+ßRHLßVé?A1EKY 9HßREZEVKE7QđXM suprabuddhaṁ
prabudhyante imi godamaṣavaka | ime gautamaśrāvakāḥ yeṣa diva ya radi ca yeṣāṁ divā ca rātrau ca nica dhamakada svadi. || nityaṁ dharmagatā smṛti

*****

4ßćM ? A4EOMďďEOE suppabuddhaṁ pabujjhanti sadā gotamasāvakā, yesaṁ divā ca ratto ca niccaṁ saṅghagatā sati.

+ßRHLßVé?A1EKY 9HßREZEVKE7QđXM su suprabuddhaṁ prabudhyan imi godamaṣavaka | ime gautamaśrāvakāḥ yeṣa diva ya radi ca yeṣāṁ divā ca rātrau ca || nityaṁ saṁghagatā smṛti

*****

4ßćM ?A4EOMďďEOE 4EXRE?A/LßRXM suppabuddhaṁ abujjhanti p suprabuddhaṁ prabujjhan sadā gotamasāvakā, sadā gotamasāvakā | yesaṁ divā ca rattoyesāṁ ca divā ca rātto ca niccaṁ kāyagatā sati. niccaṁ kāyagatā satī ||

+ßRHLßVé?A1EKY 9HßREZEVKE7QđXM suprabuddhaṁ prabudhyan imi godamaṣavaka | ime gautamaśrāvakāḥ yeṣa diva ya radi ca yeṣāṁ divā ca rātrau ca nica kayakada svadi. || nityaṁ kāyagatā smṛtiḥ

*****

4ßćM?A4EOMďďEOE 4EXRE?A/LßRXM suppabuddhaṁ pabujjhanti suprabuddhaṁ prabujjhan sadā gotamasāvakā, sadā gotamasāvakā | yesaṁ divā ca rattoyesāṁ ca divā ca rātto ca ahiṁsāya rato mano.ahiṁsāya rato mano ||

+ßRHLßVé? A1EKY 9HßREZEVKE7QđXM suprabuddhaṁ prabudhyan imi godamaṣavaka | ime gautamaśrāvakāḥ yeṣa diva ya radi ca yeṣāṁ divā ca rātrau ca ahitsaï rado maṇo. || āhiṁsāyāṁ rataṁ manaḥ

*****

4ßćM?A4EOMďďEOE 4EXRE?A/LßRXM suppabuddhaṁ pabujjhanti suprabuddhaṁ prabujjhan sadā gotamasāvakā sadā gotamasāvakā | yesaṁ divā ca rattoyesāṁ ca divā ca rātto ca bhāvanāya ato mano. r bhāvanāya rato mano ||

+ßRHLßVé? A1EKY 9HßREZEVKE7QđX i suprabuddhaṁ prabudhyan imi godamaṣavaka | ime gautamaśrāvakāḥ yeṣa diva ya radi ca yeṣāṁ divā ca rātrau ca bhamaṇaï rado maṇo.bhāvanāyāṁ ă`` rataṁ mana

*****

4ßćM?A4EOMďďEOE duppabbajjaṁ durabhiramaṁ, durāvāsā gharā dukhā, dukkhosamānasaṁvāso, dukkhānupatitaddhagū, tasmā na caddhagū ā siy na ca dukkhānupatito siyā.

+ßRHLßVé?A?4VEOMďEOEZEKE#A 9HßREZEVKE đVEQEďE drupravaï druabhiramu duṣpravrajyaṁ durabhira | duradhyāvasitā gṛhāḥ dukhu samaṇasavaso duḥkhāsamānasaṁvāsā dukhaṇuvadida bhava. duḥkāś copacitā||

bhavāḥ

*****

4ßćM?A4EOMďďEOE 4EXRE? A(EHERX saddho sīlena
sampanno śraddho sīlena saṁpanno yasobhogasamappito, yaśabhogasamāhito | yaṁ yaṁ padesaṁ bhajati yaṁ yaṁ so bhajate deśa tattha tattheva pūjito. tattha tattheva pūjiyo ||

+ßRHLßVé?A?đMPEZEKE#A 9HßREZEVKE đVEHHLß ṣadhu śileṇa
sabaṇośrāddhāḥ śīlena saṁpann yaśabhoasamapidu [tyāgavāṁ vītamatsaraḥ | [yeṇa yeṇeva vayadi] vrajate yatra yatraiva] teṇa teṇeva puyidu.tatra tatraiva te || pūjya

*****

4ßćM?A4EOMďďEOE dūre santo pakāsenti himavanto va pabbato,
asantettha na dissanti rattiṁ khittā yathā sarā.

9HßREZEVKE =YKE dūrāt santaḥ prakāśyant himavān iva| parvataḥ asanto na prakāśyante MTXßäñEVß rātrikṣ yathā||

*****

4ßćM?A4EOMďďEOE 4EXRE? AÞXXE ekāsanaṁ ekaseyyaṁ
ekāsanaṁ ekaśeyaṁ eko caram atandito ekacariyām atandrito | eko damayam attānaṁeko ramayam āttānaṁ vanante ramito siyā. vanānte ramitā siyā ||

+ßRHLßVé ?A?4VEOMďEOEZEKE#A 9HßREZEVKEÞXQE ekasaṇa
ekasaya ekāsanaṁ tv ekaśayyām ekaïyaï savudu ekacaryām | atandritaḥ eku ramahi atvaṇa ramayec caikam ātmānaṁ [arañi ekao vasa.] [vaneṣv ekaḥ || sadā vaset

4EOMďďEOEZEKKS)OEZéWEXMQS

22. Nirayavagga 4ßćM?A2MVE]E 4EXRE? A/EP]ßď abhūtavādī
nirayaṁ abhūtavādī upeti, nirayaṁ upet yo vāpi katvā na karomī yo cāpi ti kattā cāha, na karomī ubho pi te pecca samā ubho pibhavanti, te precca samā bhavanti nihīnakammā manujā nihīnakaṁmā parattha. manujā para

+ßRHLßVé ?A?4VEOMďEOEZEKE#A 9HßREZEVKE :ßGE abhudavadi
naraka uvedi abhūtavādī narakān upai yo ya vi kitva na karodi [yaś cānyadapyāha ācaratīha | karm uvhaï ami preca sama bhavadi ubhau hi tau pretya samau niruktau nihiṇakama maṇuya paratri. nihīnadharmau manujau | p

*****

4ßćM?A2MVE]E 4EXRE? A/EP]ßď kāsāvakaṇṭhā
bahavokāṣāyakaṁṭhā bahavo pāpadhammā asaññatā, pāpadhaṁmā asaṁyyatā | pāpā pāpehi kammehipāpā pāpehi kaṁmehi nirayaṁ te upapajjare. nirayaṁ te upapajjatha

9HßREZEVKE đVEQEđE kāṣāyakaṇṭhā bahavaḥ pāpadharmā hy | asaṁyatāḥ pāpā hi karmabhiḥ pāpai [ito gacchanti durgatim] ||

*****

4ßćM ?A2MVE]E 4EXRE ? A:ßGß seyyo ayoguḷo tto bhu śreyo ayoguḍā bhuttā tatto aggisikhūpamo, tattā aggiśikhopamā | yañ ce bhuñjeyya dussīlo yaṁ ca bhuñjeya duśśīlo raṭṭhapiṇḍaṁ asañño. rāṣṭapiṇḍaṁ asaṁyyato |

+ßRHLßVé?A?đMPEZEKE#A 9HßREZEVKE /EVQE . . . . .ayokuḍu bhuta śreyo hy ayoguḍā bhuktā tata agiśihovam o | taptā hy agniśikhopamāḥ . . . . . .bhujea na tu bhuñjīta duḥśīlo raṭhapiṇa asañadu. rāṣṭrapiṇḍam || asaṁyataḥ

*****

4ßćM ?A2MVE]E 4EXRE?A(EđÿE cattāri ṭhānāni naro cattāri pamattoṭṭhānāni naro p āpajjat ī paradārūpasevī, āpajjate paradāropasevī apuññalābhaṁ na nikāmaseyyaṁ, apuṁñalābhaṁ anikāmaśey nindaṁ tatīyaṁ nirayaṁ nindaṁ catutthaṁ. tritīyaṁ nirayaṁ

+ßRHLßVé?A?4V EOMđEOEZEKE#A 9HßREZEVKE%TVEQßH sthānāni catvāri naraḥ avajadi paradarovasevi āpadyate yaḥ paradārase amuñalabha aniamasaya y anikāmaśayyāṁ apuṇyalābhaṁ h nindāṁ tṛtīyaṁ || aturthamnarakaṁ

*****

4ßćM?A2MVE]E 4EXRE?A(EđÿE apuññalābho ca gatīapuṁñalābho ca pāpikā, ca gatī ca bhītassa bhītāya ratī bhītassa ca thokikā, bhītāya appikā |ratī p rājā ca daṇḍaṁ garukaṁ rājā paṇeti ca daṇḍaṁ garukaṁ tasmā naro paradāraṁ [kāyassa na seve. bhedā || nirayaṁ

9HßREZEVKEF%TVEQß apuṇyalābhaś ca gatiś c FLéXEW]EFLéXßFLMVEXLß lpikā| ratiḥ rājā ca daṇḍaṁ gurukaṁ HßHREVEOIēYTE [kāyasya bhe cyate] ||

*****

4ßćM 311 [22.6] Niraya 4EXRE ? A:ßGß kuso yathā duggahitokuśo yathā duggṛhīto hattham evānukantati, hastam evānukaṁtati | sāmaññaṁ dupparāmaṭṭhaṁ śāmannaṁ dupparāmāṭṭhaṁ nirayāyupakaḍḍhati.nirayāya upakaṭṭati ||

+ßRHLßVé?A=EQEOE 9HßREZEVKEđVEQEđE ś aru yadha drugahido śaro yathā durgṛhīto hasta aṇuvikatadi hastam evāpakṛntati | ṣamaña droparamuṭhośrāmaṇyaṁ duṣparāmṛṣṭaṁ niraya uvakaḍhadi. narakān upakarṣati ||

*****

4ßćM?A2MVE]E yaṁ kiñci sithilaṁ , kammaṁ saṅkiliṭṭhañ ca yaṁ vataṁ, saṅkassaraṁ brahmacariyaṁ, na taṁ hoti mahapphalaṁ.

9HßREZEVKEđVEQEđE yat kiĉcic chitilaṁ karma saṁkliṣṭaṁ vāpi| yat tap apariśuddhaṁ brahmacary na tad bhavati || mahāphal

*****

4ßćM? A2MVE ya kayirañ ce kayirāthenaṁ daḷham enaṁ parakkame,
saṭhilo hi paribbājo bhiyyo ākirate rajaṁ.

9HßREZEVKEđVEQEđE [kurvāṇo hi sadā prājño dṛḍham eva | parākramet śithilā khalu pravrajyā || puno rajaḥ hy ādadāti

*****

4ßćM? A2M raya 4EXRE?A/EP]ßđé akataṁ dukkataṁ seyyo,
akataṁ dukkataṁ śreyo pacchā tapati dukkataṁ, pacchā tapati dukkataṁ katañ ca sukataṁ seyyo, [dukkataṁ me kataṁ ti ś yaṁ katvā nānutappati. bhūyo śocati || doggatiṁ g

Patna 101 [7.6] Kalyßđé katañ ca sukataṁ sādhu yaṁ kattā nānutappati | [sukataṁ me kataṁ ti na bhūyo nandati || soggatiṅ

+ßRHLßVé?A?/MGEZEKE#A 9HßREZEVKE =YKE akida kukida
ṣehu akṛt aṁ kukṛtāc chreyaḥ pacha tavadi drukida | paścāt tapati duṣkṛtam kida nu osukida ṣeh [śocate duṣkṛtaṁ kṛtvā ya kitva di. naṇutapa || śocate durgatiṁ gataḥ]

9HßREZEVKE =YKE kṛtaṁ tu sukṛtaṁ śreyo yat kṛtvā nānutapyate | [nandate sukṛtaṁ kṛtvā nandate sugatiṁ gataḥ]

*****

4ßćM?A2MVE]E 4EXRE? AđEVEđ nagaraṁ thā ya paccantaṁ
praccaṁtimaṁ vā nagaraṁ guttaṁ santarabāhiraṁ, guttaṁ sāntarabāhiraṁ | evaṁ gopetha attānaṁ, evaṁ rakkhatha āttānaṁ khaṇo vo mā upaccagā, khaṇo vo mā upaccagū | khaṇātītā hi socantikhaṇātī tā hi śocaṁti nirayamhi samappitā.nirayamhi samappitā ||

+ßRHLßVé?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE4VM]E [. . . darada bhodha]
[ātmānaṁ cet priyaṁ vid khaṇo yu ma uvacaï gopayet taṁ | sugopitam] khaṇadida hi śoyadiyathā pratyantanagaraṁ niraeṣu da. samapi guptam antarbahisthiram ||

9HßREZEVKE4VM]E evaṁ gopayatātmānaṁ kṣano vo mā | hy upatyagā kṣaṇātītā hi śocante narakeṣu ||samarpitāḥ

*****

4ßćM?A2MVE]E Patna 169 [10.13] Mala

alajjitāye lajjanti, alajjitavve lajjanti lajjitāye na lajjare, lajjitavve na lajjatha | micchāditṭhisamādānā, [abhaye bhayadaṁśāvī sattā gacchanti gatiṁ. dugbhaye cābhayadaṁśino] | micchadṛṣṭisamādānā sattā gacchanti doggati

+ßRHLßVé?A?4VEOMďEOEZEKE#A 9HßREZEVKE4VEOMVď
alajidavi lajadi alajjitavye lajjante lajidavi na lajadi lajjitavye | tv alajjinaḥ [abhayi bhayadarśavi [abhaye bhayadarśīno bhayi abhayadarśaṇo] bhaye cābhayadarśinaḥ] | michadiṭhisamadaṇa mithyādṛṣṭisamādānāt satva gachadi drugadi. satvā gacchanti || durgati

*****

4ßćM?A2MVE]E Patna 169 [10.13] Mala abhaye bhayadassino, abhaye bhayadaṁśāvī bhaye cābhayadassino,bhaye cābhayadaṁśino | micchādiṭṭhisamādānā,micchadṛṣṭisamādānā sattā gacchanti duggatiṁ. sattā gacchanti doggati

+ßRHLßVé ?A?4VEOMďEOEZEKE#A [alajidavi lajadi lajidavi na lajadi] abhayi bhayadarśavi bhayi abhayadarśaṇo michadiṭhisamadaṇa satva gachadi drugadi.

*****

4ßćM ?A2MVE]E Patna 170 [10.14] Mala avajje vajjamatino, avajje vajjamatino vajje cāvajjadassino, vajje cāvajjasaṁñino | micchādiṭṭhisamādānā, micchadṛṣṭisamādānā sattā gacchanti duggatiṁ. sattā gacchanti doggati

*****

4ßćM ?A2MVE]E vajjañ ca vajjato ñatvā, avajjañ ca avajjato, sammādiṭṭhisamādānā, sattā cchanti ga suggatiṁ.

2MVE]EZEKKSHZßZéWEXMQS

2ßKEZEKKE 4ßćM?A2ßKE 4EXRE?A(EďÿE ahaṁ nāgo va saṅgāme ahaṁ nāgo va saṁggrāme cāpāto patitaṁ saraṁ cāpātipatite sare | ativākyaṁ titikkhissaṁ, atīvāde tikkhāmi ti dussīlo hi bahujjano. duśśīlo hi bahujano ||

+ßRHLßVé ? A?đMPEZEKE#A 9HßREZEVKE =YKE aho nako va sagami ahaṁ nāga iva saṁgrāme cavadhivadida śara cāpād tpatitāṁ u n | śarā adivaka tidiOēE mi ativākyaṁ titīkṣāmi druśilo hi bahojaṇo. duḥśīlo aḥ hi|| mahājan
*****

4ßćM?A2ßKE dantaṁ nayanti samitiṁ dantaṁ rājābhirūhati, danto seṭṭho manussesu

4ßćM?A2ßKE 4EXRE ? AđSOE na hi etehi yānehi [na hi tehi jānajātehi gaccheyya agataṁ disaṁ, tāṁ bhūmim abhisaṁbhave | yathattanā sudantena, yathā ’ttanā sudāntena danto dantena gacchati. dānto dāntena gacchati

+ßRHLßVé?#A?2EKESV%WEZEKE#A

.....

.....

.....
. . . . dadeṣu gachadi.
*****

4ß ćM?A2ßKE dhanapālako nāma kuñjaro kaṭukappabhedano dunnivārayo, baddh dab

4ßćM?A8EďLß Patna 140 [9.4] Tahna taṁ vo vadāmi bhaddaṁ taṁ vo, vo vademi bhadraṁ v yāvantettha samāgatā, yāvaṁt ittha samāgatā | taṇhāyakhaṇatha mūlaṁ tahnāṁ samūlāṁ khaṇatha usīrattho va bīraṇaṁ, uṣīrātthī va beruṇiṁ | mā vo naḷaṁ va soto[tahnāya va khatamūlāya māro bhañji punappunaṁ. nāsti śokā || kato bhayaṁ]

+ßRH LßVé?A%TVEQEHY 9HßREZEVKE8đēďß ta yu vadami bhadrañu tad vai vadāmi bhadraṁ yavaditha samakada | yāvantaḥ stha samāgatāḥ [apramadarada bhodha tṛṣṇāṁ samūlāṁ khanata sadhami supravedidi.] | uśīrārthīva bīraṇām [tṛṣṇāyāḥ khātamūlāyā Rß || sti śokaḥ kuto bhayam]

*****

4ßćM ?A8EďLß Patna 156 [9.20] Tahna yathā pi mūle anupaddave yathā pi daḷhe mūle anupadrut chinno pi rukkho punar chinno pi eva rukkhorūhati,punar īva j evam pi taṇhānusayeemanūhate eva tahnānuśaye anūh nibbattatī dukkham nivvattate idaṁ punappunaṁ. dukkham idaṁ

9HßREZEVKE8đēďß yathāpi mūlair anupadru chinno ’pi vṛkṣaḥ punar evaṁ hi tṛṣṇānuśayair a || idaṁ nivartate duḥkham

*****

4ßćM ?A8EďLß 4EXRE?AđEVEď yassa chattiṁsatī sotā yassa chattrīśatiṁ sotā manāpassavanā bhusā, mānāphassamayā bhriśā | vāhā vahanti duddiṭṭhiṁ vāhā vahanti dudriṣṭiṁ saṅkappā rāganissitā. saṁkappā ggredhaniśśitā |

*****

4ßćM?A8EďLß savanti sabbadhī sotā latā ubbhijja tiṭṭhati tañ ca disvā lataṁ jātaṁ mūlaṁ paññāya chindatha.

*****

4ßćM? A8EďLßPatna 148 [9.12] Tahna saritāni sinehitānisaritāni ca sinehitāni ca somanassāni bhavanti somanassāni jantuno, bhavanti ja te sātasitā sukhesino, ye sātasitā sukheṣiṇo te ve jātijarūpagā narā. te ve jātijaropagā ||

9HßREZEVKE8đēďß saritāni vai snehitāni | saumanasyāni bhavanti j ďE ye sātasitāḥ s sukhaiṣi || te vai jātijaropagā nar

*****

4ßćM? A8EdĽß Patna 149 [9.13] Tahna tasiṇāya purakkhatātahnāya pajā purekkhaṭā praj parisappanti saso va parisappanti bādhito, ito | śaśo va bā saṁyojanasaṅgasattakā te saṁjotanasaṅgasaṅgas dukkham upenti punappunaṁ gabbham cirāya. upenti punappun

9HßREZEVKE8đēďß tṛṣṇābhir upaskṛtāḥ pra paridhāvanti |śaśā va vā saṁyojanaiḥ saṅgasaktā || duḥkhaṁ yānti punaḥ pun

*****

4ßćM?A8EdĽß Patna 149 [9.13] Tahna tasiṇāya purakkhatā pajā tahnāya purekkhaṭā praj parisappanti saso va parisappanti bādhito, śaśo va bā tasmā tasiṇaṁ vinodaye [te saṁjotanasaṅgasaṅga bhikkhu ākaṅkha' virāgam gabbham attano. upenti i]punappun ||

9HßREZEVKE8đēďß tṛṣṇābhir upaskṛtāḥ pra paridhāvanti |śaśā va vā [saṁyojanaiḥ saṅgasaktā || duḥkhaṁ yānti punaḥ pun

*****

4ßćM?A8EdĽßPatna 151 [9.15] Tahna yo nibbanatho vanādhimutto yo nivvanadho vanā tu m vanamutto vanam evavanamutto dhāvati vanam eva dhā taṁ pugga lam etha passatha taṁ puggalam etha paśśa mutto bandhanam evamuttodhāvati. bandhanam eva dhā

+ßRHLßVé ?A8EWMďE 9HßREZEVKE 4Eñ]E ..... yo nirvanagair vimokṣit . .. . saṁvanamukto vanam eva . . . . . .taṁ . paśadha paśyatha pudgalaṁ t muto baaṇam eva jayadi. || mukto bandhanam eva dhā

*****

4ßćM? A8EdĽß Patna 143 [9.7] Tahna na taṁ daḷhaṁ bandhanam na taṁ āhu dṛḍhaṁ dhīrā, bandhanam yad āyasaṁ dārujaṁ yad pabbajañāyasaṁ ca,dārujaṁ babb sārattarattā maṇikuṇḍalesu sārattarattā maṇikuṇḍal puttesu dāresu ca yā putresu apekhā, dāresu ca yā ape

+ßRHLßVé ? A7YLE 9HßREZEVKE/ßQE na ta driḍha baaṇam na aha tad dhira dṛḍhaṁ bandhanam ya ayasa taruva babaka va yad āyasaṁ dāravaṁ balb saratacita maṇikuṇaleṣu dabuddheḥ] [saṁraktacittasya hi man putreṣu dareṣu ya ya putreṣu aveha.dāreṣu ca yā av

*****

4ßćM?A8EdĽß Patna 144 [9.8] Tahna etaṁ daḷhaṁ bandhanam etaṁdṛḍhaṁ āhu dhīrā, bandhanam āhu ohārinaṁ sithilaṁ duppamuñcaṁ, ohārimaṁ sukhumaṁ dupra etam pi chetvāna paribbajanti etappi chettāna vrajant anapekkhino kāmasukhaṁ anapekhino pahāya.sabbadukhaṁ

+ßRHLßVé? A7YLE 9HßREZEVKE/ßQE eda driḍha baaṇam etad aha dhira dṛḍhaṁ bandhanam ā ohariṇa śiśila drupamokṣu | samantataḥ susthiraṁ du

eda bi chitvaṇa parivrayadi vrajanti etad api cchitvā tu par aṇavehiṇo ahaï. kamasuhu hy pr anapekṣiṇaḥ kāmasukh ||

*****

4ßćM?A8EdĽß ye rāgarattānupatanti sotaṁ sayaṁkataṁ makkaṭako jālaṁ, va etam pi chetvāna vajanti dhīrā, anapekkhino sabbadukkhaṁ pahāya.

+ßRHLßVé?A7YLE ye rakarata aṇuvadadi sodu saïgadamaOEÿE o jala eda bi chitvaṇa parivrayadi aṇavehiṇo kamasuha prahaï.

*****

4ßćM ?A8EdĽß Patna 150 [9.14] Tahna muñca pure muñ ca pacchato, muñca pure muñca pacchato majjhe muñca bhavassa majjhepāragū, muñca bhavassa p sabbattha vimuttamānaso sabbattha vimuttamānaso na punaṁ jātijaraṁ na upehisi. puno jātijarām upehi

+ßRHLßVé?#] Jara 9HßREZEVKE =YKE muju pura muju pachadu muñca purato muñca paśc | madhye muñca bhavasya p sarvatra vimutamoṇaso sarvatra vimuktamānaso na puṇu jadijara i. na punar jātijarām upeṣ uvehiṣ

*****

4ß ćM ?A8EdĽß vitakkapamathitassa jantuno tibbarāgassa subhānupassino bhiyyo taṇhā pavaḍḍhati, esa kho daḷhaṁ karoti bandhanaṁ.

9HßREZEVKE8đēdß vitarkapramathitasya jantunas tīvrarāgasya |śubhānudar bhūyas tṛṣṇā pravardhat gāḍhaṁ hy eṣa karoti || bandha

*****

4ßćM?A8EdĽß vitakkupasame ca yo rato asubhaṁ bhāvayatī sadā sato, esa kho vyantikāhiti, esacchecchati mārabandhanaṁ.

9HßREZEVKE8đēdß vitarkavyupaśame tu yo taḥ| hy aśubhāṁ bhāvayate sa [tṛṣṇā hy eṣa prahāsyat || sa tu khalu pūtikaroti

*****

4ßćM? A8EdĽß niṭṭhaṁ gato asantāsī, vītataṇho anaṅgaṇo, acchindi bhavasallāni, antimoyaṁ samussayo.

*****

4ßćM? A8EdĽß Patna 147 [9.11] Tahna vītataṇho anādāno, vītatahno anādāno niruttipadakovido, niruttīpadakovido | akkharānaṁ sannipātaṁ akkharāṇāṁ sannipātena ññāyyā pūrvvāparāṇi so | jaññā pubbaparāni ca, sa ve antimasārīro sa ve antimaśārīro mahāpaññō (mahāpuriso) ti mahāpraṁñ vuccati. o ti vuccati ||

*****

4ßćM?A8EdĽß sabbābhibhū sabbavidūham asmi, sabbesu dhammesu anūpalitto, sabbañjaho taṇhakkhaye vimutto, sayaṁ abhiññāya kam uddiseyyaṁ.

9HßREZEVKE8EXLßKE sarvābhibhūḥ sarvavid e sarvaiś rmaiḥ ca dha | satataṁ na l sarvaṁjahaḥ sarvabhayād || svayaṁ hy abhijñāya kam

1ELßZEWXYMMM sarvābhibhū sarvavidū ’ sarveṣ u dharmeṣu anopaliptaḥ| sarvaṁ jahe tṛṣṇ akṣayā vimukto [na mādṛśo saṁprajaneti || *****

4ßćM?A8EdĽß sabbadānaṁ dhammadānaṁ jināti, sabbaṁ rasaṁ dhammaraso jināti, sabbaṁ ratiṁ dhammaratī jināti, taṇhakkhayo sabbadukkhaṁ jināti.

9HßREZEVKE2MVZßď
WEVZEĉHßREĉHLEVQEHßRE
WEVZßĉVEXMĉHLE rQEVEXMĉNMRßXM`
OēßRXMFEPEĉNMRßX [sarvaṁ balaṁ]
XđēďßOēE]EăWEVZEWYOLEĉ
*****

4ßćM?A8EdĽß hananti bhogā dummedhaṁ, no ve pāragavesino, bhogataṇhāya dummedho hanti aññe va attanaṁ.

9HßREZEVKE/ßQE durmedhasaṁ hanti bhogo na tv gaveṣiṇam ihātma| durmedhßbhogatṛṣnābhir hanty ātmānam || atho parā

*****

4ßćM?A8EdĽß Patna 152 [9.16] Tahna tiṇadosāni khettāni, ttriṇadoṣāṇi khettrāṇi rāgadosā ayaṁ pajā,rāgadoṣā rajāayaṁ| p tasmā hi vītarāgesu, tassā hi vītarāgesu dinnaṁ hoti mahapphalaṁ. dinnaṁ hoti mahapphalaṁ

9HßREZEVKE4VEOMV kṣetrāṇi tṛṇadoṣāṇi
| rāgadoṣā tv iyaṁ prajā tasmād vigatarāgebhyo
|| dattaṁ bhavati mahāphal
*****

4ßćM?A8EdĽß Patna 153 [9.17] Tahna tiṇadosāni khettāni, ttriṇadoṣāṇi khettrāṇi dosadosā , ayaṁ pajā doṣadoṣā ayaṁ prajā | tasmā hi vītadosesu, tassā hi vītadoṣesu dinnaṁ hoti mahapphalaṁ. dinnaṁ hoti mahapphalaṁ

9HßREZEVKE4VEOMV kē etVß ṇi tṛṇadoṣāṇi dveṣadoṣā tv | iyaṁ prajā tasmādtadveṣebhyo viga dattaṁ bhavati || mahāphal

*****

4ßćM ?A8EdĽß Patna 154 [9.18] Tahna tiṇadosāni khettāni, ttriṇadoṣāṇi khettrāṇi mohadosā ayaṁ pajā,mohadoṣā ayaṁ prajā | tasmā hi vītamohesu, tassā hiu vītamohes dinnaṁ hoti mahapphalaṁ. dinnaṁ hoti mahapphalaṁ

9HßREZEVKE 4VEOMV EHSēßdM kṣetrāṇi tṛṇ QSLEHSē ātv iyaṁ |prajā tasmād vigatamohebhyo dattaṁ bhavati || mahāphal

*****

4ßćM ?A8EdĽlß Patna 154 [9.18] Tahna tiṇadosāni khettāni, ttriṇadoṣāṇi khettrāṇi icchādosā ayaṁ pajā, [mohadoṣā ayaṁ | prajā] tasmā hiesu, vigaticch tassā hi vītamohesu dinnaṁ hoti mahapphalaṁ. dinnaṁ hoti mahapphalaṁ

9HßREZEVKE4VEOMV kṣetrāṇiEHSēßdM tṛṇ ātv iyaṁ prajā] [XđēdĽßHSē | tasmād vigatamohebhyo dattaṁ bhavati ||mahāphalam

8EdĽlßZEKKSGEXYZéWEXMQS

25. Bhikkhuvagga 4ßćM?A&LMOOLY cakkhunā saṁvaro sādhu, sādhu sotena saṁvaro, ghāṇena saṁvaro sādhu, sādhu jivhāya saṁvaro.

1ELßZEWXYMMMT?&LMOēYA cakṣ uṣā ṁvaro sa sādhu sādhurotreṇaś saṁvaraḥ| ghrā ṇena saṁvaro sādhu sādhu jivhāyaṁvaro || sa

*****

4ßćM?A&LMOOLY Patna ?A&LMOēY kāyena saṁvaro sādhu, kāyena saṁvaro sādhu sādhu vācāya saṁvaro, sādhu vācāya saṁvaro | manasā saṁvaro sādhu, manasā pi saṁvaro sādhu sādhu sabbattha saṁvaro, sādhu sabbattha saṁvaro sabbattha saṁvuto bhikkhu sabbattha saṁvṛto bhikk sabbadukkhā pamuccati. sabbadukkhā pramuccati

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE7YGEVMX kaeṇa sañamu sadhu kāyena saṁvaraḥ sādhu sadhu vayaï sañamu sādhu vācā | ca saṁvaraḥ maṇeṇa sañamu sadhumanasā saṁvaraḥ sādhu sadhusavatra sañamu | sādhu sarvatra saṁvaraḥ sarvatra sañado bhikhu sarvatra saṁvṛto bhikṣu [sarva dugadio jahi.] sarvaduḥkhāt pramucyate

1ELßZEWXYMMMT ?&LMOēYA kāyena ṁvaro sa sādhu manasā ṁvaraḥ sādhu | sa sarvatra saṁvṛ to bhikṣ uḥ sarvaduḥkhā pramucyate ||

*****

4ßćM?A&LMOOLY 4EXRE?A&LMOēY hatthasaṁyato pādasaṁyato, hastasaṁyyato pādasaṁyy vācāya saṁyato saṁyatuttamo, vācāsaṁyyato saṁvṛtendr ajjhattarato samāhito, ajjhattarato samāhito eko santusitoṁ. tam āhu eko bhikkhu saṁtuṣito tam āhu b

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE&LMOēY hastasañadu padasañadu hastasaṁyataḥ pādasaṁya vayasañadu savudidrio vācāsaṁyataḥ | sarvasaṁya ādhyātmarataḥ samāhito ekosaduṣido khu.tam ahuhy bhi ekaḥ saṁtuṣito|| hi ya

1ELßZEWXYMMMT?&LMOēYA [yatayāyī yataseyyo asyā yatasaṁkalpa dhyāyi | apramatto] adhyāyarato o samāhit eko sa

1ELßZEWXYMMMT?&LMOēYA dharmārāmo dharmarato dharmam anuvicintayaṁ | dharmaṁ samanusmara ṁ bhikṣ u saddharmān na parihāyati ||

*****

4ßćM?A&LMOOLY 4EXRE?A&LMOēY salābhaṁ nātimaññeyya,
saṁ lābhaṁ nātimaṁñeyā nāññesaṁ pihayaṁ care, nā ’ṁñesaṁ prihayaṁ || car aññesaṁ pihayaṁ bhikkhu aṁñesaṁ prihayaṁ bhikkh samādhiṁ nādhigacchati. samādhin nādhigacchati

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE 7EXOßVE salavhu nadimañea
nañeṣa svihao sia añeṣa svihao bhikhu samadhi nadhikachadi.

4ßćM ? A&LMOOLY Patna 59 [4.10A&LMOēY mettāvihārī yo bhikkhu,
mettāvihārī bhikkhū pasanno buddhasāsane, prasanno buddhaśāsane | adhigacche padaṁ santaṁ, paṭivijjhi padaṁ śāntaṁ saṅkhārūpasamaṁ sukhaṁ. saṁkhāropaśamaṁ sukhaṁ [dṛṣṭe va dhamme nibbāṇ yogacchemaṁ || anuttaraṁ]

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE&LMOēY metravihara yo
bhikhu maitrāvihārī yo bhikṣuḥ prasanu ď budhaśaśa e prasanno buddhaśāsane | adhigacchet padaṁ śānta sagharavośamu suha. || saṁskāropaśamaṁ sukham

1ELßZEWXYMMMT?&LMOēYA maitrāvihārī ṣ uḥ yo bhik prasanno buddhaśāsane | adhigacchati pada ṁ śānta ṁ [aśecana ṁ ca mocanaṁ] ||

*****

4ßćM ?A&LMOOLY 4EXRE? A&LMOēY siñca bhikkhu imaṁ
siñca nāvaṁ,bhikkhu imāṁ nāvā sittā te lahum essati, sittā te laghu hehiti | chetvā rāgañ ca dosañ hettā ca,rāgañ ca doṣaṁ ca tato nibbānam ehisi. tato nibbāṇam ehisi ||

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE2MVZßď sija bhikhu ima
nama siñca bhikṣor imāṁ nāva sita di lahu bheṣidi siktā laghvī bhaviṣyati chetva raka ji doṣahitvā ji rāgaṁ ca doṣaṁ ca || tado nivaṇa eṣidi. tato nirvāṇam eṣyasi

M

4ßćM?A&LMOOLY pañca chinde pañca jahe, pañca cuttaribhāvaye,
pañca saṅgātigo bhikkhu oghatiṇṇo ti vuccati.

+ßRHLßVé ? A&LMOLY paja china paje jahi paja utvaribhavaï pajaṣaǵadhio
bhikhu ohatiṇo di vucadi.

*****

4ßćM?A&LMOOLY 4EXRE? A%TVEQßH jhāya bhikkhu mā ca
pāmado, mā te kāmaguṇe bhamassu cittaṁ, mā lohaguḷaṁ gilī pamatto, mā kandi dukkham idan ti ḍayhamāno.

4ßćM?A&LMOOLY 4EXRE?A&LMOēY suññāgāraṁ
paviṭṭhassa, suṁñāaṁ ’gār praviṣṭassa santacittassa bhikkhuno, śāntacittassa

bhikkhuṇo amānusī ratī hoti amānuṣā ratī hoti sammā dhammaṁ vipassato. sammaṁ dhammaṁ vipaśśat

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE &LMOēY śuñakare
praviṭhasaśunyāgāraṁ praviṣṭasya śadacitasa bhikhuṇoprahitātmasya | bhikṣuṇaḥ amaṇuṣaradi bhodi amānuṣā ratir bhavati same dharma vivaśadu. || samyag dharmāṁ vipaśyat

*****

4ßćM?A&LMOOLY 4EXRE?A&LMOēY yato yato sammasati
yathā yathā sammasati khandhānaṁ udayabbayaṁ khandhānām vyayaṁ udaya | labhatī pītipāmojjaṁ, labhate cittassa prāmoj amataṁ taṁ vijānataṁ. amatā hetaṁ vijānato ||

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE&LMOēY yado yado
sammaṣadiyato yataḥ saṁpṛśati kanaṇa udakavaya | skandhānām udayavyayam lahadi pridipramoju prāmodyaṁ ra labhate tat amudu ta viaṇadu. [prītyā sukham | analpaka tataḥ prāmodyabahulaḥ smṛto bhikṣuḥ|| parivraje

*****

4ßćM?A&LMOOLY 4EXRE?A&LMOēY tatrāyam ādi bhavati
tatthāyam havati ādī b idha pañña̅ssa bhikkhuno: iha praṁña̅ssa bhikkhuṇo indriyagutti santuṭṭhī indriyagottī sāntoṣṭī pātimokkhe ca saṁvaro. prātimokkhe ca saṁvaro

+ßRHLßVé ? A&LMOLY 9HßREZEVKE&LMOēY tatraï adi bhavadi
[tasmād dhyānaṁ tathā p tadha prañasa bhikhuṇo anuyujyeta paṇḍitaḥ] | idriagoti saduṭhi tasyāyam ādir bhavati pradimukhe i . . . . ro. ă`` tathā prājñasya bhikṣuṇ

9HßREZEVKE&LMOēY saṁtuṣṭir indriyair gup prātimokṣe | ca saṁvaraḥ
[mātrajñatā ca bhakteṣu prāntaṁ ca |śayanāsanam adhicitte samāyogaṁ || yasyāsau bhikṣur ucyate

*****

PßćM?A&LMOOLY 4EXRE?A&LMOēY mitte bhajassu
kalyāṇe mitte bhajetha kallāṇe suddhājīve atandite, śuddhājīvī atandrito | paṭisanthāravuttassa, paṭisandharavaṭṭi ssa ācārakusalo siyā, ācārak uśalo siyā | tato pāmojjabahulo tato prāmojjabahulo dukkhassantaṁ karissati. [sato bhikkhū || parivraje

+ßRHLßVé?A&LMOLY 9HßREZEVKE&LMOēY mitra bhayea
paḍiruva [mātraṁ bhajeta irūpaṁ] prat dridi śudhayiva ata śuddhājīvo bhavet sadā paḍisadharagutisa pratisaṁstāravṛttiḥ syā | ayarakuśa . . . . .ācārakuśalo bhavet [tadu ayarakuśalo tataḥ prāmodyabahulaḥ suhu bhikhu vihaṣisi.] || [smṛto bhikṣuḥ parivraj

*****

4ßćM? A&LMOOLY 4EXRE? A4YēTE vassikā viya pupphāni
vāśśikī r iva puṣpāṇi maddavāni pamuñcati, mañcakāni pramuñcati | evaṁ rāgañ ca dosañevaṁ ca rāgañ ca doṣañ ca vippamuñcetha bhikkhavo. vipramuñcatha bhikkhavo ||

+ßRHLßVé ? A?4YēTEA 9HßREZEVKE 4YēTE vaṣia yatha puṣaṇa
varṣāsu hi yathā puṣpaṁ poraṇaṇi pramujadi vaguro vipramuñcati | emu raka ji doṣa jievaṁ rāgaṁ ĉGE ca doṣa vipramujadha bhikṣavi. vipramuñcata || bhikṣavaḥ

*****

4ßćM ? A&LMOOLY 4EXRE?A&LMOēY santakāyo
santavācośāntakāyo śāntacitto santavā susamāhito śāntavā susamāhito || vantalokāmiso bhikkhuvāntalokāmiṣo bhikkhū upasanto ti vuccati. upaśānto ti vuccati |

9HßREZEVKE&LMOēY śāntakāyaḥ śāntavāk | susamāhitaḥ vāntalokāmiṣo bhikṣur upaśānto || nirucyate

*****

4ßćM ?A&LMOOLY 4EXRE? AÞXXE attanā codayattānaṁ,
āttanā codayā 'ttānaṁ paṭimā settam attanā, parimaśāttānam āttanā | so attagutto satimāso āttagutto satimā sukhaṁ bhikkhu vihāhisi. sukhaṁ bhikkhū vihāhisi

*****

4ßćM ?A&LMOOLY 4EXRE?AÞXXE attā hi attano nātho, āttā
hi āttano nātho attā hi gati, attano āttā hi āttano gatī | tasmā saṁyamayattānaṁ tassā saṁyyamayā 'ttāna assaṁ bhadraṁ va vāṇijo. aśśaṁ bhadraṁ va vāṇijo

9HßREZEVKE %ñZE ātmaiva hy ātmano nātha | [ātmā śaraṇam ātmanaḥ]
tasmā t saṁyamayātmānaṁ bhadrāśvam ||iva sārathiḥ

4ßćM ?A&LMOOLY pāmojjabahulo bhikkhu, pasanno buddhasāsane,
adhigacche padaṁ santaṁ, saṅkhārūpasamaṁ sukhaṁ.

*****

4ßćM ?A&LMOOLY yo have daharo bhikkhu yuñjati buddhasāsane,
somaṁ lokaṁ pabhāseti abbhā mutto va candimā.

9HßREZEVKE4VEOMVď daharo 'pi cet pravraja yujyate buddhaśāsane | sa imaṁ bhāsate lokam || abhramuktaiva candramāḥ

&LMOOLYZEKKSTE²GEZéWEXMQS

&VßLQEďEZEKKE 4ßćM ?A&VßLQEďE 4EXRE?A&VßLQEďE
chinda sotaṁ parakkamma, chinna sūtraṁ parākrāmm kāme panuda brāhmaṇa, bhavaṁ praṇuda brāhmaṇa saṅkhārānaṁ khayaṁ saṁkhārāṇāṁ ñatvā, khayaṁ ñātt akataññūsi brāhmaṇa. akathaso si brāhmaṇa ||

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKEE&VßLQ china sadu
parakamu chindi srotaăparākramya kama praṇuyu bramaṇakāmāṁ praṇuda brāhmaṇa sagharaṇa kṣaya ñatva saṁskārāṇāṁ kṣayaṁ jñāt akadaño si brammaṇa.hy akṛtajño || bhaviṣyasi

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE 4EXRE? A&VßLQEďE yadā dvayesu dhammesu
dayesu dhammesu yadā pāragū hoti brāhmaṇo, pāragū hoti brāhmaṇo | athassa sabbe saṁyogā athassa sabbe saṁyogā atthaṁ gacchanti jānato. atthaṁ gacchanti jānato

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE yada dvaeṣu eṣu
dharm yadā hi sveṣu dharmeṣu parako bhodi brammaṇo | brāhmaṇaḥ pārago bhavet athasa sarvi sañoka athāsya sarvasaṁyogā astaǵachadi jaṇada.astaṁ gacchanti || paśyata

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE 4EXRE?A&VßLQEďE yassa pāraṁ apāraṁ
yassa vā pāram apāram vā pā rāpāraṁ na vijjati, pārāpāraṁ na vijjati | vītaddaraṁ visaṁyuttaṁ, vītajjaraṁ visaṁyuttaṁ tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. tam ahaṁ brūmi brāhmaṇa

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE yasa pari avare ca
yasya pāram apāraṁ ca para . . .. pārāpāraṁ na vidyate | vikadadvara visañota [pāragaṁ sarvadharmāṇāṁ tam aho brommi brammaṇa. || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE 4EXRE ?A&VßLQEď jhāyiṁ virajam āsīnaṁ
jhāyiṁ virajam āsīnaṁ katakiccaṁ anāsavaṁ katakiccaṁ anāsavaṁ | uttamatthaṁ anuppattaṁ, uttamāttthaṁ anuprāttaṁ tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. tam ahaṁ brūmi brāhmaṇa

+ßRHLßVé ? A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE [jaï parakada
budhu] dhyāyinaṁ vītarajasaṁ kida kica aṇasṛvu kṛtakṛtyam| anāsravam [budhu daśabaloveda] [kṣīṇāsravaṁ visaṁyukta tam ahu bromi bramaṇa. bravīmi brā ||hi tam hmaṇaṁ

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE [aśada varada manabhaṇi aṇudhada] utamatha
aṇuprato tam aho bromi brammaṇa.

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE 4EXRE ?A&VßLQEďE divā tapati
ādicco,udayaṁ tapati ādicco rattiṁ ābhāti candimā, ratrim ābhāt i candramā || sannaddho khattiyo tapati, sannaddho khattiyo tapati jhāyī tapati brāhmaṇo, jhāyiṁ tapati brāhmaṇo atha sabbam ahorattiṁ atha sabbe ahorātte buddho tapati tejasā.

buddho tapati tejasā ||

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE diva tavadi adicu
divā tapati hādityo radi avhaï cadrimu | rātrāv ābhāti candramāḥ saĉnaddhaḥ kṣatriyas tapa sanadhu kṣatrio tavadi | dhyāyī tapati brāhmaṇaḥ adha sarva ahoratra atha nityam ahorātraṁ budhu tavadi teyasa. buddhas tapati tejasā |

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE bāhitapāpo ti brāhmaṇo, samacariyā samaṇo ti vuccati,
pabbājayam attano malaṁ, tasmā pabbajito ti vuccati.

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKEđVEQEď brahetva pavaṇi
brammaṇo brāhmaṇoăpāpaiḥ vāhitai samaïrya śramaṇo diśrama vucadi dĚăñEQM|
tāśubhaḥ parvahia atvaṇo mala pravrājayitvā tu malān tasa parvaïdo di vucadi. |
uktaḥ pravrajitas tv ih

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE 4EXRE?A&VßLQEď na brāhmaṇassa
pahareyya, mābrāhmaṇassa prahare nāssa muñcetha brāhmaṇo, nāssa mucceya brāhmaṇo dhī brāhmaṇassa hantāraṁ, dhī brāhmaṇassa hantāra tato dhī yassa muñcati. ya ssa vā su na muccati

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE na brammaṇasa
praharea na brāhmaṇ asya praharen nasa mujea bramaṇi na ca muñceta | brāhmaṇaḥ dhi bramaṇasa hadara dhig brāhmaṇasya hantār tada vi dhi yo ṇa mujadi. dhik taṁ yaś ca pramuñc

*****

4ßćM ? A&VßLQEďE na brāhmaṇassetad akiñci seyyo, yadā nisedho manaso
piyehi, yato yato hiṁsamano nivattati, tato tato sammati m eva dukkha ṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE na bramaṇasediṇa
kiji na brāhmaṇasyedṛśam bhodi ĉcid ast yo na nisedhe maṇasa yathā priaṇipriyebhyo | manaso yado yado yasa maṇoyathā nivartadi hyyathā asya mano nivartate [tado tado samudim aha saca.] tathā tathā saṁvṛtam || et

*****

4ßćM ? A&VßLQEďE 4EXRE?A&VßLQEď yassa kāyena vācāya,
yassa kāyena vācāya manasā natthi dukkataṁ, manasāi nāst dukkataṁ | saṁvutaṁ tīhi ṭhānehi, saṁvṛtaṁ trisu ṭṭhāṇesu tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ. tam ahaṁ brūmi brāhmaṇa

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE yasya kaeṇa vayaï
yasya kāyena vācā ca maṇasa nasti drukida | manasā ca na duṣkṛtam susaṁvṛtaṁ tṛbhiḥ sthānai tam aho bromi brammaṇa. || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM ?A&VßLQEdĎE 4EXRE?A&VßLQEdĎE yamhā dhammaṁ vijāneyya yamhi dhammaṁ vijāneyā sammāsambuddhadesitaṁ, [vṛddhamhi ramhi daha | vā] sakkaccaṁ taṁ namasseyya sakkacca naṁ namasseyā aggihuttaṁ va brāhmaṇo. aggihotraṁ va brāhmaṇo

9HßREZEVKE&VßLQE yasya dharmaṁ vijānīyāt | samyaksaṁbuddhadeśitam satkṛtyainaṁ namasyeta || hy agnihotram iva dvija

*****

4ßćM ?A&VßLQEdĎE 4EXRE?A&VßLQEdĎE na jaṭāhi na gottena, na jaṭāhi na gotreṇa na jaccā hoti brāhmaṇo, na jāccā hoti brāhmaṇo yamhi saccañ ca dhammo ca [yo tu bāhati pāpāni so sucī so va brāhmaṇo. aṇutthūlāni sabbaśo || bāhanā eva pāpānāṁ brahmaṇo ti | pravuccati]

+ßRHLßVé?A&VEQ QEdĎE 9HßREZEVKE&VßLQEď na jaḍaï na gotreṇana jaṭābhir na gotreṇa na yaca bhodi bramaṇo | na jātyā brāhmaṇaḥ smṛt [yo du brahetva pavaṇa yasya satyaṁ ca dharmaṁ aṇuthulaṇi sarvaśo sa śucir aḥbrāhmaṇ sa ca || brahidare va pavaṇa brammaṇo di pravucadi.]

*****

4ßćM ?A&VßLQEdĎE kiṁ te jaṭāhi dummedha kiṁ te ajinasāṭiyā, abbhantaraṁ te gahanaṁ bāhiraṁ parimajjasi.

+ßRHLßVé?A&VEQQEdĎE 9HßR EZEVKE&VßLQEdĎE ki di jaḍaï drumedha ki ĉte jaṭābhir durbuddhe ki di ÿia ayiṇaśa | kiṁ cāpy ajinaśāṭibhiḥ adara gahaṇa kitva abhyantaraĉte gahanaṁ bahire parimajasi. bāhyaOEĉ || parimārjasi

*****

4ßćM ?A&VßLQEdĎE paṁsukūladharaṁ jantuṁ, kisaṁ dhamanisanthataṁ, ekaṁ vanasmiṁ jhāyantaṁ, tam ahaṁ brūmi aṁ. brāhmaṇ

4ßćM ?A&VßLQEdĎE yodha dīghaṁ va rassaṁ vā aṇuṁ thūlaṁ subhāsubhaṁ loke adinnaṁ nādiyati, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé ? A&VEQQEdĎE 9HßREZEVKE&VßLQE yo du drigha ci rasa ji yas tu dīrghaṁ tathā hr aṇothulu śuhaśuhu | aďusthūlaṁ śubhāśubham loki adiṇa na adiadi loke na kiĉcid ādatte tam aho brommi bramaṇa. bravīmi brāhmaṇaṁ || hi ta

*****

4ßćM? A&VßLQEdĎE āsā yassa vijjanti na asmiṁ loke paramhi ca, nirāsayaṁ visaṁyuttaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

9HßREZEVKE&VßLQE na vidyate yasya cāśā hy asmiṁ loke | pare ’pi nirāśiṣaṁ visaṁyuktaṁ bravīmidĚ ṁ hi|| tam brāhma

*****

4ßćM? A&VßLQEdĎE yassālayā na vijjanti, aññāya akathaṁkathī, amatogadhaṁ anuppattaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

9HßREZEVKE&VßLQE yasyālayo nāsti sadā | yo jñātā niṣkathaṁkatha amṛtaṁ caiva yaḥ prāpto || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM? A&VßLQEdĎE yodha puññañ ca pāpañ ca ubho saṅgaṁ upaccagā, asokaṁ virajaṁ suddhaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEdĎE 9HßREZEVKE &VßLQE yo du puñe ca pave ca yas tu puṇyaṁ ca pāpaṁ cāp uhu ṣaǵa uvacaï ubhau saṅgāv | upatyagāt aṣaǵa viraya budhu [sačgātigaṁ visaṁyuktaṁ] tam ahu bromi bramaṇa. || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

9HßREZEVKE&VßLQE [āgataṁ nābhinandanti prakramantaṁ | na śocati] aśokaṁ virajaṁ śāntaṁ || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM?A &VßLQEdĎE candaṁ va vimalaṁ suddhaṁ, vippasannam anāvilaṁ nandībhavaparikkhīṇaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEdĎE
9HßREZEVKE'&
VßLQEdĎE
GERHVSZßZMQEPEăñYHHL [chitvaṇa paja saṁdaṇa]
..... ZMTVEWERRSL]ERßZMPEă nanibhavaparikṣiṇa RERHéFLEZETE rikṣīṇaṁ tam ahu bromi bramaṇa.
brEZéQMFVßLQEdĎEĉLMXEQ
*****

4ßćM?A&VßLQEdĎE yo imaṁ palipathaṁ duggaṁ saṁsāraṁ moham accagā, tiṇṇo pāragato jhāyī anejo akathaṁkathī, anupādāya o, nibbut tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

9HßREZEVKE&VßLQE ya imāṁ parikhāṁ durgāṁ
| saṁsāraugham upatyagāt tīrṇaḥ pāragato dhyāyī
| hy aneyo niṣkathaṁkatha nirvṛtaś cānupādāya
|| bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta
*****

4ßćM?A&VßLQEdĎE yodhae kām pahatvāna anāgāro paribbaje kāmabhavaparikkhīṇaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEdĎE 9HßREZEVKE&VßLQE yo du kama prahatvaṇa sarvakß māṁviprahā ya aṇakare parivaya parivrajet | yo ’nagāraḥ kamabhokaparikṣiṇa [kāmāsravavisaṁyuktaṁ] tam aho bromi bramaṇa. bravīmi

brāhmaṇaṁ || hi ta

*****

4ßćM?A&VßLQEďE yodha taṇhaṁ pahatvāna, anāgāro paribbaje, taṇhābhavaparikkhīṇaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

9HßREZEVKE&VßLQE [na vidyate yasya tṛṣṇā cās miṁ loke pare| ’pi ca] tṛṣṇābhavaparikṣīṇaṁ bravīmi ĉhi tam || brāhmaṇa

*****

4ßćM?A&VßLQEďE hitvā mānusakaṁ yogaṁ, dibbaṁ yogaṁ upaccagā, sabbayogavisaṁyuttaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

9HßREZEVKE&VßLQE hitvā mānuṣyakā ṁ kāmāṁ | divyāṁ kāmān upatyagāt sarvalokavisaṁyuktaṁ || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE hitvā ratiñ ca aratiñ ca, sītibhūtaṁ nirūpadhiṁ, sabbalokābhibhuṁ vīraṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

9HßREZEVKE&VßLQE ßVEXMĉGE hitvā ratiṁ c ñéXéFLõXSRMVEYTEHLMă` WEVZEPSOß bhibhūr dhīro ßLQEďEĉLMXEQ`` bravīmi br

*****

4ßćM ?A&VßLQEďE cutiṁ yo vedi sattānaṁ upapattiñ ca sabbaso, asattaṁ sugataṁ buddhaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A &VEQQEďE 9HßREZEVKE &VßLQE yo cudi uvedi satvaṇa cyutiṁ yo vetti satvānā upapattiṁ | ca sarvaśaḥ vavati ca vi sarvaśo [budhu adimaśarira]asaktaḥ sugato buddho tam aho bromi bramaṇa. || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM? A&V ßLQEďE yassa gatiṁ na jānanti, devā gandhabbamānusā, khīṇāsavaṁ arahantaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE 9HßREZEVKE&VßLQE yasa gadi na jaṇadigatiṁ yasya na jānanti | deva gaavamaṇ . . devagandharvamānuṣāḥ [tadhakadasa budhasa] [anantajñānasaṁyuktaṁ] tam ahu brommi bramaṇa. || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

+ßRHLßVé?A&VEQQEďE [yasya rako ca doṣo ca avija ca viraïda] kṣiṇasavu arahada tam ahu bromi brammaṇa.

*****

4ßćM? A&VßLQEdĎE yassa pure a c pacchā ca majjhe ca natthi kiñcanaṁ, akiñcanaṁ anādānaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEdĎE 9HßREZEVKE %&VßLQ yasa pure ya pacha ya yasyapaścātpi pure cā . . . . . .i madhye cāpi na vidyate akijaṇa aṇadaṇa [virajaṁ bandhanān mukt tam ahu brommi brammaṇa. || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM?A&VßLQEdĎE usabhaṁ pavaraṁ vīraṁ, mahesiṁ vijitāvinaṁ, anejaṁ nhātakaṁ buddhaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEdĎE 9HßREZEVKE&VßLQE . . . . . .ra dhira (.) ṛṣabhaṁ pravaraṁ nāgaṁ . h . . . . viyidaviṇo maharṣiṁ vijitāvinam | aṇiha ṇadaka budhu aneyaṁ snātakaṁ buddhaṁ tam ahu bromi bramaṇa. || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

*****

4ßćM?A&VßLQEdĎE pubbenivāsaṁ yo vedī, saggāpāyañ ca passati, atho jātikkhayaṁ patto, abhiññāvosito muni, sabbavositavosānaṁ, tam ahaṁ brūmi brāhmaṇaṁ.

+ßRHLßVé?A&VEQQEdĎE 9HßREZEVKE&VßLQE purvenivasa yo uvedi pūrvenivāsaṁ yo vetti svaga avaya ya paśadisvargāpāyāṁś ca paśyati atha jadikṣaya prato atha jātikṣayaṁ prāpto abhiñavosido muṇi. L]EFLMN²ßZ]EZEWMXSQYR]ßRXEĉTVE [duḥkhas jānāti] || bravīmi brāhmaṇaṁ hi ta

&VßLQEdĎEZEKKSGLEFFéWEXMQS

Comparative Dhammapada
Word Index
(Indian order of letters)
In this index the reference number for the parallel refers i to verse number.
the Pāḷ
For example to find the 1st word in this index
Patna:aṁñaṁ, 165 igo verse to 165, and
Pāḷcheck the Patna parallel.
Only words identified as being in a parallel line have been indexed here, therefore words in lines printed in square brackets have not been included.

The parallels to the Uraga Verses have had to be omitted here.

A Ā I ĪU Ū E O
KA KHA GA GHA
CA CHA JA JHA ÑA
ṬA ṬHA ḌA ḌHA

TA THA DA DHA NA
PA PHA BA BHA MA
YA RA LA VA SA HA

aṁñaṁ, 165 Patna aṁññā, 75 Patna aṁññāye, 275 Patna aṁñesaṁ, 252, 365 Patna aṁśumukho, 67 Patna akaṁcho, 20 Patna akakaśa, 408 Gāndhārī akakkaśiṁ, 408 Patna akakkasaṁ, 408 Pāḷi akataṁ, 165, 314 Patna akataṁ, 165, 314 Pāḷi akataṁñū, Patna 97 akataññū, 97 Pāḷi akataññūsi, 383 Pāḷi akatāni, 50 Patna akatāni, 50 Pāḷi akathaṅkathī, 411, 414 Pāḷi akathaso, 383 Patna akadaño, 383 Gāndhārī akamiṣadi, 121, 122 Gāndhārī akara, 13, 14 Gāndhārī akaraṇaṁ, 183, 333 Patna akaraṇaṁ, 183, 333 Pāḷi akāpuruṣasevitam, 272 Udānavarga akāriyaṁ, 176 Patna akāriyaṁ, 176 Pāḷi akiṁcanaṁ, 221 Patna akiṁcanā, 88 Patna akiccaṁ, 292, 293 Patna akiccaṁ, 292, 293 Pāḷi akijaṇa, 221, 396, 421 Gāndhārī akiñcanaṁ, 221 Udānavarga akiñcanaṁ, 221, 396, 421 Pāḷi akiñcanaḥ, Udānavarga 88 akiñcanam, 396 Udānavarga akiñcano, 88 Pāḷi akiñci, 390 Pāḷi akida, 314 Gāndhārī akutobhaye, 196 Pāḷi akubbato, 51, 124 Pāḷi akurvataḥ, 51, 124 Udānavarga akurvvato, 51, 124 Patna akuvadu, 51 Gāndhārī akuśalaṁ, 281 Patna akusalaṁ, 281 Pāḷi akṛtaṁ, 314 Udānavarga akṛtajño, 383 Udānavarga akṛte, 165 Udānavarga akṛtyaṁ, 292, 293 Udānavarga

akotheṇa, 223 Gāndhārī akkocchi, 3, 4 Pāḷi akkodhanaṁ, 400 Pāḷi akkodhena, 223 Pāḷi akkosaṁ, 399 Pāḷi akkharāṇāṁ, 352 Patna akkharānaṁ, 352 Pāḷi akkhātāro, atna 276 P akkhātāro, 276 Pāḷi akkhāte, 86 Pāḷi akkhāto, 275 Pāḷi akrodhanaṁ, 400 Udānavarga akrodhena, 223 Udānavarga akrośa, 399 Gāndhārī akhilo, 20 Patna agataṁ, 323 Pāḷi aganaa, 51 Gāndhārī agandhakaṁ, 51 Patna agandhakaṁ, 51 Pāḷi agandhavat, 51 Udānavarga agāraṁ, 13, 14 Patna agāraṁ, 13, 14 Pāḷi agāraṁ, 13, 14 Udānavarga agārāṇi, 140 Udānavarga agārāni, 140 Pāḷi agi, 31, 107 Gāndhārī agiśihovamo, 308 Gāndhārī aggi, 140, 202, 251 Pāḷi aggiṁ, 107 Patna aggiṁ, 107 Pāḷi aggidaḍḍho, 136 Pāḷi aggiśikhopamā, tna 308 Pa aggisikhūpamo, 308 Pāḷi aggihuttaṁ, 392 Pāḷi aggihotraṁ, 392 Patna aggīva, 31 Patna aggīva, 31 Pāḷi agghati, 70 Patna agghati, 70 Pāḷi agniṁ, 107 Udānavarga agnidagdhaiva, 136 Udānavarga agniparicaraṁ, 107 Mahāvastu & Other Texts agnir, 31,rga140 Udānava agniśikhopamāḥ, 308 Udānavarga agnihotram, 392 Udānavarga aṅkusaggaho, 326 Pāḷi aṅgesu, 89 Pāḷi acadadruśilia, 162 Gāndhārī acarittā, 155, 156 Patna

acaritvā, 155, 156 Pāḷi acaritvā, 155, 156 Udānavarga acalaṁ, 27 Udānavarga acāri, 326 Pāḷi acāri, 326 Udānavarga aciraṁ, 41 Pāḷi aciraṁ, 41 Udānavarga acirā, 41 Patna accagā, 414 Pāḷi accantadussīlyaṁ, 162 Pāḷi accantadośśillaṁ, 162 Patna accutaṁ, 225 Patna accutaṁ, 225 Pāḷi acchiddavuttiṁ, 229 Pāḷi acchidravattiṁ, 229 Patna acchindi, 351 Pāḷi acyutaṁ, Udānavarga 225 achidravuti, 229 Gāndhārī ajayan, 3, 4 Mahāvastu & Other Texts ajayan, 3, 4 Udānavarga ajāpayet, 3, 4 Udānavarga ajinaśāṭibhiḥ, 394 Udānavarga ajinasāṭiyā, 394 Pāḷi ajini, 3, 4 Patna ajini, 3, 4 Pāḷi ajetaṇa, 227 Gāndhārī ajjatanām, 227 Pāḷi ajjahaṁ, 326 Pāḷi ajjhagā, 154 Pāḷi ajjhattarato, 362 Patna ajjhattarato, 362 Pāḷi ajhāyato, 372 Patna ajhāyato, 372 Pāḷi ajñāyai, 275 Udānavarga añataraṁ, 158 Patna añeṣa, 252, 365 Gāndhārī aññaṁ, 165 Pāḷi aññataraṁ, 137, 157

Pāḷi aññataraṁ, 157 Patna aññā, 75 Pāḷi aññāya, 275, 411 Pāḷi aññāvimuttassa, 96 Pāḷi aññāvimuttānaṁ, 57 Pāḷi aññe, 43, 355 Pāḷi aññesaṁ, 252, 365 Pāḷi aṭṭhīnaṁ, 150 Pāḷi aṭṭhīni, 149 Pāḷi aṭhagḡio, 273 Gāndhārī aṇakare, 415 Gāndhārī

aṇakarehi, 404 Gāndhārī aṇatva, 279 Gāndhārī aṇathapadasahida, 100, 101, 102 Gāndhārī aṇadaṇa, 396, 406, 421 Gāndhārī aṇano, 146 Gāndhārī aṇavilo, 82 Gāndhārī aṇavehiṇo, 346, 347 Gāndhārī aṇasṛvu, 386 Gāndhārī aṇica, 277 Gāndhārī aṇiha, 422 Gāndhārī aṇiho, 294 Gāndhārī aṇuija, 229 Gāndhārī aṇuṁ, 31, Pāḷi 265, 409 aṇukamiṇi, 2 Gāndhārī aṇutthūlaṁ, 31 Patna aṇutthūlāni, 265 Patna aṇuthula, 31 Gāndhārī aṇuthulaṇi, 265 Gāndhārī aṇudhado, 363 Gāndhārī aṇudhamacari, 20 Gāndhārī

aṇuprato, 386, 403 Gāndhārī aṇumatto, 284 Pāḷi aṇumātto, 84 Patna 2 aṇuyujadi, 26 Gāndhārī aṇuvadadi, 347 Gāndhārī aṇuvadiaṇu, 20 Gāndhārī aṇuvaṣudacitasa, 39 Gāndhārī aṇuvikatadi, 311 Gāndhārī aṇuvicidao, 364 Gāndhārī aṇuśaśea, 158 Gāndhārī aṇusua, 199 Gāndhārī aṇusthūlaṁ, 31, 409 Udānavarga aṇusthūlāni, avarga 265 Udān aṇusvaru, 156 Mahāvastu & Other Texts aṇusvaro, 364 Gāndhārī

aṇothulu, 409 Gāndhārī aṇovasari, 404 Gāndhārī atadaṇeṣu, 406 Gāndhārī atadrida, 366 Gāndhārī atadridi, 376 Gāndhārī atanditaṁ, 366 Pāḷi atandite, 376 Pāḷi atandito, 305 Pāḷi atandritaṁ, 366 Patna atandritaḥ, 305 Udānavarga atandrito, 305, 376 Patna atikkamaṁ, 191 Pāḷi

atikkameyya, 221 Pāḷi atikrameta, 221 Udānavarga atikrameyā, 221 Patna atittaṁ, 48 Pāḷi atidhonacārinaṁ, 240 Pāḷi atipāteti, 246 Pāḷi atirocati, 59 Pāḷi atirocanti, 59 Patna ativasā, 74 Pāḷi ativākyaṁ, 320 Pāḷi ativākyaṁ, 320 Udānavarga atītasya, 176 Udānavarga atītassa, 176 Patna atītassa, 176 Pāḷi atīvāde, 320 Patna atula, 227 Pāḷi atṛptam, 48 Udānavarga attagutto, 379 Pāḷi attaghaññāya, 164 Pāḷi attajaṁ, 161 Pāḷi attadaṇḍesu, 406 Pāḷi attadatthaṁ, 166 Pāḷi attadattham, 166 Pāḷi attadantassa, 104 Pāḷi attadanto, 322 Pāḷi attanaṁ, 355 Pāḷi attanā, 66, 160, 161, 165, 379 Pāḷi ’ttanā, 323 Patna attano, 15, 16, 50, 61, 62, 84, 131, 132, 160, 163, 217, 236, 238, 239, 247, 252, 285, 291, 343, 380, 388, 402 Pāḷi attasambhavaṁ, 161 Pāḷi attahetu, 84 Pāḷi attā, 62, 104, 159, 160, 380 Pāḷi attānaṁ, 80, 88, 103, 129, 130, 134, 145, 2 attānañ, 157, 159 Pāḷi attānam, 158 Pāḷi atthaṁ, 209, 293,226, 363,256, 384 Pāḷi atthaṁ, 209, 226, 363, 384 Patna atthapadaṁ, 100 Patna atthapadaṁ, 100 Pāḷi atthamhi, 331 Pāḷi atthavasaṁ, 289 Pāḷi atthesu, 331 Mahāvastu & Other Texts atmaṇam, 158 Gāndhārī atyantaduḥśīlaḥ, 162 Udānavarga atra, 3, 4 Udānavarga atra, 3, 4, 6 Mahāvastu & Other Texts ’tra, 6 Mahāvastu & Other Texts atrodyamāmahe, 6 Mahāvastu & Other Texts

atvakañaï, 164 Gāndhārī atvaṇa, 103, 162, 209, 291, 305, 327 Gāndhā atvaṇo, 15, 16, 50, 84, 163, 252, 285, 388, atvatha, 166 Gāndhārī atvadada, 322 Gāndhārī atha, 209, 234, 271, 423 Gāndhārī atha, 271 Mahāvastu & Other Texts atha, 55, 119, 120, 271, 277, 279, 387 Patna atha, 55, 69, 83, 119, 120, 136, 140, 271, atha, 69, 119, 120, 140, 271, 277, 278, 279, 387, 423 ānavarga Ud athañña m, 158 Pāḷi athatha, 118 Gāndhārī athasa, 384 Gāndhārī athassa, 384 Patna athassa, 384 Pāḷi athāpi, 138 Udānavarga athāyaṁ, 85 Pāḷi

athāyam, 85 Patna athālpikā, 310 Udānavarga athāsya, 384 Udānavarga atheyam, 85 Udānavarga atho, 151, 234, 32, 3 423 Pāḷi atho, 151, 355 Udānavarga adaï, 49 Gāndhārī adaṇḍeṣu, 137 Udānavarga adaṇḍesu, 137 Pāḷi adara, 394 Gāndhārī adarśanaṁ, 46, 210 Udānavarga adarśanena, 206 Udānavarga adaśeṇeṇa, 206 Gāndhārī adassanaṁ, 46, 210 Pāḷi adassanena, 206 Pāḷi adānto, 59 Patna 1 adi, 375 Gāndhārī adiadi, 409 Gāndhārī adikamea, 221 Gāndhārī adicu, 387 Gāndhārī adiṇa, 409 Gāndhārī adinnaṁ, 246, 409 Pāḷi adivaka, 320 Gāndhārī aduṭṭho, 399 Pāḷi aduṭhu, 399 Gāndhārī adura, 227 Gāndhārī adeṇa, 288 Gāndhārī addaṁśanaṁ, atna 46, 210 P addaṁśanena, 206 Patna addhāna, 207 Patna addhāna, 207 Pāḷi adha, 151, 271, 387 Gāndhārī

adhammeṇa, 84 Patna adhammena, 84 Pāḷi adhammo, 248 Pāḷi adharmapadasaṁhitam, 102 Udānavarga adhava, 83 Gāndhārī adhikachadi, 12 Gāndhārī adhigacchati, 249, 250, 368 Patna adhigacchati, 249, 250, 368 Pāḷi adhigacchati, 249, 250, 368 Udānavarga adhigacchati, 368 Gāndhārī adhigacchati, 368 Mahāvastu & Other Texts adhigacchanti, 12 Patna adhigacchanti, 12 Pāḷi adhigacchanti, 12 Udānavarga adhigacche, 368, 381 Pāḷi adhigacchet, 368 Udānavarga adhicitte, 185 Pāḷi adhicitte, 185 Udānavarga adhibhūya, 328 Patna adhimuttānaṁ, 226 Pāḷi adhimuttānāṁ, 226 Patna adhiśeṣyate, 41 Udānavarga adhiṣṭhitaṁ, 40 Udānavarga adhiṣṭhihittā, 40 Patna adhisessati, 41 Pāḷi adhyagāḥ,avarga 154 Udān adhyāyarato, 362 Gāndhārī adhyāyarato, 362 Mahāvastu & Other Texts adhyāyarato, 362 Patna adhyāyarato, 362 Pāḷi adhyāyarato, 362 Udānavarga adhvaṇa, 207 Gāndhārī anaṁgaṇassa, 125 Patna anakarasma, 146 Gāndhārī anakkhāte, 218 Pāḷi anagārehi, a 404 Patn anagārais, 404 Udānavarga anaṅgaṇassa, 125 Pāḷi anaṅgaṇā, 238 Udānavarga anaṅgaṇo, 236, 238, 351 Pāḷi anaṅgano, 236 Patna anattā, 279 Pāḷi anatthañ, 256 Pāḷi anatthapadasaṁhitā, 100, 101, 102 Pāḷi anatthapadasāhitaṁ, 102 Patna anatthapadasāhitā, a 100 Patn anatthāya, 72 Patna anatthāya, 72 Pāḷi anantagocaraṁ, 179 Gāndhārī

anantagocaraṁ, 179 Mahāvastu & Other Texts anantagocaraṁ, 179, 180 Patna anantagocaraṁ, 179, 180 Pāḷi anantagocaraṁ, 179, 180 Udānavarga anantavikramaṁ, 180 Mahāvastu & Other Texts ananvāhatacetaso, 39 Patna ananvāhatacetaso, 39 Pāḷi anapāyinī, 2 Patna anapāyinī, 2 Pāḷi anapekkhino, 346, 347 Pāḷi anapekṣiṇaḥ, 346 Udānavarga anapekhino, 346 Patna anappakaṁ, 144 Pāḷi anaprāśrayamāṇassa, 39 Patna anarthapadasaṁhitam, 100 Udānavarga anarthapadasaṁhitā, 100, 101 Gāndhārī anarthapadasaṁhitā, 100, 101 Mahāvastu & Ot anarthāya, 72 Udānavarga anavaṭṭhitacittassa, 38 Patna anavaṭṭhitacittassa, 38 Pāḷi anavasthitacittasya, 38 Udānavarga anavasrutacittasya, 39 Udānavarga anavassutacittassa, 39 Pāḷi anāgārehi, 404 Pāḷi anāgāro, 415, 416 Pāḷi anāturā, 198 Pāḷi anāturāḥ, 198 Udānavarga anāttā, 279 Patna anātmānaḥ, 279 Udānavarga anādānaṁ, 396 Udānavarga anādānaṁ, 396, 406, 421 Pāḷi anādāno, 352 Patna anādāno, 352 Pāḷi anāvilaṁ, 413 Pāḷi anāvilaḥ, 82, 413 Udānavarga anāvilo, 82 Patna anāvilo, 82 Pāḷi anāsavaṁ, 386 Patna anāsavaṁ, 386 Pāḷi anāsavassa, 94 Patna anāsavassa, 94 Pāḷi anāsavā, 126 Patna anāsavā, 126 Pāḷi anāsravam, 386 Udānavarga aniamasaya, 309 Gāndhārī anikaṣayu, 9 Gāndhārī anikāmaśayyāṁ, 309 Udānavarga anikāmaśeyaṁ, 309 Patna anikkaṣāyo, 9 Patna

anikkasāvo, 9 Pāḷi anigho, 294 Patna anigho, 294, 295 Udānavarga aniccā, 277 Patna aniccā, 277 Pāḷi anityāṁ, 277 Udānavarga aninia, 227 Gāndhārī aninditaḥ, 227 Udānavarga anindito, 227 Patna anindito, 227 Pāḷi anibbisaṁ, 153 Pāḷi animitto, 92, 93 Pāḷi aniveśanaḥ, 40 Udānavarga aniveśano, 40 Patna anivesano, 40 Pāḷi aniśāmyacāriṇaṁ, 240 Udānavarga aniśśitā, 93 Patna aniṣkaṣāyaḥ, 9 Udānavarga anissito, 93 Pāḷi anīgho, 294, 295 Pāḷi anugāminī, navarga2 Udā anucintitāḥ, 156 Udānavarga anuṭṭhahāno, 280 Pāḷi anuṭṭhāṇamalā, 241 Patna anuṭṭhānamalā, 241 Pāḷi anuṭṭhihāno, 280 Patna anutappati, 67 Patna anutappati, 67 Pāḷi anutapyate, 67 Udānavarga anuttaraṁ, 23 Patna anuttaraṁ, 23 Pāḷi anuttaraḥ, arga55 Udānav anuttaram, 23 Udānavarga anuttaro, 55 Patna anuttaro, 55 Pāḷi anutthunaṁ, 156 Pāḷi anutsukāḥ, 199 Udānavarga anuddhataḥ, 363 Udānavarga anuddhato, 363 Patna anuddhato, 363 Pāḷi anuddhṛtair, 338 Udānavarga anudhammacārī, 20 Patna anudhammacārī, 20 Pāḷi anudharmacārī, 20 Udānavarga anunnahanacetasaḥ, 39 Udānavarga anupaghāto, 185 Pāḷi anupaddave, 338 Pāḷi anupadrute, 338 Patna anupadrutaiḥ, 338 Udānavarga

anupavādo, 185 Pāḷi anupādāya, 89 Patna anupādāya, 89, 414 Pāḷi anupādiyāno, 20 Patna anupādiyāno, 20 Pāḷi anupubbena, 239 Pāḷi anupūrveṇa, 239 Udānavarga anupūrvveṇa, 239 Patna anuppattaṁ, 386, 403, 411 Pāḷi anuprāttaṁ, 386, 403 Patna anuprāptaṁ, 403 Udānavarga anubṛṁhayet, 75, 87 Udānavarga anubrūhaye, 75 Patna anubrūhaye, 75 Pāḷi anumaṁdhati, a 161 Patn anumātram, 284 Udānavarga anumodamāno, 177 Patna anumodamāno, 177 Pāḷi anumodamāno, 177 Udānavarga anuyuktānām, 226 Udānavarga anuyujya, 229 Udānavarga anuyuñjati, 247 Pāḷi anuyuñjanti, 26 Patna anuyuñjanti, 26 Pāḷi anuyuñjetha, 27 Pāḷi anuyuttānāṁ, Patna 226 anurakkhatha, 327 Patna anurakkhatha, 327 Pāḷi anurakṣata, 327 Udānavarga anuvartante, 26 Udānavarga anuvicintayaṁ, 364 Mahāvastu & Other Texts anuvicintayaṁ, 364 Patna anuvicintayaṁ, 364 Pāḷi anuvicca, 229 Patna anuvicca, 229 Pāḷi anuśaśadi, 77 Gāndhārī anuśāsaye, 159 Patna anuśāsīta, 158 Udānavarga anuśāseyā, 77 Patna anusāsati, 159 Pāḷi anusāseyya, 158 Pāḷi anussaraṁ, 364 Patna anussaraṁ, 364 Pāḷi anussukā, 199 Patna anussukā, 199 Pāḷi anussutaṁ, 400 Pāḷi anūpalitto, 353 Pāḷi anūhate, 338 Patna anūhate, 338 Pāḷi

anṛtaṁ, 223, 264 Udānavarga anekaṁ, 153 Udānavarga anekajātisaṁsāraṁ, 153 Pāḷi anejaṁ, 422 Pāḷi anejo, 414 Pāḷi aneyaṁ, 422 Udānavarga aneyo, 414 Udānavarga anokaṁ, 87 Pāḷi anokam, 87 Patna anokam, 87 Udānavarga anokasāriṁ, 404 Patna anokasāriṁ, 404 Pāḷi anokasāriṇaṁ, 404 Udānavarga anopaliptaḥ, 353 Mahāvastu & Other Texts anomanikramaṁ, 179 Patna antaṁ, 275 Patna antakaḥ, 48 Udānavarga antakenā, 288 Patna antakenādhipannassa, 288 Pāḷi antakenābhibhūtasya, 288 Udānavarga antako, 179 & Other Mahāvastu Texts antako, 48 Patna antako, 48 Pāḷi antarā, 237 Pāḷi antarāyaṁ, 286 Patna antarāyaṁ, 286 Pāḷi antarāyaṁ, 286 Udānavarga antarbahisthiram, 315 Udānavarga antalikkhe, 127, 128 Pāḷi antikaṁ, 224 Udānavarga antimaśārīraṁ, 400 Udānavarga antimaśārīr o, 352 Patna antimasārīraṁ, 400 Pāḷi antimasārīro, 352 Pāḷi antimoyaṁ, 351 Pāḷi andhakāraṁ, 146 Udānavarga andhakāramhi, 146 Patna andhakārasmiṁ, 146 Mahāvastu & Other Texts

andhakārena, 146 Pāḷi andhabhūte, 59 Patna andhabhūte, 59 Pāḷi andhabhūte, avarga 59 Udān andhabhūto, 174 Pāḷi andhabhūto, 174 Udānavarga anneti, 1, 2, 71, 124 Patna anyaṁ, 165 Udānavarga anyatamaṁ, 137, 157 Udānavarga anyathā, 222 Udānavarga anyā, 75 Udānavarga

anyeṣāṁ, 365 Udānavarga anveti, 1, 2, 71, 124 Pāḷi anveti, 1, navarga 2, 71, 179 Udā apa, 20, 259 Gāndhārī apajitaṁ, 105 Patna apajitaṁ, 105 Pāḷi apaññassa, 372 Pāḷi apaṇatha, 166 Gāndhārī apatthāni, 149 Pāḷi apadaṁ, 179, 180 Mahāvastu & Other Texts apadaṁ, 179, 180 Patna apadaṁ, 179, 180 Pāḷi apadaṁ, 179, 180 Udānavarga apadu, 224Gāndhārī aparāntaṁ, 93 Udānavarga apariśuddhaṁ, 312 Udānavarga apalabho, 366 Gāndhārī apaviddhaṁ, 292 Patna apaviddhaṁ, 292 Pāḷi apaviddham, 292 Udānavarga apaviddhāni, 149 Udānavarga apaśu, 113, 115 Gāndhārī apaśyaṁ, 113, 114, 115 Mahāvastu & Other Te apaśyann, 113, 114, 115 Udānavarga apaśśaṁ, 113, 114, 115 Patna apasaṁpadā, 183 Patna apassaṁ, 113, 114, 115 Pāḷi apāraṁ, 385 Pāḷi apāraṁ, 385 Udānavarga apāram, 385 Patna api, 100, 101, 107, 187 Mahāvastu & Other T api, 20, 65, 100, 101, 107, 121,2, 12 151, 187, 224, 259, 284, 3 api, 65, 100, 101, 106, 107, 187 Patna api, 65, 100, 101, 106, 107, 187, 196 Pāḷi apicha, 404 Gāndhārī apīha, 19, 56 Udānavarga apu, 121, 122 Gāndhārī apuṁñalābhaṁ, 309 Patna apuṁñalābho, 310 Patna apuññalābhaṁ, 309 Pāḷi apuññalābho, 310 Pāḷi apuṇyalābhaṁ, 309 Udānavarga apuṇyalābhaś, 310 Udānavarga aputhujjanasevitaṁ, 272 Pāḷi apṛthagjanasevitaṁ, 272 Mahāvastu & Other T apṛthujjanasevitaṁ, 272 Patna apekhā, 345 Patna apekhā, 345 Pāḷi apetakaddamo, 95 Pāḷi

apetadamasauratyo, 9 Udānavarga apetaviṁnyāṇo, 41 Patna apetaviññāṇo, 41 Pāḷi apeto, 9 Patna apeto, 9 Pāḷi appaṁ, 20 Patna appakā, 85 Patna appakā, 85 Pāḷi appaṭibaddhacitto, 218 Pāḷi appatto, 272 Pāḷi appaduṭṭhassa, 125 Pāḷi appaduṭṭhesu, 137 Pāḷi appabodhati, 143 Pāḷi appam, 20, 259 Pāḷi appam, 259 Patna appamattassa, 24 Pāḷi appamattā, 21 Pāḷi appamatto, 27, 29, 56 Pāḷi appamādaṁ, 30 Pāḷi appamādañ, 26 Pāḷi appamādamhi, 22 Pāḷi appamādaratā, 327 Pāḷi appamādarato, 31, 32 Pāḷi appamādavihārinaṁ, 57 Pāḷi appamāde, 22 Pāḷi appamādena, 28, 30 Pāḷi appamādo, 21 Pāḷi appalābho, 366 Patna appalābho, 366 Pāḷi appaśśuto, 152 Patna appasattho, 123 Pāḷi appasāttho, 123 Patna appassādā, 186 Pāḷi appassutāyaṁ, 152 Pāḷi appā, 224 Patna appāmātro, 56 Patna appāssādā, tna 186 Pa appikā, 310 Patna appicchaṁ, 404 Patna appicchaṁ, 404 Pāḷi appiyānañ, 210 Pāḷi appiyehi, 210 Pāḷi appiyo, 77 Pāḷi appussuko, 330 Patna appo, 174 Pāḷi appossukko, 330 Pāḷi apraṁñassa, 372 Patna aprakabhiṇa, 245 Gāndhārī aprañasa, 372 Gāndhārī

apratibaddhacitta, 218 Udānavarga aprate, 272 Gāndhārī apraduṣṭasya, 125 Udānavarga apraduṣṭassa, 125 Patna apramata, 21 Gāndhārī apramatasa, 24 Gāndhārī apramatu, 29 Gāndhārī apramato, 27 Gāndhārī apramattaḥ, 27, 29 Udānavarga apramattasya, 24 Udānavarga apramattassa, 24 Patna apramattā, 21 Patna apramattā, 21 Udānavarga apramattāḥ, 23 Udānavarga apramatto, 29 Patna apramada, 26, 30 Gāndhārī apramadarada, 327 Gāndhārī apramadaradu, 31, 32 Gāndhārī apramadavihariṇa, 57 Gāndhārī apramadasa, 22 Gāndhārī apramadi, 22 Gāndhārī

apramadu, 21 Gāndhārī apramadeṇa, 25, 28, 30 Gāndhārī apramādaṁ, 22, 26, 30 Udānavarga apramādagaru, 31, 32 Patna apramādan, 26 Patna apramādamhi, 22 Patna apramādaratā, 327 Patna apramādaratā, 327 Udānavarga apramādarato, 31, 32 Udānavarga apramādavihāriṇāṁ, 57 Patna apramādavihāriṇām, 57 Udānavarga apramādasya, 22 Udānavarga apramāde, 22 Patna apramādena, 28 Patna apramādena, 28, 30 Udānavarga apramādo, 21 Patna apramādo, 21 Udānavarga aprāpte, 272 Mahāvastu & Other Texts aprāpyāsavakkhayaṁ, tna 272 Pa aprio, 77 Gāndhārī apriyaṁ, 77 Patna apriyassa, 210 Patna apriyāṇāṁ, 210 Udānavarga apriyehi, 210 Patna aprudhajaṇasevida, 272 Gāndhārī aphala, 51 Gāndhārī aphalā, 51 Patna aphalā, 51 Pāḷi

abalassaṁ, 29 Pāḷi abalāśva, 29 Udānavarga abalāśśam, 29 Patna abbato, 264 Pāḷi abbhakkhānaṁ, 139 Pāḷi abbhantaraṁ, 394 Pāḷi abbhā, 172, 173, 382 Pāḷi abha, 172 Gāndhārī abhabbo, 32 Pāḷi abhayadarśaṇo, 317 Gāndhārī abhayi, 317 Gāndhārī abhaye, 317 Patna abhaye, 317 Pāḷi abhayo, 258 Pāḷi abhavu, 32 Gāndhārī abhavyaḥ, 32 Udānavarga abhavvo, 32 Patna abhāvitaṁ, 13 Patna abhāvitaṁ, 13 Pāḷi abhāvitaṁ, 13 Udānavarga abhijñāya, 353 Udānavarga abhijñāvyavasito, 423 Udānavarga abhiñavosido, 423 Gāndhārī abhiññāya, 75, 166, 353 Pāḷi abhiññāvosito, 423 Pāḷi abhittaretha, 116 Patna abhittharetha, 116 Pāḷi abhitvareta, 116 Udānavarga abhiduṇasa, 288 Gāndhārī abhinandanti, 219 Pāḷi abhibhuyya, 328 Pāḷi abhibhūya, 328 Mahāvastu & Other Texts abhibhūya, 328 Udānavarga abhimatthati, 161 Pāḷi abhimathnāti, 161 Udānavarga abhiroyadi, 59 Gāndhārī abhivaṭṭhaṁ, 335 Pāḷi abhivādanaṁ, 108 Mahāvastu & Other Texts abhivādanaṁ, 108 Udānavarga abhivādanasīlissa, 109 Pāḷi abhivādanā, 108 Patna abhivādanā, 108 Pāḷi abhiśehiti, 41 Patna abhisaṁbudhānāṁ, 46 Patna abhisambudhāno, 46 Pāḷi

ayujadu, 209 Gāndhārī ayo, 109 Gāndhārī ayoi, 209 Gāndhārī ayokuḍu, 308 Gāndhārī ayogā, 282 Patna ayogā, 282 Pāḷi ayoguḍā, 308 Patna ayoguḍā, 308 Udānavarga ayoguḷo, 308 Pāḷi ayoge, 209 Patna ayoge, 209 Pāḷi ayoge, 209 Udānavarga ayojayaṁ, 209 Pāḷi ara, 253 Gāndhārī arakṣida, 13 Gāndhārī arage, 401 Gāndhārī araññāni, 99 Pāḷi araṇyāni, 99 Udānavarga aratiñ, 418 Pāḷi aradhaviryava, 8 Gāndhārī aranne, 98 Patna arahataṁ, 164 Pāḷi arahatāṁ, 164 Patna arahati, 9, 10, 230 Pāḷi arahada, 420 Gāndhārī arahadi, 9, 10, 230 Gāndhārī arahadu, 164 Gāndhārī arahado, 112Gāndhārī arahantaṁ, 420 Pāḷi arahanto, 98 Patna aria, 208 Gāndhārī arianạa, 22, 164, 206 Gāndhārī ariapravedidi, 79 Gāndhārī ariyaṁ, 208 Pāḷi ariyañ, 191 Pāḷi ariyappavedite, 79 Pāḷi ariyabhūmim, 236 Pāḷi ariyasaccāni, 190 Pāḷi ariyānaṁ, 22, 164, 206 Pāḷi ariyo, 270 Pāḷi arihati, 9, 10, 230 Patna arukaṁ, 147 Udānavarga arukāyaṁ, 147 Pāḷi aruśu, 28 Gāndhārī aroga, 204 Gāndhārī arghati, 70, 106 Mahāvastu & Other Texts arghati, 70, 106 Udānavarga artha, 363 Gāndhārī arthaṁ, 209, 363 Udānavarga

’rthaṁ, varga 166 Udāna arthapadaṁ, 100 Udānavarga arthayogine, 209 Udānavarga arthavatī, 100, 101 Mahāvastu & Other Texts artheṣu, 331 Mahāvastu & Other Texts arhatām, 164 Udānavarga arhati, 9, 10, 230 Udānavarga alaüṇi, 149 Gāndhārī alaṁkato, 142 Patna alaṁkṛtaś, vastu142 & Other Mahā Texts alaṁkṛtaś, 142

Udānavarga alaṁkṛto, 142 Mahāvastu & Other Texts alagido, 142 Gāndhārī alaṅkato, 142 Pāḷi alajidavi, 316 Gāndhārī alajjitavye, 316 Udānavarga alajjitavve, 316 Patna alajjitāye, 316 Pāḷi alajjinaḥ, 316 Udānavarga aladdhā, 155, 156 Patna aladdhā, 155, 156 Pāḷi alabdhvā, 155, 156 Udānavarga alasie, 280 Gāndhārī alasu, 280 Gāndhārī alaso, 280 Patna alaso, 280 Pāḷi alāpūneva, 149 Pāḷi alia, 223, 264 Gāndhārī alikaṁ, 264 Patna alikaṁ, 264 Pāḷi alikavādinaṁ, 223 Pāḷi aliṇeṇa, Gāndhārī 245 alīnenāpagabbhena, 245 Pāḷi alīnenāpragabbheṇa, 245 Patna alpaṁ, 174 Udānavarga alpakās, 85 Udānavarga alpabhāṇiṁ, 227 Udānavarga alpam, 20 Udānavarga alpamātro, 56 Udānavarga alpaśāstro, 123 Udānavarga alpād, 224 Udānavarga alpāsvādasukhāḥ, 186 Udānavarga alpāsvādān, 186 Mahāvastu & Other Texts alpotsukaś, 330 Mahāvastu & Other Texts alpotsuko, 330 Udānavarga alposukaś, 330 Udānavarga avakadaviñaṇa, 41 Gāndhārī avajadi, 309 Gāndhārī avajjañ, 319 Pāḷi

avajjato, 319 Pāḷi avajje, 318 Patna avajje, 318 Pāḷi avathaṇi, 149 Gāndhārī avadhi, 3, 4 Patna avadhi, 3, 4 Pāḷi avaya, 423 Gāndhārī avare, 385 Gāndhārī avalaśa, 29 Gāndhārī avavadetānuśāsīta, 77 Udānavarga avavṛṣṭā, 335 Udānavarga avasrāvī, 218 Udānavarga avijānataṁ, 60 Pāḷi avijānataḥ, vargaadhi, 38, 3,604ßREĐ@đÀ×EHLMĐñt C•ĐòM Udāna `0à0P<0EZEZ9HP EB !ñ!ààÀ@tP<

avradu, 264 Gāndhārī avhaï, 387 Gāndhārī aśarīraṁ, 37 Patna aśarīraṁ, 37 Udānavarga aśuddhabuddhiṁ, 165 Udānavarga aśubhāṁ, 350 Udānavarga aśubhānudarśinaṁ, 8 Udānavarga aśubhānupaśśiṁ, 8 Patna aśuhaṇupaśi, 8 Gāndhārī aśoka, 28 Gāndhārī aśoka, 28 Udānavarga aśokaṁ, 412 Udānavarga aśokaḥ, 28 Udānavarga aśoko, 28 Patna aśoddhī, 165 Patna aśmamaṇiṁ, 161 Udānavarga aśraddhaś, 97 Udānavarga aśraddho, 97 Patna aśrumukho, 67 Udānavarga aśvaṁ, 322 Udānavarga aśvo, 94 Udānavarga aśśaṁ, 380 Patna aśśā, 94 Patna aśśiṁ, 168 Patna aśśo, 144 Patna aṣajamaṇa, 221 Gāndhārī aṣaǵa, 412 Gāndhārī aṣṭāṅgikaḥ, 273 Udānavarga asaṁdehaṁ, 148 Udānavarga asaṁpunnesu, 48 Patna asaṁyataḥ, 308 Udānavarga asaṁyatāḥ, 307 Udānavarga asaṁyyatā, 307 Patna asaṁyyato, 308 Patna asaṁvutaṁ, 7 Pāḷi asaṁvṛtaṁ, 7 Patna asaṁvṛtam, 7 Udānavarga asaṁsaṭṭhaṁ, 404 Patna asaṁsaṭṭhaṁ, 404 Pāḷi asaṁsṛṣṭaṁ, 404 Udānavarga asaktaḥ, 419 Udānavarga asajjamānaṁ, 221 Patna asajjamānaṁ, 221 Pāḷi asajjhāyamalā, 241 Patna asajjhāyamalā, 241 Pāḷi asajyamānam, 221 Udānavarga asañadu, 308 Gāndhārī asaññatā, 248, 307 Pāḷi asaññato, 308 Pāḷi

asata, 367 Gāndhārī asataṁ, 73, 77 Pāḷi asatā, 367 Pāḷi asatāṁ, 73, 77 Patna asatāṁ, 77 Udānavarga asattaṁ, 419 Pāḷi asatsiṭha, 404 Gāndhārī asadhu, 223 Gāndhārī asadhuṇi, 163 Gāndhārī asantaṁ, 367 Udānavarga asantāsī, 351 Pāḷi asantettha, 304 Pāḷi asanto, 73, 304 Udānavarga asabbhā, 77 Pāḷi asabbhāto, 77 Patna asabhe, 77 Gāndhārī asamāhitaḥ, 110 Mahāvastu & Other Texts asamāhitaḥ, 110, 111 Udānavarga asamāhito,1 Patna110, 11 asamāhito, 110, 111 Pāḷi asara, 12 Gāndhārī asaradaśiṇo, 11 Gāndhārī asarado, 12 Gāndhārī asari, 11 Gāndhārī asarīraṁ, 37 Pāḷi asava, 253 Gāndhārī asavakṣaya, 253 Gāndhārī asavakṣaye, 272 Gāndhārī asavudu, 7 Gāndhārī asādhuṁ, 223 Pāḷi asādhuṁ, 223 Udānavarga asādhūni, 163 Patna asādhūni, 163 Pāḷi

asādhūni, 163 Udānavarga asāraṁ, 12 Udānavarga asārañ, 12 Patna asārañ, 12 Pāḷi asārataḥ, 12 Udānavarga asārato, 12 Patna asārato, 12 Pāḷi asāre, 11 Patna asāre, 11 Pāḷi asāre, 11 Udānavarga asāhasena, 257 Pāḷi asuddhī, 165 Pāḷi asubhaṁ, 350 Pāḷi asubhānupassiṁ, 8 Pāḷi asevaï, 140 Gāndhārī asokaṁ, 412 Pāḷi

asoko, 28 Pāḷi asau, 162, 177 Udānavarga astaṁ, 226, 293, 384 Udānavarga astaǵachadi, 384 Gāndhārī asti, 176, 390 Udānavarga asthiprākāraṁ, 150 Udānavarga asthīni, 149 Udānavarga asmā, 220 Pāḷi asmāl, 220 Udānavarga asmi, 353 Mahāvastu & Other Texts ’sminn, 59 Udānavarga

asmiṁ, 168, 169, 242, 410 Pāḷi asmiṁ, 168, 169, 410 Udānavarga asya, 179 Mahāvastu & Other Texts asya, 96, 104, 390 Udānavarga asvi, 168, 169 Gāndhārī assa, 58, 72 Patna ’ssa, 24, 82, 124, 376, 389 Patna assa, 72, 179 Pāḷi assaṁ, 380 Pāḷi assatarā, 322 Patna assatarā, 322 Pāḷi assaddho, 97 Pāḷi assā, 179 Patna assā, 94 Pāḷi assiṁ, 169, 242 Patna assu,74 Pāḷi assupato, 60 Patna assumukho, 67 Pāḷi asso, 143, 144 Pāḷi aha, 228, 345, 346 Gāndhārī ahaṁ, 222, 320, 385, 386, 391, 395, 396, 39 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419,21, 420, 4 422, 423 P ahaṁ, 320, 385, 386, 391, 401, 403, 404, 40 ’haṁ, 114, 115 Patna ahaṁ, 63, 320 Udānavarga ahāpayan, 3, 4 Mahāvastu & Other Texts ahāsi, 3, 4 Patna ahāsi, 3, 4 Pāḷi ahiṁsakā, 225 Patna ahiṁsakā, 225 Pāḷi ahiṁsakā, 225 Udānavarga ahiṁsā, 261, 270 Pāḷi ahiṁsāya, 300 Patna ahiṁsāya, 300 Pāḷi ahitāni, 163 Patna ahitāni, 163 Pāḷi ahitāni, 163 Udānavarga

ahitsa, 300 Gāndhārī ahidaṇa, 163 Gāndhārī ahirieṇa, 244 Gāndhārī ahirikena, 244 Pāḷi ahirīkena, 244 Patna ahivadaṇa, 108 Gāndhārī ahivadaṇaśilisa, 109 Gāndhārī ahu, 362, 386, 395, 399, 401, 403, 407, 408 ahunā, 227 Patna aheṭhayaṁ, 49 Pāḷi aheṭhayan, 49 Udānavarga aheḍaï, 49 Gāndhārī aheḍayaṁ, 49 Patna aho, 222, 320, 385, 386, 391, 396, 398, 402, 403,405, 404, 406, 409, 415, 4 ahorattānusikkhinaṁ, 226 Pāḷi ahorattiṁ, 387 Pāḷi ahoratra, 387 Gāndhārī ahorāttānuśikkhiṇāṁ, 226 Patna ahorātte, 387 Patna ahorātraṁ, 387 Udānavarga ahorātrānuśikṣiṇām, 226 Udānavarga ahmamayaṁ, 161 Patna ahrīkena, 244 Udānavarga

ākaṅkha, 343 Pāḷi ākāśe, 175, 254, 255 Udānavarga ākāśe, 92, 93 Patna ākāśaiva, 92, 93 Udānavarga ākāse, 92, 93, 175, 254, 255 Pāḷi ākirate, 313 Pāḷi ākkhāto, 275 Patna ākrośan, 3, 4 Mahāvastu & Other Texts ākrośan, 3, 4 Udānavarga ākrośāṁ, 399 Udānavarga ākrośi, 3, 4 Patna ākhyātāras, 276 Udānavarga ākhyāte, 86 Udānavarga ākhyāto, 275 Udānavarga āgaṁma, 87, 189 Patna āgataṁ, 219, 220 Pāḷi āgatam, 219 varga Udāna āgamiṣyati, 121, 122 Patna āgamiṣyati, 121, 122 Udānavarga āgamissati, 121, 122 Pāḷi āgamma, 192 Patna āgamma, 87, 189, 192 Pāḷi

āgamya, 189, 192 Mahāvastu & Other Texts āgamya, 87, 189, 192 Udānavarga ācārakuśalo, 376 Patna ācārakuśalo, ga 376 Udānavar ācārakusalo, 376 Pāḷi ācinaṁ, 121, 122 Patna ācinaṁ, 121, 122 Pāḷi ājānīyā, 322 Pāḷi ājāneyaṁ, 322 Udānavarga ājāneyā, 322 Patna ātappaṁ, 276 Patna ātappaṁ, 276 Pāḷi ātāpinaḥ, 144 Udānavarga ātāpino, 144 Patna ātāpino, 144 Pāḷi āturaṁ, 147 Pāḷi āturaṁ, 147 Udānavarga āturesu, 198 Udānavarga āturesu, 198 Pāḷi āttagutto, 379 Patna āttaghannāya, 164 Patna

āttajaṁ, 161 Patna āttadātthaṁ, 166 Patna āttadāntassa, 104 Patna āttanā, 50, 66, 159, 160, 161, 165, 379 Pat āttano, 15, 16, 84, 9, 252, 285, 131, 291, 380 132, Patna 160, 163, 23 āttasaṁbhavaṁ, 161 Patna āttā, 104, 159, 160, 322, 380 Patna āttānaṁ, 88, 103, 129, 130, 134, 158, 305, āttānañ, 157 Patna āttānapaṭinissagge, 89 Patna ātmadāntasya, 104 Udānavarga ātmanaḥ, 15, 16, 131, 132, 238, 239, 285, 2 ātmanaḥ, 61 Mahāvastu & Other Texts ātmanaś, 252 Udānavarga ātmanas, 50 Udānavarga ātmanā, 160, 165 Udānavarga ātmanaiva, 165 Udānavarga ātmano, 62, 166, 380 Udānavarga ātmavadyaṁ, 252 Udānavarga ātmavadhāya, 164 Udānavarga ātmā, 104, 159, 160, 322 Udānavarga ātmāna, 103 Gāndhārī ātmāna, 103 Patna ātmāna, 103 Pāḷi ātmāna, 103 Udānavarga ātmānaṁ, 103 Mahāvastu & Other Texts ātmānaṁ, 80, 145, 157, 159, 305 Udānavarga ātmānam, 129, 130, 158, 355 Udānavarga

ātmārthaṁ, 166 Udānavarga ātmaiva, 62, 380 Udānavarga ādatte, 409 Udānavarga ādadāti, 313 Udānavarga ādānaṁ, 89 Udānavarga ādānapaṭinissagge, 89 Pāḷi ādāya, 47, 49, 268, 287 Pāḷi ādāya, 47, 49, 287 Patna ādāya, 47, 49, 287 Udānavarga ādi, 375 Pāḷi ādiccapathe, 175 Patna ādicco, tna 387 Pa ādicco, 387 Pāḷi ādiyati, 246 Pāḷi ādir, 375 Udānavarga ādī, 375 Patna ādhora, 227 Patna ādhyātmarataḥ, 362 Udānavarga ānanda, 146 Udānavarga ānando, 146 Gāndhārī ānando, 146 Mahāvastu & Other Texts ānando, 146 Patna ānando, 146 Pāḷi ānimitto,atna 92, 93 P āpajjatī, 309 Pāḷi āpajjate, 309 Patna āpadyate, 309 Udānavarga āpadyed, 272 Udānavarga ābādhaṁ, 138 Pāḷi ābādhaṁ, 138 Udānavarga ābhasvarā, 200 Udānavarga ābhassarā, 200 Pāḷi ābhāti, 387 Patna ābhāti, 387 Pāḷi ābhāti, 387 Udānavarga āyasaṁ, 345 Patna āyasaṁ, 345 Pāḷi āyasaṁ, 345 Udānavarga āyu, 109 Pāḷi āyuṁ, 135 Pāḷi āyuḥ, 135 Udānavarga āyogo, 185 Pāḷi āraṁbhato, 112 Mahāvastu & Other Texts āraggā, 407 Pāḷi āragge, 401 Pāḷi āraddhavīriyaṁ, 8 Patna āraddhavīriyaṁ, 8 Pāḷi ārabhato, 112 Patna ārabhato, 112 Pāḷi

ārabhato, 112 Udānavarga ārā, 253 Patna ārā, 253 Pāḷi ārāgre, 401 Patna ārādhaye, 281 Pāḷi ārādhayen, 281 Udānavarga ārāmarukkhacetyāni, 188 Pāḷi ārāmāṁ, 188 Udānavarga ārāmāṁś, 188 Mahāvastu & Other Texts āruyha, 28 Patna āruyha, 28 Pāḷi āruhya, 28 Udānavarga āroggaparamā, 204 Patna ārogyaparamā, 204 Pāḷi ārogyaparamā, 204 Udānavarga āryaṁ, 191 Mahāvastu & Other Texts āryaṁ, 191 Udānavarga āryaḥ, 22 Udānavarga āryapravedite, 79 Udānavarga āryasatyāni, 190 Mahāvastu & Other Texts āryā, 345rga Udānava āryāḥ, 346 Udānavarga āryāṇāṁ, 164, 206 Udānavarga āryāṇi, 273 Udānavarga ālasiko, 280 Patna ālasiko, 280 Udānavarga ālasiyaṁ, 280 Pāḷi āvāseṣu, 73 Udānavarga āvāsesu, 73 Patna āvāsesu, 73 Pāḷi āśravakṣaye, 272 Mahāvastu & Other Texts āśritāḥ,varga 89 Udāna āsavakkhayaṁ, 272 Pāḷi āsavakkhayā, 253 Patna āsavakkhayā, 253 Pāḷi āsavā, 226, 253, 292 Patna āsavā, 226, 253, 292, 293 Pāḷi āsā, 410 Pāḷi āsīnaṁ, 227 Udānavarga āsīnaṁ, 227, 386 Patna āsīnaṁ, 227, 386 Pāḷi āsravakṣaye, 272 Udānavarga āsravāḥ, 226, 292, 293 Udānavarga āha, 306 Gāndhārī āha, 306 Patna āhāre, 93 Patna āhāre, 93 Pāḷi āhu, 345, 346, 362 Patna āhu, 345, 346, 362 Pāḷi

āhu, 362 Gāndhārī āhu, 362 Mahāvastu & Other Texts āhu, 362 Udānavarga āhur, 345, 346 Udānavarga i, 222 Udānavarga i, 50, 208, 228, 367 Gāndhārī icchaṁ, 334 Pāḷi icchati, 162 Patna icchati, 162 Udānavarga icchati, 291 Pāḷi icchatī, 162 Pāḷi icchanti, 73 Patna icchanti, 73 Udānavarga icchann, 334 Udānavarga icchā, 74 Pāḷi icchādosā, 359 Pāḷi icchāmānābhivardhakāḥ, 74 Udānavarga icchāmāno, 74 Patna icchālobhasamāpannaḥ, 264 Udānavarga icchālobhasamāpanno, 264 Patna icchālobhasamāpanno, 264 Pāḷi icche, 84 Pāḷi icche, 84, 291 Patna icchet, 291 Udānavarga iccheyya, 73, 84, 88 Pāḷi ichadi, 162 Gāndhārī ichalohasamavarṇo, 264 Gāndhārī ichi, 84 Gāndhārī icho, 334 Gāndhārī iñjitaṁ, 255 Pāḷi itarā, 85, 104 Patna itarā, 85, 104 Pāḷi itarāḥ, 85, 104 Udānavarga itarī, 331 Mahāvastu & Other Texts itarītarena, 331 Pāḷi itaretareṇa, 331 Mahāvastu & Other Texts itaro, 222 Pāḷi iti, 62, 74, 186,261, 286 Pāḷi iti, 63, 74, 186 Udānavarga iti, 74, 186, 286 Patna ittha, 337 Patna ida, 19, 20, 44, 45, 46, 148, 172, 227, 371 idaṁ, 148, 286, 338 Patna idaṁ, 148, 326, 338 Udānavarga idaṁ, 40, 144, 148, 326, 338 Pāḷi idan, 371 Patna idan, i 371 Pāḷ idara, 222 Gāndhārī iddhiyā, 175 Patna

iddhiyā, 175 Pāḷi idriagoti, 375 Gāndhārī idrieṣu, 7, 8 Gāndhārī idha, 15, 16, 17, 18, 20, 286, 375 Pāḷi idha, 15, 16, 20, 286 Gāndhārī idheva, 247, 402 Pāḷi idheva, 402 Gāndhārī indakhīlūpamo, 95 Pāḷi indriyagutti, 375 Pāḷi indriyagottī, 375 Patna indriyeṣu, 8 Patna indriyesu, 7 Patna indriyesu, 7, 8 Pāḷi indriyair, 375 Udānavarga indriyaiś, 7, 8 Udānavarga ima, 369 Gāndhārī imaṁ, 40, 44, 45, 46, 172 Patna imaṁ, 40, 44, 45, 46, 369, 414 Pāḷi imaṁ, 40, 46, 172, 173, 344, 382 Udānavarga imāṁ, 369 Mahāvastu & Other Texts imāṁ, 369 Patna imāṁ, 44, 369, 414 Udānavarga imi, 296, 297, 298, 299, 300, 301 Gāndhārī ime, 296, 297, 298, 299, 300, 301 Udānavarg imettam, 196 Pāḷi iyaṁ, 356, 357, 358 Udānavarga iresi, 134 Patna iva, 143, 227, 401, 407 Pāḷi iva, 227, 401 Gāndhārī iva, 44, 45, 64, 65, 66, 134, 207, 227, 334, 335, 377, 401 Patna iva, 8, 29, 31, 33, 44, 45, 64, 65, 66, 71, 143, 155, 207, 222, 284, 304, 320, 334, 336, 380, 392 Udānavarga ivappacessati, 44, 45 Pāḷi ivāgatam, 220 Udānavarga ivānalaḥ, 71 Udānavarga ivābalam, 7 Udānavarga ivutama, 55 Gāndhārī ivo, 162 Patna iśśukī, 262 Patna iṣui, 262 Gāndhārī iṣukāra, 33 Udānavarga iṣukārā, 80, 145 Udānavarga iṣṭaṁ, 108 Mahāvastu & Other Texts iṣṭaṁ, 108 Udānavarga isippaveditaṁ, 281 Pāḷi istiye, 242 Patna issariyaṁ, 73 Pāḷi issukī, 262 Pāḷi iha, 15, 16, 20, 252, 375 Patna

iha, 15, 16, 244, 245, 286, 388 Udānavarga ihātmagaveṣiṇam, 355 Udānavarga ihātmano, 160 Udānavarga ihālpam, 259 Udānavarga ihaiva, 154, 402 Udānavarga ihocyate, 63 Mahāvastu & Other Texts ihotpatitaṁ, 222 Udānavarga īrayasi, 134 Udānavarga īva, 338 Patna ukkuṭikappadhānaṁ, 141 Pāḷi ukkuṭukapradhānaṁ, 141 Patna ukkhittapaligha ṁ, 398 Pāḷi uktaḥ, 388 Udānavarga ukṣitaphalia, 398 Gāndhārī ucayu, 118 Gāndhārī ucavaya, 83 Gāndhārī uccayo, 117, 118 Pāḷi ucchinda, 285 Pāḷi ucchindi, 285 Udānavarga ucchinna, 285 Patna ucyate, 260 Udānavarga uchina, 285 Gāndhārī ujuṁ, 33 Pāḷi ujukadeṣu, 108 Gāndhārī ujjuṁ, 33 Patna ujjugateṣu, 108 Mahāvastu & Other Texts ujjugatesu, 108 Patna ujjugatesu, 108 Pāḷi ujjujjanti, 91 Patna ujjhānasaññino, 253 Pāḷi ujjhitamhi, 58 Patna ujjhitasmiṁ, 58 Pāḷi uṭṭhāṇakālamhi, 280 Patna uṭṭhāṇavato, 24 Patna uṭṭhāṇenā, 25 Patna uṭṭhānakālamhi, 280 Pāḷi

uṭṭhānavato, 24 Pāḷi uṭṭhānenappamādena, 25 Pāḷi uṭṭhāya, 240 Patna uṭṭheyā, 168 Patna utamatha, 386, 403 Gāndhārī utamu, 103, 115 Gāndhārī utkṣiptaparikhaṁ, 398 Udānavarga utta, 234 Patna uttamaṁ, 115 Gāndhārī uttamaṁ, 115 Mahāvastu & Other Texts uttamaṁ, 115 Udānavarga uttamaṁ, 115, 189, 192 Patna uttamaṁ, 115, 189, 192 Pāḷi

uttamatthaṁ, 386, 403 Pāḷi uttamapūruṣam, 78 Udānavarga uttamaporiso, 97 Pāḷi uttamam, 189, 192 Mahāvastu & Other Texts uttamam, 189, 192 Udānavarga uttamātthaṁ, 386 Patna uttamāttham, 403 Patna uttamārtham, 403 Udānavarga uttamo, 56 Patna uttamo, 56 Pāḷi uttavā, 83 Patna uttiṭṭhe, 168 Pāḷi uttimaporuṣo, 97 Patna uttiṣṭhen, 168 Udānavarga utthānakāleṣu, 280 Udānavarga utthānavataḥ, 24 Udānavarga utthānenāpramādena, 25 Udānavarga utpatitāṁ, 320 Udānavarga utsukeṣu, 199 Udānavarga udakaṁ, 80, 145 Pāḷi udakavaya, 113, 374 Gāndhārī udakuṁbho, 121 Patna udakubho, 121, 122 Gāndhārī udakumbho, 121, 122 Pāḷi udakumbho, 122 Patna udakena, 80, 145 Udānavarga udabinunivadeṇa, 121, 122 Gāndhārī udabindu, 336 Pāḷi udabindunipātena, atna 121, 122 P udabindunipātena, 121, 122 Pāḷi udabindunipātena, 121, 122 Udānavarga udabindur, 336 Udānavarga udabindū, 336 Patna udayaṁ, 387 Patna udayabbayaṁ, 113, 374 Pāḷi udayavyayaṁ, 113, 374 Patna udayavyayam, 113 Mahāvastu & Other Texts udayavyayam, 113, 374 Udānavarga udiṭha, 168 Gāndhārī udira, 408 Gāndhārī udīraye, 408 Patna udīraye, 408 Pāḷi uddiśeyam, 353 Udānavarga uddiseyyaṁ, 353 Pāḷi uddhaṁsoto, 218 Pāḷi uddhatānāṁ, 292 Udānavarga uddharate, 327 Udānavarga uddharathattānaṁ, 327 Pāḷi uddharathāttānaṁ,327 Patna

udhvaradha, 327 Gāndhārī unaḍaṇa, 292 Gāndhārī unnaddhānāṁ, 292 Patna unnalānaṁ, 292 Pāḷi upakaṭṭati, 311 Patna upakarṣati, 311 Udānavarga upaccagā, 315, 412, 417 Pāḷi upaccagū, 315 Patna upaṭṭhitā, 235 Patna upaṭṭhitā, 235 Pāḷi upatyagāt, 315, 412, 414, 417 Udānavarga upadida, 222 Gāndhārī upanayhanti, 3, 4 Pāḷi upanahyanti, 3 Mahāvastu & Other Texts upanahyanti, 3 Patna upanahyanti, 3 Udānavarga upanītavayo, 237 Pāḷi upapajjati, 140 Pāḷi upapajjatha, 307 Patna upapajjare, 307 Pāḷi upapattiṁ, Udānavarga 419 upapattiñ, 419 Pāḷi upamaṁ, 129, 130 Patna upamaṁ, 129, 130 Pāḷi upamāṁ, 129, 130 Udānavarga upaya, 182 Gāndhārī upaśāṁmati, 100, 102 Patna upaśāntaḥ, 201 Mahāvastu & Other Texts upaśāntaḥ, 201 Udānavarga upaśāntasya, 96 Udānavarga upaśāntassa,96 Patna upaśānto, 201, 378 Patna upaśānto, 378 Udānavarga upaśāmyati, 100, 101 Mahāvastu & Other Text upaśāmyati, 100, 101, 102 Udānavarga upasaggaṁ, 139 Pāḷi upasantassa, 96 Pāḷi upasanto, 201, 378 Pāḷi upasamassa, 205 Pāḷi upasampadā, 183 Pāḷi upasammati, 100, 101, 102 Pāḷi upasargaṁ, 139 Udānavarga upaskṛtāḥ, 342, 343 Udānavarga upahato, 134 Patna upahato, 134 Pāḷi upuṇadi, 252 Gāndhārī upetaḥ, 144 Udānavarga upetadamasauratyaḥ, 10 Udānavarga upeti, 151, 306, 325 Pāḷi

upeti, 179, 306 Patna upeto, 10 Patna upeto, 10, 280 Pāḷi upenti, 342 Patna upenti, 342 Pāḷi upeṣyasi, 348 Udānavarga upeṣyetha, 238 Udānavarga upehisi, 238, 348 Pāḷi upehisi, 348 Patna upaiti, 151, 306, 325 Udānavarga upoko, 280 Patna uppatitaṁ, 222

Pāḷi uppalaṁ, 55 Patna uppalaṁ, i 55 Pāḷ uppādo, 182, 194 Patna uppādo, 182, 194 Pāḷi uppunāti, 252 Patna ubbhato, 34 Patna ubbhato, 34 Pāḷi ubbhijja, 340 Pāḷi ubbhidaṁ, 58 Patna ubhayattha, 15, 16 Patna ubhayattha, 15, 16, 17, 18 Pāḷi ubhayatra, 15, 16 Udānavarga ubho, 306 Patna ubho, 74, 256,269, 306, 412 Pāḷi ubhau, 306, 412 Udānavarga uyyuñjanti, 91 Pāḷi uyyogamukhe, 235 Patna uyyogamukhe, 235 Pāḷi uvakaḍhadi, 311 Gāndhārī uvaca, 315, 412 Gāndhārī uvaśadu, 201 Gāndhārī uvaśamadi, 100, 101, 102 Gāndhārī uvidu, 280 Gāndhārī uvedi, 151, 306, 19, 4 423 Gāndhārī uvedu, 10 Gāndhārī uvehiṣi, 348 Gāndhārī uvha, 306 Gāndhārī uśīrārthīva, 337 Udānavarga uṣīrātthī, 337 Patna uṣukāro, 33 Patna usabhaṁ, 422 Pāḷi usīrattho, 337 Pāḷi usueṣu, 199 Gāndhārī usukārā, 80, 145 Pāḷi usukāro, 33 Pāḷi ussukesu, 199 Patna ussukesu, 199 Pāḷi

uhu, 412 Gāndhārī

ūrdvasroto, 218 Udānavarga ṛjuṁ, 33 Udānavarga ṛjjugateṣu, 108 Udānavarga ṛṣabhaṁ, 422 Udānavarga ṛṣipraveditam, navarga 281 Udā eka, 37, 100, 101, 102, 103, 106, 107, 305 ekaṁ, 100, 101, 102, 176, 395 Pāḷi ekaṁ, 100, 102, 103 Patna ekaṁ, 102, 103 Udānavarga ekaḥ, 362 Udānavarga ekakhaṇo, 81 Gāndhārī ekaghano, 81 Patna ekaghano, 81 Pāḷi ekaghano, 81 Udānavarga ekacaraṁ, 37 Patna ekacaraṁ, 37 Pāḷi ekacaram, 37 Udānavarga ekacariyaṁ, 61 Pāḷi ekacariyām, 305 Patna ekacaryāṁ, 61 Mahāvastu & Other Texts ekacaryāṁ, 61 Udānavarga ekacaryām, 305 Udānavarga ekañ, 103, 106, 107 Pāḷi ekañ, 106, 107 Patna ekada, 228 Gāndhārī ekadhaṁmam, 176 Patna ekadharmam, 176 Udānavarga ekantaṁ, 228 Pāḷi ekapūjanā, 107 Mahāvastu & Other Texts ekam, 100 Udānavarga ekarajjena, 178 Pāḷi ekarājjena, 178 Patna ekaś, 329 Mahāvastu & Other Texts ekaś, 329, 330 Udānavarga ekaśayyām, 305 Udānavarga ekaśeyaṁ, 305 Patna ekasaṇa, 305 Gāndhārī ekasaya, 305 Gāndhārī ekaseyyaṁ, 305 Pāḷi ekasya, 330 Mahāvastu & Other Texts ekasya, 330 Udānavarga ekassa, 330 Patna ekassa, 330 Pāḷi ekā, 100, 101 Mahāvastu & Other Texts

ekā, 114, 115 Patna ekāntaṁ, 228 Patna ekāntaṁ, 228 Udānavarga ekāntaninditaḥ, 228 Udānavarga ekāntanindito, 228 Patna ekāsanaṁ, 305 Patna ekāsanaṁ, 305 Pāḷi ekāsanaṁ, 305 Udānavarga ekāhaṁ, 110, 111, 112, 113, 114, 115 Patna ekāhaṁ, 110, 111, 112, 113, 114, 115 Pāḷi ekāhaṁ, 110, 111, 112, 113, 114, 115 Udānav ekāhaṁ, 110, 112, 113, 114, 115 Gāndhārī ekāhaṁ, 110, 112, 113, 114, 115 Mahāvastu & eku, 305 Gāndhārī eke, 126 Patna eke, 249 Udānavarga ekepapajjanti, 126 Pāḷi eko, 305, 329, 330, 362 Patna eko, 305, 329, 330, 362 Pāḷi eko, 330, 362 Mahāvastu & Other Texts eko, 330, 362 Udānavarga ekosaduṣido, 362 Gāndhārī etaṁ, 22, 75, 183, 185, 192, 203, 227, 243, etaṁ, 22, 75, 183, 189, 192, 203, 227, 282, etac, 192 Mahāvastu & Other Texts

kiccā, 74 Pāḷi kiccākiccesu, 74 Pāḷi kicce, 293 Patna kicce, 293 Pāḷi kiccesu, 74 Patna kicchaṁ, 182 Patna kicchaṁ, 182 Pāḷi kicchā, 182 Patna kiccho, 182 Patna kiccho, 182 Pāḷi kicha, 182 Gāndhārī kiche, 182 Gāndhārī kijaṇa, 200 Gāndhārī kiji, 390 Gāndhārī kiñcanaṁ, 200, 421 Pāḷi kiñcanam, 200 Udānavarga kiñci, 108 Patna kiñci, 108, 312 Pāḷi kitavā, 252 Pāḷi kitva, 306, 314, 394 Gāndhārī kida, 314, 386 Gāndhārī kidakida, 50 Gāndhārī kidava, 252 Gāndhārī kin, 146 Patna kim, 146 Gāndhārī kim, 146 Patna kim,

146 Pāḷi kiyadi, 292 Gāndhārī kira, 159 Patna kira, 159 Pāḷi kirta, 109 Gāndhārī kiliṭha, 15 Gāndhārī kiliśea, 158 Gāndhārī kilisseyya, 158 Pāḷi kileśehi, 88 Patna kiśa, 395 Gāndhārī kisaṁ, 395 Pāḷi kismici, 74 Pāḷi kihne, 87 Patna kīrati, 292 Patna kuṁbhopamaṁ, 40 Patna kukida, 314 Gāndhārī kukṛtāc, 314 Udānavarga kujjheyya, 224 Pāḷi kuña, 327 Gāndhārī kuñjaraṁ, 322 Udānavarga kuñjaraḥ, 327 Udānavarga kuñjarā, 322 Patna kuñjarā, 322 Pāḷi

kuñjaro, 324, 327 Pāḷi kuñjaro, 327 Patna kuto, 212 Mahāvastu & Other Texts kuto, 62, 212, 213, 214, 215, 216 Pāḷi kuto, 62, 212, avarga 214, 215 Udān kudayiṇo, 166 Gāndhārī kudācanaṁ, 5, 210 Pāḷi kubbānaṁ, 217 Pāḷi kumudaṁ, 285 Patna kumudaṁ, 285 Pāḷi kumudu, 285 Gāndhārī kumbhūpamaṁ, 40 Pāḷi kumbhopamaṁ, 40 Udānavarga kummovamu, 40 Gāndhārī kuya, 53, 117, 118, 162 Gāndhārī kuradi, 217 Gāndhārī kurute, 48, 217 Patna kurute, 48, 217 Pāḷi kurute, 48, 217 Udānavarga kurudhvaṁ, 238 Udānavarga kuryāc, 117, 118, 159 Udānavarga kuryāj, 43 Udānavarga kuryāt, 117, 281, 329 Udānavarga kuryāt, 329 Mahāvastu & Other Texts kuryād, 330 Udānavarga kuryān, Udānavarga 53, 61 kuryus, 105 Udānavarga kurvaṁ, 136 Udānavarga kurvataḥ, 52, 116 Udānavarga kurvantaḥ, 66 Udānavarga kurvanti, 293 Udānavarga kurvīta, 117, 118, 211 Udānavarga kurvvato, 52 Patna kulaṁ, 193 Mahāvastu & Other Texts kulaṁ, 193 Patna kulaṁ, i 193 Pāḷ kulaṁ, 193 Udānavarga kulu, 193 Gāndhārī kuvadu, 52 Gāndhārī kuvia, 117 Gāndhārī kuvea, 224 Gāndhārī kuśala, 44, 45 Gāndhārī kuśalaṁ, 53 Patna kuśalaṁ, 53 Udānavarga kuśalaḥ, 44, 45 Udānavarga kuśalasyopasaṁpadaḥ, 183 Udānavarga kuśalasyopasaṁpadā, 183 Mahāvastu & Other T kuśalassa, 183 Patna kuśalena, 173 Udānavarga

kuśalo, 44, 45 Patna kuśāggreṇa, 70 Patna kuśāgreṇa, 70 Mahāvastu & Other Texts kuśāgreṇa, 70 Udānavarga kuśīdaṁ, 7 Patna kuśīdo, 112 Mahāvastu & Other Texts kuśo, 311 Patna kusaggena, 70 Pāḷi kusalaṁ, 53 Pāḷi kusalassa, 183 Pāḷi kusalena, 173 Pāḷi kusalo, 44, 45 Pāḷi kusidu, 7 Gāndhārī kusidhu, 112 Gāndhārī kusītaṁ, 7 Pāḷi kusīto, 112, 280 Pāḷi kusīdo, 112, 280 Patna kusīdo, 112, 280 Udānavarga kuso, 311 Pāḷi kuhiñci, 180 Pāḷi kṛtaṁ, 67, 68, 314 Udānavarga kṛtakṛtyam, 386 Udānavarga kṛtapuṇyaṁ, 220 Udānavarga kṛtapuṇyo, 16 Udānavarga kṛtavāṁ, 252 Patna kṛtākṛtam, 50 Udānavarga kṛte, 165 Udānavarga kṛtair, 121, 122 Udānavarga kṛtyaṁ, 292 Udānavarga kṛtyākṛtyeṣu, 74 Udānavarga kṛtye, navarga 293 Udā kṛtvā, 67, 68, 129, 130, 252, 314 Udānavarg kṛṣnāṁ, 87 Udānavarga keja, 108 Gāndhārī kena, 179, 180 Mahāvastu & Other Texts kena, 179, 180 Patna kena, 179, 180 Pāḷi kena, 179, 180 Udānavarga kenaci, 196 Pāḷi keṣu, 74 Udānavarga kesuci, 74 Patna ko, 146 Mahāvastu & Other Texts ko, 44, 146, 160 Udānavarga ko, 44, 160, 230 Patna ko, 44, 146, 160, 230 Pāḷi ko, 44, 146, 230 Gāndhārī koia, 403 Gāndhārī koci, 143, 179 Pāḷi kothu, 221 Gāndhārī

kodha, 223 Gāndhārī kodhaṁ, 221, 222, 223 Pāḷi kodhu, 222 Gāndhārī korvia, 118 Gāndhārī kovidaṁ, 403 Patna kovidaṁ, 403 Pāḷi kovidam, 403 Udānavarga kosajjaṁ, 241 Patna kosajjaṁ, 241 Pāḷi kraṇḍe, 371 Patna kradava, 223 Gāndhārī krāmati, 124 Udānavarga kriyate, 292 Udānavarga krujjheyā, 224 Patna krudhyed, 224 ga Udānavar

krodhaṁ, 221 Patna krodhaṁ, 221, 222 Udānavarga krodham, 223 Udānavarga kliśyate, 165 Udānavarga kliśyeta, 158 Udānavarga kliṣṭam, 15 Udānavarga kṣaṇātītā, 315 Udānavarga kṣaṇe, 239 Udānavarga kṣatrio, 387 Gāndhārī kṣatriyas, 387 Udānavarga kṣadibala, 399 Gāndhārī kṣano, 315 Udānavarga kṣaya, 383, 402 Gāndhārī kṣayaṁ, 383 Udānavarga kṣayam, 154, 402 Udānavarga kṣāntiḥ, 184 Udānavarga kṣāntivratabalopetaṁ, 399 Udānavarga kṣānto, 142 Udānavarga kṣāntyā, 5 Mahāvastu & Other Texts kṣāntyā, 5 Udānavarga kṣiṇasavu, 420 Gāndhārī kṣito, 34 Gāndhārī kṣipta, 34 Udānavarga kṣiptaṁ, 125 Udānavarga kṣipram, 137, 289 Udānavarga kṣiravayo, 284 Gāndhārī kṣīṇāsravā, 89 Udānavarga kṣīrapaka, 284 Udānavarga kṣīram, 71 Udānavarga kṣudhā, 203 Udānavarga kṣetrāṇi, 356, 357, 358, 359 Udānavarga kṣemaṁ, 189 Udānavarga kṣemam, 192 Udānavarga khaṇatha, 337 Patna

khaṇatha, 337 Pāḷi khaṇadida, 315 Gāndhārī khaṇātītā, 315 Patna khaṇātītā, 315 Pāḷi khaṇe, 239 Patna khaṇe, 239 Pāḷi khaṇo, 315 Gāndhārī khaṇo, 315 Patna khaṇo, 315 Pāḷi khattiye, 294 Patna khattiye, 294 Pāḷi khattiyo, 387 Patna khattiyo, 387 Pāḷi khanata, 337 Udānavarga khanati, 247 Pāḷi khantī, 184 Pāḷi khantībalaṁ, 399 Pāḷi khandhasamā, 202 Pāḷi khandhānaṁ, 374 Pāḷi khandhānām, 374 Patna khayaṁ, 383 Patna khayaṁ, 383 Pāḷi khayam, 154, 402 Pāḷi khalu, 313 Udānavarga khādati, 240 Patna khādati, 240 Pāḷi khādati, 240 Udānavarga khāntī, 184 Patna khittā, 304 Pāḷi khitto, 34, 125 Patna khitto, 34, 125 Pāḷi khippaṁ, 65, 236, 238 Pāḷi khippam, 137, 289 Pāḷi khipraṁ, 65 Patna khīṇamacche, 155 Pāḷi khīṇāsavaṁ, 420 Pāḷi khīṇāsavā, 89 Patna khīṇāsavā, 89 Pāḷi khīraṁ, 71 Pāḷi khīrapako, 284 Pāḷi khettāni, 356, 357, 358, 359 Pāḷi khettrāṇi, 356, 357, 358, 359 Patna khemaṁ, 189, 192 Pāḷi khemī, 258 Pāḷi khemmaṁ, 189, 192 Patna kho, 86 Patna kho, 86, 189, 192, 349, 350 Pāḷi ga-avamaṇ, 420 Gāndhārī gaü, 19 Gāndhārī

gaṁdho, 56 Patna gaṁbhīro, 82 Patna gacchaṁti, 226 Patna gacchati, 31, 47, 174, 246, 287, 323 Pāḷi gacchati, 31, 47, 287 Udānavarga gacchati, 31, 47, 287, 323 Patna gacchanti, 226, 293, 316, 317, 318, 319, 384 Pāḷi gacchanti, 226, 293, 316, 384 Udānavarga gacchanti, 316, 317, 318, 384 Patna gacche, 46, 224 Patna gacche, 46, 224 Pāḷi gacchet, 46 Udānavarga gaccheyya, 323 Pāḷi gacha, 224 Gāndhārī gachadi, 31, 316, 317, 323 Gāndhārī gaṇaü, 19 Gāndhārī gaṇayaṁ, 19 Patna gaṇayaṁ, 19 Pāḷi gataṁ, 220 Pāḷi gataḥ, 190 Mahāvastu & Other Texts gataḥ, 30, 190 Udānavarga gataddhino, 90 Pāḷi gataddhuno, 90 Patna gatam, 220 Udānavarga gatādhvano, 90 Udānavarga gatāni, 94 Patna gatāni, 94 Pāḷi gatāni, 94 Udānavarga gati, 92, 380 Pāḷi gatiṁ, 420 Pāḷi gatiṁ, 420 Udānavarga gatiś, 310 Udānavarga gatis, 92 Udānavarga gatī, 310 Pāḷi gatī, 310, 380 Patna gato, 17, 18, 30, 190, 351 Pāḷi gato, 190 Patna gatvā, 225 Udānavarga gada, 347 Gāndhārī gadi, 57, 420 Gāndhārī gadu, 30 Gāndhārī gadhaṇa, 101 Gāndhārī gadhapada, 101, 102 Gāndhārī gadhaśada, 102 Gāndhārī ganajadaṇa, 55 Gāndhārī gano, 54 Gāndhārī gantā, 225 Patna gantvā, 225 Pāḷi ganthā, 211 Pāḷi

gandhaḥ, 54 Udānavarga gandhajātānaṁ, 55 Pāḷi gandhajātānāṁ , 55 Patna gandhajātebhyaḥ, 55 Udānavarga gandhabbamānusā, 420 Pāḷi gandhabbā, 105 Patna gandhabbo, 105 Pāḷi gandharvā, 105 Udānavarga gandho, 54, 56 Patna gandho, 54, 56

Pāḷi gandho, 56 Udānavarga gabbham, 126, 325 Pāḷi gabbham, 126, 342 Patna gamanena, 178 Patna gamanena, 178 Pāḷi gami, 49 Gāndhārī gamiradisabhamu, 27 Gāndhārī gamiśśatha, 283 Patna gamu, 47 Gāndhārī gambhīrapaññaṁ, 403 Pāḷi gambhīrapraṁñaṁ, 403 Patna gambhīrabuddhiṁ, 403 Udānavarga gambhīro, 82 Pāḷi gammirapraña, 403 Gāndhārī gammiro, 82Gāndhārī gara, 30 Gāndhārī garahito, 30 Pāḷi garukaṁ, 138, 310 Pāḷi garukaṁ, 310 Patna garbham, 325 Udānavarga garhitaḥ, 30 Udānavarga gaveṣatha, 146 Mahāvastu & Other Texts gaveṣatha, 146 Patna gaveṣatha, 146 Udānavarga gavesatha, 146 Pāḷi gavesanto, 153Pāḷi gahakāraka, 154 Pāḷi gahakārakaṁ, 153 Pāḷi gahakūṭaṁ, 154 Pāḷi gahaṭṭhehi, 404 Pāḷi gahaṇa, 394 Gāndhārī gahanaṁ, 394 Pāḷi gahanaṁ, 394 Udānavarga gaho, 251 Pāḷi gāḥ, 19, 135 Udānavarga gāḍhaṁ, 349 Udānavarga gāthā, 101 Pāḷi gāthānām, 101 Other Mahāvastu Texts & gāthāpadaṁ, 101 Pāḷi

gāthāśataṁ, 102 Patna gāthāśataṁ, 102 Udānavarga gāthāsataṁ, 102 Pāḷi gāmaṁ, 47, 287 Pāḷi gāme, 49, 98 Pāḷi gāraṁ, 373 Patna gāvo, 19, 135 Patna gāvo, 19, 135 Pāḷi gira, 408 Gāndhārī giraṁ, 408 Pāḷi giraṁ, 408 Udānavarga girāṁ, 408 Patna gilaṁ, 371 Patna gili, 371 Gāndhārī gilī, 371 Pāḷi gileḥ, 371 Udānavarga gihī, 74 Pāḷi gu, 7, 8, 163, 366 Gāndhārī guttaṁ, 36, 315 Patna guttaṁ, 36, 315 Pāḷi gutto, 257 Pāḷi guptam, 315 Udānavarga guptiḥ, 375 Udānavarga gurukaṁ, 310 ga Udānavar guhāśayaṁ, 37 Patna guhāśayam, 37 Udānavarga guhāsayaṁ, 37 Pāḷi gṛhakāraka, 154 Udānavarga gṛhakārakaiṣamāṇas, 153 Udānavarga gṛhakūṭaṁ, 154 Udānavarga gṛhaṭṭhehi, 404 Patna gṛhasthebhir, 404 Udānavarga gṛhāḥ, 302 Udānavarga gṛhī, 74 Patna gṛhī, avarga 74 Udān gṛhmasu, 286 Patna gehaṁ, 154 Pāḷi gehaṁ, 154 Udānavarga gocaraṁ, 135 Patna gocaraṁ, 135 Pāḷi gocaraḥ, 92, 93 Udānavarga gocaram, 135 Udānavarga gocare, 22 Patna gocare, 22 Pāḷi gocaro, 92, 93 Patna gocaro, 92, 93 Pāḷi gotamasāvakā, 296, 297, 298, 299, 300, 301 gotamasāvakā, 299, 300, 301 Patna gottena, 393 Pāḷi

gotreṇa, 393 Gāndhārī gotreṇa, 393 Patna gotreṇa, 393 Udānavarga godamaṣavaka, 296, 297, 298, 299, 300, 301 gopayatātmānaṁ, 315 Udānavarga gopālo, 135 Patna gopālo, 135 Pāḷi gopālo, 135 Udānavarga gopetha, 315 Pāḷi gopaiva, 19 Udānavarga gopo, 19 Patna gopo, 19 Pāḷi goyari, 22 Gāndhārī govo, 19 Gāndhārī gautamaśrāvakāḥ, 296, 297, 298, 299, 300, 3 ggraṁthā, 211 Patna ggrāmaṁ, 47, 287 Patna ggrāme, 49, 98 Patna ggredhaniśśitā, 339 Patna gghaccaṁ, 250 Patna gradhadi, 278 Gāndhārī granthās, 211 Udānavarga grahaḥ, 251 Udānavarga grāmaṁ, 47, 287 Udānavarga grāmāṁ, 49 Udānavarga grāme, 98 Udānavarga grāmyāṁ, 335, 336 Udānavarga grīṣmam, 286 Udānavarga ghadhedi, 405 Gāndhārī ghara, 302 Gāndhārī gharā, 241 Patna gharā, 241, 302 Pāḷi

ghāṇena, 360 Pāḷi ghātaye, 129, 130 Patna ghātaye, 129, 130 Pāḷi ghātayet, 129, 130 Udānavarga ghāteti, 405 Pāḷi ghrāṇena, 360 Mahāvastu & Other Texts ca, 1, 2, 6, 8, 12, 20, 24, 25, 40, 50, 67, 68, 73, 74, 86, 92, 93, 96, 97, 102, 103, 106, 107, 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 135, 144, 163, 168, 169, 178, 188, 190, 208, 209, 210, 228, 229, 235, 242, 249, 250, 261, 267, 271, 273, 282, 283, 293, 294, 299, 300, 301, 308, 310, 314, 322, 330, 341, 345, 352, 363, 369, 372, 375, 377 Patna ca, 107, 108, 110, 112, 113, 114, 115, 169, Texts ca, 25,

106, 107, 108, 110, 112, 113, 114, 115, 118, 169, 267, 271, 273, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 309, 369, 372, 385, 399, 405, 407, ca, 3, 5, 6, 8, 10, 12, 20, 24, 25, 26, 40, 43, 44, 45, 50, 54, 56, 63, 68, 69, 73, 74, 77, 86, 92, 93, 96, 97, 103, 106, 107, 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 119, 120, 135, 138, 141, 144,

150, 151, 163, 168, 169, 172, 177, 185, 188, 190, 191, 205, 207, 208, 209, 210, 218, 219, 228, 235, 237, 242, 245, 246, 247, 248, 256, 259, 261, 265, 267, 268, 271, 273, 281, 282, 283, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 302, 310, 312, 314, 319, 322, 325, 330, 340, 341, 345, 350, 352, 363, 367, 369, 371, 372, 375, 377, 393, 398, 399, 405, 407, 410, 412, 418, 419, 421, 423 Pāḷi ca, 7, 8, 20, 25, 40, 44, 45, 61, 73, 77, 92, 93, 96, 97, 102, 107, 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 118, 138, 139, 150, 163, 168, 169, 185, 188, 190, 210, 221, 224, 227, 228, 249, 250, 262, 267, 271, 273, 282, 286, 294, 295, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 310, 322, 325, 329, 330, 345, 353, 361, 363, 369, 375, 377, 385, 389, 391, 393, 398, 399, 405, 407, 410, 412, 418, 419, 423 U dānavarga cako, 1 Gāndhārī cakkaṁ, 1 Pāḷi cakkhunā, 360 Pāḷi cakkhumā, 273 Patna cakkhumā, 273 Pāḷi cakraṁ, 1 Udānavarga cakram, 1 Patna cakṣuṣā, 360 Mahāvastu & Other Texts cakṣuṣmāṁ, 273 Udānavarga cakhuma, 273 Gāndhārī cakhkṣuma, 279 Gāndhārī caje, 290 Patna caje, 290 Pāḷi caṭṭhaṅgikaṁ, 191 Pāḷi cata, 13 Gāndhārī catutthaṁ, 309 Patna catutthaṁ, 309 Pāḷi catubbhāgam, 108 Patna catubhāgam, 108 Pāḷi caturo, 273 Patna caturo, 273 Pāḷi caturtham, 309 Udānavarga caturbhāga, 108 Gāndhārī caturbhāga, 108 Patna caturbhāga, 108 Pāḷi caturbhāga, 108 Udānavarga caturbhāgam, 108 Mahāvastu & Other Texts caturbhāgam, 108 Udānavarga cattāri, 190, 309 Patna cattāri, 190, 309 Pāḷi cattāro, 109 Pāḷi catvari, 109, 309 Gāndhārī catvāri, 190 Mahāvastu & Other Texts catvāri, 190, 309 Udānavarga catvāry, 273 Udānavarga cadubhaku, 108 Gāndhārī caddhagū, 302 Pāḷi cadrimu, 208, 387 Gāndhārī cana, 5 Udānavarga

canaṇa, 54 Gāndhārī candaṁ, 413 Pāḷi candanaṁ, 54, 55 Patna candanaṁ, 54, 55 Pāḷi candanāc, 55 Udānavarga candanād,arga 54 Udānav candimā, 172, 173, 208, 382, 387 Pāḷi candramā, 172, 208, 387 Patna candramāḥ, 172, 173, 382, 387 Udānavarga candro, 413 Udānavarga capalaṁ, 33 Patna capalaṁ, 33 Pāḷi capalaṁ, 33 Udānavarga cayi, 290 Gāndhārī cara, 49 Gāndhārī caraṁś, 61 Mahāvastu ther Texts & O caraṁś, 61 Udānavarga carañ, 61 Pāḷi carati, 267 Pāḷi carati, 294 Patna caratha, 243 Patna caradi, 267 Gāndhārī caranti, 66 Patna caranti, 66 Pāḷi caranti, 66 Udānavarga caram, 305 Pāḷi carāṇo, 144 Patna cari, 168, 169 Gāndhārī caritaṁ,vastu 330& Other Mahā Texts caritaṁ, 330 Patna caritaṁ, 330 Pāḷi caritaṁ, 330 Udānavarga care, 49, 168, 169, 231, 232, 233, 329, 330 care, 49, 168, 169, 231, 232, 233, 365 Patna carea, 142 Gāndhārī caret, 107, 169 Mahāvastu & Other Texts caret, 49, 168,169, 231, 232, 233 Udānavarga careta, 142, 144, 328 Udānavarga careta, 328 Mahāvastu & Other Texts caretha, 142 Mahāvastu & Other Texts cared, 330 Mahāvastu & Other Texts cared, 330 Udānavarga caren, 329 Mahāvastu & Other Texts caren, 329, 330 Udānavarga careyā, 142, 328 Patna careyya, 142, 328 Pāḷi cavadhivadida, 320 Gāndhārī cavala, 33 Gāndhārī cā, 11 Patna

cākṛtajñaś, 97 Udānavarga cātmabhiḥ, 66 Udānavarga cātmānaṁ, 103, 209 Udānavarga cātra, 99 Udānavarga cādhimuktānām, 226 Udānavarga cānimittaṁ,

Udānavarga 92, 93 cānupādāya, 414 Udānavarga cānupādāyam, 89 Udānavarga cānusmaraṁ, 364 Udānavarga cāpātikīrṇā, 156 Udānavarga cāpātikhittā, 156 Pāḷi cāpātipatite, 320 Patna cāpāto, 320 Pāḷi cāpād, 320 Udānavarga cāpādhikinno, 156 Patna cāpi, 142 Mahāvastu er Texts & Oth cāpi, 55, 63, 142, 172, 306 Patna cāpi, 8, 55, 142, 421 Udānavarga cāpy, 7, 12, 228, 394, 412 Udānavarga cāprājño, 140 Udānavarga cābhayadaṁśino, 317 Patna cābhayadassino, 317 Pāḷi cābhinandanti, 219 Udānavarga cābhirametāryo, 88 Udānavarga cābhu, 228 Patna cāyaṁ, 104 Pāḷi cāyujya, 209 Udānavarga cāratiṁ, 418 Udānavarga cārikaṁ, 326 Pāḷi cārikāṁ, 326 Udānavarga cāreta, 142 Mahāvastu & Other Texts cāryasatyāni, 190 Udānavarga cāvajjadassino, 318 Pāḷi cāvajjasaṁñino, 318 Patna cāśā, 410 Udānavarga cā ṣṭāṅgikaṁ, 191 Mahāvastu & Other Texts cāṣṭāṅgikaṁ, 191 Udānavarga cāsabhyāc, 77 Udānavarga cāsāradassino, 11 Pāḷi cāsārasaṁjñinaḥ, 11 Udānavarga cāsmi, 353 Udānavarga cāsya, 72, 124 Udānavarga cāha, 306 Pāḷi cāhaṁ, 396 Pāḷi cāhu, 228 Pāḷi ci, 180 Patna ci, 363, 409 Gāndhārī cic, 312 Udānavarga cit, 74, 133 Udānavarga

cita, 14, 33, 371 Gāndhārī cittaṁ, 13, 14, 33, 34, 35, 36, 37, 42, 43, cittaṁ, 13, 14, 33, 34, 35, 36, 37, 88, 89, cittaṁ, 13, 14, 33, 34, 35, 42, 43, 89, 116 cittakataṁ, 147 Pāḷi cittakkhepaṁ, 138 Pāḷi cittaklesehi, 88 Pāḷi cittakṣepam, 138 Udānavarga cittam, 40, 326 Pāḷi cittam, 40, 326, 371 Udānavarga cittam, 40, 327 Patna cittasya, 35 Udānavarga cittassa, 35 Pāḷi cittassa, 35, 374 Patna citte, 154 Udānavarga citraṁ, 171 Udānavarga citrakṛtaṁ, 147 Udānavarga cid, 108, 179, 390, 408, 409 Udānavarga ciraṁ, 248 Pāḷi ciraṁ, 342 Patna cirappavāsiṁ, 219 Pāḷi cirapravāsinaṁ, 219 Udānavarga cirarātram, 342 Udānavarga cirāya, 342 Pāḷi cutiṁ,ḷi 419 Pā cuttaribhāvaye, 370 Pāḷi cudi, 419 Gāndhārī cūbhayaṁ, 404 Patna cūbhayaṁ, 404 Pāḷi ce, 1, 2, 19, 20, 61, 64, 65, 100, 101, 102, 106, 107, 117, 118, 124, 142, 157, 159, 229, 267, 290, 308, 313, 329, 366 Pāḷi ce, 19, 20, 64, 65, 100, 117, 118, 124, 157, 158, 290, 329, 366 Patna cet, 20, 117, 118, 136, 157, 382 Udānavarga cetaṁ, 250 Patna cetaṁ, 250, 263, 336 Pāḷi cetarahi, 228 Patna cetarahi, 228 Pāḷi cetasā, 79 Pāḷi cetasā, 79 Udānavarga cetasā, 79, 234 Patna cetāṁ, 336 Patna ced, 64, 396 Udānavarga cedaso, 79 Gāndhārī cen, 61 Mahāvastu & Other Texts cenaṁ, 118 Patna ceyam, 104 Udānavarga cel, 328, 329 Mahāvastu & Other Texts cel, 328, 329 Udānavarga cesā, 335 Patna

caikaṁ, 103, 107 Mahāvastu & Other Texts caikam, 305 Udānavarga caityavṛkṣāṁś, u & Other 188 TextsMahāvast cainaṁ, 118 Udānavarga caiva, 46, 73, 92, 93, 332, 411 Udānavarga caivākuśalaṁ, 281 Udānavarga cotpādaḥ, 194 Udānavarga codayattānaṁ, 379 Pāḷi codayā, 379 Patna copacitā, 302 Udānavarga copaśamasya, 205 Udānavarga ccare, 329, 330 Patna cchandraṁ, 117, 118 Udānavarga cchāyā, 2 Patna cchāyā, 2 Udānavarga cchijjati, 284 Patna cchitvā, 346 Udānavarga cchīravako, 284 Patna cchrāmaṇyārthasya, 19 Udānavarga cyutiṁ, 419 Udānavarga cha, 106, 107 Patna chattiṁsatī, 339 Pāḷi chattrīśatiṁ, 339 Patna chadedi, 252 Gāndhārī chana, 117, 118 Gāndhārī chandaṁ, 117, 118 Patna chandaṁ, 117, 118 Pāḷi chandajāto, 218 Pāḷi chandajāto, 218 Udānavarga chaya, 2 Gāndhārī charaṇaṁ, 192 Mahāvastu & Other Texts charaṇam, 189, 192 Mahāvastu & Other Texts charaṇam, Udānavarga 189, 192 chādayaty, 252 Udānavarga chādeti, 252 Patna chādeti, 252 Pāḷi chāyā, 2 Pāḷi

chāsītānyaṁ, 159 Udānavarga chijjati, 284 Pāḷi chitilaṁ, 312 Udānavarga chittvā, 369 Gāndhārī chittvā, 369 Mahāvastu & Other Texts chittvā, 369 Patna chittvā, 369 Pāḷi chittvā, 369 Udānavarga chitvaṇa, 346, 347 Gāndhārī chitvā, 283, 398 Udānavarga chitveha, 46 Udānavarga chidyate, 284 Udānavarga

china, 370, 383 Gāndhārī chinda, 383 Pāḷi chindata, 283 Udānavarga chindatha, 283 Patna chindatha, 283, 340 Pāḷi chindi, 383 Udānavarga chinde, 370 Pāḷi chinna, 383 Patna chinno, 338 Patna chinno, 338 Pāḷi chinno, 338 Udānavarga chīraṁ, 71 Patna chīleṣu, 10 Udānavarga chuddho, 41 Pāḷi chudhā, 203 Patna chūḍo, 41 Patna chettā, 283 Patna chettāna, 46, 346 Patna chetva, 369, 398 Gāndhārī chetvaṇa, 46 Gāndhārī chetvā, 283, 369, 397, 398 Pāḷi chetvāna, 46, 346, 347 Pāḷi chramaṇo, 264 Udānavarga chrutvā, 100, 102 Udānavarga chreyaḥ, 314 Udānavarga ja, 102, 103, 107, 112, 115, 117 Gāndhārī jai , 371 Gāndhārī jaea, 58 Gāndhārī jaṁtuno, Patna 176 jaṁmiṁ, 336 Patna jaṁmī, 335 Patna jagatippadeso, 127, 128 Pāḷi jaccā, 393 Pāḷi jaññā, 157, 352 Pāḷi jaṭā, 141 Mahāvastu & Other Texts jaṭā, 141 Patna jaṭā, 141 Pāḷi jaṭā, 141 Udānavarga jaṭābhir, 393, 394 Udānavarga jaṭāhi, 393 Patna jaṭāhi, 393, 394 Pāḷi jaḍa, 393, 394 Gāndhārī jaṇa, 26, 28, 222, 372 Gāndhārī jaṇada, 384 Gāndhārī jaṇadi, 420 Gāndhārī jaṇo, 217 Gāndhārī jadikṣaya, 423 Gāndhārī jadijara, 348 Gāndhārī jadu, 107, 395 Gāndhārī

jaduṇa, 244, 245 Gāndhārī jadeṇa, 53 Gāndhārī janaḥ, Udānavarga 99, 217 janā, 26, 85, 86 Pāḷi janā, 26, 85, 86, 249 Patna janāḥ, 26, 85, 86, 249 Udānavarga jano, 99, 217 Patna jano, 99, 217, 222, 249 Pāḷi jantu, 107 Pāḷi jantuṁ, 395 Pāḷi jantunaḥ, 176, 341 Udānavarga jantunas, 349 Udānavarga jantuno, 105, 176, 341, 349 Pāḷi jantuno, 105, 341 Patna jantū, 107 Patna jabodaṇaseva, 230 Gāndhārī jambonadasseva, 230 Pāḷi jammiṁ, 336 Pāḷi jammī, 335 Pāḷi jaya, 201 Gāndhārī jayaṁ, 201 Patna jayaṁ, 201 Pāḷi jayadi, 193, 344 Gāndhārī jayadu, 27 Gāndhārī jayaparayaa, 201 Gāndhārī jayaparājayaṁ, 201 Patna jayaparājayaṁ, 201 Pāḷi jayaparājayam, 201 Mahāvastu & Other Texts jayaparājayau, 201 Udānavarga jayād, 201 Udānavarga jayāmatha, 6 Patna jaye, 103 Gāndhārī jaye, 103 Mahāvastu & Other Texts jaye, 103 Patna jaye, 103 Pāḷi jaye, 103 Udānavarga jayet, 103, 223 Udānavarga jayed, 103 Udānavarga jayo, 201 Mahāvastu & Other Texts jara, 25, 151 Gāndhārī jaraṁ, 151 Pāḷi jarā, 135, 150, 333 Pāḷi jarā, 135, 333 Patna jarā, 333 Udānavarga jarām, 151 Udānavarga jarāmṛtyuḥ, 135 Udānavarga jala, 347 Gāndhārī jallaṁ, 141 Pāḷi jahaṁti, 91 Patna

jahanti, 91 Pāḷi jahante, 91 Udānavarga jahi, 221, 370 Gāndhārī jahe, 221, 353 Patna jahe, 221, 353, 370 Pāḷi jahe, 353 Gāndhārī jahe, 353 Mahāvastu & Other Texts jahe, 353 Udānavarga jahed, 221 a Udānavarg jāṁbūnadasseva, 230 Patna jāgarato, 39 Patna jāgarato, 39, 60 Pāḷi jāgarato, 60 Udānavarga jāgaramānānaṁ, 226 Pāḷi jāgarikām, 226 Patna jāgarikāsu, 7, 8 Udānavarga jāgaryam, 226 Udānavarga jāccā, 393 Patna jātaṁ, 340 Pāḷi jātamhi, 331 Pāḷi jāti, 153 Pāḷi jātiḥ, 153 Udānavarga jātikkhayaṁ, 423 Pāḷi jātikṣayaṁ, 423 Udānavarga jātijaraṁ, 238, 348 Pāḷi jātijarām, 238, 348 Udānavarga jātijarām, 348 Patna jātijarūpagā, 341 Pāḷi jātijaropagā, 341 Patna jātijaropagā, 341 Udānavarga jātisaṁsāraṁ, 153 Udānavarga jātu, 210 Udānavarga jātena, 53 Patna jātena, 53 Pāḷi jātena, 53 Udānavarga jāteṣu, 331 Mahāvastu & Other Texts jātesu, 331

Mahāvastu & Other Texts jātyā, 393 Udānavarga jātyo, 193 Udānavarga jānato, 384 Patna jānato, 384 Pāḷi jānanti, 420 Pāḷi jānanti, 420 Udānavarga jānāhi, 248 Pāḷi jāniṁ, 138 Pāḷi jānīyād, 63 Udānavarga jāned, 76 Udānavarga jānyam, 322 Udānavarga jāmbunadasyaiva, 230 Udānavarga

jāyati, 72, 193 Pāḷi jāyati, 72, 193, 338 Patna jāyatī, 193, 212, 213, 214, 215, 216, 282, jāyate, 193, 212 Mahāvastu & Other Texts jāyate, 193, 212, 214, 215, 283, 338 Udānav jāyate, 212, 283 Patna jāyeta, 58 Udānavarga jāyetha, 58 Pāḷi jālaṁ, 251 Udānavarga jālaṁ, 251, 347 Pāḷi jālamuktaiva, 174 Udānavarga jālamutto, 174 Pāḷi jālinī, 180 her Mahāvastu Texts & Ot jālinī, 180 Patna jālinī, 180 Pāḷi jālinī, 180 Udānavarga ji, 12, 44, 45, 103, 106, 107, 113, 163, 22 jighacchāparamā, 203 Pāḷi jiṇa, 223 Gāndhārī jiṇi, 103 Gāndhārī jiṇṇakoñcā, 155 Pāḷi jitaṁ, 104, 105, 179 Pāḷi jitaṁ, 179 Gāndhārī jitaṁ, 179 Mahāvastu & Other Texts jitaṁ, 40, 105, 179 Patna jitaṁ, 40, 179 Udānavarga jitaḥ, 104 Udānavarga jitañ, 40 Pāḷi jitasyāpajitaṁ, 105 Udānavarga jināti, 179 Mahāvastu & Other Texts jināti, 354 Pāḷi jināti, 354 Udānavarga jine, 103 Patna jine, 103, 223 Pāḷi jinnakroṁcā, 155 Patna jiyadi, 151 Gāndhārī jivamu, 197, 199, 200 Gāndhārī jivi, 112, 113, 115 Gāndhārī jivida, 112, 113, 115, 182 Gāndhārī jivhā, 65 Patna jivhā, 65 Pāḷi jivhāya, 360 Mahāvastu & Other Texts jivhāya, 360 Pāḷi jihvā, 65 Udānavarga jīrati, 152 Pāḷi jīranti, 151 Pāḷi jīrṇakrauñcaiva, 155 Udānavarga jīryanti, 151 Udānavarga jīvaṁ, 64 Patna

jīvati, 179 Mahāvastu & Other Texts jīvate, 244 Udānavarga jīvāma, 197, 198, 199, 200 Pāḷi jīvāmo, 197, 198, 199, 200 Udānavarga jīvām o, 197, 199, 200 Patna jīvitaṁ, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 130 jīvitaṁ, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 130, jīvitaṁ, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 130, jīvitaṁ, 110, 112, 113, 114, 115 Gāndhārī jīvitaṁ, 110, 112, 113, 114, 115 Mahāvastu jīvitakāmo, 123 Udānavarga jīvitam, 148 Udānavarga jīvitasaṁkṣayeṣu, 331 Mahāvastu & Other Tex jīvitasaṁkhayamhi, 331 Mahāvastu & Other Te jīvitasaṅkhayamhi, 331 Pāḷi jīvitukāmo, 123 Patna jīvitukāmo, 123 Pāḷi jīvitendriyāḥ, 175 Udānavarga jīve, 107, 110, 112, 113, 114, 115 Mahāvast jīvet, 112 Udānavarga jīved, 110, 111, 113, 114, 115 Udānavarga jutimanto, 89 Pāḷi jutīmanto, 89 Patna jetvā, 175 Pāḷi jethāpathaṁ, 282 Patna jeyya, 103 Pāḷi jjīrati, 152 Patna jhānaṁ, 372 Pāḷi jhānañ, 372 Patna jhānañ, 372 Pāḷi jhānapasutā, 181 Pāḷi jhānaprasutā, 181 Patna jhānam, 372 Patna jhāya, 155 Patna jhāya, 371 Pāḷi jhāyaṁti, 155 Patna jhāyato, 110, 111 Patna jhāyantaṁ, 395 Pāḷi jhāyanti, 155 Pāḷi jhāyanto, 27 Pāḷi jhāyiṁ, 386 Pāḷi jhāyiṁ, 386, 387 Patna jhāyino, 23, 110, 111, 276 Pāḷi jhāyino, 23, 276 Patna jhāyī, 387, 414 Pāḷi jhīnamacche, 155 Patna jñātayaḥ, 219 Udānavarga jñātā, 411 Udānavarga jñātim, 220 Udānavarga

jñātis, 43 Udānavarga jñātīnām, arga 207 Udānav jñāto, 72 Udānavarga jñātvā, 12, 22, 75, 166, 203, 205, 282, 383 jñānasya, 280 Udānavarga

ñattaṁ, 72 Pāḷi ñatva, 12, 22, 166, 203, 383 Gāndhārī ñatvā, 12, 22, 203, 282, 289, 319, 383 Pāḷi ñadihi, 207, 288 Gāndhārī ñātakā, 43 Pāḷi ñātimittā, 219 Pāḷi ñātisu, 284 Patna ñātisu, 288 Pāḷi ñātī, 204 Patna ñātī, 204 Pāḷi ñātīnaṁ, 139, 207 Pāḷi ñātīnaṁ, 207 Patna ñātīnāṁ, 139 Udānavarga ñātīva, 220 Pāḷi ñātīsu, 288 Patna ñāttaṁ, 72 Patna ñāttā,

166, 203, 282, 383 Patna ñāyyā, 157, 158 Patna ño, 274 Patna ññāttā, 12 Patna ññāyyā, 352 Patna ṭṭhāṇaṁ, 225 Patna ṭṭhāṇesu, 391 Patna ṭṭhāṇehi, 224 Patna ṭṭhānāni, 309 Patna ṭṭhe, 28 Patna ṭhapetvā, 40 Pāḷi ṭhānaṁ, 137, 225 Pāḷi ṭhānāni, 309 Pāḷi ṭhānehi, 224, 391 Pāḷi ṭhiti, 147 Pāḷi

ḍayhamāno, 371 Pāḷi ḍahaṁ, 31 Pāḷi ḍahati, 140 Pāḷi ḍahantaṁ, 71 Pāḷi ḍahu, 31 Gāndhārī

ṇa, 1, 2, 117, 118, 162, 230, 389 Gāndhārī

ṇadaka, 422 Gāndhārī ta, 7, 8, 108, 121, 122, 163, 193, 217, 221 taṁ, 1, 2, 7, 8, 43, 108, 151, 161, 179, 18 Udānavarga taṁ, 108, 179, 180, 193 Mahāvastu & Other T taṁ, , 4, 7,3 8, 43, 67, 98, 108, 117, 121, 122, 133, 163, 193, 208, 217, 221, 230, 235, 248, 287, 312, 337, 344, 345, 366, 374, 392 Pāḷ taṁ, 7, 8, 67, 68, 98, 108, 121, 122, 133, 337, 344, 345, 366 Patna takara, 54 Gāndhārī takaru, 19 Gāndhārī takkaro, 19 Patna takkaro, 19 Pāḷi takṣakā, 80, 145 Udānavarga tagaraṁ, 54, 55 Patna tagaraṁ, 55 Pāḷi tagarac, 54 Udānavarga tagaracandanāt, 56 Udānavarga tagaracandanī, 56 Pāḷi tagaracandane, 56 Patna tagaramallikā, ḷi 54 Pā tagarāc, 55 Udānavarga tacchakā, 80, 145 Pāḷi taṅ, 68, 340 Pāḷi taṇi, 149 Gāndhārī taṇhaṁ, 336, 416 Pāḷi taṇhakkhayarato, 187 Pāḷi taṇhakkhaye, 353 Pāḷi taṇhakkhayo, 354 Pāḷi taṇhā, 180, 334, 335, 349 Pāḷi taṇhānaṁ, 154 Pāḷi taṇhānusaye, 338 Pāḷi taṇhābhavaparikkhīṇaṁ, 416 Pāḷi taṇhāya, 216, 337 Pāḷi taṇhāsamā, 251 Pāḷi tat, 67, 68, 193, 326 Udānavarga tata, 308 Gāndhārī tataḥ, 376 Udānavarga tatas, 1, 2 Udānavarga tatā, 162 Patna tatīyaṁ, 309 Pāḷi tato, 1, 2, 6, 240, 243, 322, 332, 369, 376 Patna tato, 1, 2, 6, 42, 43, 243, 322, 369, 376, 389, tato, 158, 322, 369 Udānavarga tato, 369 Gāndhārī tato, 369 Mahāvastu & Other Texts tatkaro, 19 Udānavarga tattā, 308 Patna tatto, 308 Pāḷi

tattha, 6, 58, 249, 303 Pāḷi tattha, 6, 63, 249, 284, 303 Patna tattharūpassa, 105 Patna tatthābhiratim, 88 Patna tatthāyam, 375 Patna tattheva, 303 Patna tattheva, 303 Pāḷi tatra, 58, 375 Gāndhārī tatra, 58, 88, 117, 118, 249, 284, 303, 374 tatra, 63 Mahāvastu & Other Texts tatrābhiratim, 88 Pāḷi tatrāyam, 375 Pāḷi tatraiva, 303 Udānavarga tathattānaṁ, 162, 282 Pāḷi tathā, 159 Patna tathā, 159 Pāḷi tathā, 44, 45, 49, 74, 83, 144, 159, 220, 2 tathāgatā, 254, 276 Pāḷi tathāgatā, 276 Patna tathāgatāḥ, 254, 276 Udānavarga tathāṭmānaṁ, 162 Udānavarga tathāttānaṁ, 162 Patna tathāparaḥ, 43 Udānavarga tathārūpassa, 105 Pāḷi tatheva, 220 Pāḷi tathaiva, 20 Udānavarga tathobhayam, 404 Udānavarga tada, 277, 278, 279, 322, 389 Gāndhārī tadañi, 158 Gāndhārī tadi, 76 Gāndhārī tadiśa, 76, 208 Gāndhārī taduṭṭhāya, 240 Pāḷi tadutthāya, 240 Udānavarga tado, 1, 2, 369 Gāndhārī tadha, 162, 375 Gāndhārī tanukettha, 174 Pāḷi tanuko, 174 Udānavarga tapaḥ, 194, 312 Udānavarga tapati, 314, 387 Patna tapati, 314, 387 Pāḷi tapati, 314, 387 Udānavarga tapas, 184 Udānavarga tapo, 184, 194 Patna tapo, 184, 194 Pāḷi taptā, 308 Udānavarga tappati, 17, 136 Pāḷi tapyate, 136 Udānavarga tam, 125, 179, 180, 222, 240, 362, 385, 386, 391, 395, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421,

422, 423 Pāḷi tam, 125, 240, 362, 385, 386, 391, 401, 403, 404, 408 Patna tam, 222, 362, 385, 386, 391, 395, 396, 398, 399, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 412, 413, 415, 419, 420, 421,242 Gāndhārī tam, 25, 125, 133, 240, 362, 385, 386, 391, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423 Udānavarga tam, 362 Mahāvastu & Other Texts tamhā, 336 Pāḷi tamhi, 117, 118 Patna tamhi, 117, 118 Pāḷi tayo, 281 Pāḷi taruva, 345 Gāndhārī tarhi, 86 Udānavarga tava, 146 Gāndhārī tavada, 259, 260, 266 Gāndhārī tavadi, 314, 387 Gāndhārī tasa, 109, 117, 260, 363, 388 Gāndhārī tasanti, 129, 130 Pāḷi tasiṇaṁ, 343 Pāḷi tasiṇāya, 342, 343 Pāḷi tasesu, 405 Pāḷi tasmā, 208, 211, 302, 310, 343, 356, 357, 3 tasmāt, 211, 380 Udānavarga tasmād, 356, 357, 358, 359 Udānavarga tasmai, 94 Udānavarga tasya, 107, 260, 335, 336, 363 Udānavarga tasyāyam, 375 Udānavarga tassa, 93, 94, 96, 152, 253, 260, 335, 363 tassa, 94, 96, 152, 335, 336, 363 Patna tassā, 208, 211, 356, 357, 358, 359, 380 Pa tahnakkhayarato, 187 Patna tahnā, 180, 334, 335 Patna tahnāṁ, 336, 337 Patna tahnānuśaye, 338 Patna tahnāya, 342, a 343 Patn tāṇatā, 288 Pāḷi tāṇāya, 288 Pāḷi tāttānaṁ, 106 Patna tādi, 95 Pāḷi tādino, 94, 95, 96 Pāḷi tādisaṁ, 76, 208 Pāḷi tādise, 196 Pāḷi tādṛśaṁ, 76 Udānavarga tāni, 149 Mahāvastu & Other Texts tāni, 149 Pāḷi tāni, 149 Udānavarga tāni, 3, 4 Patna tāya, na 408 Pat

tāyinaḥ, 90 Udānavarga tāyino, 94, 96 Patna tārisaṁ, 76, 208 Patna tālamastakavad, 250 Udānavarga tāva, 284 Pāḷi tāvatā, 259, 260, 266 Udānavarga tāvatā, 259, 266 Patna tāvatā, 259, 266 Pāḷi tāvatā, 266 Gāndhārī tāvatā, 266 Mahāvastu & Other Texts ti, 140, Gāndhārī ti, 17, 18, 63, 218, 257, 258, 260, 263, 265, 267, 270, 277, 278, 279, 306, 352, 367, 370, 371, 378, 388 Pāḷi ti, 63, 148, 263, 265, 279, 306, 352, 371, 378 Patna tiṭṭhati, 340 Pāḷi tiṭṭhasi, 235 Pāḷi tiṇadosāni, 356, 357, 358, 359 Pāḷi tiṇṇam, 157 Pāḷi tiṇṇasokapariddave, 195 Pāḷi tiṇṇo, 414 Pāḷi titikkhati, 321 Patna titikkhati, 321, 399 Pāḷi titikkhā, 184 Patna titikkhā, 184 Pāḷi titikkhāmi, 320 Patna titikkhissaṁ, 320 Pāḷi titīkṣati, 321 Udānavarga titīkṣate, 399 Udānavarga titīkṣā, navarga 184 Udā titīkṣāmi, 320 Udānavarga titti, 186 Pāḷi tidikṣadi, 399 Gāndhārī tidikṣami, 320 Gāndhārī tibbarāgassa, 349 Pāḷi tivākyaṁ, 321 Udānavarga tivāde, 321 Patna tiṣṭhasi, 235 Patna tīram, 85 Patna tīram, 85 Pāḷi tīram, 85 Udānavarga tīrṇaḥ, 414 ga Udānavar tīvrarāgasya, 349 Udānavarga tīhi, 224, 391 Pāḷi tu, 10, 12, 26, 46, 50, 54, 56, 58, 63, 68, 69, 77, 89, 99, 119, 120, 136, 151, 172, 177, 190, 203, 207, 222, 229, 252, 254, 255, 265, 267, 272, 283, 293, 308, 314, 330, 346, 350, 388, 409, 412 Udānavarga tu, 5, 10, 26, 54, 56, 63, 119, 120, 177, 190, 207, 240, 245, 259, 265, 344 Patna tu, 6, 63, 190, 330 Mahāvastu & Other Texts tuchu, 41 Gāndhārī

tuṭṭhī, 331 Pāḷi tuṇhim, 227 Pāḷi tubbhe, 275 Patna tubbhehi, 276 Patna tumhe, 274, 275 Pāḷi tumhehi, 276 Pāḷi tulaṁ, 268 Pāḷi tuṣṭaṁ, 404 Udānavarga tuṣṭiḥ, 331 Mahāvastu & Other Texts tuṣṇim, 227 Udānavarga tūttamapūruṣaḥ, 97 Udānavarga tūtpunāti, 252 Udānavarga tṛṇadoṣāṇi, 356, 357, 358, 359 Udānavarga tṛtīyaṁ, 309 Udānavarga tṛptiḥ, 186 Mahāvastu & Other Texts tṛptiḥ, 186 Udānavarga tṛbhiḥ, 391 Udānavarga tṛṣṇakṣayā, 353 Mahāvastu & Other Texts tṛṣṇā, 180 Mahāvastu & Other Texts tṛṣṇā, 180 Udānavarga tṛṣṇā, 180, 334, 349 Udānavarga tṛṣṇāṁ, 335, 336, 337 Udānavarga tṛṣṇākṣayaḥ, 354 Udānavarga tṛṣṇākṣayarato, Udānavarga 187 tṛṣṇākṣaye, 187

Mahāvastu & Other Texts tṛṣṇānuśayair, 338 Udānavarga tṛṣṇābhavaparikṣīṇaṁ, 416 Udānavarga tṛṣṇābhir, 342, 343 Udānavarga tṛṣṇāsamā, 251 Udānavarga te, 11, 12, 23, 85, 86, 89, 91, 134, 177, 225, 234, 235, 253, 293, 306, 307, 341, 342, 369 Patna te, 11, 12, 23, 85, 86, 89, 91, 99, 134, 154, 196, 225, 234, 235, 237, 293, 306, 307, 341, 369, 371, 394 Pāḷi te, 11, 12, 253, 369 Gāndhārī te, 11, 12, 85, 86, 89, 91, 98, 134, 154, 1 te, 369 Mahāvastu & Other Texts tejanaṁ, 33, 80, 145 Pāḷi tejanā, 33 Patna tejasā, 33, 80, 145, 387 Udānavarga tejasā, 387 Patna tejasā, 387 Pāḷi teṇa, 303 Gāndhārī teṇeva, 303 Gāndhārī tena, 63 Mahāvastu & Other Texts tena, 63, 256, 258, 260, 266, 269, 270 Pāḷi tenattamano, 328 Pāḷi tenāttamanāḥ, 328 Mahāvastu & Other Texts tenāttamano, 328 Patna tenāptamanā, 328 Udānavarga teneva, 177 Pāḷi

teyasa, 387 Gāndhārī teṣa, 253 Gāndhārī teṣāṁ, 3, 4, 57, 92, 93, 211, 292 Udānavarg teṣāṁ, 3, 4, 6 Mahāvastu & Other Texts tesaṁ, 3, 4, 92, 93, 181, 211, 253, 292 Pat tesaṁ, 3, 57, 92, 181, 211, 292 Pāḷi tesāṁ, 57, 92 Patna tesūpasammati, 4 Pāḷi toṣṭī, 331 Mahāvastu & Other Texts tohnim, 227 Patna tau, 306 Udānavarga ttayo, 281 Patna ttāṇatā, 288 Patna ttāṇāya, 288 Patna ttā naṁ, 379, 380 Patna ttiṇṇam, 157, 158 Patna ttihi, 224 Patna ttriṇadoṣāṇi, 356, 357, 358, 359 Patna ttrettī, 186 Patna tthaṇḍīlaśāyikā, 141 Patna tmānaṁ, 327 Udānavarga tyajate, 336 Udānavarga tyajen, 290 Udānavarga tra, 174 Udānavarga tra, 6 Mahāvastu ther Texts & O traṇa, 288 Gāndhārī traṇadha, 288 Gāndhārī trayāṇām, 157 Udānavarga trasanti, 129, 130 Patna traseṣu, 405 Gāndhārī traseṣu, 405 Udānavarga trāṇā, 288 Udānavarga trāṇāya, 288 Udānavarga tritīyaṁ, 309 Patna tridia, 309 Gāndhārī tribhir, arga 224 Udānav trisu, 391 Patna trihi, 224, 391 Gāndhārī tv, 28, 39, 46, 48, 55, 108, 134, 160, 165, 197, 198, 199, 218, 222, 223, 244, 245, 250, 259, 264, 275, 280, 305, 316, 326, 336, 344, 35 tvaṁ, 153 Udānavarga thaṇḍilaśāyikā, Mahāvastu 141 & Other Texts thaṇḍilasāyikā, 141 Pāḷi thale, 34 Gāndhārī thale, 34, 98 Patna thale, 34, 98 Pāḷi thavareṣu, 405 Gāndhārī thāvaresu, 405 Pāḷi thūlaṁ, 31, 409 Pāḷi

thūlāni, 265 Pāḷi theru, 260 Gāndhārī thero, 260, 261 Pāḷi thokathokaṁ, 39 Patna 121, 122, 2 thokathokaṁ, 239 Pāḷi thokathokam, 121, 122 Pāḷi thokikā, 310 Pāḷi daṁdhaṁ, 116 Patna daṁśanaṁ, 210 Patna daṁśanam, 206 Patna daṁśanassa, 274 Patna dajjāppasmim, 224 Pāḷi daṇa, 142, 405 Gāndhārī daṇeṇa, 223 Gāndhārī daṇḍaṁ, 142 Mahāvastu exts & Other T daṇḍaṁ, 142, 310 Patna daṇḍaṁ, 142, 310 Udānavarga daṇḍaṁ, 142, 310, 405 Pāḷi daṇḍasya, 129, 130 Udānavarga daṇḍassa, 129, 130 Pāḷi daṇḍānāṁ, 129, 130 Patna daṇḍena, 131, 132, 135 Patna daṇḍena, 131, 132, 135, 137 Pāḷi daṇḍena, 131, avarga 132, 135, 137 Udān dattaṁ, 356, 357, 358, 359 Udānavarga dadatāṁ, 242 Patna dadato, 242 Pāḷi dadanti, 249 Patna dadanty, 249 Udānavarga dadāti, 249 Pāḷi dadāti, 310 Udānavarga dadu, 142 Gāndhārī dadeṣu, 323 Gāndhārī dadyād, 224 Udānavarga dantaṁ, 35, 321, 400 Pāḷi dantā, 322 Pāḷi dantena, 323 Pāḷi danto, 142, 321, 323 Pāḷi dandhaṁ, 116 Pāḷi dabbī, 64 Pāḷi damatho, 35 Patna damatho, 35 Pāḷi damanaṁ, 35 Udānavarga damayanti, 80, 145 Pāḷi damayanti, 80, 145 Udānavarga damayam, 305 Pāḷi damayej, 322 Udānavarga damasaccena, 9, 10 Patna damasaccena, 9, 10 Pāḷi

damasoraca, 9, 10 Gāndhārī dameṇa, 25 Gāndhārī dametha, 159 Pāḷi damena, 25 Patna damena, 25 Pāḷi damena, 25 Udānavarga dameyā, 159 Patna damo, 261 Patna damo, 261 Pāḷi daya, 224 Gāndhārī dayesu, 384 Patna dayhamāno, 1 Patna 37 dareṣu, 345 Gāndhārī darvī, 64 Udānavarga darśaṇa, 206 Gāndhārī darśanam, 206, 210 Udānavarga daḷhaṁ, 61, 112, 345, 346, 349 Pāḷi daḷhaparakkamā, 23 Pāḷi daḷham, 313 Pāḷi daḷhe, 338 Pāḷi daśayadi, 83 Gāndhārī daśānām, 137 Udānavarga dasannam, 137 āḷi P dassanaṁ, 210 Pāḷi dassanam, 206 Pāḷi dassanassa, 274 Pāḷi dassayanti, 83 Pāḷi dahaṁ, 31 Patna dahati, 140 Udānavarga dahantaṁ, 71 Patna dahantad, 71 Udānavarga dahann, 31 Udānavarga daharo, 382 Pāḷi daharo, 382 Udānavarga dāṇṭo, 142 Udānavarga dānaṁ,177 Patna dānaṁ, 177 Pāḷi dānaṁ, 177, 354 Udānavarga dānam, 177 Udānavarga dāni, 235 Patna dānisi, 235, 237 Pāḷi dānena, 223 Pāḷi dānena, 223 Udānavarga dāntaṁ, 35, 321 Patna dāntaṁ, 35, 321 Udānavarga dāntaḥ, 321 Udānavarga dāntam, 400 Udānavarga dāntas, 322 Udānavarga dāntā, 322 Patna

dāntena, 323 Patna dāntendriyaḥ, 142 Mahāvastu & Other Texts dānto, 104, 142, 321, 322, 323 Patna dānto, 142 Mahāvastu & Other Texts dāravaṁ, 345 Udānavarga dāruṁ, 80, 145 Pāḷi dāruṁ, 80, 145 Udānavarga dārujaṁ, 345 Patna dārujaṁ, 345 Pāḷi dāruṇaṁ, 139 Pāḷi dāruṇam, 139 Udānavarga dāreṣu, 345 Udānavarga dāresu, 345 Patna dāresu, 345 Pāḷi di, 54, 260, 263, 265, 277, 278, 279, 369, diṭṭhiṁ, 164 Pāḷi diṭṭhosi, 154 Pāḷi diṭhi, 164 Gāndhārī dinnaṁ, 357, 358, 356, 359 Patna dinnaṁ, 356, 357, 358, 359 Pāḷi dipadānañ, 273 Pāḷi dibbaṁ, 236, 417 Pāḷi dibbesu, 187 Pāḷi diva, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 387 Gān divaṁ, 325 Udānavarga divā, 249, 250, 296, 297, 298, 299, 300, 30 divā, 249, 250, 296, 297, 298, 299, 300, 30 divā, 249, 250, 299, 300, 301 Patna divu, 25 Gāndhārī divyāṁ, 417 Udānavarga divyeṣu, 187 Mahāvastu & Other Texts divyeṣu, 187 Udānavarga divvesu, 187 Patna diśa, 54 Gāndhārī diśaḥ, 54 Udānavarga diśā, 54 Patna diṣpa, 15, 16 Gāndhārī diṣpaṇi, 149 Gāndhārī disaṁ, 42, 323 Pāḷi disā, 54 Pāḷi diso, 42, 162 Pāḷi disvā, 15, 16, 340 Pāḷi disvāna, 149 Pāḷi dissanti, 304 Pāḷi dīghaṁ, 60, 409 Pāḷi dīgham, 207 Pāḷi dīghā, 60 Pāḷi dīgho, 60 Pāḷi dīpaṁ, 25 Patna

dīpaṁ, 25 Pāḷi dīpam, 236, 238 Pāḷi dīpeti, 363 Pāḷi dīrghaṁ, 60, 409 Udānavarga dīrghā, 60 Udānavarga dīrghādhvānaṁ, 207 Udānavarga dīrgho, 60 Udānavarga du, 10, 12, 26, 65, 151, 163, 172, 207, 222, 245, 259, 265, 267, 293, 366, 367, 409, 412, 415 Gāndhārī duṁmano, Patna249 duḥkād, 278 Udānavarga duḥkāś, 302 Udānavarga duḥkena, 83 Udānavarga duḥkhaṁ, 191, 201 Mahāvastu & Other Texts duḥkhaṁ, 69, 117, 191, 201, 278, 342 Udānav duḥkham, 1, 203, 210, 338, 390 Udānavarga duḥkhasamutpannaṁ, 191 Mahāvastu & Other Te duḥkhasamutpādaṁ, 191 Udānavarga duḥkhasya, 191, 402 Udānavarga duḥkhasya, 331 Mahāvastu & Other Texts duḥkhā, 133, 153 Udānavarga duḥkhād, 277, 279 Udānavarga duḥkhān, 291 Udānavarga duḥkhāsamānasaṁvāsā, 302 Udānavarga duḥkho, 207 Udānavarga duḥkhopaśamagāminam, 191 Udānavarga duḥśīlo, 110 Mahāvastu & Other Texts duḥśīlo, 110, 308, 320 Udānavarga dukkataṁ, 314, 391 Patna dukkataṁ, 314, 391 Pāḷi dukkhaṁ, 201, 210, 212 Patna dukkhaṁ, 69, 191, 201, 210, 390 Pāḷi dukkham, 1, 144, 338, 342, 371 Pāḷi dukkham, 338, 371 Patna dukkhasamuppādaṁ, 191 Pāḷi dukkhassa, 191, 331, 402 Pāḷi dukkhassa, 275 Patna dukkhassantaṁ, 275, 376 Pāḷi dukkhā, 133, 153,

202, 221, 278 Pāḷi dukkhā, 133, 221, 277, 279, 291 Patna dukkhānupatitaddhagū, 302 Pāḷi dukkhānupatito, 302 Pāḷi dukkhāya, 248 Pāḷi dukkhūpasamagāminaṁ, 191 Pāḷi dukkhe, 277, 278, 279 Pāḷi dukkho, 117, 207 Patna dukkho, 117, 207 Pāḷi dukkhosamānasaṁvāso, 302 Pāḷi dukha, 277, 278, 279 Gāndhārī

dukhaṁ, 203 Patna dukhaṇuvadida, 302 Gāndhārī dukham, 1 Patna dukham, 371 Gāndhārī dukhasa, 402 Gāndhārī dukhā, 186 Patna dukhā, 186, 203, 302 Pāḷi dukhu, 117, 201, 207, 221, 302 Gāndhārī dukhena, 83 Patna dukhena, 83 Pāḷi duggaṁ, 414 Pāḷi duggatiṁ, 17, 240, 316, 317, 318 Pāḷi duggahito, 311 Pāḷi duggā, 327 Patna duggā, 327 Pāḷi duggṛhīto, 311 Patna duccaritaṁ, 169, 242 Patna duccaritaṁ, 169, 242 Pāḷi ducchannaṁ, 13 Patna ducchannaṁ, 13 Pāḷi ducchannaṁ, 13 Udānavarga dujjīvaṁ, 245 Patna dujjīvaṁ, 245 Pāḷi duddamo, 159 Patna duddamo, 159 Pāḷi duddaśaṁ, 252 Patna duddasaṁ, 252 Pāḷi duddiṭṭhiṁ, 339 Pāḷi dudriṣṭiṁ, 339 Patna dunniggahassa, 35 Pāḷi dunniggrahassa, 35 Patna dunnivārayaṁ, 33 Patna dunnivārayaṁ, 33 Pāḷi dunnivārayo, 324 Pāḷi dupadānāṁ, 273 Patna duppañño, 111, 140 Pāḷi duppabbajjaṁ, 302 Pāḷi duppamuñcaṁ, 346 Pāḷi dupparāmaṭṭhaṁ, 311 Pāḷi dupparāmāṭṭhaṁ, 311 Patna dupraṁño, 111 Patna dupramuñcaṁ, 346 Patna dubbalaṁ, 7 Patna dubbalaṁ, 7 Pāḷi dummedha, 394 Pāḷi dummedhaṁ, 161 Patna dummedhaṁ, 161, 355 Pāḷi dummedhā, 66 Patna dummedhā, 66 Pāḷi

dummedhino, 26 Patna dummedhino, 26 Pāḷi dummedho, 136, 164, 355 Pāḷi dummedho, 164 Patna durakkhaṁ, 33 Patna durakṣyaṁ, 33 Udānavarga duragama, 37 Gāndhārī duraccayaṁ, 336 Pāḷi duraccayā, 335 Patna duraccayāṁ, 336 Patna duratikramam, 398 Udānavarga duradhyāvasitā, 302 Udānavarga durannayaṁ, 93 Patna 92, durannayaṁ, 93 Pāḷi durannayā, 92 Pāḷi duranvayam, 93 Udānavarga duranvayā, 92 Udānavarga durabhiramaṁ, 302 Pāḷi durabhiramaṁ, 302 Udānavarga durāvāsā, 302 Pāḷi durgatito, 39 Udānavarga durgatim, 240, 316 Udānavarga durgāṁ, 414 Udānavarga durgād,327 Udānavarga durgṛhīto, 311 Udānavarga durjayaḥ, 103 Udānavarga durjīvaṁ, 245 Udānavarga durdṛśam, 252 Udānavarga durnigrahasya, 35 Udānavarga durnivāraṇam, 33 Udānavarga durbuddhe, 394 Udānavarga durmanā, 249 Udānavarga durmedhasaṁ, 355 Udānavarga durmedhaso, 26 Udānavarga durmedhā, 136, 164, 355 Udānavarga durlabhaḥ, 193 Udānavarga dullabhaṁ, 160 Patna dullabhaṁ, 160 Pāḷi dullabho, 193 Mahāvastu & Other Texts dullabho, 193 Patna dullabho, 193 Pāḷi duścaritaṁ, 169 Mahāvastu & Other Texts duścaritaṁ, 169, 232 Udānavarga duśśīlo, 110, 308, 320 Patna duṣkṛtam, 314, 391 Udānavarga duṣparāmṛṣṭaṁ, 311 Udānavarga duṣprajñā, 66 Udānavarga duṣprajño, 111 Udānavarga duṣpramokṣam, 346 Udānavarga

duṣpravrajyaṁ, 302 Udānavarga duṣyate, 125, 137 Udānavarga dussati, 125, 137 Pāḷi dussīlo, 110, 308, 320 Pāḷi duha, 203, 291 Gāndhārī duhayatra, 15, 16 Gāndhārī duhu, 1 Gāndhārī duheṇa, 83 Gāndhārī dūraṁgamaṁ, 37 Patna dūraṁgamam, 37 Udānavarga dūrakkhaṁ, 33 Pāḷi dūrataḥ, 219 Udānavarga dūrato, 219 Pāḷi dūramaṁ, 87 Patna dūramaṁ, 87 Pāḷi dūrāt, 304 Udānavarga dūre, 304 Pāḷi dṛḍaṁ, 112 Patna dṛḍhaṁ, 112 Mahāvastu & Other Texts dṛḍhaṁ, 345, 346 Patna dṛḍhaṁ, 61, 345, 346 Udānavarga

dṛḍhaparākramā, 23 Patna dṛḍhaparākramāḥ, 23 Udānavarga dṛḍham, 112, 313 Udānavarga dṛḍhāṁ, 61 Mahāvastu & Other Texts dṛḍhe, 338 Patna dṛṣṭā, 15, 16 Patna dṛṣṭiṁ, 164 Patna dṛṣṭiṁ, 164 Udānavarga dṛṣṭo, 154 Udānavarga dṛṣṭvā, 15, 16 Udānavarga dṛṣṭveha, 149 Mahāvastu & Other Texts dṛṣṭveha, 149 Udānavarga de, 371 Gāndhārī deyā, 224 Patna deva, 230, 366, 420 Gāndhārī devagandharvamānuṣāḥ, 420 Udānavarga devaṇa, 30, 224 Gāndhārī devalokaṁ, 177 Patna devalokaṁ, 177 Pāḷi devalokaṁ, 177 Udānavarga devā, 105, 200 Udānavarga devā, 94, 105, 181, 230, 366 Patna devā, 94, 181, 200, 230, 366, 420 Pāḷi devāna, 4 Patna 22 devāna', 224 Pāḷi devānaṁ, 30 Pāḷi devānāṁ, 30 Udānavarga devānām, 224 Udānavarga

devāpi, 94, 181 Udānavarga deveṣv, 56 Udānavarga devesu, 56 Patna devesu, 56 Pāḷi devo, 105 Pāḷi deśaṁ, 303 Patna deśanā, 182, 194 Patna deśanā, 194 Udānavarga deśayati, 363 Udānavarga deśā, 98 Udānavarga deśitaṁ, 285 Patna deśitam, 285 Udānavarga deśida, 285 Gāndhārī deśeti, 363 Patna deśedi, 363 Gāndhārī desitaṁ, 285 Pāḷi do, 294 Patna do, 388 Gāndhārī doggatiṁ, 240, 316, 317, 318 Patna doṣa, 369, 377 Gāndhārī doṣaṁ, 20, 369 Patna doṣaṁ, 20, 369, 377 Udānavarga doṣaṁ, 369 Mahāvastu & Other Texts doṣañ, 377 Patna doṣadoṣā, 357 Patna doṣaś, 407 Udānavarga doṣasamo, 251 Udānavarga doṣo, 150, 407 Gāndhārī dosañ, 20, 369, 377 Pāḷi dosadosā, 357 Pāḷi dosasamo, 202, 251 Pāḷi doso, 407 Pāḷi dravvī, 64 Patna drigha, 409 Gāndhārī drigham, 207 Gāndhārī driḍha, 112, 345, 346 Gāndhārī drīghaṁ, 60 Patna drīgham, 207 Patna drīghā, 60 Patna drīgho, 60 Patna druabhiramu, 302 Gāndhārī

drukida, 314, 391 Gāndhārī drugadi, 316, 317 Gāndhārī drugahido, 311 Gāndhārī drugha, 327 Gāndhārī drucarida, 169 Gāndhārī druchana, 13 Gāndhārī drujivu, 245 Gāndhārī

drudaśa, 252 Gāndhārī drunivaraṇa, 33 Gāndhārī drupañu, 140 Gāndhārī drupamokṣu, 346 Gāndhārī druprava, rī 302 Gāndhā drubala, 7 Gāndhārī drumedha, 394 Gāndhārī drumedhiṇo, 26 Gāndhārī drumedho, 1rī

dhammāṇāṁ, 273 Patna dhammānaṁ, 273 Pāḷi dhammāni, 82 Pāḷi dhammānuvattino, 86 Pāḷi dhammārāmo, 364 Pāḷi dhammiko, 84 Pāḷi dhamme, 79, 86 Pāḷi dhamme, 79, 86, 87, 259 Patna dhammena, 257 Pāḷi dhammesu, 353, 384 Pāḷi dhammesu, 384 Patna dhammo, 261 Patna dhammo, 5, 151, 261, 393 Pāḷi dhara, 222 Gāndhārī dharma, 151, 167, 266, 363, 373 Gāndhārī dharmaṁ, 142, 169, 190, 364 Mahāvastu & Oth dharmaṁ, 64, 65, 142, 168, 169, 190, 259, 3 dharmaḥ,5 Mahāvastu & Other Texts dharmaḥ, 5 Udānavarga dharmagatā, 297 Udānavarga dharmacārī, 168, 169 Udānavarga dharmacārī, 169 Mahāvastu & Other Texts dharmajīvinām, 164 Udānavarga dharmajīvino, 24 Udānavarga dharmadāna, 354 Udānavarga dharmadharo, arga259 Udānav dharmapadaṁ, 44, 45, 102 Udānavarga dharmaprītiḥ, 79 Udānavarga dharmaprītirasaṁ, 205 Udānavarga dharmam, 115, 364 Mahāvastu & Other Texts dharmam, 115, 364 Udānavarga dharmaratiṁ, 354 Udānavarga dharmarato, 364 Mahāvastu & Other Texts dharmarato, 364Udānavarga dharmaviniścayajñaḥ, 144 Udānavarga dharmasya, 20, 194 Udānavarga dharmā, 1, 2 Udānavarga dharmāṁ, 266 Mahāvastu & Other Texts dharmāṁ, 87, 167, 266, 373 Udānavarga dharmāṇāṁ, 273

Udānavarga dharmān, 364 Udānavarga dharmānudarśinaḥ, ga 86 Udānavar dharmārāmo, 364 Mahāvastu & Other Texts dharmārāmo, 364 Udānavarga dharmi, 79 Gāndhārī dharme, 79, 86, 259 Udānavarga dharmeṣu, 353 Mahāvastu & Other Texts dharmeṣu, 353, 384 Udānavarga dharmaiḥ, 353 Udānavarga

dharmo, 151 Udānavarga dhāṁmiko, 84 Patna dhāraye, 222 Pāḷi dhārayet, 124, 222 Udānavarga dhāreyā, 124 Patna dhāvati, 344 Patna dhāvati, 344 Pāḷi dhāvati, 344 Udānavarga dhi, 189, 192 Udānavarga dhi, 389 Gāndhārī dhik, 389 Udānavarga dhig, 389 Udānavarga dhibhūtassa, 288 Patna dhira, 83, 208, 345, 346, 422 Gāndhārī dhiru, 28, 122 Gāndhārī dhiro, 290 Gāndhārī dhī, 389 Patna dhī, 389 Pāḷi dhīraṁ, 208 Patna dhīraṁ, 76 Udānavarga dhīraḥ, 290 Udānavarga dhīrañ, 208 Pāḷi dhīrā, 23, 175, 181, 207, 234, 345, 346 Pat dhīrā, 23, 175, 181, 234 Udānavarga dhīrā, 23, 175, 181, 234, 345, 346, 347 Pāḷi dhīrāḥ, 122, 234 Udānavarga dhīrais, 207 Udānavarga dhīro, 28, 122, 177, 193, 207, 261, 290 Pāḷ dhīro, 28, 177, 290 Patna dhīro, 28, 418 Udānavarga dhuvaṁ, 147 Pāḷi dho rga

nānyo, 165 Udānavarga nāpi, 105, 288 Udānavarga nāppaṁ, 121, 122 Patna nābbaṇaṁ, 124 Pāḷi nābhikīrati, 25 Pāḷi nābhinandeta, 75 Udānavarga nābhinandeyā, 75 Patna nābhinandeyya, 75 Pāḷi nābhimardati, 25 Udānavarga nābhiṣajet, 408 Udānavarga nābhiṣape, Patna 408 nābhisaje, 408 Pāḷi nābhūd, 228 Udānavarga nāma, 324, 396 Pāḷi nāma, 396 Udānavarga nāmarūpamātreṇa, 262 Udānavarga nāmarūpamhi, 221 Patna nāmarūpasmiṁ, 221, 367 Pāḷi nāmne, 221 Udānavarga nārisu, 284 Pāḷi nālpaṁ, 121, 122 Udānavarga nāvaṁ, 369 Pāḷi nāvaṁ, 369 Udānavarga nāvajīyati, 179 Pāḷi nāvamanyeta, 365 Udānavarga nāvāṁ, 369 Mahāvastu & Other Texts nāvāṁ, 369 Patna nāvāṁ, 369 Udānavarga nāvraṇe, 124 Patna nāvraṇe, 124 Udānavarga nāśanaṁ, 141 Udānavarga nāśritāḥ, 93 Udānavarga nāsau, 9, 193, 249 Udānavarga nāstaṁ, 274 Patna nāsti, 212 Mahāvastu & Other Texts nāsti, 39, 61, 62, 92, 124, 147, 171, 180, Udānavarga nāsti, 39, 92, 124, 176, 180, 200, 211, 212 nāsya, Mahāvastu 180 & Other Texts nāsya, 180 Patna nāsya, 180 Udānavarga nāssa, 124, 389 Pāḷi nāssa, 389 Patna nāhaṁ, 396 Udānavarga niṁmalā, 243 Patna niḥśritya, 164 Udānavarga nikāmaseyyaṁ, 309 Pāḷi nikete, 91 Patna nikete, 91 Pāḷi

nikete, 91 Udānavarga nikkhaṁ, 230 Patna nikṣiptadaṇḍaṁ, 405 Udānavarga nikhu, 230 Gāndhārī nigacchati, 69, 137 Pāḷi nigacchati, 69, 137 Udānavarga nigiśavadi, 76 Gāndhārī nigṛhyavādiṁ, 76 Patna nigṛhyavādinaṁ, 76 Udānavarga niggayhavādiṁ, 76 Pāḷi niggahessāmi, 326 Pāḷi nica, 109, 245,293, 296, 297, 298, 299 Gāndhārī nicam, 206 Gāndhārī niccaṁ, 23, 104, 109, 146, 225, 245, 253, 2 niccaṁ, 23, 146, 225, 245, 253, 293, 299 Pa niccam, 206 Patna niccam, 206 Pāḷi niccheyya, 256 Pāḷi nijanti, 80, 145 Udānavarga niṭṭhaṁ, 351 Pāḷi nityaṁ, 23, 104, 125, 225, 245, 293, 296, 2 nityam, 7, 8, 22, 94, 159, 206, 387 Udānava nityāvadhyānasaṁjñinaḥ, 253 Udānavarga niddaro, 205 Pāḷi niddāyitā, 325 Pāḷi niddhantamalo, 236, 238 Pāḷi niddhame, 239 Patna niddhame, 239 Pāḷi niddhāntamalo, 236 Patna nidhāya, 142 Mahāvastu & Other Texts nidhāya, 142 Patna nidhāya, 142 Udānavarga nidhāya, 142, 405 Pāḷi nidhino, 76 Patna nidhīnaṁ, 76 Pāḷi nina, 309 Gāndhārī ninadi, 227 Gāndhārī

ninidu, 230 Gāndhārī ninido, 228 Gāndhārī nindaṁ, 143, 309 Pāḷi nindaṁ, 309 Patna nindanti, 227 Patna nindanti, 227 Pāḷi nindanti, 227 Udānavarga nindāṁ, 309 Udānavarga nindāpasaṁsāsu, 81 Pāḷi nindāpraśaṁsābhir, 81 Udānavarga nindāpraśaṁsāsu, 81 Patna

ninditum, 230 Patna ninditum, 230 Pāḷi ninditum, 230 Udānavarga nindito, 228 Pāḷi ninne, 98 Patna ninne, 98 Pāḷi nipakaṁ, 328, 329 Mahāvastu & Other Texts nipakaṁ, 328, 329 Patna nipakaṁ, 328, 329 Pāḷi nipakaṁ, 328, 329 Udānavarga nipātaye, 72 Patna nippapañcā, 254 Pāḷi nippāpo, 205 Pāḷi nibbattatī, 338 Pāḷi nibbanatho, 344 Pāḷi nibbanā, 283 Pāḷi nibbanena, 283 Patna nibbāṇaṁ, 23, 134, 184, 285 Patna nibbāṇagāminī, 75 Patna nibbāṇaparamaṁ, 203, 204 Patna nibbāṇam, 369 Patna nibbāṇasantike, 372 Patna nibbāṇasseva , 32 Patna nibbāṇe, 226 Patna nibbānaṁ, 23, 134, 184, 203, 204, 226, 285 nibbānagamanaṁ, 289 Pāḷi nibbānagāminī, 75 Pāḷi nibbānam, 369 Pāḷi nibbānasantike, 372 Pāḷi nibbānasseva, 32 Pāḷi nibbindatī, 277, 278, 279 Pāḷi nibbutaṁ, 406 Pāḷi nibbute, 196 P āḷi nibbuto, 414 Pāḷi nimne, 98 Udānavarga nimmalā, 243 Pāḷi niyato, 142 Mahāvastu & Other Texts niyato, 142 Patna niyato, 142 Pāḷi niyato, 142 Udānavarga niyyāṁti, 175 Patna niraeṣu, 140, 315 Gāndhārī niratthaṁ, 41 Pāḷi niratha, 41 Gāndhārī niraya, 309, 311 Gāndhārī nirayaṁ, 126, 140, 306, 307, 309 Pāḷi nirayaṁ, 126, 306, 307, 309 Patna nirayamhi, 315 Patna nirayamhi, 315 Pāḷi

nirayāya, 311 Patna nirayāyupakaḍḍhati, 311 Pāḷi nirastaṁ, 41 Udānavarga nirātthaṁ, 41 Patna nirāśaḥ, 280 Udānavarga nirāśiṣaṁ, Udānavarga 410 nirāsayaṁ, 410 Pāḷi nirāsravāya, 94 Udānavarga niruktau, 306 Udānavarga nirucyate, 63, 218, 263, 267, 367, 378 Udān niruttipadakovido, 352 Pāḷi niruttīpadakovido, 352 Patna nirūpadhiṁ, 418 Pāḷi nirodhaṁ, 191 Mahāvastu & Other Texts nirodhaḥ, 331 Mahāvastu & Other Texts niraupadhiḥ, 418 Udānavarga nirjvaro, 205 Udānavarga nirdhamen, 239 Udānavarga nirdhāntamalā, 238 Udānavarga niryānti, 175 Udānavarga nirvaṇasa, 372 Gāndhārī nirvaṇā, 283 Udānavarga nirvanagair, 344 Udānavarga nirvāṇaṁ, 23, 134, 184, 285 Udānavarga nirvāṇagamanaṁ, 289 Udānavarga nirvāṇagāminī, 75 Udānavarga nirvāṇaparamaṁ, 204 Udānavarga nirvāṇaparamo, 203 Udānavarga nirvāṇam, 369 Mahāvastu & Other Texts nirvāṇam, 369 Udānavarga nirvāṇasyaiva, 32 Udānavarga nirvidyate, 277, 278, 279 Udānavarga nirvṛtaś, 414 Udānavarga nivaṇa, 203, 204, 283, 285, 369 Gāndhārī nivaṇaseva, 32 Gāndhārī nivattati, 390 Pāḷi nivartate, 338, 390 Udānavarga nivartadi, 390 Gāndhārī nivartante, 336 Udānavarga nivardhante, 335 Udānavarga nivāpapuṭṭho, Pāḷi 325 nivāpapuṣṭaḥ, 325 Udānavarga nivāraye, 77, 116 Patna nivāraye, 77, 116 Pāḷi nivārayet, 77, 116 Udānavarga nivārya, 142 Mahāvastu & Other Texts nivinadi, 277, 278, 279 Gāndhārī nivudu, 406 Gāndhārī nivedayanti, 151 Udānavarga

niveśaï, 158 Gāndhārī niveśayet, 158 Udānavarga nivesaye, 158 Pāḷi niveseyya, 282 Pāḷi nivvaṇḍate, 277, 279 Patna nivvattate, 338 Patna nivvanadho, 344 Patna niśamacariṇo, 24 Gāndhārī niśāmmakāriṇo, 24 Patna niśśaya, 164 Patna niṣaï, 164 Gāndhārī niṣeddhāraṁ, 76 Udānavarga niṣedhaḥ, 390 Udānavarga niṣkaṁ, 230 Udānavarga niṣkathaṁkathaḥ, 411, 414 Udānavarga niṣpāpo, 205 Udānavarga niṣprapañcās, 254

Udānavarga niṣphalāsāv, 51 Udānavarga nisammakārino, 24 Pāḷi nisedara, 76 Gāndhārī nisedhe, 390 Gāndhārī nisedho, 390 Pāḷi nissāya, 164 Pāḷi nihaï, 142, 405 Gāndhārī nihiṇakama, 306 Gāndhārī nihīnakaṁmā, 306 Patna nihīnakammā, 306 Pāḷi nihīnadharmau, 306 Udānavarga nihīnavīryo, 280 Udānavarga nīyanti, 175 Pāḷi nu, 146 Mahāvastu & Other Texts nu, 146 Patna nu, 146 Pāḷi nu, 146, 160 ga Udānavar nu, 146, 229, 314 Gāndhārī nutthunaṁ, 156 Patna nudati, 28 Patna nudati, 28 Pāḷi nudati, 28 Udānavarga nudadi, 28 Gāndhārī nṛṇām, 135 Udānavarga nekkhaṁ, 230 Pāḷi nekkhaṁmasukhaṁ, 272 Patna nekkhaṁmo, 181 Patna nekkhammasukhaṁ, 272 Pāḷi nekkhammūpasame, 181 Pāḷi nekhamasukhu, 272 Gāndhārī necche, 84 Patna nejakā, 80, 145 Udānavarga

netaṁ, 189, 227 Pāḷi netaye, 180 Patna netave, 180 Pāḷi nettikā, 80, 145 Pāḷi netrikā, 180 Mahāvastu & Other Texts neresi, 134 Pāḷi neva, 105 Pāḷi neva, 64 Gāndhārī neva, 64, 105, 129, 130 Patna nevāttaheto, 84 Patna neṣyatha, 179, 180 Mahāvastu & Other Texts neṣyasi, 179, 180 Udānavarga nessatha, 179, 180 Pāḷi nehisi, 179, 180 Patna naitaṁ, 121, 122 Udānavarga naitac, 189 Mahāvastu & Other Texts naitac, 189 Udānavarga naitad, 189 Udānavarga nainaṁ, 117, 169 Udānavarga nainaṁ, 169 Mahāvastu & Other Texts naiva, 129, 130, 367 Udānavarga naivādhigacchati, 187 Mahāvastu & Other Tex naivāntarīkṣe, 127, 128 Udānavarga naivāntarīkṣe, 127, Mahāvastu & Other Texts naiṣkramyasukhaṁ, 272 Mahāvastu & Other Tex naiṣkramyopaśame, 181 Udānavarga no, 141, 200, 228 Udānavarga no, 200, 288, 329 Patna no, 329 Mahāvastu & Other Texts no, 95, 179, 200, 329, 355 Pāḷi noccāvacaṁ, 83 Patna noccāvacaṁ, 83 Pāḷi noccāvacāḥ, 83 Udānavarga notkuṭukaprahāṇaṁ, 141 Udānavarga notkuṭukaprahānaṁ, 141 Mahāvastu & Other Te nopaghātī, 185 Udānavarga nopajīyate, 179 Udānavarga nopanahyanti, 4 Mahāvastu & Other Texts nopanahyanti, 4 Patna nopanahyanti, 4 Udānavarga nopavādī, 185 Udānavarga nopahatā, rga 134 Udānava ntike, 32 Udānavarga nyam, 158 Udānavarga nyāttā, 22 Patna nhātakaṁ, 422 Pāḷi pa, 291 Patna pa, 46 Gāndhārī paṁko, 141 Mahāvastu & Other Texts

paṁko, 141 Patna paṁñam, 103 Patna paṁsukūladharaṁ, 395 Pāḷi pakāsenti, 304 Pāḷi pakubbato, 52 Pāḷi pake, 327 Patna pakkhandinā, 244 Pāḷi pakṣiti, 146 Gāndhārī pagabbhena, 244 Pāḷi pagasana, 327 Gāndhārī paggayha, 268 Pāḷi paṅkasannaiva, 327 Udānavarga paṅkā, 141 Pāḷi paṅkā, 141 Udānavarga paṅke, 327 Pāḷi paṅko, 141 Mahāvastu & Other Texts pacinantaṁ, 47, 48 Pāḷi paccati, 119, 120 Patna paccati, 69, 119, 120 Pāḷi paccate, 119, 120 Patna paccattaṁ, 165 Pāḷi paccantaṁ, 315 Pāḷi pacceti, 125 Pāḷi pacchato, 348 Patna pacchato, 348 Pāḷi pacchā, 172, 314 Patna pacchā, 172, 314, 421 Pāḷi pacyate, 69, 119, 120 Udānavarga pacha, 172, 314, 421 Gāndhārī pachadu, 348 Gāndhārī paja, 370 Gāndhārī pajaṁ, 28 Pāḷi pajaṣaǵadhio, 370 Gāndhārī pajā, 85, 104, 254, 342, 343, 356, 357, 358 pajānāti, 402 Pāḷi paje, 370 Gāndhārī pajjalite, 146 Pāḷi pajvalide, 146 Gāndhārī pañca,370 Pāḷi pañcamaṁ, 295 Udānavarga paññañ, 208 Pāḷi paññavantassa, 111 Pāḷi paññavā, 84 Pāḷi paññassa, 375 Pāḷi paññā, 38, 152, 229, 372 Pāḷi paññāpāsādam, 28 Pāḷi paññāya, 59, 277, 278, 279, 280, 333, 340 P paññāvudhena, 40 Pāḷi paññāsīlasamāhitaṁ, 229 Pāḷi

paṭikkosati, 164 Pāḷi paṭikrośati, 164 Patna paṭigaṇhanti, 220 Pāḷi paṭijaggeyya, 157 Pāḷi paṭijāggreya, 157, 158 Patna paṭidaṇḍā, 133 Patna paṭidaṇḍā, 133 Pāḷi paṭipajjatha, 274 Pāḷi paṭipajjahvo, 274 Patna paṭipannā, 275, 276 Patna paṭipannā, 275, 276 Pāḷi paṭibaddhamano, 284 Patna paṭibaddhamano, 284 Pāḷi paṭimāsettam, 379 Pāḷi paṭilābho, 333 Pāḷi paṭivadeyu, 133 Patna paṭivadeyyu, 133 Pāḷi paṭivātaṁ, 125 Patna paṭivātaṁ, 125 Pāḷi paṭivātam, 54 Patna paṭivātam, 54 Pāḷi paṭivātameti, 54 Pāḷi paṭivijj hi, 368 Patna paṭisanthāravuttassa, 376 Pāḷi paṭisandharavaṭṭi, 376 Patna paṭisevati, 67, 68 Patna paṭisevati, 67, 68 Pāḷi paṭhamaṁ, 158 Pāḷi paṭhamaṁ, 294 Patna paṭhaviṁ, 41, 44, 45 Patna paṭhaviṁ, 41, 44, 45 Pāḷi paṭhavisamo, 95 Pāḷi paḍikośadi, 164 Gāndhārī paḍiruva, 376 Gāndhārī

paḍisadharagutisa, 376 Gāndhārī paṇada, 65, 76 Gāndhārī paṇida, 64, 81, 82, 83 Gāndhārī paṇidaṇa, 77 Gāndhārī paṇidu, 28, 79, 84, 158 Gāndhārī paṇido, 22 Gāndhārī paṇeti, 310 Pāḷi paṇḍitaṁ, 64, 65, 76 Pāḷi paṇḍitaḥ, 186 Mahāvastu & Other Texts paṇḍitaḥ, 22, 28, 63, 79, 157, 158, 160, 18 paṇḍitamānī, 63 Mahāvastu & Other Texts paṇḍitamānī, 63 Patna paṇḍitamānī, 63 Pāḷi paṇḍitamānī, 63 Udānavarga

paṇḍitas, 63 Mahāvastu & Other Texts paṇḍitā, 22, 80, 81, 82, 83 Pāḷi paṇḍitā, 22, 81, 82, 87 Patna paṇḍitāṁ, 64, 65 Udānavarga paṇḍitāḥ, 80, 81, 82, 145 Udānavarga paṇḍite, 64, 65 Patna paṇḍito, 28, 63, 79, 157, 158, 186 Patna paṇḍito, 28, 63, 79, 87, 88, 157, 158, 186, paṇḍupalāso, 235 Pāḷi paḍhaï, 41 Gāndhārī patiṭṭhitā, 333 Pāḷi patitaṁ, 320 Pāḷi patirūpe, 158 Pāḷi patissatā, 144 Pāḷi patīto, 68 Pāḷi patto, 423 Pāḷi pattosi, 134 Pāḷi patsukuladhara, 395 Gāndhārī pathavyā, 178 Pāḷi pathi, 1 Gāndhārī pathyaṁ,navarga 163 Udā pada, 21, 54, 273, 368 Gāndhārī padaṁ, 1, 21, 92, 93, 114, 368 Patna padaṁ, 1, 21, 93, 114, 254, 255, 368, 381 P padaṁ, 114, 368 Gāndhārī padaṁ, 114, 368 Mahāvastu & Other Texts padaṁ, 93, 114, 254, 255, 368 Udānavarga padam, 1, 21, navarga 114, 115 Udā padasañadu, 362 Gāndhārī padā, 273 Patna padā, 273 Pāḷi padīpaṁ, 146 Pāḷi paduṭṭhena, 1 Pāḷi padumaṁ, 58 Patna padumaṁ, 58 Pāḷi padumu, 58 Gāndhārī padena, 179, 180 Mahāvastu & Other Texts padena, 179, 180 Patna padena, 179, 180 Pāḷi padena, 179, 80 1 Udānavarga padesaṁ, 303 Pāḷi padmaṁ, 58, 285 Udānavarga pana, 42, 252, 271, 292 Pāḷi panuda, 383 Pāḷi pantañ, 185 Pāḷi pannabhāraṁ, 402 Pāḷi papañcasamatikkante, 195 Pāḷi papañcābhiratā, 254 Pāḷi papatanti, 336 Pāḷi

papupphakāni, 46 Pāḷi pappoti, i 27 Pāḷ pabujjhanti, 296, 297, 298, 299, 300, 301 P pabbajañ, 345 Pāḷi pabbajitā, 74 Pāḷi pabbajito, 184, 388 Pāḷi pabbataṁ, 8 Pāḷi pabbataṭṭho, 28 Pāḷi pabbatānaṁ, 127, 128 Pāḷi pabbatāni, 188 Pāḷi pabbato, 304 Pāḷi pabbājayam, 388 Pāḷi pabhaṅguraṁ, Pāḷi 139, 148 pabhāseti, 172, 173, 382 Pāḷi pabhinnaṁ, 326 Pāḷi pamajjitvā, 172 Pāḷi pamattacārino, 334 Pāḷi pamattā, 21 Pāḷi pamattānaṁ, 292 Pāḷi pamattesu, 29 Pāḷi pamatto, 19, 309, 371 Pāḷi pamādaṁ, 28 Pāḷi pamādam, 26, 27 Pāḷi pamāde, 31, 32 Pāḷi pamādena, Pāḷi 167 pamādo, 21, 30, 241 Pāḷi pamuccati, 189, 192, 361 Pāḷi pamuñcati, 377 Pāḷi pamokkhanti, 276 Pāḷi pamodati, 16 Pāḷi pamodanti, 22 Pāḷi pamohanaṁ, 274 Pāḷi payiṇadu, 47 Gāndhārī payirupāsati, 64, 65 Patna payirupāsati, 64, 65 Pāḷi payiṣidi, 45 Gāndhārī payuvasadi, 64, 65 Gāndhārī payeṣidi, 44 Gāndhārī para, 253 Pāḷi para, 266 Gāndhārī paraṁ, 166 Patna paraṁ, 184,

220 Pāḷi paraṁ, 184, 220 Udānavarga paraḥ, 252 Udānavarga parakamu, 383 Gāndhārī parakuleṣu, 73 Udānavarga parakulesu, 73 Patna parakulesu, 73 Pāḷi parako, 348, 384 Gāndhārī

parakkame, 313 Pāḷi parakkamma, 383 Pāḷi parattha, 177, 306 Pāḷi paratthena, 166 Pāḷi paratra, 168, 169, 177, 306 Udānavarga paratra, 169 Mahāvastu & Other Texts paratra, 306 Patna paratri, 306 Gāndhārī paratheṇa,rī 166 Gāndhā paradarovasevi, 309 Gāndhārī paradāraṁ, 310 Pāḷi paradārañ, 246 Pāḷi paradārasevī, 309 Udānavarga paradārūpasevī, 309 Pāḷi paradāropasevī, 309 Patna paraduḥkhopadhānena, 291 Udānavarga paradukkhūpadānena, 291 Pāḷi paradukkhopadhānena, 291 Patna parama, 203 Patna parama, 203 Udānavarga parama, 203, 204 Gāndhārī paramaṁ, 166, 184 Udānavarga paramaṁ, 184 Patna paramaṁ, 184, 203, 204, 243 Pāḷi paramadukkaraṁ, 163 Patna paramadukkaraṁ, 163 Pāḷi paramaduṣkaram, 163 Udānavarga paramadrukara, 163 Gāndhārī paramu, 27, 166 Gāndhārī paramo, 203, 204 Gāndhārī paramhi, 168, 169, 242 Patna paramhi, 168, 169, 242, 410 Pāḷi parayidu, 201 Gāndhārī paravajjānupaśśīnāṁ, 253 Patna paravajjānupassissa, 253 Pāḷi paravadyaṁ, 252 Udānavarga paravadyānudarśino, 253 Udānavarga parasa, 84, 168, 169 Gāndhārī parasya, 252 Udānavarga parassa, 84 Patna parassa, 84 Pāḷi parāṁ, 266 Mahāvastu & Other Texts parākramet, 313 Udānavarga parākramya, 383 Udānavarga parākrāmma, 383 Patna parājitaḥ, 201 Mahāvastu & Other Texts parājitaḥ, varga201 Udāna parājito, 201 Patna parājito, 201 Pāḷi

parātthena, 166 Patna parān, 266, 355 Udānavarga parārthena, 166 Udānavarga pari, 385 Gāndhārī parikkhayaṁ, 139 Pāḷi parikkhīṇā, 93 Patna parikkhīṇā, 93 Pāḷi parikṣayam, 139 Udānavarga parikṣīno, 93 Udānavarga parikhāṁ, 414 Udānavarga paricare, 107 Patna paricare, 107 Pāḷi paricared, 107 Udānavarga parijiṇam, 148 Gāndhārī parijiṇṇam, 148 Pāḷi parijinnam, 148 Patna parijīrṇam, 148 Udānavarga parijñātabhojanāḥ, 92 Udānavarga pariñātabhojanā, 92 Patna pariññātabhojanā, 92 Pāḷi paritasyate, 397 Udānavarga paritassati, 397 Pāḷi paridahessati, 9 Pāḷi paridāgho, 90 Udānavarga paridāhā, 90 Patna paridi, 49 Gāndhārī paridhāvanti, 342, 343 Udānavarga paridhāsyati, 9 Udānavarga paridhehiti, 9 Patna parinibbanti, 126 Pāḷi parinibbutā, 89 Pāḷi parinirvṛtāḥ, 89 Udānavarga parinivvānti, 126 Patna parinivvṛtā, 89 Patna paripakko, 260 Pāḷi paripakvaṁ, 260 Udānavarga paripūrati, 38 Patna paripūrati, 38 Pāḷi paripūryate, 38 Udānavarga pariplavapasādassa, 38 Pāḷi pariphandatidaṁ, 34 Pāḷi pariphandatimaṁ, 34 Patna paribudhya, 46 Udānavarga paribbajanti, 346 Pāḷi paribbaje, 415, 416 Pāḷi paribbājo, 313 Pāḷi parimajasi, 394 Gāndhārī parimajjasi, 394 Pāḷi parimaśāttānam, 379 Patna

parimārjasi, 394 Udānavarga parimucadi, 291 Gāndhārī parimuccati, 291 Patna parimuccati, 291 Pāḷi parimucyate, 291 Udānavarga pariyara, 107 Gāndhārī pariyodapeyya, 88 Pāḷi pariyodametha, 88 Patna pariḷāho, 90 Pāḷi parivako, 260 Gāndhārī parivajjaye, 123 Patna parivajjaye, 123 Pāḷi parivajjeti, 269 Pāḷi parivaya, 415 Gāndhārī parivarjayet, 123 Udānavarga parivrajanti, 346 Udānavarga parivrajet, 415 Udānavarga parivrayadi, 346, 347 Gāndhārī parisappanti, 342, 343 Patna parisappanti,

342, 343 Pāḷi parispandati, 34 Udānavarga parisravāṇi, 328 Mahāvastu & Other Texts parisravāṇi, 328 Udānavarga parissayāni, 328 Pāḷi parihaṇaï, 32 Gāndhārī parihayadi, 364 Gāndhārī parihasidi, 9 Gāndhārī parihāṇāya, 32 Patna parihāṇāya, 32 Udānavarga parihānāya, 32 Pāḷi parihāyati, 364 Mahāvastu & Other Texts parihāyati, 364 Patna parihāyati, 364 Pāḷi parihīyate, 364 Udānavarga paruṣaṁ, 133 Patna paruṣaṁ, 133, 138 Udānavarga parūpaghātī, 184 Pāḷi pare, 410 Udānavarga pare, 6 Mahāvastu & Other Texts pare, 6, 184 Patna pare, 6, 257, 266 Pāḷi pareṣa, 19, 50, 252 Gāndhārī pareṣāṁ, 19, 50, 249 Udānavarga paresaṁ, 19, 50, 249 Patna paresaṁ, 19, 50, 249, 252 Pāḷi paresām, 252 Patna paraiti, 49 Udānavarga paro, 160 Patna paro, 160 Pāḷi

paro, 160 Udānavarga paropaghātī, 184 Patna paropatāpī, 184 Udānavarga paryupāsate, 64, 65 Udānavarga parvataḥ, Udānavarga 304 parvatasthaiva, 28 Udānavarga parvatāṁś, 188 Mahāvastu & Other Texts parvatāṁś, 188 Udānavarga parvatānāṁ, 127, 128 Udānavarga parvatānāṁ, 127, Mahāvastu & Other Texts parvada, 8 Gāndhārī parvahia, 388 Gāndhārī parvvataṁ, 8 Patna parvvataṭṭho, 28 Patna parvvate, 188 Patna palavatī, 334 Pāḷi palitaṁ, 260 Pāḷi palitaṁ, 260 Udānavarga palipathaṁ, 414 Pāḷi pallaraṁ, 91 Patna pallare, 155 Patna pallalaṁ, 91 Pāḷi pallale, 155 Pāḷi palvalaṁ, 91 Udānavarga palvale, 155 Udānavarga paḷeti, 49 Pāḷi pava, 117 Gāndhārī pavakamu, 15 Gāndhārī pavaḍḍhati, 282, 349 Pāḷi pavaḍḍhanti, 335 Pāḷi pavaṇa, 265 Gāndhārī pavaṇi, 84, 265, 388 Gāndhārī pavattāraṁ, 76 Pāḷi pavaraṁ, 422 Pāḷi pavasa, 117, 121 Gāndhārī pavāyati, 54 Pāḷi pavia, 164 Gāndhārī paviu, 76 Gāndhārī paviṭṭhassa, 373 Pāḷi pavivekarasaṁ, 205 Pāḷi pavissa, 127, 128 Pāḷi pavuccati, 257, 258, 261, 265, 269, 270 Pāḷ pave, 412 Gāndhārī paveṇa, 121 Gāndhārī pavedayanti, 151 Pāḷi paśadi, 277, 279, 423 Gāndhārī paśadu, 115 Gāndhārī paśado, 113 Gāndhārī paśadha, 344 Gāndhārī

paśame, 181 Patna paśi, 76, 290 Gāndhārī paścato, 348 Udānavarga paścāt, 314, 421 Udānavarga paścād, 172 Udānavarga paśya, 147 Udānavarga paśyataḥ, 384 Udānavarga paśyatā, 245 Udānavarga paśyati, 119, 120, 170, 286, 423 Udānavarga paśyati, Mahāvastu 190 & Other Texts paśyate, 119, 120, 190, 277, 278, 279 Udāna paśyato, 113, 114, 115 Mahāvastu & Other Te paśyato, 113, 114, 115 Udānavarga paśyatha, 344 Udānavarga paśyed, 170, 290 Udānavarga paśyen, 170 Udānavarga paśśaṁ, 75 Patna paśśatā, 245 Patna paśśati, 119, 120, 170, 190, 277, 279 Patna paśśate, 119, 120 Patna paśśato, 113, 114, 115 Patna paśśatha, 344 Patna paśśe, 76, 170, 290 Patna pasaṁsanti, 30, 229, 230, 366 Pāḷi pasaṁsito, 228, 230 Pāḷi pasannena, 2 Pāḷi pasanno, 368, 381 Pāḷi pasavati, 201 Pāḷi pasahati, 7 Pāḷi passa, 147 Pāḷi passatā, 245 Pāḷi passati, 119, 120, 170, 190, 259, 277, 278, passato, 113, 114, 115 Pāḷi passatha, 344 Pāḷi passathimaṁ, 171 Pāḷi passe, 76, 170, 290 Pāḷi

pāpassa, 117, 121, 333 Patna pāpassa, 331 Mahāvastu xts & Other Te pāpā, 116, 307 Patna pāpā, 116, 307 Pāḷi pāpā, 307 Udānavarga pāpāc, 116 Udānavarga pāpānaṁ, 265, 333 Pāḷi pāpānāṁ, 265 Patna pāpāni, 119, 123, 136, 265, 269, 330 Pāḷi pāpāni, 119, 123, 136, 329, 330 Udānavarga pāpāni, 119, 123, 242, 265, 330 Patna pāpāni, 329 Mahāvastu & Other Texts pāpāny, 265 Udānavarga pāpikaṁ, 164 Pāḷi pāpikā, 310 Pāḷi pāpikā, 310

Udānavarga pāpikāṁ, 164 Patna pāpikām, 164 Udānavarga pāpiko, 310 Patna pāpiyo, 42, 76 Pāḷi pāpiyo, 76 Patna pāpuṇe, 138 Pāḷi pāpe, 165 Udānavarga pāpeṣu, 116 Udānavarga pāpehi, 307 Patna pāpehi, 307 Pāḷi pāpaiḥ, 388 Udānavarga pāpair, 121, 307 Udānavarga pāpo, 119 Patna pāpo, 119 Pāḷi pāpo, 119 Udānavarga pāmado, 371 Pāḷi pāmojjabahulo, 376, 381 Pāḷi pāraṁ, 385 Pāḷi pāraṁ, 86 Patna pāragaḥ, 348 Udānavarga pāragato, 414 Pāḷi pāragato, 414 Udānavarga pāragavesino, 355 Pāḷi pāragāminaḥ, 85 Udānavarga pāragāmino, 85 Patna pāragāmino, 85 Pāḷi pāragū, 348, 384 Patna pāragū, 348, 384 Pāḷi pārago, 384 Udānavarga pāram, 385 Patna pāram, 86 Pāḷi pāram, 86, varga 385 Udāna pārāpāraṁ, 385 Patna

pārāpāraṁ, 385 Pāḷi pārāpāraṁ, 385 Udānavarga pāriplavaprasādasya, 38 Udānavarga pāriplavaprasādassa, 38 Patna pārśukā, 154 Udānavarga pāvako, 71, 140 Pāḷi pi, 108, 180 Mahāvastu & Other Texts pi, 19, 20, 43, 49, 51, 52, 53, 55, 63, 64, 82, 94, 108, 119, 120, 121, 122, 138, 142, 151, 166, 180, 181, 220, 224, 227, 230, 235, 237, 25 pi, 19, 20, 49, 51, 52, 53, 64, 94, 108, 119, 120, 121, 122, 166, 180, 181, 206, 224, 227, 230, 235, 259, 284, 288, 306, 310, 338, 342, 361, 366 Patna pi, 64, 108, 119, 120, 121, 122, 180, 206, pitaraṁ, 294, 295 Pāḷi pitaraṁ, 294, 295 Udānavarga pitā, 288 Patna pitā, 43, 288 Pāḷi pitā, 43, 288 Udānavarga pitṛvyatā, 332 Udānavarga pitvā, Pāḷi 205 pithīyati, 173 Pāḷi pithīyate, 173 Udānavarga pidara, 294 Gāndhārī piban, 205 Udānavarga piyaṁ, 130, 157, 211, 217, 220 Pāḷi piyaggāhī, 209 Pāḷi piyato, 212 Pāḷi piyānaṁ, 210 Pāḷi piyāpāyo, 211 Pāḷi piyāppiyaṁ, 211 Pāḷi piyehi, 210, 390 Pāḷi piyo, 77 Pāḷi pivaṁ, 205 Pāḷi pihayaṁ, 365 Pāḷi pihayanti, 94, 181 Pāḷi pihetattānuyoginaṁ, 209 Pāḷi pītipāmojjaṁ, 374 Pāḷi pītibhakkhā, 200 Pāḷi puṁñaṁ, 116, 118 Patna puṁñaṁ, 331 Mahāvastu & Other Texts puṁñapekhī, 108 Patna puṁñassa, 118, 122 Patna pukkharapatte, 401 Patna pukkhare, 336 Patna puggalam, 344 Patna puggalam, 344 Pāḷi puña, 118 Gāndhārī puñakamo, 16 Gāndhārī puñavekṣa, 108 Gāndhārī puñasa, 118, 122 Gāndhārī

puñe, 412 Gāndhārī puñeṇa, 122 Gāndhārī puññaṁ, 18, 116, 196, 331 Pāḷi puññañ, 118, 267, 412 Pāḷi puññapāpapahīnassa, 39 Pāḷi puññapekkho, 108 Pāḷi puññassa, 118, 122 Pāḷi puññāni, 220 Pāḷi puṭṭho, 144 Patna puṇapuṇu, 117, 118 Gāndhā,

LßO•D4EXRE pÐ

puno, 348 Patna pupphaṁ, 49, 51, 52 Pāḷi pupphagandho, 54 Pāḷi puppham, 44, 45 Pāḷi puppharāsimhā, 53 Pāḷi pupphāni, 47, 48, 377 Pāḷi pubbaparāni, 352 Pāḷi pubbe, 172, 423 Pāḷi pubbenivāsaṁ, 423 Pāḷi puyaï, 106, 107 Gāndhārī puyaṇa, 106, 107 Gāndhārī puyadi, 121, 122 Gāndhārī puyidu, 303 Gāndhārī pura, 348 Gāndhārī purakkhatā, 342, 343 Pāḷi purato, 348 Udānavarga purā, 326 Udānavarga purāṇāni, 156 Pāḷi purisa, 248 Pāḷi purisaṁ, 219 Pāḷi purisājañño, 193 Pāḷi purisādhame, 78 Pāḷi purisuttame, 78 Pāḷi puriso, 117, 118, 143, 152 Pāḷi puruṣaṁ, 76 Patna puruṣaḥ, 117, 118, 143, 228 Udānavarga puruṣayañu, 193 Gāndhārī puruṣasya, 104 Udānavarga puruṣā, 78 Patna puruṣājaṁño, 193 Patna puruṣājanyo, 193 Mahāvastu & Other Texts puruṣādhamam, 78 Udānavarga puruṣu, 117, 118 Gāndhārī puruṣo, 117, 118, 152 Patna puruṣo, 193 Udānavarga puruṣottame, 78 Patna pure, 326, 348, 421 Pāḷi pure, 348 Patna pure, 421

Gāndhārī pure, 421 Udānavarga purekkhaṭā, 342, 343 Patna purekkhāraṅ, 73 Patna purekkhāraṅ, 73 Pāḷi purvenivasa, 423 Gāndhārī puvi, 172 Gāndhārī puṣa, 44, 45 Gāndhārī puṣaṇa, 377 Gāndhārī puṣaṇi, 47 Gāndhārī puṣu, 51, 52 Gāndhārī

puṣkarapatre, 401 Gāndhārī puṣkarāt, 336 Udānavarga puṣpa, 49 Gāndhārī puṣpaṁ, 51, 52 Patna puṣpaṁ, 51, 52, 377 Udānavarga puṣpakāṇi, 46 Udānavarga puṣpagandhaḥ, 54 Udānavarga puṣpagandho, 54 Patna puṣpam, 44, 45 Patna puṣpam, 44, 45 Udānavarga puṣparaśisa, 53 Gāndhārī puṣparāśibhyaḥ, 53 Udānavarga puṣparāśimhā, 53 Patna puṣpā, 49 Patna puṣpāṇi, 47, 48, 377 Patna puṣpāṇy, 47, 48 Udānavarga puṣpād, 49 Udānavarga pūjanā, 106, 107 Patna pūjanā, 106, 107 Pāḷi pūjanā, 107 Udānavarga pūjayato, 195, 196 Pāḷi pūjaye, 106, 107 Patna pūjaye, 106, 107 Pāḷi pūjayet, 107 Mahāvastu & Other Texts pūjayet, 107 Udānavarga pūjā, 73 Pāḷi pūjāṁ, 73 Patna pūjāṁ, 73 Udānavarga pūjārahe, 195 Pāḷi pūjito, 303 Pāḷi pūjiyo, 303 Patna pūjyate, 303 Udānavarga pūtisaṁdeho, 148 Patna pūtisandeho, 148 Pāḷi pūty, 148 Udānavarga pūrati, 121, 122 Patna pūrati, 121, 122 Pāḷi pūrate, 121, 122 Patna pūrṇam, 107 Udānavarga pūryate, 121, 122 Udānavarga pūryanti, 121, 122 Udānavarga pūrvaṁ, 172 Udānavarga pūrvenivāsaṁ, avarga 423 Udān pūrvvāparāṇi, 352 Patna pūrvve, 172 Patna pṛthagjane, 59 Udānavarga pṛthivīṁ, 44, 45 Udānavarga pṛthivīpradeśo, 127, 128 Udānavarga pṛthivīpradeśo, 127, Mahāvastu & Other Text

pṛthivīm, 41 Udānavarga pṛthivyām, 178 Patna pṛthujjane, 59 Patna pṛhayantatthānuyogināṁ, 209 Patna pecca, 15, 16, 17, 18, 131, 132, 306 Pāḷi petteatā, 332 Patna petteyyatā, 332 Pāḷi pemato, 213 Pāḷi pokkharapatte, 401 Pāḷi pokkharā, 336 Pāḷi poraṇaṇi, 156 Mahāvastu & Other Texts poraṇam, 227 Gāndhārī porāṇam, 227 Patna porāṇam, 227 Pāḷi porāṇāni, 156 Patna poṣassa, 104, 125 Patna poṣo, 228 Patna posassa, 104, 125 Pāḷi poso, 228 Pāḷi paurāṇāny, 156 Udānavarga ppajīyati, 179 Patna py, 177 Udānavarga praüjadi, 296 Gāndhārī

praṁñavantassa , 111 Patna praṁñavā, 84 Patna praṁñassa, 375 Patna praṁñā, 38, 152, 372 Patna praṁñāprāsādam, 28 Patna praṁñāya, 59, 277, 279, 280 Patna praṁñāyudhena, 40 Patna praṁñāśīlasamāhitaṁ, 229 Patna praṁñe, 78 Patna praṁño, 65, 122 Patna prakabhiṇa, 244 Gāndhārī prakampyate, 81 Udānavarga prakāśyante, 304 Udānavarga prakkhaṇḍinā, 244 Patna prakkhittā, 146 Patna prakṣiptā, 146 Mahāvastu & Other Texts prakhaṇiṇo, 244 Gāndhārī pragabbheṇa, 244 Patna pragalbhena, 244 Udānavarga pracinantaṁ, 47, 48 Patna pracinvantaṁ, 47, 48 Udānavarga praceṣyate, 44, 45 Udānavarga praccaṁtimaṁ, 315 Patna praccattaṁ, 165 Patna pracceti, 125 Patna

prajā, 356, 357, 358 Udānavarga prajā, 85, 104, 342, 343, 356, 357, 358 Pat prajāṁ, 28 Patna prajāḥ, 104, 342, 343 Udānavarga prajānatām, 171 Udānavarga prajānāti, 402 Udānavarga prajām, 28 Udānavarga prajās, 85 Udānavarga prajehiti, 44, 45 Patna prajjalite, 146 Patna prajvalide, 146 Gāndhārī prajvalite, 146 Mahāvastu & Other Texts prajvalite, 146 Udānavarga prajñayā, 190 Mahāvastu xts & Other Te prajñayā, 59, 190, 277, 278, 279 Udānavarga prajñā, 38 Udānavarga prajñāprāsādam, 28 Udānavarga prajñāyudhena, 40 Udānavarga praña, 59, 208, 278, 280, 372 Gāndhārī prañaï, 59, 278,

280 Gāndhārī prañaprasada, 28 Gāndhārī prañaya, 277 Gāndhārī prañaśilasamahida, 229 Gāndhārī prañasa, 375 Gāndhārī praḍeti, 49 Patna praṇabhudaṇa, 273 Gāndhārī praṇiṇa, 285 Gāndhārī praṇido, 208 Gāndhārī praṇuda, 383 Patna praṇuda, 383 Udānavarga praṇuyu, 383 Gāndhārī praṇeti, 310 Patna pratikrośati, 164 Udānavarga pratijāgreta, 157 Udānavarga pratidaṇḍaṁ, 133 Udānavarga pratiniḥsṛjya, 89 Udānavarga pratipannakāḥ, 276 Udānavarga pratibaddhamanāḥ, 284 Udānavarga pratiyāti, 125 Udānavarga pratirūpe, 158 Udānavarga prativadanti, 133 Udānavarga prativātaṁ, 125 Udānavarga prativātam, 54 Udānavarga pratiṣevate, 67, 68 Udānavarga pratiṣṭhitā, 333 Patna pratiṣṭhitā, 333 Udānavarga pratisaṁstāravṛttiḥ, 376 Udānavarga pratismṛtaḥ, 328 Mahāvastu & Other Texts pratismṛtas, 144 Udānavarga

pratītaḥ, 68 Udānavarga pratīto, 68 Patna prato, 423 Gāndhārī pratyantanagaraṁ, 315 Udānavarga pratyātmaṁ, 165 Udānavarga prathamaṁ, 158 Udānavarga pradimukhe, 375 Gāndhārī pradiruvi, 158 Gāndhārī pradivada, 54 Gāndhārī pradīpaṁ, 146 Mahāvastu & Other Texts pradīpaṁ, 146 Patna pradīpaṁ, 146 Udānavarga praduṭheṇa, 1 Gāndhārī praduṣṭas, 399 Udānavarga praduṣṭena, 1 Patna praduṣṭena, 1 Udānavarga praduṣṭeṣu, 137 Udānavarga praduṣyati, 125 Patna pradoṣaṁ, 232 Udānavarga pradha, 45 Gāndhārī pradhamu, 158 Gāndhārī pranodi, 27 Gāndhārī prapañcābhiratā, ga 254 Udānavar prapuṣpakāni, 46 Patna prabujjhanti, 299, 300, 301 Patna prabudhyante, 296, 297, 298, 299, 300, 301 prabhaṁguraṁ, 148 Patna prabhaṅguram, 148 Udānavarga prabhavati, 282 Udānavarga prabhāṣate, 408 Udānavarga prabhāseti, 172 Patna prabhinnaṁ, 326 Udānavarga pramajadi, 172, 259 Gāndhārī pramajea, 168 Gāndhārī pramajeti, 172 Gāndhārī pramajjati, 172, 259 Patna pramajjittā, 172 Patna pramajjeyā, 168 Patna pramata, 21, 371 Gāndhārī pramataṇa, 292 Gāndhārī pramati, 371 Gāndhārī pramatu, 19, 309 Gāndhārī pramateṣu, 29 Gāndhārī pramatta, 309 Udānavarga pramattaḥ, 19, 371 Udānavarga pramattacāriṇas, 334 Udānavarga pramattacāriṇo, 334 Patna pramattā, 21 Patna pramattāḥ, 21 Udānavarga

pramattānāṁ, 292 Patna pramattānāṁ, 292 Udānavarga pramatteṣu, arga 29 Udānav pramattesu, 29 Patna pramatto, 19, 309, 371 Patna pramada, 26 Gāndhārī pramadi, 31, 32 Gāndhārī pramadu, 21, 28, 30 Gāndhārī pramadeṇa, 167 Gāndhārī pramādaṁ, 27 Udānavarga pramādam, 26, 28 Patna pramādam, 26, 28 Udānavarga pramāde, 31, 32 Patna pramāde, 31, 32 Udānavarga pramādena, 167 Udānavarga pramādena, 25, 167 Patna pramādo, 21, 241 Patna pramādo, 21, 30 Udānavarga pramādyate, 172, 259 Udānavarga pramādyeta, 168 Udānavarga pramādyeha, 172 Udānavarga pramuccati, 189, 192, 361 Patna pramucyate, 189, 192, 361 Mahāvastu & Other Texts pramucyate, 189, 192, 361 Udānavarga pramujadi, 377 Gāndhārī pramuñcati, 377 Patna pramuñcati, 389 Udānavarga pramudyeta, 22 Udānavarga pramuhyante, 171 Udānavarga pramokkhanti, 276 Patna pramodate, 16 Udānavarga pramodadi, 16 Gāndhārī pramodanti, 22 Patna pramodia, 22 Gāndhārī pramohanī, 274 Patna prayujyante, 91 Udānavarga praramaṁ, 184 Patna pravaktāraṁ, 76 Udānavarga pravatara, 76 Gāndhārī pravattāraṁ, 76 Patna

pravadido, 407 Gāndhārī pravaddhaṁ ti, 335 Patna pravaddhati, 282 Patna pravaraṁ, 422 Udānavarga pravardhate, 349 Udānavarga pravāti, 54 Patna pravāti, 54 Udānavarga praviṭhasa, 373 Gāndhārī

pravivekarasaṁ, 205 Udānavarga praviśya, 127, 128 Udānavarga praviśya, 127, Mahāvastu & Other Texts praviṣṭasya, 373 Udānavarga praviṣṭassa, 373 Patna praviṣṭāḥ, 146 Udānavarga pravucadi, 265 Gāndhārī pravuccati, 265 Patna praverayadi, 151 Gāndhārī pravrajate, 382 Udānavarga pravrajitaḥ, 184 Udānavarga pravrajitas, 74, 388 Udānavarga pravrajitā, 74 Patna pravrajito, 184 Patna pravrajyā, 313 Udānavarga pravrājayitvā, 388 Udānavarga pravhaguṇo, 148 Gāndhārī praśaṁsanti, 177, 229, 366 Patna praśaṁsanti, 30, 177, 229 Udānavarga praśaṁsitaḥ, 228 Udānavarga praśaṁsito, 228, 230 Patna praśajadi, 230 Gāndhārī praśajidu, 230 Gāndhārī praśansanti, 230 Patna

praśāmyati, 4 Mahāvastu & Other Texts praśāmyati, 4 Udānavarga praśocati, 15, 207 Udānavarga prasanu, 368 Gāndhārī prasaneṇa, 2 Gāndhārī prasannena, 2 Patna prasannena, 2 Udānavarga prasanno, 368 Mahāvastu & Other Texts prasanno, 368 Patna prasanno, 368 Udānavarga prasavati, 201 Mahāvastu & Other Texts prasavate, 201 Udānavarga prasahate, 7, 8 Patna prasahate, 7, 8 Udānavarga prasahadi, 7, 8, 201 Gāndhārī prasaheta, 127, 128 Udānavarga prasaheta, 127,Mahāvastu & Other Texts prasādasya, 70, 106 Mahāvastu & Other Texts prasādasya, 70 Udānavarga praskandinā, 244 Udānavarga praha, 346, 347 Gāndhārī prahattāna, 243 Patna prahatvaṇa, 415 Gāndhārī

prahare, 389 Patna praharea, 389 Gāndhārī praharen, 389 Udānavarga prahāṇaṁ, 331 Mahāvastu & Other Texts prahātaye, 34 Patna prahātavai, 34 Udānavarga prahāya, 20, 267, 329, 346 Udānavarga prahāya, 20, 329, 346 Patna prahāya, 329 Mahāvastu & Other Texts prahāsyanti, 276 Udānavarga prahitātmasya, 373 Udānavarga prahīṇadoṣāya, 94 Udānavarga prahīṇamānassa, 94 Patna prājeti, 135 Patna prājñaṁ, 229 Udānavarga prājñasya, 111, 375 Udānavarga prāṇesu, 142 Patna prātimokkhe, 375 Patna prātimokṣe, 185, 375 Udānavarga prātto, na 134 Pat prāntaṁ, 185 Udānavarga prāntaśayyāsanena, 271 Mahāvastu & Other Te prāpayati, 135 Udānavarga prāpayate, 135 Udānavarga prāpto, 134, 411, 423 Udānavarga prāpnute, 27 Udānavarga prāplavate, 334 Patna prāmojjaṁ, 374 Patna prāmojjabahulo, 376 Patna prāmodyaṁ, 374 Udānavarga prāmodyabahulaḥ, 376 Udānavarga priagaha, 209 Gāndhārī priaṇi, 390 Gāndhārī priu, 217 Gāndhārī prio, 77 Gāndhārī pridipramoju, 374 Gāndhārī priyaṁ, 157, 211, 220 Udānavarga priyaṁ, 77, 130, 157, 158, 211, 217 Patna priyaḥ, 77 ga Udānavar priyaggrāhī, 209 Patna priyagrāhī, 209 Udānavarga priyabhāvo, 211 Udānavarga priyam, 130, 217 Udānavarga priyassa, 210 Patna priyāṇām, 210 Udānavarga priyāto, 212 Patna priyāpriyaṁ, 211 Patna priyāpriyam, 211 Udānavarga priyāvādo, 211 Patna

priyebhyo, 212 Mahāvastu & Other Texts priyehi, 210 Patna priyaiḥ, 210 Udānavarga priyo, 77 Udānavarga prihayaṁ, 365 Patna prihayanti, 94, 181 Patna prītibhakṣā, 200 Udānavarga prudhijaṇe, 59 Gāndhārī preaṇadi, 402 Gāndhārī preca, 15, 16, 306

Gāndhārī precca, 15, 16, 131, 132, 306 Patna pretya, 15, 16, 132, 306 Udānavarga proktāḥ, 133 Udānavarga prodhu, 228 Gāndhārī phanaṇa, 33 Gāndhārī phandanaṁ, 33 Patna phandanaṁ, 33 Pāḷi pharusaṁ, 133, 138 Pāḷi phalaṁ, 66, 164 Udānavarga phalaṇi, 164 Gāndhārī phalaty, 164 a Udānavarg phaladi, 164 Gāndhārī phalam, 334 Gāndhārī phalam, 334 Pāḷi phalam, 334 Udānavarga phalameṣī, 334 Patna phalāni, 164 Patna phalāni, 164 Pāḷi phallati, 164 Patna phallati, 164 Pāḷi phaṣa, 259 Gāndhārī phassaye, 259 Patna phāsukā, 154 Pāḷi phuṭo, 218 Pāḷi phuṭṭhā, 83 Patna phuṭṭhā, 83 Pāḷi phuṭha, 83 Gāndhārī phuṣamu, 272 Gāndhārī phusanti, 23 Patna phusanti, 23 Pāḷi phusāma, 272 Patna phusāmi, 272 Pāḷi phuseyu, 133 Patna phuseyyu, 133 Pāḷi pheṇūpamaṁ, 46 Pāḷi pheṇovamu, 46 Gāndhārī phenopamaṁ, 46 Patna phenopamaṁ, 46 Udānavarga ba, 7, 41, 149, 285, 320, 344, 345, 346 Gān

bata, 41, 159, 197, 198, 199, 200 Udānavarg baddho, 324 Pāḷi banava, 288 Gāndhārī bandhanaṁ, 349 Pāḷi bandhanam, 344, 345, 346 Patna bandhanam, 344, 345, 346 Pāḷi bandhanam, 344, 345,346, 349 Udānavarga bandhavā, 288 Pāḷi bandhuṣu, 284 Udānavarga babaka, 345 Gāndhārī babbajaṁ, 345 Patna bala, 26, 28, 109 Gāndhārī balaṁ, 109 Pāḷi balaṇa, 77, 206 Gāndhārī balaṇeka, 399 Gāndhārī balasaghadacariu, 207 Gāndhārī balānīkaṁ, 399 Pāḷi bali, 280 Gāndhārī balivaddo, 152 Patna balivaddo, 152 Pāḷi balī, 280 Patna balī, 280 Pāḷi balī, 280 Udānavarga balu, 64, 121 Gāndhārī balehi, 207 Gāndhārī balbajaṁ, 345 Udānavarga bahavaḥ, 188 Mahāvastu & Other Texts bahavaḥ, 188, 307 Udānavarga bahavo, 307 Patna bahavo, 307 Pāḷi bahire, 394 Gāndhārī bahu, 258, 259 Pāḷi bahu, 259 Patna bahu, 53, 259 Udānavarga bahuṁ, 19, 53 Patna bahuṁ, 53, 188 Pāḷi bahujano, 320 Patna bahujāgaraḥ, 29 Udānavarga bahujāgaro, 29 Patna bahujāgaro, 29 Pāḷi bahujjano, 320 Pāḷi bahuduḥkhān, 186 Mahāvastu & Other Texts bahunā, 166 Patna bahunā, 166 Pāḷi bahunāpi, 166 Udānavarga bahubhāṇikaṁ, 227 Patna bahubhāṇinaṁ, 227 Pāḷi bahubhāṣiṇam, 227 Udānavarga bahum, 19 Pāḷi

bahuśrutam, 400 Udānavarga bahuśrutyena, 271 Udānavarga bahuśśutañ, Patna 208 bahusaṅkappaṁ, 147 Pāḷi bahussutañ, 208 Pāḷi bahū, 53 Pāḷi bahū, 53, 188 Patna bahūn, 53 Udānavarga baho, 19, 53, 259 Gāndhārī bahojagaru, 29 Gāndhārī bahojaṇo, 320 Gāndhārī bahobhaṇiṇo, 227 Gāndhārī bādhito, 342, 343 Patna bādhito, 342, 343 Pāḷi bādhyate, 150 Udānavarga bāndhavāḥ, 288 Udānavarga bāla, 63 Mahāvastu & Other Texts bāla, 63 Udānavarga bālaṁ, 125 Patna bālaṁ, 125 Pāḷi bālaṁ, 125 Udānavarga bālaḥ, 63 Mahāvastu & Other Texts bālaḥ, 63, 64, 330 Udānavarga bālabhāvena, 63 Mahāvastu xts & Other Te bālam, 71 Patna bālam, 71 Pāḷi bālam, 71 Udānavarga bālamānī, 63 Patna bālasaṁsargacārī, 207 Udānavarga bālasaṅgatacārī, 207 Pāḷi bālasahāyatā, 330 Udānavarga bālasya, 60, 72, 74 Udānavarga bālassa, 72, 74 Patna bālassa, 72, 74 Pāḷi bālā, 26, 66, 171, 177 Pāḷi bālā, 26, 66, 177 Patna bālā, 26, 66, 177, 254 Udānavarga bālāḥ, 121, 171 Udānavarga bālān, 28 Udānavarga bālānaṁ, 60, 206 Pāḷi bālānā, 60 Patna bālānāṁ, 206 Patna bālānāṁ, 206 Udānavarga bālāsaṅgatacārī, 207 Patna bāliśaḥ, 72 Udānavarga bāle, 330 Patna 28, bāle, 28, 61, 330 Pāḷi bāle, 61 Udānavarga bāle, 61, 330 Mahāvastu & Other Texts

bālehi, 207 Patna bālehi, 207 Pāḷi bālair, 207 Udānavarga bālo, 62, 63, 64, 69, 70, 121, 136, 286 Pāḷ bālo, 62, 69, 70, 136, 286 Udānavarga bālo, 63,28664, Patna 70, 121, bālo, 63, 70 Mahāvastu & Other Texts bālo, 70 Gāndhārī bālyaṁ, 63 Pāḷi bāhitapāpo, 388 Pāḷi bāhiraṁ, 394 Pāḷi bāhire, 254, 255 Pāḷi bāhuśoccena, 271 Patna bāhuśrutyena, 271 Mahāvastu & Other Texts bāhusaccena, 271 Pāḷi bāhetvā, 267 Pāḷi bāhyakaṁ, 394 Udānavarga bāhyakaḥ, 254, 255 Udānavarga bi, 19, 20, 64, 65, 100, 101, 108, 121, 122 bitiyaṁ, 236 Patna bitīyatā, 330 Patna bibhyanti, 129, 130 Udānavarga bimbaṁ, 147 Pāḷi bimbam, 147 Udānavarga biṣam, 162 Patna bīraṇaṁ, 335, 337 Pāḷi bīraṇā, 335 Udānavarga bīraṇām, 337 Udānavarga bujjhati, 136, 286 Pāḷi bujjhati, 286 Patna buddhaṁ, 190 Mahāvastu & Other Texts buddhaṁ, 190, 398, 422 Udānavarga buddhaṁ, 398, 419, 422 Pāḷi buddhagatā, 296 Pāḷi buddhagatā, 296 Udānavarga buddhañ, 190 Patna buddhañ, 190 Pāḷi buddham, 179, 180 Mahāvastu & Other Texts buddham, 179, 180 Patna buddham, 179, 180 Pāḷi buddham, 179, 180 Udānavarga buddhaśāsane, 368 Mahāvastu & Other Texts buddhaśāsane, 368 Patna buddhaśāsane, 368, 382 Udānavarga buddhas, 387 Udānavarga buddhasāsane, 368, 381, 382 Pāḷi buddhasya, 183, 185, 194 Udānavarga buddhassa, 75 Patna buddhassa, 75 Pāḷi

buddhā, 184 Patna buddhā, 184 Pāḷi buddhāḥ, 184 Udānavarga buddhāna, 182, 183, 194 Patna buddhāna, 183, 185 Pāḷi buddhānam, 182, 194, 255 Pāḷi buddhānāṁ, 75, 181, 187 Udānavarga buddhānuśāsanaṁ, 183 Mahāvastu & Other Text buddhe, 70, 106 Mahāvastu & Other Texts buddhe, 70 Udānavarga buddhe, Pāḷi buddho, 387 Patna buddho, 387 Pāḷi buddho, 419 Udānavarga budbudikāṁ, 170 Udānavarga budhakada, 296 Gāndhārī budhaṇa, 182 Gāndhārī budhaśaśaṇe, 368 Gāndhārī budhu, 45, 387, 412, 422 Gāndhārī budhyate, 136 Udānavarga bubbudakaṁ, 170 Patna bubbulakaṁ, 170 Pāḷi busaṁ, 252 Patna busaṁ, 252 Udānavarga busu, 252 Gāndhārī bṛṁhayen, 285 Udānavarga beruṇā, 335 Patna beruṇiṁ, 337 Patna byāsattamanasaṁ, 47, 48, 287 Pāḷi byūhaya, 285 Patna bramaṇa, 383, 386, 395, 403, 405, 409, 412, bramaṇasa, 389 Gāndhārī bramaṇasediṇa, 390 Gāndhārī bramaṇi, 389 Gāndhārī bramaṇo, 142, 387, 393 Gāndhārī bramoṇa, 230 Gāndhārī brammaṇa, 383, 385, 386, 391, 396, 398, 399 Gāndhārī brammaṇasa, 389 Gāndhārī brammaṇo, 294, 384, 388, 407 Gāndhārī brammayari, 142 Gāndhārī brammayiyava, 267 Gāndhārī bravīmi, 5, 386, 391, 38 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 41 brahetva, 265, 388 Gāndhārī brahmacariyaṁ, 155, 156, 312 Pāḷi brahmacariyavā, 267 Pāḷi brahmacaryaṁ, 312 Udānavarga brahmacaryam, 155, 156 Udānavarga

brahmacaryavāṁ, 267 Mahāvastu & Other Texts brahmacaryavān, 267 Udānavarga brahmacāri, 142 Mahāvastu & Other Texts brahmacārī, 142 Mahāvastu & Other Texts brahmacārī, 142 Pāḷi brahmacārī, 142 Udānavarga brahmaceraṁ, 155, 156 Patna brahmaññatā, 332 Pāḷi brahmaṇaḥ, 142 Udānavarga brahmuṇā, 105, 230 Patna brahmunā, 105, 230 Pāḷi brāhmaṇa, 383 Patna brāhmaṇa, 383 Pāḷi brāhmaṇa, 383 Udānavarga brāhmaṇaṁ, 385, 386, 391, 395, 3, 404,396, 405, 406, 397, 407, 39 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 41 brāhmaṇaṁ, 385, 386, 391, 396, 397, 398, 39 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, , 421 422, 423 Udānavar brāhmaṇaṁ, 385,

386, 391, 401, 403, 404, 40 brāhmaṇaḥ, 142 Mahāvastu & Other Texts brāhmaṇaḥ, 294, 295, 384, 387, 389, 393 Udā brāhmaṇasya, 389 Udānavarga brāhmaṇasyedṛśam, 390 Udānavarga brāhmaṇassa, 389 Patna brāhmaṇassa, 389 Pāḷi brāhmaṇassetad, 390 Pāḷi brāhmaṇā, 105 Udānavarga brāhmaṇo, 142 Mahāvastu & Other Texts brāhmaṇo, 142, 294, 295, 384, 387, 388, 389 brāhmaṇo, 142, 294, 384, 387, 389, 392, 393 brāhmaṇo, 388 Udānavarga brāhmaṇyatā, avarga332 Udān brāhmannatā, 332 Patna brūthaḥ, 133 Udānavarga brūmi, 222, 385, 386, 391, 395, 396, 397, 3 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 41 brūmi, 243,401, 385, 403, 404,386, 408 Patna391, brūhaya, 285 Pāḷi bromi, 222, 386, 391, 396, 399, 401, 402, 403, 405, 406, 407, 408, 412, 413, 415, 419, 420, 422 Gāndhārī brommaṇa, 396 Gāndhārī brommi, 385, 395, 398, 403, 404, 409, 420, broha, 285 Gāndhārī bhakava, 19, 20 Gāndhārī bhakteṣu, 185 Udānavarga bhaggā, 154 Pāḷi bhagnā, 154 Udānavarga bhajati, 303 Pāḷi bhajate, 303 Patna

bhajamānasya, 76 Udānavarga bhajamānassa, 76 Patna bhajamānassa, 76 Pāḷi bhajassu, 376 Pāḷi bhaje, 76 Patna bhaje, 76, 78 Pāḷi bhajet, 76, 78 Udānavarga bhajeta, 78 Udānavarga bhajetha, 78, 208 Pāḷi bhajetha, 78, 376 Patna bhajed, 78 Udānavarga bhañji, 337 Pāḷi bhaṇaṁ, 264 Patna bhaṇaṁ, 264 Pāḷi bhaṇi, 224, 264 Gāndhārī bhaṇe, 224 Patna bhaṇe, 224 Pāḷi bhattasmiṁ, 185 Pāḷi bhada, 222 rī Gāndhā bhaddaṁ, 337 Pāḷi bhadraṁ, 119, 120, 337 Udānavarga bhadraṁ, 119, 120, 337, 380 Patna bhadraṁ, 119, 120, 380 Pāḷi bhadrañu, 337 Gāndhārī bhadram, 120 Udānavarga bhadraśu, 29 Gāndhārī bhadrāṇi, 120 Patna bhadrāṇi, 120 Udānavarga bhadrāni, 120 Pāḷi bhadrāśvaṁ, 29 Udānavarga bhadrāśvam, 380 Udānavarga bhadrāśvo, 143 Udānavarga bhadro, 120, 143, 144 Pāḷi bhadro, 120, 144 Patna bhadro, 120, 144 Udānavarga bhantaṁ, 222 Pāḷi bhamaṇa, 301 Gāndhārī bhamaru, 49 Gāndhārī bhamaro, 49 Pāḷi bhamassu, 371 Pāḷi bhametsu, 371 Gāndhārī bhayaṁ, 39, 123, 212, 213, 214, 215, 216, 2 bhayaṁ, 39, 123, 212, 283 Patna bhayatajjitā, 188 Patna bhayatajjitā, 188 Pāḷi bhayatarjitāḥ, 188 Udānavarga bhayadaṁśāvī, 317 Patna bhayadaṁśino, 31, 32 Patna bhayadarśakaḥ,ga 31, 32 Udānavar

bhayadarśavi, 317 Gāndhārī bhayadaśima, 31, 32 Gāndhārī bhayadassino, 317 Pāḷi bhayadassivā, 31, 32 Pāḷi bhayam, 212 Mahāvastu & Other Texts bhayam, 39, 212, 214, 215, 283 Udānavarga bhayamaṇaṇa, 76 Gāndhārī bhayavarjitāḥ, 188 Mahāvastu & Other Texts bhayi, 76, 317 Gāndhārī bhaye, 317 Patna bhaye, 317 Pāḷi bhayea, 208, 376 Gāndhārī bhava, 236, 238 Pāḷi bhava, 302 Gāndhārī bhavaṁ, 383 Patna bhavaḥ, 93, 282 Udānavarga bhavata, 283, 327 Udānavarga bhavati, 187, 266 Mahāvastu & Other Texts bhavati, 19, 20, 52, 66, 72, 76, 77, 96, 177, 184, 187, 205, 249, 259, 260, 262, 266, 312, 325, 356, 357, 358, 359, 373, 375, 396 Udānavar bhavati, 249, 266, 375 Pāḷi bhavati, 266 Gāndhārī bhavati, 266, 375 Patna bhavadi, 306, 375 Gāndhārī bhavanti, 83, 288, a 341 Udānavarg bhavanti, 83, 306, 341 Patna bhavanti, 95, 306, 341 Pāḷi bhavasa, 348 Gāndhārī bhavasaṁkṣayaḥ, 282 Udānavarga bhavasallāni, 351 Pāḷi bhavasya, 348 Udānavarga bhavassa, 348 Patna bhavassa, 348 Pāḷi bhavāḥ, 302 Udānavarga bhavātha, 144 Pāḷi bhavāya, tna 282 Pa bhavāya, 282 Pāḷi bhavāya, 282 Udānavarga bhavidatvaṇa, 106, 107 Gāndhārī bhaviṣadi, 264 Gāndhārī bhaviṣyati, 228, 264 Patna bhaviṣyati, 228, 264, 369 Udānavarga bhaviṣyasi, 383 Udānavarga bhaviṣyāmo, 200

Udānavarga bhavissati, 228, 264 Pāḷi bhavissāma, 200 Pāḷi bhavet, 160, 166, 203, 206, 218, 232, 233, bhavel, 167 Udānavarga bhaṣadi, 1, 2, 259 Gāndhārī

bhaṣamaṇa, 19, 20 Gāndhārī bhaṣi, 102 Gāndhārī bhaṣida, 363 Gāndhārī bhasmacchanno, 71 Pāḷi bhasmācchanna, 71 Udānavarga bhassachanno, 71 Patna bhāgavā, 19, 20 Patna bhāgavā, 19, 20 Pāḷi bhāgavāṁ, 19 Udānavarga bhāgī, 20 Udānavarga bhātaro, 288 Patna bhāyanti, 129 Pāḷi bhāvanam, 73 Patna bhāvanam, 73 Pāḷi bhāvanāya, 301 Patna bhāvanāya, 301 Pāḷi bhāvanāyāṁ, 301 Udānavarga bhāvayata, 87 Udānavarga bhāvayatī, 350 Pāḷi bhāvayate, 350 Udānavarga bhāvi, 106 Patna bhāvitattānaṁ, 106, 107 Pāḷi bhāvitāttānaṁ, 107 Patna bhāvitātmānaṁ, 107 Mahāvastu & Other Texts bhāvitātmānaṁ, 107 Udānavarga bhāvetha, 87 Patna bhāvetha, 87 Pāḷi bhāṣati, 9 Patna 25 bhāṣate, 1, 2 Patna bhāṣate, 1, 2, 259 Udānavarga bhāṣamāṇo, 19, 20 Udānavarga bhāṣamāno, 19, 20 Patna bhāṣitaṁ, 363 Patna bhāṣitam, 363 Udānavarga bhāṣe, 102 Patna bhāṣed, 102 Udānavarga bhāsati, 1, 2, 246, 258, 259 Pāḷi bhāsate, 172, navarga 173, 382 Udā bhāsamāno, 19, 20 Pāḷi bhāsitaṁ, 363 Pāḷi bhāse, 102 Pāḷi bhikkhate, 266 Pāḷi bhikkhavo, 243, 283, 377 Pāḷi bhikkhavo, 243, 377 Patna bhikkhu, 31, 32, 75, 142, 266, 272, 343, 361, 363, 364, 365, 366, 368, 369, 370, 371, 378, 379, 381, 382 Pāḷi bhikkhu, 369 Patna bhikkhuṁ, 362 Patna bhikkhuṁ, 362 Pāḷi

bhikkhuṇo, 373, 375 Patna bhikkhuno, 373, 375 Pāḷi bhikkhusu, 73 Patna bhikkhusu, 73 Pāḷi bhikkhū, 267, 367 Pāḷi bhikkhū, 31, 32, 142, 272, 361, 363, 364, 3 bhikṣate, 266 Mahāvastu & Other Texts bhikṣate, 266 Udānavarga bhikṣadi, 266 Gāndhārī bhikṣavaḥ, 87, 283, 377 Udānavarga bhikṣavi, 283, 377 Gāndhārī bhikṣu, 266, 272, 364, 369 Mahāvastu & Othe bhikṣu, 266, 272, 364, 369 Udānavarga bhikṣuṁ, 362 Mahāvastu s & Other Text bhikṣuḥ, 142, 361, 368 Mahāvastu & Other Te bhikṣuḥ, 31, 32, 142, 361, 362, 365, 368 Ud bhikṣuṇaḥ, 96, 373, 375 Udānavarga bhikṣur, 266, 267, 272, 363, 364, 367, 378 bhikṣuṣu, 73 Udānavarga bhikṣū, 267 Mahāvastu & Other Texts bhikṣor, 369 Udānavarga bhikhu, 31, 32, 142, 234, 266, 267, 272, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371 Gāndhārī bhikhuṇo, 373, 375 Gāndhārī bhijjati, 148 Pāḷi bhijjīhiti, 148 Patna bhiyyo, 17, 18, 313, 349 Pāḷi bhivardhate, 24 Udānavarga bhītasya, 310 Udānavarga bhītassa, 310 Patna bhītassa, 310 Pāḷi bhītābhir, 310 Udānavarga bhītāya, 310 Patna bhītāya, 310 Pāḷi bhuṁjeya, 70 Mahāvastu & Other Texts bhuktās, 308 Udānavarga bhujea, 308 Gāndhārī bhuñjati, 324 Pāḷi bhuñjīta, 70, 308 Udānavarga bhuñjetha, 70 Pāḷi bhuñjeya, 70, 308 Patna bhuñjeyya, 308 Pāḷi bhuta, 308 Gāndhārī bhuttā, 308 Patna bhutto, 308 Pāḷi bhudeṣu, 142, 405 Gāndhārī

bhummaṭṭhe, 28 Pāḷi

bhusā, 339 Pāḷi bhūtāni, 131, 132 Patna bhūtāni, 131, 132 Pāḷi bhūtāni, 131, 132, 405 Udānavarga bhūteṣu, 142 Mahāvastu & Other Texts bhūteṣu, 142, 405 Udānavarga bhūtesu, 142, 405 Pāḷi bhūtehi, 142 Mahāvastu & Other Texts bhūmiṁ, 98 Pāḷi bhūmisthāṁ, 28 Udānavarga

madhuvad, navarga 69 Udā madhuvā, 69 Pāḷi madhye, 348, 421 Udānavarga manaṁ, 96 Pāḷi manaḥ, 116, 300, 301 Udānavarga manaḥpūrvaṅgamā, 1, 2 Udānavarga manaḥpradoṣaṁ, 233 Udānavarga manaḥśreṣṭhā, 1, 2 Udānavarga manaḥsucaritaṁ, 233 Udānavarga manapradoṣaṁ, 233 Patna manabhaṇi, 227 Gāndhārī manasā, 1, 2, 218, 233, 234, 281, 361, 391 manasā, 1, 2, 233, 234, 281, 361, 391 Udāna manasā, 1, 2, 233, 281, 361, 391 Patna manasā, 361 Mahāvastu & Other Texts manasānāvilo, 218 Udānavarga manaso, 390 Pāḷi manaso, 390 Udānavarga manāpassavanā, 339 Pāḷi manujasya, 334 Udānavarga manujassa, 334 Patna manujassa, 334 Pāḷi manujā, 103 Mahāvastu & Other Texts manujau, 306 Udānavarga manuṣyā, 188 Mahāvastu & Other Texts manuṣyā, 188 Patna manuṣyā, 188, 321 Udānavarga manuṣyāṇāṁ, navarga 321 Udā manuṣyeṣu, 85, 197, 198, 199 Udānavarga manuṣyesu, 85, 197, 199, 321 Patna manussapaṭilābho, 182 Pāḷi manussā, 188 Pāḷi manussesu, 85, 197, 198, 199, 321 Pāḷi mano, 116, 300, 301 Pāḷi mano, 96, 116, 300, 301 Patna mano, 96, 390 Udānavarga manojavā, 1, 2 Patna manojavāḥ, 1, 2 Udānavarga manoduccaritaṁ, 233 Patna manoduccaritaṁ, 233 Pāḷi manoduścaritaṁ, 233 Udānavarga manopakopaṁ, 233 Pāḷi manopubbaṅgamā, 1, 2 Pāḷi manopūrvvaṁgamā, 1, 2 Patna manomayā, 1, 2 Pāḷi manoramaṁ, 58 Patna manoramaṁ, 58 Pāḷi manoramam, 58 Udānavarga manośreṣṭhā, 1, 2 Patna

manoseṭṭhā, 1, 2 Pāḷi mantabhāṇī, 363 Pāḷi mantā, 241 Pāḷi mantābhāṣī, 363 Patna mandabhāṣī, 363 Udānavarga mandam, 325 Udānavarga mando, 325 Pāḷi manyate, 69 Udānavarga manyeta, 121, 122 Udānavarga manyeyā, 122 Patna mamāyitaṁ, 367 Pāḷi mamāyitam, 367 Udānavarga mameva, 74 Patna mameva, 74 Pāḷi mayam, 6 Pāḷi mayā, 275 Patna mayā, 275 Pāḷi mayā, 275 Udānavarga maraṇaṁ, 243 Patna maraṇantaṁ, 148 Pāḷi maraṇāttaṁ, 148 Patna maraṇāntaṁ, 148 Udānavarga marasa, 46Gāndhārī mariyi, 46 Gāndhārī marīcikaṁ, 170 Patna marīcikaṁ, 170 Pāḷi marīcikām, 170 Udānavarga marīcidhammaṁ, 46 Patna marīcidhammaṁ, 46 Pāḷi marīcidharmaṁ, 46 Udānavarga maro, 57 Gāndhārī margamargasa, 403 Gāndhārī martyaṁ, 141 Udānavarga martyam, 220 Udānavarga martyena, 53 Udānavarga mala, 388 Gāndhārī malaṁ, 240, 241, 242, 243, 388 Pāḷi malaṁ, 243 Patna malaḥ, 240 Udānavarga malaguṇa, 53 Gāndhārī malataraṁ, 243 Patna malataraṁ, 243 Pāḷi malam, 239 Patna malam, 239 Pāḷi malam, 239 Udānavarga malā, 242, 243 Pāḷi malān, 388 Udānavarga malia, 54 Gāndhārī malitthiyā, 242 Pāḷi

mātaṅgarañño, 329, 330 Pāḷi mātaṅgāraṇyanāgavat, 330 Mahāvastu & Other mātaṅgāraṇye, 330 Udānavarga mātaraṁ, 294 Patna mātaraṁ, 294, 295 Pāḷi mātaraṁ, 294, 295 Udānavarga mātaram, 284 Udānavarga mātari, 284 Patna mātari, 284 Pāḷi mātā, 43 Pāḷi mātā, 43 Udānavarga mātṛvyatā, 332 Udānavarga mātṛsaṁbhavam, 396 Udānavarga māttāsukhaṁ, 290 Patna māttāsukhapariccāgā, 290 Patna mātrajñaṁ, 8 Udānavarga mātrajñatā, 185 Udānavarga mātrāsukhaṁ, 290 Udānavarga mātrāsukhaparityāgād, 290 Udānavarga mātreatā, 332 Patna mātsaryaṁ, 73 Udānavarga mānaṁ, 221 Patna mānaṁ, 221 Pāḷi mānaṁ, 221 Udānavarga mānāphassamayā, 339 Patna mānuṣe, 103 Patna mānuṣyakāṁ, 417 Udānavarga mānusakaṁ, 417 Pāḷi mānuse, 103 Pāḷi māno, 150, 407 Udānavarga māno, 74, 150, 407

Pāḷi māpādi, 272 Pāḷi māppamaññetha, 121, 122 Pāḷi mām, 3, 4 Mahāvastu & Other Texts mām, 3, 4, 121, 122 Udānavarga māyāvī, 262 Udānavarga māraṁ, 40 Patna māraṁ, 40 Udānavarga māraṁ, 40, 175 Pāḷi māradheyaṁ, 34 Patna māradheyaṁ, 34 Udānavarga māradheyyaṁ, 34 Pāḷi mārabaṁdhanā, 37, 276 Patna mārabandhanaṁ, 350 Pāḷi mārabandhanam, 276 Udānavarga mārabandhanā, 37, 276 Pāḷi mārasya, 46 Udānavarga mārassa, 46 Patna mārassa, 46 Pāḷi

mārasse, 274 Patna mārassetaṁ, 274 Pāḷi māro, 57, 105 Udānavarga mār o, 7, 8, 57, 105 Patna māro, 7, 8, 57, 105, 337 Pāḷi mārgaṁ, 191 Mahāvastu & Other Texts mārgaṁ, 57, 191, 280, 289 Udānavarga mārgam, 123, 281 Udānavarga mārgas, 275 Udānavarga mārgāmārgeṣu, 403 Udānavarga mārgeṣv, 273 Udānavarga mārgo, 277, varga 278, 279 Udāna mālāguṇāṁ, 53 Udānavarga mālāguṇe, 53 Patna mālāguṇe, 53 Pāḷi mālutā, 162 Udānavarga mālutā, 334 Patna māluteva, 334 Udānavarga māluvā, 162, 334 Pāḷi māvoca, 133 Pāḷi māse, 70, 106 Mahāvastu & Other Texts māse, 70, 106 Patna māse, 70, 106 Pāḷi māse, 70, 106 Udānavarga mi, 230 Gāndhārī micchadṛṣṭiṁ, 167 Patna micchadṛṣṭisamādānā, 316, 317, 318 Patna micchasaṁkappagocarā, 11 Patna micchādiṭṭhiṁ, 167 Pāḷi micchādiṭṭhisamādānā, 316, 317, 318 Pāḷi micchāpaṇihitaṁ, 42 Pāḷi micchāsaṅkappagocarā, 11 Pāḷi michadiṭhi, 167 Gāndhārī michadiṭhisamadaṇa, 316, 317 Gāndhārī michasaggapagoyara, 11 Gāndhārī mitabhāṇikaṁ, 227 Patna mitabhāṇinam, 227 Pāḷi mitte, 376 Patna mitte, 78, 376 Pāḷi mitra, 204, 376 Gāndhārī mitraṁ, 78, 204 Udānavarga mitrāś, 219 Udānavarga mitre, 78 Patna mithyādṛṣṭiṁ, 167 Udānavarga mithyādṛṣṭisamādānāt, 316 Udānavarga mithyāpraṇihitaṁ, 42 Udānavarga mithyāsaṁkalpagocarāḥ, 11 Udānavarga middhī, 325 Pāḷi middhī, 325 Udānavarga

miyadi, 21 Gāndhārī mīyanti, 21 Pāḷi mu, 200 Gāndhārī mukto, 344 arga Udānav mukhasaṁyato, 363 Pāḷi mukhe, 363 Patna mukhena, 363 Udānavarga mucuṇo, 21 Gāndhārī muccati, 389 Patna muccati, 71 Pāḷi mucceya, 389 Patna mucceyya, 127 Pāḷi mucchati, 71 Patna mujadi, 389 Gāndhārī muju, 348 Gāndhārī mujea, 389 Gāndhārī muñca, 348 Patna muñca, 348 Pāḷi muñca, 348 Udānavarga muñcati, 389 Pāḷi muñceta, 389 Udānavarga muñcetha, 389 Pāḷi muṇi, 49, 423 Gāndhārī muṇḍakena, 264 Pāḷi muṇḍabhāvā, 264 Patna muṇḍabhāvāc, 264 Udānavarga muṇḍabhāvo, 141 Mahāvastu & Other Texts muto, 172,rī 344 Gāndhā mutto, 172, 173, 344, 382 Pāḷi mutto, 344 Patna mudu, 21 Gāndhārī muddham, 72 Patna muddham, 72 Pāḷi munayo, 225 Patna munayo, 225 Pāḷi munayo, 225 Udānavarga munāti, 269 Pāḷi muni, 269, 423 Pāḷi muniḥ, 423 Udānavarga muniś, 49 Udānavarga munī, 49 Patna munī, 49, 268, 269 Pāḷi muṣāvādissa, 176 Patna musāvādañ, 246 Pāḷi musāvādissa, 176 Pāḷi muhuta, 65, 106, 107 Gāndhārī muhutu, 112, 113 Gāndhārī muhuttam, 65, 106, 107 Patna muhuttam, 65, 106, 107 Pāḷi

muhūrtam, 107 Mahāvastu & Other Texts muhūrtam, 65, 107 Udānavarga muheṇa, 363 Gāndhārī mūrchati, 71 Udānavarga mūrdhānaṁ, 72 Udānavarga mūlaṁ, 247, 337, 340 Pāḷi mūlaghaccaṁ, 250, 263 Pāḷi mūle, 338 Patna mūle, 338 Pāḷi mūlair, 338 Udānavarga mūlo, 250 Patna mūḷharūpo, 268 Pāḷi mṛtāḥ, 21 Udānavarga mṛtyuḥ, 128

Udānavarga mṛtyudheyasya, 86 Udānavarga mṛtyunaḥ, 21 Udānavarga mṛtyur, 47, 287 Udānavarga mṛtyurājaṁ, 170 Udānavarga mṛtyurājasya, 46 Udānavarga mṛṣāvādasya, 176 Udānavarga me, 121, 122 Gāndhārī me, 3, 4, 121, 122 Patna me, 3, 4, 17, 18 Pāḷi me, 62, 159 Udānavarga mettāvihārī, 368 Patna mettāvihārī, 368 Pāḷi metravihara, 368 Gāndhārī medhakā, 6 Patna medhakāḥ, 6 Mahāvastu & Other Texts medhagā, 6 Pāḷi medhavi, 25, 26, 76, 229, 403 Gāndhārī medhāḍhyaṁ, 403 Udānavarga medhāviṁ, 229, 403 Patna medhāviṁ, 76, 229, 403 Pāḷi medhāvinaṁ, 229 Udānavarga medhāvī, 25, 26, 33, 239, 263 Udānavarga medhāvī, 25, 26, 33, 36, 239, 257, 263 Pāḷi medhāvī, 25, 26, 33, 36, 78, 239, 261, 263 medhāvīṁ, 76 Patna maitrāye, 369 Mahāvastu & Other Texts maitrāvihārī, 368 Mahāvastu & Other Texts maitrāvihārī, 368 Udānavarga mokkhaṁte, 37 Patna mokkhanti, 37 Pāḷi moghajiṇṇo, 260 Pāḷi modati, 16 Pāḷi modate, 174 Udānavarga modadi, 193 Gāndhārī monena, 268 Pāḷi

moṣasaṁkalpaṁ, 147 Udānavarga mohaṁ, 20 Patna mohaṁ, 20 Pāḷi mohaṁ, 20 Udānavarga mohajiṇo, 260 Gāndhārī mohajīrṇaḥ, 260 Udānavarga mohadoṣā, 358 Patna mohadoṣā, 358 Udānavarga mohadosā, 358 Pāḷi moham, 141 Mahāvastu & Other Texts moham, 414 Pāḷi mohasamaṁ, 251 Pāḷi mohasamaṁ, 251 Udānavarga mohotu, 115 Gāndhārī mrakṣaś, 150, 407 Udānavarga mriyante, 21 Udānavarga mrīyanti, 21 Patna ya, 291, 335, 414 Udānavarga ya, 389 Patna ya, 8, 25, 55, 64, 65, 83, 100, 101, 102, 106, 107, 108, 112, 113, 115, 142, 150, 163, 292, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 305, 306, 314, 345, 372,408, 398, 421, 423 Gāndhā yaasa, 260 Gāndhārī yaea, 106 Gāndhārī yaṁ, 25, 66, 67, 68, 76, 100, 101, 102, 108 yaṁ, 41, 56, 229 Udānavarga yaṁ, 66, 67, 68, 76, 100, 102, 108, 163, 22 yaḥ, 103, 164, 290, 309, 362, 402, 411 Udān yac, 100, 102, 104, 107, 110, 111, 112, 113 yac, 106, 107 Patna yaca, 393 Gāndhārī yacchāyam, 104 Patna yaj, 76 Udānavarga yajati, 108 Mahāvastu & Other Texts yajati, 108 Udānavarga yajate, 108 Patna yajeta, 106 Mahāvastu & Other Texts yajetha, 106, 108 Pāḷi yajeya, 106 Patna yañ, 106, 107, 229, 308 Pāḷi yaṭha, 108 Gāndhārī yaṇimaṇi, 149 Gāndhārī yat, 108 Mahāvastu & Other Texts yat, 67, 68, 108, 176, 292, 312, 314 Udānav yataḥ, 374 Udānavarga yato, 277, 279 Patna yato, 374 Udānavarga yato, 374, 390 Pāḷi yattha, 87, 98, 193, 225 Patna yattha, 87, 99, 150, 171, 193, 225 Pāḷi

yatthakāmaṁ, 326 Pāḷi yatthakāmanipātinaṁ, 36 Patna yatthakāmanipātinaṁ, 36 Pāḷi yatthakāmanipātino, 35 Patna yatthakāmanipātino, 35 Pāḷi yatthaṭṭhitaṁ, 128 Pāḷi yatthaṭṭhito, 127 Pāḷi yattharahanto, 98 Pāḷi yatra, 127, 128, 150, 171, 193, 225 Udānava yatra, 150, 193 Gāndhārī yatra, 127, 193 Mahāvastu & Other Texts yatrakāmanipātinaḥ, 35 Udānavarga yatrārhanto, 98 Udānavarga yatrāsau, 193 Udānavarga yatha, 49, 51, 52, 82, 252, 377 Gāndhārī yathaññam, 159 Pāḷi yathattanā, 323 Pāḷi yathā, 13, 14, 21, 49, 51, 52, 53, 58, 64, 282, 304, 311, 315, 338 Pāḷi yathā, 13, 14, , 53, 58, 21, 81, 82, 94, 49,135, 162, 51, 170, 252, 52282, 311, 323, 338, 374 Patna yathā, 13, 14, 58, 82, 94, 134, 135, 159, 1 377, 390 Udānavarga yathāṁñam, 159 Patna yathāṅkuśena, 326 Udānavarga yathāpasādanaṁ, ḷi 249 Pā yathāpi, 49, 51, 52, 53, 338 Udānavarga yathāpy, 81 Udānavarga yathāprasādanaṁ, 249 Patna yathābhūtaṁ, 203 Pāḷi yathābhūtaṁ, 75, 203 Patna yathābhūtaṁ, 75, 203 Udānavarga yathābhūtāni, 190 Patna yathāvibhavato, 249 Udānavarga yathāśraddhaṁ, 249 Patna yathāśvaḥ, 144 Udānavarga yathāsaddhaṁ,

249 Pāḷi yathāsukhaṁ, 326 Pāḷi yatheṣṭam, 326 Udānavarga yathainaṁ, 162 Udānavarga yathaiva, 125 Udānavarga yathodakāt, 285 Udānavarga yad, 292, 345 Patna yad, 345 Pāḷi yad, 374, 390 Gāndhārī yad, 66, 163, ga 345 Udānavar yada, 53, 277, 278, 279, 384 Gāndhārī yadā, 28, 119, 120, 384 Patna yadā, 28, 69, 119, 120, 190, 277, 278, 279,

yadā, 28, 69, 119, 120, 277, 278, 279, 325, yadi, 29, 294 Gāndhārī yadi, 98 Patna yadi, 98 Udānavarga yadi, 98,195 Pāḷi yado, 374, 390 Gāndhārī yadvat, 252 Udānavarga yadvad, 219 Udānavarga yadha, 13, 14, 21, 28, 58, 81, 162, 311 Gān yadhabhudu, 203 Gāndhārī yantaṁ, 42 Pāḷi yanti, 126, 175, 188, 225 Pāḷi yam, 222 Udānavarga yam, 25 Patna yamapurisā, 235 Pāḷi yamapuruṣā, 235 Patna yamaloka, 44, 45 Gāndhārī yamalokaṁ, 44, 45 Patna yamalokaṁ, 44, 45 Udānavarga yamalokañ, 44, 45 Pāḷi yamassa, 237 Pāḷi yamāmase, 6 Pāḷi yamhā, 392 Pāḷi yamhi, 261, 372, 392 Patna yamhi, 261, 372, 393 Pāḷi yamhiṁ, 99 Patna yayadi, 108Gāndhārī yayā, 408 Udānavarga yayida, 224 Gāndhārī yavajiva, 64 Gāndhārī yavada, 259, 266 Gāndhārī yavaditha, 337 Gāndhārī yaś, 103, 389 Udānavarga yaśabhoasamapidu, 303 Gāndhārī yaśabhogasamāhito, 303 Patna yaśidha, 24 Gāndhārī yaśo, 24 Patna yaśo, navarga24 Udā yaṣṭaṁ, 108 Patna yas, 10, 56, 172, 190, 222, 259, 265, 267, yas, 190 Mahāvastu & Other Texts yasa, 162, 367, 372, 385, 390, 420, 421 Gān yasobhivaḍḍhati, 24 Pāḷi yasobhogasamappito, 303 Pāḷi yasya, 179, &180 Other Texts Mahāvastu yasya, 391, 407 Gāndhārī yasya, 67, 68, 147, 173, 179, 180, 250, 367, 385, 391, 392, 393, 407, 410, 420, 421 Udānavarga yasyālayo, 411 Udānavarga

yasyendriyāṇi, 94 Udānavarga yassa, 67, 68, 89, 162, 179, 180, 250, 339, 385, 391 Patna yassa, 67, 68, 93, 147, 162, 173, 179, 180, 250, 263, 339, 367, 385, 389, 391, 407, 410, 420, 421 Pāḷi yassālayā, 411 Pāḷi yassāsavā, 93 Pāḷi yassindriyāni, 94 Pāḷi yassendriyāṇi, 94 Patna yā, 104, 331, 345 Pāḷi yā, 331 Mahāvastu & Other Texts yā, 345 Patna yā, 345 Udānavarga yāṁ, 100, 101 Mahāvastu & Other Texts yācito, 224 Patna yācito, 224 Pāḷi yāti, 29 Patna yāti, 29, 179, 294, 295 Pāḷi yāti, 29, 294, 295, 321 Udānavarga yānimāni, 149 Pāḷi yānīmāny, 149 Udānavarga yānīmānyapaviddhāni, 149 s Mahāvastu & Other yānehi, 323 Pāḷi yānti, 126, 175, 188, 225 Patna yānti, 175, 188, 225, 342 Udānavarga yānti, 188 Mahāvastu & Other Texts yāmaṁ, 157 Pāḷi yāmaṁ, 157 Udānavarga yāmānaṁ, 157, 158 Patna yāya, 408 Pāḷi yāyaṁ, 56 Pāḷi yāva, 119, 120 Patna yāva, 69, 119, 120, 284, 333 Pāḷi yāvaṁt, 337 Patna yāvaj, 333 Udānavarga yāvaj, 64, 333 Patna yāvajīvam, 64 Pāḷi yāvajjīvaṁ, 64 Udānavarga yāvat, 69, 119 Udānavarga yāvatā, 258, 259, 266 Pāḷi yāvatā, 259, 260, 266, 284 Udānavarga yāvatā, 259, 266, 284 Patna yāvatā, astu 266 & Other Mahāv Texts yāvad, 72 Patna yāvad, 72 Pāḷi yāvad, 72, 120 Udānavarga yāvantaḥ, 337 Udānavarga yāvantettha, 337 Pāḷi yi, 163, 168, 169, 228, 371 Gāndhārī yiṭṭhaṁ, 108 Pāḷi

yu, 315, 337 Gāndhārī yuktaṁ, 8 Udānavarga yukto, 224 Udānavarga yuji, 209 Gāndhārī yujya, 209 Udānavarga yujyate, 382 Udānavarga yuñjati, 382 Pāḷi yuñjam, 209 Pāḷi yuñjiyāttānaṁ, 209 Patna yudhyeta, 40 Udānavarga yuvā, 280 Patna yuvā, 280 Pāḷi yuṣmābhir, 276 Udānavarga yuha, 404 Gāndhārī ye, 21, 164, 347 Gāndhārī ye, 3, 4, 21, 85,86, 92, 181, 341 Udānavarga ye, 3, 4, 6 Mahāvastu & Other Texts ye, 3, 4, 6, 21, 37,

50, 74, 85, 86, 89, 92, 159, 165, 181, 225, 341 Patna ye, 3, 4, 6, 21, 37, 85, 86, 89, 92, 181, 2 yeti, 280 Patna yena, 270 Pāḷi yena, 326 Udānavarga yenatthaṁ, 256 Pāḷi yenassa, 260 Pāḷi yenicchakaṁ, 326 Pāḷi yenecchakaṁ, 326 Udānavarga yeva, 47 Gāndhārī yeva, 48, 106, 107 Pāḷi yeṣa, 200, 293, 296, 297, 298, 299, 300, 30 yeṣāṁ, 92, 93, 200, 211, 293, 296, 297, 298 yeṣāṁs, 89 Udānavarga yesa, 92 Pāḷi yesa, 92, 93 Patna yesaṁ, 200, 211, 293 Patna yesaṁ, 89, 92, 200, 211, 296, 297, 298, 299 yesañ, 293 Pāḷi yesā, 93 Patna yesāṁ, 92, 299, 300, 301 Patna yo, 63, 103, 106, 107, 110, tu &112, Other Texts 113, 114, yo, 9, 10, 31, 32, 76, 84, 102, 103, 106, 107, 110, 112, 113, 114, 115, 118, 172, 222, 229, 259, 265, 267, 290, 291, 306, 363, 366, 368, 389, 390, 399, 401, 402, 405, 409, 412, 415, 419, 423 Gāndhārī yo, 9, 10, 56, 63, 97, 102, 103, 106, 107, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 125, 131, 132, 137, 143, 164, 172, 190, 222, 246, 247, 249, 256, 259, 265, 267, 268, 269, 306, 336, 344, 350, 363, 368, 382, 397, 399, 401, 402, 405, 41 yo, 9, 10, 56, 63, 97, 102, 103, 106, 107, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 125, 131, 132, 164, 172, 190, 249, 259, 265, 267, 281, 291, 306, 321, 336, 344, 363, 368, 401 Patna yo, 9, 56, 63, 70, 97, 103, 106, 107, 110, 112, 113, 114, 115, 125, 131, 132, 137, 162, 249, 259, 267, 321, 322, 325, 344, 350, 368, 397, 399, 401, 405, 408, 411, 415, 419, 423

Udānavarga yoaseva, 209 Gāndhārī yoi, 280 Gāndhārī yogaṁ, 417 Pāḷi yogakkhemaṁ, 23 Pāḷi yogakṣemam, 23 Udānavarga yogacchemaṁ, 23 Patna yogamhi, 209 Patna yogasmiñ, 209 Pāḷi yogā, 282 Patna yogā, 282 Pāḷi yogād, Udānavarga 282 yoge, 209 Udānavarga yojanaṁ, 60 Patna yojanaṁ, 60 Pāḷi yojanam, 60 Udānavarga yoṇekamatrasabhamu, 396 Gāndhārī yotivākyaṁ, 321 Pāḷi yodha, 267, 409, 412, 415, 416 Pāḷi yodhetha, 40 Pāḷi yodheya, 40 Patna yonijaṁ, 396 Pāḷi yonijaṁ, 396 ga Udānavar yoniśas, 326 Udānavarga yoniso, 326 Pāḷi yobbane, 155, 156 Pāḷi yoyaṁ, 56 Patna yovvane, 155, 156 Patna yauvane, 155, 156 Udānavarga raṁsanti, 99 Patna raṁsyante, 99 Udānavarga raka, 369, 377 Gāndhārī rakarata, 347 Gāndhārī raku, 7, 8, 13, 14 Gāndhārī rako, 150, 407 Gāndhārī rakkhatāṁ, 241 Patna rakkhati, 26 Patna rakkhati, 26 Pāḷi rakkhato, 241 Pāḷi rakkhatha, 315 Patna rakkhe, 40 Patna rakkhe, 40 Pāḷi rakkhetha, 36 Pāḷi rakkheya, 36 Patna rakkheyā, 157, 158, 231, 232, 233 Patna rakkheyya, 157, 231, 232 , 233 Pāḷi rakṣati, 26 Udānavarga rakṣadi, 26 Gāndhārī rakṣeta, 231, 232, 233 Udānavarga

rakṣed, 40, 157 Udānavarga rakhkṣa, 7 Gāndhārī rajaṁ, 313 Pāḷi rajaḥ, 125, 313 Udānavarga rajatasyaiva, 239 Udānavarga rajatasseva, 239 Patna rajatasseva, 239 Pāḷi rajo, 125 Patna rajo, 125 Pāḷi rajocelaṁ, 141 Patna rajojalaṁ, 141 Mahāvastu & Other Texts rajomalaṁ, 141 Udānavarga raṭṭhaṁ, 84, 294, 329 Pāḷi raṭṭhapiṇḍaṁ, 308 Pāḷi raṭha, 294 Gāndhārī raṭhapiṇa, 308 Gāndhārī raṇṇaṁ, 99 Patna raṇyagataiva, 330 Udānavarga rataṁ, 300, 301 Udānavarga ratā, 22, 89, 181 Patna ratā, 22, 89, 181 Pāḷi ratāḥ, 181 Udānavarga rati, 149 Pāḷi ratiṁ, 187 Mahāvastu & Other Texts ratiṁ, 187 Patna ratiṁ, 187, 354 Pāḷi ratiṁ, 187, 354, 418 Udānavarga ratiḥ, 149 Mahāvastu & Other Texts ratiḥ, 149, 310 Udānavarga ratiñ, 418 Pāḷi ratibhyo, 214 Udānavarga ratiyā, 214 Pāḷi ratir, 373 Udānavarga ratī, 310, 373 Patna ratī, 310, 373 Pāḷi rato, 187 Mahāvastu & Other Texts rato, 300, 301 Patna rato, 300, 301, 350 Pāḷi rato, 350 Udānavarga ratti, 60 Pāḷi rattiṁ, 249, 250, 304, 387 Pāḷi ratto, 296, 297, 298, 299, 300,

301 Pāḷi ratrim, 387 Patna rathaṁ, 222 Pāḷi rathaṁ, 222 Udānavarga rada, 82 Gāndhārī radi, 149, 296, 297, 298, 299, 300, 301, 38 rado, 22, 300, 301 Gāndhārī radha, 222 Gāndhārī

randhayuṁ, 248 Pāḷi ramaṁti, 91 Patna ramaṇīyaṁ, 99 Patna ramaṇīyakāḥ, 98 Udānavarga ramaṇīyāni, 99 Pāḷi ramaṇīyāny, 99 Udānavarga ramati, 79 Patna ramati, 79 Pāḷi ramatī, 99, 116 Pāḷi ramate, 79, 99, 116 Udānavarga ramate, 99, 116 Patna ramadi, 79 Gāndhārī ramanti, 91 Pāḷi ramanti, 91 Udānavarga ramayam, 305 Patna ramayec, 305 Udānavarga ramahi, 305 Gāndhārī ramitā, 305 Patna ramito, 305 Pāḷi ramissanti, 99 Pāḷi rayaṇa, 294 Gāndhārī rayaradha, 151 Gāndhārī raśmigrāho, 222 Udānavarga rasa, 409 Gāndhārī rasaṁ, 205 Udānavarga rasaṁ, 205, 354 Pāḷi rasam, 49 Gāndhārī rasam, 49 Patna rasam, 49 Pāḷi rasam, 49 Udānavarga rasmiggāho, 222 Pāḷi rasviggaha, 222 Gāndhārī rassaṁ, 409 Pāḷi rahado, 82, 95 Pāḷi rāgaṁ, 20 Patna rāgaṁ, 20, 369, 377 Udānavarga rāgaṁ, 369& Other Mahāvastu Texts rāgaḥ, 13 Udānavarga rāgañ, 20, 369, 377 Pāḷi rāgañ, 369, 377 Patna rāgadoṣā, 356 Patna rāgadoṣā, 356 Udānavarga rāgadosā, 356 Pāḷi rāganissitā, 339 Pāḷi rāgarattānupatanti, 347 Pāḷi rāgaś, 150, 407 Udānavarga rāgasamo, 202, 251 Pāḷi rāgo, 3, 14 Patna 1 rāgo, 13, 14, 407 Pāḷi

rāgo, 7, 8, 14 Udānavarga rājato, 139 Pāḷi rājato, 139 Udānavarga rājarathā, 151 Pāḷi rājarathāḥ, 151 Udānavarga rājarathūpamaṁ, 171 Pāḷi rājarathopamam, 171 Udānavarga rājā, 310 Udānavarga rājā, 310, 329 Patna rājā, 329 310, Pāḷi rājādhirohati, 321 Udānavarga rājānaṁ, 294 Patna rājānaṁ, 294, 295 Udānavarga rājāno, 294, 295 Pāḷi rājābhirūhati, 321 Patna rājābhirūhati, 321 Pāḷi rājeva, 329 Mahāvastu & Other Texts rājeva, 329 Udānavarga rājo, 141 Pāḷi rātto, 249, 00, 301250, Patna 299, 3 rātrāv, 387 Udānavarga rātriṁ, 325 Udānavarga rātrikṣiptāḥ, 304 Udānavarga rātrir, 60 Udānavarga rātrī, 60 Patna rātrau, 249, 250, 296, 297, 298, 299, 300, rāmaṇīyakaṁ, 98 Patna rāmaṇeyyakaṁ, 98 Pāḷi rāṣṭaṁ, 84, 294, 329 Patna rāṣṭapiṇḍaṁ, 308 Patna rāṣṭraṁ, 294, 329 Udānavarga rāṣṭraṁ, 329 Mahāvastu & Other Texts rāṣṭrapiṇḍam, 308 Udānavarga rukkhaṁ, 7, 283 Pāḷi rukkhacittāṇi, 188 Patna rukkham, 7 Patna rukkhe, 283 Patna rukkho, 338 Patna rukkho, 338 Pāḷi ruciraṁ, 51, 52 Patna ruciraṁ, 51, 52 Pāḷi ruciraṁ, 51, 52 Udānavarga rudann, 67 Udānavarga ruyida, 51, 52 Gāndhārī ruvu, 148 Gāndhārī rūpaṁ, 148 Patna rūpaṁ, 148 Pāḷi rūpaṁ, 148 Udānavarga rūpe, 221 Udānavarga

rūhati, 338 Pāḷi roaneḍa, 148 Gāndhārī roka, 203 Gāndhārī roganiḍḍhaṁ, 148 Pāḷi roganīḍaṁ, 148 Patna roganīḍaṁ, 148 Udānavarga rogā, 203 Pāḷi rogāṇāṁ, 203 Patna rogāṇāṁ, 203 Udānavarga rogair, 135 Udānavarga roceta, 167 Udānavarga rodaṁ, 67 Patna rodaṁ, 67 Pāḷi royea, 167 Gāndhārī rthaṁ, 166 Udānavarga laghu, 369 u & Other Mahāvast Texts laghu, 369 Patna laghuno, 35 Patna laghuno, 35 Udānavarga laghvī, 369 Udānavarga lajadi, 316 Gāndhārī lajidavi, 316 Gāndhārī lajjatha, 316 Patna lajjanti, 316 Patna lajjanti, 316 Pāḷi lajjante, 316 Udānavarga lajjare, 316 Pāḷi lajjitavye, 316 Udānavarga lajjitavve, 316 Patna lajjitāye, 316 Pāḷi lataṁ, 340 Pāḷi latā, 340 Pāḷi lapayanti, 83 Patna lapayanti, 83 Pāḷi lapayanti, 83 Udānavarga labha, 204 Gāndhārī labhati, 160 Patna labhati, 160 Pāḷi labhati, 160 Udānavarga labhatī, 374 Pāḷi labhate,

131, 132 Pāḷi labhate, 131, 132, 374 Patna labhate, 131, 132, 374 Udānavarga labheta, 328, 329 Mahāvastu & Other Texts labhetha, 328, 329 Pāḷi labhed, 328, 329 Udānavarga labheyā, 328, 329 Patna lavayadi, 83 Gāndhārī lahadi, 374 Gāndhārī

lahu, 369 Gāndhārī lahuno, 35 Pāḷi lahum, 369 Pāḷi lābhaṁ, 365, 366 Patna lābham, 73 Udānavarga lābhā, 204 Patna lābhā, 204 Pāḷi lābhā, 204 Udānavarga lābhūpanisā, 75 Pāḷi lābhopaniśā, 75 Patna lābhopaniṣad, 75 Udānavarga lipadi, 401 Gāndhārī liptaḥ, 353 Udānavarga lippati, 401 Patna lippati, 401 Pāḷi lipyate, 401 Udānavarga lokaṁ, 170, 171, 172, 173, 382 Pāḷi lokaṁ, 170, 172 Patna lokanāyinī, 180 Udānavarga lokam, 170, 172, 173, 382 Udānavarga lokam, 46 Patna lokamhā, 175 Pāḷi lokamhi, 175 Patna lokavaḍḍhano, 167 Pāḷi lokavaḍhaṇo, 167 Gāndhārī lokavaddhano, 167 Patna lokavardhanaḥ, 167 Udānavarga lokas, 174 Udānavarga lokasmi, 143 Pāḷi lokasmiṁ, 247 Pāḷi lokā, 220 Pāḷi lokāt, 220 Udānavarga lokān, 175 Udānavarga loki, 168, 169, 227, 409 Gāndhārī loku, 172, 267 Gāndhārī loke, 108 Gāndhārī loke, 108 Mahāvastu & Other Texts loke, 89, 108, 168, 169, 179, 227, 242, 246 loke, 89, 108, 168, 169, 179, 332, 335, 336 loke, 89, 108, 168, 169, 227, 242, 332, 335, 336 Patna lokeṣv, 227 Udānavarga loko, 174 Pāḷi lobho, 248 Pāḷi lohaguḍa, 371 Gāndhārī lohaguḍāṁ, 371 Udānavarga lohaguḍe, 371 Patna lohaguḷaṁ, 371 Pāḷi lpamatsya, 1,3 Udānavarga

vata, 159, 197, 198, 199, 200 Pāḷi vata, 41, 159, 197, 199, 200 Patna vataṁ, 312 Pāḷi vatayaṁ, 41 Pāḷi vatavantaṁ, 400 Pāḷi vatavantam, 208 Pāḷi vatā, 99 Patna vatthaṁ, 9 Pāḷi vatsaḥ, 284 Udānavarga vada, 41, 197, 199, 200 Gāndhārī vadaï, 41 Gāndhārī vadakaṣayu, 10 Gāndhārī vadan, 264 Udānavarga vadanti, 184 Patna vadanti, 184 Pāḷi vadanti, 184 Udānavarga vadamada, 208 Gāndhārī vadami, 337 Gāndhārī vadava, 267 Gāndhārī vadāmi, 222, 337 Udānavarga vadāmi, 337 Pāḷi vadu, 7, 8 Gāndhārī vade, 133 Patna vadeṇa, 81 Gāndhārī vaden, 224 Udānavarga vademi, 337 Patna vaddhaṁti, 292 Patna vaddhati, 24, 74, 152, 334 Patna vaddhanti, 152, 253 Patna vaddhāpacāyino, 109 Pāḷi vadyadarśinam, 76 Udānavarga vadyāni, 252 Udānavarga vadhaba-, 399 Gāndhārī vadhabandhañ, 399 Pāḷi vadhabandhāṁś, 399 Udānavarga vanaṁ, 283 Patna vanaṁ, Pāḷi283 vanaṁ, 283, 284 Udānavarga vanañ, 283 Patna vanañ, 283 Pāḷi vanato, 283 Pāḷi vanathañ, 283 Pāḷi vanatho, 284 Pāḷi vanadhañ, 283 Patna vanadho, 284 Patna vanante, 305 Pāḷi vanam, 344 Patna vanam, 344 Pāḷi vanam, 344 Udānavarga

vanamutto, 344 Patna vanamutto, 344 Pāḷi vanamhi, 334 Patna vanasmi, 334 Pāḷi vanasmiṁ, 395 Pāḷi vanā, 344 Patna vanāto, 283 Patna vanād, 283 Udānavarga vanādhimutto, 344 Pāḷi vanāni, 188 Mahāvastu & Other Texts vanāni, 188 Patna vanāni, 188 Pāḷi vanāni, 188 Udānavarga vanānte, 05 Patna 3 vane, 107 Patna vane, 107 Pāḷi vane, 107, 334 Udānavarga vantakasāvassa, 10 Pāḷi vantadoso, 263 Pāḷi vantamalo, 261 Pāḷi vantalokāmiso, 378 Pāḷi vantāso, 97 Pāḷi vannagandham, 49 Patna vannapukkhalatāya, 262 Patna vannavantaṁ, 51, 52 Patna vaya, 51, 52, 234, 361, 391 Gāndhārī vayaṇa, 100 Gāndhārī vayadi, 54 Gāndhārī vayapada, 100 Gāndhārī vayam, 6 Mahāvastu & Other Texts vayam, 6 Patna vayas, 260 Udānavarga vayasañadu, 362 Gāndhārī vayiraṁ, 161 Patna vayu, 260 Gāndhārī vayo, 260 Pāḷi vara, 322 Gāndhārī varaṁ, 104, 178, 322 Patna varaṁ, 178, 322 Pāḷi varaḥ, 103 Mahāvastu & Other Texts

varattañ, 398 Pāḷi varatrāṁ, 398 Udānavarga varam, 268, 322 Pāḷi varam, 322 Patna varam, 322 Udānavarga vari, 41, 401 Gāndhārī vario, 34 Gāndhārī varṇagandhāv, varga 49 Udāna varṇapuṣkalayā, 262 Udānavarga

varṇapuṣkalarṇa, 262 Gāndhārī varṇavat, 51, 52 Udānavarga vardhati, 334 Udānavarga vardhadi, 109 Gāndhārī vardhanti, 292 Udānavarga varṣaṁ, 286 Udānavarga varṣaśataṁ, 107, 110, 111, 112, 113, 114, 1 varṣaśataṁ, 107, 110, 112, 113, 114, 115 Ma varṣāsu, 377 Udānavarga valatra, 398 Gāndhārī vavajadi, 140 Gāndhārī vavati, 419 Gāndhārī vaśam, 48 Udānavarga vaśe, 48 Patna vaśśaśataṁ, 106, 107, 110, 111, 112, 113, 1 vaśśasataṁ, a 114 Patn vaśśā, 286 Patna vaṣa, 286 Gāndhārī vaṣaśada, 106, 107, 112, 115 Gāndhārī vaṣaśado, 113 Gāndhārī vaṣia, 377 Gāndhārī vasaṁ, 48 Pāḷi vasitamaṇasa, 47 Gāndhārī vasissāmi, 286 Pāḷi vastaṁ, 9 Patna vastūni, 188 Patna vastra, 9 Gāndhārī vastraṁ, 9 Udānavarga vasmamayaṁ, 161 Pāḷi vassaṁ, 286 Pāḷi vassasataṁ, 106, 107, 110, 111, 112, 113, 1 vassikā, 377 Pāḷi vassikī, 55 Pāḷi vahaṇe, 1 Gāndhārī vahataḥ, 1 Udānavarga vahato, 1 Patna vahato, 1 Pāḷi vahanti, 339 Patna vahanti, 339 Pāḷi vā, 1, 47, 2,54, 98, 20, 141, 156, 41, 161, 207, 228, 262, 271, 287, 315, 345, 385, 389, 401 Patna vā, 1, 2, 20, 42, 43, 54, 55, 63, 83, 98, 1 Pāḷi vā, 1, 2, 34, 41, 42, 54, 98, , 322, 123, 345, 413 138, 139 Udānavarga vā, 141, 271 Mahāvastu & Other Texts vāk, 96 Udānavarga vākkaraṇamattena, 262 Pāḷi vākkaraṇamātteṇa, 262 Patna

vāgurām, 342, 343 Udānavarga vācaḥ, 232 Udānavarga vācā, 51, 52, 232, 234, 280, 361, 391 Udāna vācā, 51, 100 Patna 52, 96, vācā, 51, 52, 96, 100 Pāḷi vācāduccaritaṁ, 232 Patna vācānāṁ, 100 Mahāvastu & Other Texts vācānurakkhī, 281 Patna vācānurakkhī, 281 Pāḷi vācānurakṣī, 281 Udānavarga

vārijo, 34 Patna vārijo, 34 Pāḷi vārijo, 34 Udānavarga vārī, 401 Patna vāśśikiṁ, 55 Patna vāśśikī, 377 Patna vāso, 237 Pāḷi vāsyāpy, 140 Udānavarga vāssa, 140 Pāḷi vāhayate, 265 Udānavarga vāhā, 339 Patna vāhā, 339 Pāḷi vāhitaiḥ, 388 Udānavarga vāhnijāt, 54 Udānavarga vāhlikaṁ, 54 Patna vi, 125 Udānavarga vi, 408 Patna vi, 49, 51, 52, 53, 55, 82, 142, 206, 227,

vijjati, 90, 134, 143, 186, 228, 235, 237, vijjati, 90, 134, 186, 228, 235, 385 Patna vijjatī, 127, 128 Pāḷi vijjanti, 211 Patna vijjanti, 211, 410, 411 Pāḷi vijñapanīṁ, 408 Udānavarga vijñāḥ, 229 Udānavarga vijñāya, 186 Mahāvastu & Other Texts vijñāya, 186 Udānavarga viña, 229 Gāndhārī viñamaṇi, 408 Gāndhārī viñu, 65 Gāndhārī viñū, 229 Patna viñña

vimogho, 92, 93 Patna viya, 326, 334, 377 Pāḷi viyidaviṇo, 422 Gāndhārī viyogād, 282 Udānavarga vira, 398 Gāndhārī viraku, 273 Gāndhārī virajaṁ, 412 Pāḷi virajaṁ, 412 Udānavarga virajam, 386 Patna virajam, 386 Pāḷi viratī, 261 Patna viraya, 412 Gāndhārī virāgam, 343 Pāḷi virāgo, 273 Patna virāgo, 273 Pāḷi virāgo, 273 Udānavarga viriyam, 112 Pāḷi viru, 193 Gāndhārī virujjhati, 95 Pāḷi viruddhesu, 406 Pāḷi virudheṣu, 406 Gāndhārī virya, 112 Gāndhārī vilada, 162 Gāndhārī vilomaṇi, 50 Gāndhārī vilomāni, 50 Patna vilomāni, 50 Pāḷi vilomāni, 50 Udānavarga viva, 44, 45, 106, 107 Gāndhārī vivaṭṭanti, 336 Patna viv araṁ, 127, 128 Pāḷi vivaraṁ, 127, 128 Udānavarga

vivaraṁ, 127, Mahāvastu & Other Texts vivaśadu, 373 Gāndhārī viviktaśayanena, 271 Udānavarga vivittaśayanena, 271 Patna vivittasayanena, 271 Pāḷi vivula, 290 Gāndhārī vivulu, 290 Gāndhārī vivekaṁ, 75 rga Udānava vivekam, 75 Patna vivekam, 75 Pāḷi vivekam, 87 Udānavarga vivekaś, 92, 93 Udānavarga viveke, 87 Pāḷi viveko, 87 Patna vivedi, 83 Gāndhārī viśujjhati, 165 Patna viśuddham, 16 Udānavarga viśuddhaye, 277, 278, 279 Udānavarga

viśuddhaśīlānām, 57 Udānavarga viśuddhiye, 274, 277, 279 Patna viśudhu, 16 Gāndhārī viśudhyate, 165 Udānavarga viśeṣataṁ, 22 Patna viśeṣatāṁ, 22 Udānavarga viśeṣadha, 22 Gāndhārī viśokasya, 90 Udānavarga viśokassa, 90 Patna viśodhayann, 281 Udānavarga viśodhaye, 165 Patna viśodhayet, 165, 289 Udānavarga viśodhayen, 141 Mahāvastu & Other Texts viśodhia, 277, 278, 279 Gāndhārī viśodhiya, 281 Patna viśpaśa, 204, 272 Gāndhārī viśvāsaparamaṁ, 204 Udānavarga viśvāsam, 272 Udānavarga viśvāsamāpadye, 272 Mahāvastu & Other Texts viśśāsaparamā, 04 Patna 2 viśśāsamāpādi, 272 Patna viṣaṁ, 123, 124 Patna viṣaṁ, 123, 124 Udānavarga viṣaktikā, 180 Udānavarga viṣam, 124 Patna viṣam, 124 Udānavarga viṣamāṁ, 266 Mahāvastu & Other Texts viṣamu, 162 Gāndhārī visaṁ, 123, 124 Pāḷi visaṁyuktaṁ, 402, rga 410 Udānava visaṁyuttaṁ, 385 Patna visaṁyuttaṁ, 385, 397, 402, 410 Pāḷi visaṁskāragate, 154 Udānavarga visaṁskṛtam, 154 Udānavarga visaṅkhāragataṁ, 154 Pāḷi visaṅkhitaṁ, 154 Pāḷi visañutu, 402 Gāndhārī visañota, 385 Gāndhārī visattikā, 180 Patna visattikā, 180, 335 Pāḷi visam, 124 Pāḷi visīdanti, 171 Pāḷi visujjhati, 165 Pāḷi visuddhiyā, 274, 277, 278, 279 Pāḷi visesato, 22 Pāḷi visokassa, 90 Pāḷi visodhaye, 165, 281, 289 Pāḷi vissaṁ, 266 Pāḷi vissāsa, 272 Pāḷi

vissāsaparamā, 204 Pāḷi vihaṁnyati, 15 Patna vihañadi, 15 Gāndhārī vihañña̱ti, 15, 62 Pāḷi vihanyate, 62 Udānavarga viharaṁti, 98 Patna viharadu, 7, 8 Gāndhārī viharantaṁ, 7, 8 Patna viharantaṁ, 7, 8 Pāḷi viharanti, 98 Pāḷi viharanti, 98 Udānavarga viharamu, 197, 199 Gāndhārī viharāma, 197, 198, 199 Pāḷi viharāma, 197, 199 Patna viharāmo, 197, 198, 199 Udānavarga vihāhisi, 379 Patna vihāhisi, 379 Pāḷi vihiṁsati, 131 Pāḷi vihiṁsati, 131 Udānavarga vihiṁsati, 131, 132 Patna viheṭhayaṁ, 184 Udānavarga viheṭhayanto, 184 Pāḷi vihesayāno, 184 Patna vītajjaraṁ, tna 385 Pa vītataṇho, 351, 352 Pāḷi vītatahno, 352 Patna vītadoṣesu, 357 Patna vītadosesu, 357 Pāḷi vītaddaraṁ, 385 Pāḷi vītamohesu, 358 Pāḷi vītamohesu, 358, 359 Patna vītarajasaṁ, 386 Udānavarga vītarāgaṁ, 402 Udānavarga vītarāgā, 99 Pāḷi vītarāgāttha, 99 Patna vītarāgātra, 99 Udānavarga vītarāgesu, 356 Patna vītarāgesu, 356 Pāḷi vīraṁ, 418, 422 Pāḷi vīraḥ, 193 Mahāvastu & Other Texts vīras, 193 Udānavarga vīriyeṇa, 144 Patna vīriyena, 144 Pāḷi vīro, 193 Patna vīryam, 112 Mahāvastu & Other Texts vīryam, avarga112 Udān vīryyam, 112 Patna vucadi, 260, 263, 267, 367, 370, 388 Gāndhā vuccati, 267 Mahāvastu & Other Texts

vuccati, 63, 218, 260, 263, 267, 352, 367, vuccati, 63, 263, 352, 378 Patna vuṭṭhī, 13, 14 Pāḷi vuṭhi, 13, 14 Gāndhārī vuttā, 3 Patna13 vuttā, 133 Pāḷi vuṣeaṇa, 46 Gāndhārī vṛkṣaṁ, 283 Udānavarga vṛkṣaḥ, 338 Udānavarga vṛkṣacaityāṁś, 188 Udānavarga vṛkṣam, 7 Udānavarga vṛttayuktaṁ, 229 Udānavarga vṛṣṭiḥ, 13 Udānavarga vṛṣṭir, 14

Udānavarga ve, 7, 8, 10, 63, 83, 97, 103, 151, 163, 177, 188, 222, 234, 242, 249, 250, 259, 261, 275, 282, 341, 352, 355, 366, 367, 372, 397 Pāḷi ve, 7, 8, 10, 63, 83, 97, 103, 163, 177, 188, 192, 234, 249, 250, 259, 341, 352, 366, 372 Patna vetti, 280, 419, 423 Udānavarga vedanaṁ, 138 Pāḷi vedanāṁ, avarga 138 Udān vedā, 241 Patna vedi, 108 Gāndhārī vedi, 419 Pāḷi vedī, 423 Pāḷi veyyagghapañcamaṁ, 295 Pāḷi vera, 201 Gāndhārī veraṁ, 3, 4, 201 Patna veraṁ, 3, 4, 201 Pāḷi veraṇeṣu, 197 Gāndhārī verasaṁsaggasaṁsaṭṭho, 291 Patna verasaṁsaggasaṁsaṭṭho, 291 Pāḷi verā, 291 Pāḷi verāṇi, 5 Patna verāni, 5 Pāḷi veriṇesu, 197 Patna verinaṁ, 42 Pāḷi verinesu, 197 Pāḷi verī, 42 Pāḷi vereṇa, 5 Patna verena, 5 Pāḷi vevitaśayaṇeṇa, 271 Gāndhārī veśma, 266 Gāndhārī veśmāṁ, 266 Udānavarga vehāyasaṁ, 175 Patna vai, 63, 103, 267 Ma hāvastu & Other Texts vai, 7, 10, 34, 65, 97, 103, 131, 151, 163, 170, 172, 177, 184, 205, 225, 250, 259, 267, 283, 284, 321, 328, 329, 337, 341, 367, 397 Udā vairaṁ, 3, 4, 201 Mahāvastu & Other Texts vairaṁ, 3, 4, 201 Udānavarga

śocati, 15, 225 Udānavarga śocate, 367 Udānavarga śocante, 315 Udānavarga śottā, 100, 102 Patna śottāna, 82 Patna śotria, 294 Gāndhārī śoddhī, 165 Patna śodheta, 141 Udānavarga śodhenti, 141 Patna śoyadi, 15, 315, 367 Gāndhārī śoyiṣu, 207 Gāndhārī śraddhapaṭīlābho, 333 Patna śraddhā, 249, 333 Udānavarga śraddhā, 333 Patna śraddhāya, 144 Patna śraddho, 303 Patna śramaṇaḥ, 142 Mahāvastu & Other Texts śramaṇaḥ, 142, 264, 388 Udānavarga śramaṇo, 142 Mahāvastu & Other Texts śramaṇo, 142 Patna śramaṇo, 142 Pāḷi śramaṇo, 142, 184, avarga 254, 255 Udān śramaṇo, 142, 265, 388 Gāndhārī śrāddhas, 144, 177 Udānavarga śrāddhāḥ, 303 Udānavarga śrāntasya, 60 Udānavarga śrāmaṇyaṁ, 311 Udānavarga śrāmaṇyatā, 332 Udānavarga śrāmaṇyārthasya, 20 Udānavarga śrāvakaḥ, 75, 187 Udānavarga śrīmatāṁ, 181 Udānavarga śrutvā, 100, 101 Mahāvastu & Other Texts śrutvā, 82, 259 Udānavarga śreyaṁ, 108, 110, 114 Mahāvastu & Other Tex śreyaḥ, 108, 110, 111, 113, 114, 115 Udānav śreyaḥ, 61 Mahāvastu & Other Texts śreyā, 100, 101 Mahāvastu & Other Texts śreyāṁ, 104 arga Udānav śreyo, 107, 112, 113, 115, 330 Mahāvastu & śreyo, 76, 100, 102, 106, 107, 108, 110, 11 śreyo, 76, 100, 102, 107, 308, 314, 330 Udā śreṣṭhaṁ, 189, 192 Mahāvastu & Other Texts śreṣṭhaṁ, na 26 Pat śreṣṭhatāṁ, 30 Udānavarga śreṣṭhaś, 273 Udānavarga śreṣṭhā, 107 Udānavarga śreṣṭhīva, 26 Udānavarga śreṣṭho, 273, 321 Patna śreṣṭho, 273, 321 Udānavarga

śocati, 15, 225 Udānavarga śocate, 367 Udānavarga śocante, 315 Udānavarga śottā, 100, 102 Patna śottāna, 82 Patna śotria, 294 Gāndhārī śoddhī, 165 Patna śodheta, 141 Udānavarga śodhenti, 141 Patna śoyadi, 15, 315, 367 Gāndhārī śoyiṣu, 207 Gāndhārī śraddhapaṭīlābho, 333 Patna śraddhā, 249, 333 Udānavarga śraddhā, 333 Patna śraddhāya, 144 Patna śraddho, 303 Patna śramaṇaḥ, 142 Mahāvastu & Other Texts śramaṇaḥ, 142, 264, 388 Udānavarga śramaṇo, 142 Mahāvastu & Other Texts śramaṇo, 142 Patna śramaṇo, 142 Pāḷi śramaṇo, 142, 184, avarga 254, 255 Udān śramaṇo, 142, 265, 388 Gāndhārī śrāddhas, 144, 177 Udānavarga śrāddhāḥ, 303 Udānavarga śrāntasya, 60 Udānavarga śrāmaṇyaṁ, 311 Udānavarga śrāmaṇyatā, 332 Udānavarga śrāmaṇyārthasya, 20 Udānavarga śrāvakaḥ, 75, 187 Udānavarga śrīmatāṁ, 181 Udānavarga śrutvā, 100, 101 Mahāvastu & Other Texts śrutvā, 82, 259 Udānavarga

śreyaṁ, 108, 110, 114 Mahāvastu & Other Tex śreyaḥ, 108, 110, 111, 113, 114, 115 Udānav śreyaḥ, 61 Mahāvastu & Other Texts śreyā, 100, 101 Mahāvastu & Other Texts śreyāṁ, 104 arga Udānav śreyo, 107, 112, 113, 115, 330 Mahāvastu & śreyo, 76, 100, 102, 106, 107, 108, 110, 11 śreyo, 76, 100, 102, 107, 308, 314, 330 Udā śreṣṭhaṁ, 189, 192 Mahāvastu & Other Texts śreṣṭhaṁ, na 26 Pat śreṣṭhatāṁ, 30 Udānavarga śreṣṭhaś, 273 Udānavarga śreṣṭhā, 107 Udānavarga śreṣṭhīva, 26 Udānavarga śreṣṭho, 273, 321 Patna śreṣṭho, 273, 321 Udānavarga

śrotiyau, 295 Udānavarga śrotriyau, 294 Udānavarga śrotreṇa, 360 Mahāvastu & Other Texts ṣa, 151 Gāndhārī ṣadhu, 8, 303 Gāndhārī ṣamaña, 311 Gāndhārī ṣamañathasa, 19, 20 Gāndhārī ṣamaṇo, 142, 264 Gāndhārī ṣaǵa, 412 Gāndhārī ṣiho, 108 Gāndhārī ṣuṇitvaṇa, 82 Gāndhārī ṣutva, 100, 101, 102 Gāndhārī ṣutvaṇa, 259 Gāndhārī ṣebha, 102 Gāndhārī ṣevha, 100, 106, 107, 112, 113 Gāndhārī ṣehu, 115, 314 Gāndhārī ṣeho, 76, 101, 314 Gāndhārī ṣoḍaśiṁ, 70 Patna ṣoḍaśīṁ, 70, 106 Mahāvastu & Other Texts ṣoḍaśīm, 70 Udānavarga ṣreyo, 330 Udānavarga sa, 10, 15, 16, 45, 52, 63, 64, 65, 97, 103, 131, 132, 136, 142, 159, 172, 173, 187, 240, 250, 259, 260, 263, 267, 284, 328, 329, 362, 36 sa, 10, 20, 52, 63, 84, 97, 103, 142, 250, sa, 10, 20, 52, 63, 97, 103, 142, 250, 259, 261, 263, 267, 303, 352, 372 Patna sa, 52, 103, 142, 193, 234, 267, 347 Gāndhārī sa, 63, 103, 127, 142, 267, 328 Mahāvastu & saṁ, 327, 365, 366 Patna saṁkappā, 339 Patna saṁkappo, 74 Patna saṁkalpahataḥ, 280 Udānavarga saṁkalpā, 74 Udānavarga saṁkārakūṭamhi, 58 Patna saṁkārabhūte, 59 Udānavarga saṁkārabhūtesu, 59 Patna saṁkārukūṭe, 58 Udānavarga saṁkiliśśati, 165 Patna saṁkliṣṭaṁ, 244, 312 Udānavarga saṁkhāraparamaṁ, 203 Patna saṁkhārāṇāṁ, 383 Patna saṁkhāropaśamaṁ, 368 Patna saṁgaṇayaṁ, 19 Udānavarga saṁgamaḥ, 207 Udānavarga saṁgamo, 210 Udānavarga saṁggrāmamuttamo, 103 Patna saṁggrāme, 103, 320 Patna saṁgrāmajit, 103 Mahāvastu & Other Texts saṁgrāme, 103 Mahāvastu & Other Texts saṁgrāme, 103, 320 Udānavarga

saṁgrāmo, 103 Udānavarga saṁghaṁ, 190 Mahāvastu & Other Texts saṁghaṁ, 190 Udānavarga saṁghagatā, 298 Udānavarga saṁghasya, 194 Udānavarga saṁghassa, 194 Patna saṁcayaḥ, 117, 118 Udānavarga saṁcayo, 117, 118 Patna saṁjotanasaṅgasaṅgasattā, 342 Patna saṁtānaṁ, 398 Udānavarga saṁtuṣito, 362 Mahāvastu & Other Texts saṁtuṣito, tna 362 Pa saṁtuṣito, 362 Udānavarga saṁtuṣṭiparamaṁ, 204 Udānavarga saṁtuṣṭir, 375 Udānavarga saṁdhāvitvā, 153 Udānavarga saṁdhicchettā, 97 Udānavarga saṁdhicchedo, 97 Patna saṁnaddhaḥ, 387 Udānavarga saṁnigṛhṇāmi, 326 Udānavarga saṁnicayo, 92 Udānavarga saṁpannavidyācaraṇaḥ, 144 Udānavarga saṁpannas, 303 Udānavarga saṁpanno, 303 Patna saṁparivartaśāyī, 325 Udānavarga saṁpaśyaṁ, 290 Udānavarga saṁpaśśaṁ, 290 Patna saṁpṛśati, 374 Udānavarga saṁprajānānām, 293 Udānavarga saṁbuddhānāṁ, 181 Patna saṁbodhiaṁgehi, atna 89 P saṁbodhisukham, 272 Udānavarga saṁbodhyaṅgeṣu, 89 Udānavarga saṁbhavati, 282 Patna saṁmadaṁñāvimuttassa, 96 Patna saṁmadākkhāte, 86 Patna saṁmasaṁkappagocarā, 12 Patna saṁmasaṁbuddhasāvako, 187 Patna saṁmāsabuddhasāvakā, 59 Patna saṁyatasya, arga 24 Udānav saṁyatuttamo, 362 Pāḷi

saṁyato, 142 Mahāvastu & Other Texts saṁyato, 362 Pāḷi saṁyato, 363 Udānavarga saṁyamayattānaṁ, 380 Pāḷi saṁyamayātmānaṁ, 380 Udānavarga saṁyamena, 25 Pāḷi saṁyamena, 25 Udānavarga saṁyamo, 261 Pāḷi

saṁyogā, 384 Patna saṁyogā, 384 Pāḷi saṁyojanaṁ, 221 Patna saṁyojanaṁ, 221 Udānavarga saṁyojanaṁ, 31, 221 Pāḷi saṁyojanam, 31 Patna saṁyojanam, 31 Udānavarga saṁyojanasaṅgasattakā, 342 Pāḷi saṁyojanaiḥ, 342 Udānavarga saṁyyatacāriṇo, 104 Patna saṁyyatassa, 24 Patna saṁyyato, 363 Patna saṁyyamayā, 380 Patna saṁyyamena, 25 Patna saṁyyamehinti, 37 Patna saṁyyamo, 261 Patna saṁrambhakathāḥ, 133 Udānavarga saṁrambhas, 134 Udānavarga saṁvaccharaṁ, 108 Pāḷi saṁvatsaraṁ, 108 Mahāvastu & Other Texts saṁvatsaraṁ, 108 Patna saṁvatsaraṁ, varga108 Udāna saṁvanamukto, 344 Udānavarga saṁvaraḥ, 185, 361, 375 Udānavarga saṁvaraḥ, 360, 361 Mahāvastu & Other Texts saṁvaro, 185, 360, 361, 375 Pāḷi saṁvaro, 360, 361 Gāndhārī saṁvaro, 360, 361 Mahāvastu & Other Texts saṁvaro, 360, 361 Udānavarga saṁvaro, , 361, 375 360Patna saṁvase, 167 Pāḷi saṁvaset, 167 Udānavarga saṁvāso, 206, 207 Patna saṁvāso, 206, 207 Udānavarga saṁvāso, 207 Pāḷi saṁvijitāś, 144 Udānavarga saṁvutaṁ, 391 Pāḷi saṁvutā, 225, 234 Pāḷi saṁvuto, 231, 232, 233, 361 Pāḷi saṁvṛtaṁ, 391 Patna saṁvṛtacāriṇaḥ, 104 Udānavarga saṁvṛtam, 229, 390 Udānavarga saṁvṛtā, 225, 234 Patna saṁvṛtā, 234 Udānavarga saṁvṛtāḥ, 225, 234 Udānavarga saṁvṛtendriyo, 362 Patna saṁvṛto, 231, 232, 233, 361 Patna saṁvṛto, 232, 233, 361 Udānavarga saṁvṛto, 361 her Mahāvastu Texts & Ot

saṁvegino, 144 Pāḷi saṁsannasaṁkappamano, 280 Patna saṁsannasaṅkappamano, 280 Pāḷi saṁsāraṁ, 414 Pāḷi saṁsāraḥ, 60 Udānavarga saṁsārā, 95 Pāḷi saṁsāro, 60 Patna saṁsāro, 60 Pāḷi saṁsāraugham, 414 Udānavarga saṁskārā, 203 Udānavarga saṁskārāṇāṁ, 383 Udānavarga saṁskāropaśamaṁ, 368 Udānavarga saḥ, 56, 164 Udānavarga saḥ, 63 Mahāvastu & Other Texts sakakammāni, 240 Pāḷi sakāni, 240 Patna sakijaṇo, 396 Gāndhārī sakiñcanaḥ, 396 Udānavarga sakiñcano, 396 Pāḷi sakuntānaṁ, 92, 93 Pāḷi sakunto, 174 Pāḷi sakkacca, 392 Patna sakkaccaṁ, 392 Pāḷi sakkā, 196 Pāḷi sakkāraṁ, 75 Patna sakkāraṁ, 75 Pāḷi sakhāyā, 331 Mahāvastu & Other Texts sagaṁdhakaṁ, 52 Patna saganaa, 52 Gāndhārī sagandhakaṁ, 52 Pāḷi sagami, 320 Gāndhārī sagamu, 103 Gāndhārī sagaraüḍasa, rī 58 Gāndhā sagiliṭheṇa, 244 Gāndhārī saggaṁ, 126 Patna saggaṁ, 126 Pāḷi saggam, 84 Patna saggassa, 178 Pāḷi saggānāṁ, 178 Patna saggāpāyañ, 423 Pāḷi saggāya, 174 Pāḷi sagha, 267 Gāndhārī saghaṁ, 190 Patna saghara, 203, 277, 278 Gāndhārī sagharaṇa, 383 Gāndhārī sagharavośamu, 368 Gāndhārī saghasadhamaü, 59 Gāndhārī saṅkappā, 339 Pāḷi saṅkappo, 74 Pāḷi

saṅkassaraṁ, 312 Pāḷi saṅkāradhānasmiṁ, 58 Pāḷi saṅkārabhūtesu, 59 Pāḷi saṅkiliṭṭhañ, 312 Pāḷi saṅkiliṭṭhena, 244 Pāḷi saṅkilissati, 165 Pāḷi saṅkhātadhammānaṁ, i 70 Pāḷ saṅkhātuṁ, 196 Pāḷi saṅkhāya, 267 Pāḷi saṅkhāraparamā, 203 Pāḷi saṅkhārā, 255, 277, 278 Pāḷi saṅkhārānaṁ, 383 Pāḷi saṅkhārūpasamaṁ, 368, 381 Pāḷi saṅghagatā, 298 Pāḷi saṅghañ, 190 Pāḷi saṅghassa, 194 Pāḷi saṅgaṁ, 412 Pāḷi saṅgasaktā, 342 Udānavarga saṅgāḥ, 221 Udānavarga

saṅgātigaṁ, 397 Pāḷi saṅgātigo, 370 Pāḷi saṅgāmajuttamo, 103 Pāḷi saṅgāme, 103, 320 Pāḷi saṅgāv, 412 Udānavarga saṅgo, 171 Pāḷi saṅgo, 171 Udānavarga saca, 224, 408 Gāndhārī sacaṇa, 273 Gāndhārī sacittapariyodapanaṁ, 183 Pāḷi sacittapariyodamanaṁ, 183 Patna sacittam, 327 Pāḷi sace, 134, 328 Patna sace, 134, 328, 396 Pāḷi saceṇa, 223 Gāndhārī saccaṁ, 224, 261 Patna saccaṁ, 224, 408 Pāḷi saccañ, 261, 393 Pāḷi saccam, 408 Patna saccavādinaṁ, 217 Patna saccavādinaṁ, 217 Pāḷi saccānaṁ, 273 Pāḷi saccānāṁ, 273 Patna saccena, 223 Pāḷi sajjaṁ, 71 Patna sajju, 71 Pāḷi sañadasa, 24 Gāndhārī sañadu, 142 Gāndhārī sañado, 361, 363 Gāndhārī sañamu, 361 Gāndhārī

sañameṇa, 25 Gāndhārī sañoka, 384 Gāndhārī sañoyaṇa, 31, 221 Gāndhārī saññatacārino, 104 Pāḷi saññatassa, 24 Pāḷi saññam, 37 Pāḷi saṭhilo, 313 Pāḷi saṭho, 252, 262 Pāḷi saṇuyara, 294 Gāndhārī sataṁ, 77, 106 Pāḷi satañ, 54, 151 Pāḷi satataṁ, 76, 280, 353 Udānavarga satāṁ, 54, 77, 151 Udānavarga satāṁ, 77, 206 Patna satān, 54 Patna satānaṁ, 293 Pāḷi satānāṁ, 293 Patna sati, 146 Patna sati, 146 Udānavarga sati, 146, 293, 296, 297, 298, 299 Pāḷi satimā, 379 Patna satimā, 379 Pāḷi satī, 293, 299 Patna satīmataṁ, 181 Pāḷi satīmatāṁ, 181 Patna satīmato, 24 Patna satīmato, 24 Pāḷi satīmanto, 91 Patna satīmanto, 91 Pāḷi satīmā, 328 Patna satīmā, 328 Pāḷi sato, 350 Pāḷi satkāraṁ, 73, 75 Udānavarga satkṛtyainaṁ, 392 Udānavarga sattā, 316, 317, 318 Patna sattā, 316, 317, 318, 319 Pāḷi sattānaṁ, 419 Pāḷi satpuruṣaḥ, 54 Udānavarga satpuruṣā, 83 Udānavarga satyaṁ, 224, 393 Udānavarga satyataḥ, 273 Udānavarga satyavādinam, 217 Udānavarga satyena, 223 Udānavarga satva, 316, 317 Gāndhārī satvaṇa, 419 Gāndhārī satvā, 316 Udānavarga satvānām, 419 Udānavarga satsanasagapamaṇo, 280 Gāndhārī satsu, 151 Udānavarga

sada, 30, 9 7 , 151, 206 Gāndhārī sadaṇa, 54, 293, 398 Gāndhārī sadaṇeṣu, 406 Gāndhārī sadatthapasuto, 166 Pāḷi sadaruvu, 262, 263 Gāndhārī sadā, 146, 190 Mahāvastu & Other Texts sadā, 21, 27, 30, 75, 110, 111, 165, 181, 1 sadā, 30, 79, 206, 226, 296, 297, 298, 299, sadā, 79, 104, 299, 300, 301 Patna sadātthaparamo, 166 Patna sadi, 288 Gāndhārī sadii, 32, 224, 372 Gāndhārī sadisam, 61 Pāḷi sadu, 383 Gāndhārī saduṭhi, 204, 375 Gāndhārī sadṛśam, 61Other Mahāvastu Texts & sadevaka, 44, 45 Gāndhārī sadevakaṁ, 44, 45 Patna sadevakaṁ, 44, 45 Pāḷi sadevakam, 44, 45 Udānavarga sadaiva, 280 Udānavarga sado, 146, 151 Gāndhārī saddhaṁ, 8 Pāḷi saddhaṁmam, 38, 60 Patna saddhammaṁ, 38, 60 Pāḷi saddhammadesanā, 194 Pāḷi saddhammasavanaṁ, 182 Pāḷi saddhammā, 364 Pāḷi saddharmaṁ, 82 Udānavarga saddharmam, 38, 60 Udānavarga saddharmān, 364 Mahāvastu & Other Texts saddhā, 333 Pāḷi saddhāya, 144 Pāḷi saddhiṁcaraṁ, 328, 329 Pāḷi saddho, 303 Pāḷi sadyaḥ, 71 Udānavarga sadhamaśramaṇa, 182 Gāndhārī sadharma, 364 Gāndhārī sadhu, 163, 361 Gāndhārī sadhujivaṇo, 217 Gāndhārī sadhuṇa, 223 Gāndhārī sanadhu, 387 Gāndhārī sanantano, 5 Pāḷi sanātanaḥ, 5 Mahāvastu & Other Texts sanātanaḥ, 5 Udānavarga sanātano, 5 Patna santaṁ, 96, 368, 381 Pāḷi santaḥ, 83, 304 Udānavarga santakāyo, 378 Pāḷi

santacittassa, 373 Pāḷi santarabāhiraṁ, 315 Pāḷi santavā, 378 Pāḷi santavāco, 378 Pāḷi santassa, 60 Pāḷi santā, 96 Pāḷi santi, 288 Patna santi, 288 Pāḷi santi, 288 Udānavarga santike, 32, 224 Patna santike, 32, 224, 237 Pāḷi santiparaṁ, 202 Pāḷi santimaggam, 285

Pāḷi santuṭṭhiparamaṁ, 204 Pāḷi santuṭṭhī, 375 Pāḷi santusito, 362 Pāḷi santo, 151 Udānavarga santo, 83, 142, 151, 304 Pāḷi santo, 83, 346 Patna sandāmaṁ, 398 Pāḷi sandhāvissaṁ, 153 Pāḷi sandhicchedo,97 Pāḷi sannaddho, 387 Patna sannaddho, 387 Pāḷi sannicayo, 92 Patna sannicayo, 92 Pāḷi sannipātaṁ, 352 Pāḷi sannipātena, 352 Patna sannivāso, 206 Pāḷi sanno, 327 Patna sanno, 327 Pāḷi sapuruṣa, 83, 208 Gāndhārī sapuruṣo, 54 Gāndhārī sappurisaṁ, 208 Pāḷi sappurisā, 83 Pāḷi sappuriso, 54 Pāḷi sappuruṣaṁ, 208 Patna sappuruṣā, 83 Patna sappuruṣo, 54 Patna sapraṁñaṁ, 328, 329 Patna saprajñaḥ, 65 Udānavarga saphala, 52 Gāndhārī saphalā, 52 Patna saphalā, 52 Pāḷi saphalā, 52 Udānavarga sabaṇo, 303 Gāndhārī sabaśu, 290 Gāndhārī sabbaṁ, 108 Patna sabbaṁ, 354 Pāḷi

sabbaganthappahīnassa, 90 Pāḷi sabbaggrantaprahīṇassa, 90 Patna sabbañjaho, 353 Pāḷi sabbattha, 83, 193, 234, 348, 361 Patna sabbattha, 83, 193, 348, 361 Pāḷi sabbadā, 207 Patna sabbadā, 207 Pāḷi sabbadānaṁ, 354 Pāḷi sabbadukkhaṁ, 347, 354 Pāḷi sabbadukkhā, 189, 192, 361 Patna sabbadukkhā, 189, 192, 361 Pāḷi sabbadukhaṁ, 346 Patna sabbadhaṁmā, 279 Patna sabbadhi, 90 Pāḷi sabbadhī, 340 Pāḷi sabbapāṇānaṁ, 270 Pāḷi sabbapāpassa, 183 Patna sabbapāpassa, 183 Pāḷi sabbam, 108, 221, 387 Pāḷi sabbam, 221 Patna sabbayogavisaṁyuttaṁ, 417 Pāḷi sabbalokādhipaccena, 178 Pāḷi sabbalokābhibhuṁ, 418 Pāḷi sabbavidūham, 353 Pāḷi sabbavositavosānaṁ, 423 Pāḷi sabbaśo, 88, 265 Patna sabbasaṁkhārā, 277 Patna sabbasaṁyojanaṁ, 397 Pāḷi sabbaso, 265, 367, 419 Pāḷi sabbassa, 331 Mahāvastu & Other Texts sabbassa, 331 Pāḷi sabbahiṁ, 90 Patna sabbā, 54 Patna sabbā, 54, 154 Pāḷi sabbāṇi, 328 Patna sabbāni, 328 Pāḷi sabbābhibhū, 353 Pāḷi sabbe, 129, 130, 277, 278, 279, 384 Pāḷi

samādhinā, 144 Pāḷi samādhim, 249, 250 Patna samādhim, 249, 250 Udānavarga samādhilābhena, 271 Mahāvastu & Other Texts samādhilābhena, 271 Patna samādhilābhena, 271 Pāḷi samādhilābhena, 271 Udānavarga samāyoga, 185 Udānavarga samāhito, 144, 362 Udānavarga samāhito, 362 Mahāvastu & Other Texts samāhito, 362 Patna samāhito, 362 Pāḷi samikṣea, 50 Gāndhārī samiñjanti, 81 Pāḷi samitattā, 265 Pāḷi samitiṁ, 321 Patna samitiṁ, 321 Pāḷi samitiṁ, 321 Udānavarga samitivijjhati, 13, 14 Patna samiddhim, 84 Pāḷi samidhi, 30, 84 Gāndhārī samīkṣeta, 50 Udānavarga samīrati, 81 Patna samīrati, 81 Pāḷi samīranti, Patna 81 samucchinnaṁ, 250 Patna samucchinnaṁ, 250, 263 Pāḷi samucchinnās, 250 Udānavarga samuṭṭhitaṁ, 240 Pāḷi samuṭṭhito, 240 Patna samuttitaḥ, 240 Udānavarga samuddamajjhe, 127, 128 Pāḷi samuddhṛtaḥ, 34 Udānavarga samudramadhye, 127, 128 Udānavarga samudramadhye, 127, Mahāvastu & Other Texts samussayo, 351 Pāḷi samussitaṁ, 147 Pāḷi samūlaṁ, 283 Udānavarga samūlāṁ, 337 Patna samūlāṁ, 337 Udānavarga samūhataṁ, 250 Patna samūhataṁ, 250, 263 Pāḷi samūhatā, 180 Mahāvastu & Other Texts samṛddhim, 84 Patna same,373 Gāndhārī sameti, 265 Pāḷi samena, 257 Pāḷi sameva, 106, 107 Gāndhārī samesagapagoyara, 12 Gāndhārī

samesabudhaṣavaka, 59 Gāndhārī samokadu, 150 Gāndhārī samau, 306 Udānavarga sampajānānaṁ, 293 Pāḷi sampannavijjācaraṇā, 144 Pāḷi sampannaśīlānāṁ, a 57 Patn sampannasīlānaṁ, 57 Pāḷi sampanno, 303 Pāḷi sampayātosi, 237 Pāḷi samparivattasāyī,

325 Pāḷi sampassaṁ, 290 Pāḷi samprajānānāṁ, 293 Patna sambuddhānaṁ, 181 Pāḷi sambodhi, 89 Pāḷi sammaṁ, 373 Patna sammati, 3, 390 Pāḷi sammad, 57, 86, 96 Pāḷi sammadaṁñāvimuttānāṁ, 57 Patna sammanti, 5, 6 Pāḷi sammantīdha, 5 Pāḷi sammappajāno, 20 Pāḷi sammappaññāya, 190 Pāḷi sammaṣadi, 374 Gāndhārī sammasati, 374 Patna sammasati, 374 Pāḷi sammā, 89, 373 Pāḷi sammādiṭṭhisamādānā, 319 Pāḷi sammāpaṇihitaṁ, 43 Pāḷi sammāsaṅkappagocarā, 12 Pāḷi sammāsambuddhadesitaṁ, 392 Pāḷi sammāsambuddhasāvako, 59, 187 Pāḷi sammijadi, 81 Gāndhārī samyak, 89 Udānavarga samyakpraṇihitaṁ, 43 Udānavarga samyaksaṁkalpagocarāḥ, 12 Udānavarga samyaksaṁbuddhadeśitam, 392 Udānavarga samyaksaṁbuddhaśrāvakaḥ, 187 Mahāvastu & Ot samyaksaṁbuddhaśrāvakāḥ, 59 Udānavarga samyag, 86, 373 Udānavarga samyagājñāvimuktasya, 96 Udānavarga samyagājñāvimuktānāṁ, 57 Udānavarga samvase, 167 Patna sayaṁ, 353 Pāḷi sayaṁkataṁ, 347 Pāḷi sayanāsanaṁ, 185 Pāḷi sayi, 396 Gāndhārī sara, 11, 12 Gāndhārī saraṁ, 320 Pāḷi saraṇaṁ, 188, 189, 190, 192 Pāḷi

saraṇam, 189, 192 Pāḷi saratacita, 345 Gāndhārī saradi, 222 Gāndhārī saradu, 12 Gāndhārī saravadiṇo, 11 Gāndhārī sarā, 304 Pāḷi

sarvābhibhū, 353 Gāndhārī sarvābhibhū, 353 Mahāvastu & Other Texts

sādhunā, 223 Udānavarga sādhurūpī, 262, 263 Patna sādhurūpo, 262, 263 Pāḷi sādhurūpo, 262, 263 Udānavarga sādhuvihāradhīraṁ, 328, 329 Patna sādhuvihāridhīraṁ, 328, 329 Pāḷi sādhuvihāridhīram, 328, 329 Mahāvastu & Oth sānucaraṁ, 294 Patna sānucaraṁ, 294 Pāḷi sānucaraṁ, 294 Udānavarga sāntarabāhiraṁ, 315 Patna sāntoṣṭī, 375 Patna sāpatrapāḥ, 83 Udānavarga sāmaggī, 194 Pāḷi sāmaggrī, 194 Patna sāmagrī, 194 Udānavarga sāmaññaṁ, 311 Pāḷi sāmaññatā, 332 Pāḷi sāmaññassa, 19, 20 Pāḷi sāraṁ, 11, 12 Pāḷi sāraṁ, 11, 12 Udānavarga sāraṅ, 12 Patna sāraṅ, 12 Pāḷi sārato, 12 Patna sārato, 12 Pāḷi sārato, 12 Udānavarga sārattarattā, 345 Patna sārattarattā, 345 Pāḷi sārathiṁ, 222 Pāḷi sārathiṁ, 222 Udānavarga sārathiḥ, 380 Udānavarga sārathinā, 94 Patna sārathinā, 94 Pāḷi sārathinā, 94 Udānavarga sāradikaṁ, 285 Pāḷi sārade, 149 Pāḷi sāran, 11 Patna sāram, 12 Patna sāram,navarga 12 Udā sāramatayaḥ, 11 Udānavarga sāramatino, 11 Patna sāramatino, 11 Pāḷi sārambhakathā, 133 Patna sārambhakathā, 133 Pāḷi sārambhā, 134 Patna sārambho, 134 Pāḷi sārasaṁñino, 11 Patna sāre, 11 Patna sāre, 11 Pāḷi

sāre, 11 Udānavarga sārdhaṁcaraṁ, 328, 329 Mahāvastu & Other Te sālam, 162 Patna sālamivotataṁ, 162 Pāḷi sālavāṁ, 162 Udānavarga sāvake, 195 Pāḷi sāvako, 75 Patna sāvako, 75 Pāḷi sāsanaṁ, 164, 183, 185 Pāḷi sāsapo, 401, 407 Pāḷi sāsavo, 401 Patna sāhu, 206 Pāḷi si, 134, 154 Udānavarga si, 134, 235, 383 Patna si, 383 Gāndhārī sia, 84, 166, 167, 206, 365 Gāndhārī siṁca, 369 Mahāvastu & Other Texts siktā, 369 Mahāvastu & Other Texts siktā, 369 Udānavarga sija, 369 Gāndhārī siñca, 369 Patna siñca, 369 Pāḷi siñca, 369 Udānavarga siṇeha, 285 Gāndhārī sita, 369 Gāndhārī sittā, 369 Patna sittā, 369 Pāḷi sithilaṁ, 312, 346 Pāḷi sineham, 285 Patna sineham, 285 Pāḷi sinehitāni, 341 Patna sinehitāni, 341 Pāḷi sindhavā, 322 Pāḷi siyā, 40, 84, 160, 166, 167, 206, 218, 231, siyā, 0, 84, 160, 4 166, 167, 206, 231, 232, 233, 305, 376 Patna siro, 260 Pāḷi sisavudu, 8

Gāndhārī sīghasso, 29 Pāḷi sītibhūtaṁ, 418 Pāḷi sīlaṁ, 333 Pāḷi sīlagandho, 55 Pāḷi sīladassanasampannaṁ, 217 Pāḷi sīlabbatamattena, 271 Pāḷi sīlavataṁ, 56 Pāḷi sīlavantaṁ, 400 Pāḷi sīlavantassa, 110 Pāḷi sīlavā, 84 Pāḷi sīlasaṁvuto, 289 Pāḷi sīlena, 144, 303 Patna

sīlena, 144, 303 Pāḷi sīlesu, 10 Pāḷi su, 14, 151, 346 Udānavarga su, 14, 89, 125 Pāḷi su, 14, 89, 389 Patna su, 151, 172 Gāndhārī suṁñā, 373 Patna sukataṁ, atna 314 P sukataṁ, 314 Pāḷi sukadeṇa, 285 Gāndhārī sukaraṇi, 163 Gāndhārī sukarāṇi, 163 Patna sukarāṇi, 163 Udānavarga sukarāni, 163 Pāḷi sukida, 314 Gāndhārī sukṛtaṁ, 231, 314 Udānavarga sukkaṁ, 87 Pāḷi sukkaṁsaṁ, 72 Pāḷi sukhaṁ, 131, 132, 206, 290, 169, 333, 368, 201,379 Patna 203, 204, sukhaṁ, 169, 201, 331 Mahāvastu & Other Tex sukhaṁ, 27, 79, 109, 131, 132, 168, 169, 20 Pāḷi sukhaṁ, 79, 118, 168, 169, 194, 201, 206, 3 sukhakāmāni, atna 131, 132 P sukhakāmāni, 131, 132 Pāḷi sukhakāmāni, 131, 132 Udānavarga sukham, 193 Mahāvastu & Other Texts sukham, 2, 131, 132, 193, 290, 291 Patna sukham, 2, 131, 132, 193, 291 Pāḷi sukham, 2, 27, 131, 132, 193, 194, 204, 206 sukhasaṁvāsā, 207 Patna sukhasaṁvāso, 207 Pāḷi sukhasaṁvāso, 207 Udānavarga sukhā, 194, 331, 332, 333 Pāḷi sukhā, 194, 332, 333 Patna sukhā, 331 Mahāvastu & Other Texts sukhāvahaṁ, 35, 36 Patna sukhāvahaṁ, 35, 36 Pāḷi sukhāvaham, 35 Udānavarga sukhī, 177, 206 Pāḷi sukhī, 177, 206 Udānavarga sukhī, 206 Patna sukhu, 27, 118 Gāndhārī sukhumaṁ, 346 Patna sukhumo, 125 Patna sukhumo, 125 Pāḷi sukhena, 83 Patna sukhena, 83 Pāḷi sukhena, 83 Udānavarga

sukheṣiṇo, 341 Patna sukhesino, 341 Pāḷi sukhaiṣiṇas, 341 Udānavarga sukho, 118, 194, 206, 333 Patna sukho, 118, 194, 206, 333 Pāḷi sukho, 331 Mahāvastu & Other Texts sugataṁ, 419 Pāḷi sugatino, 126 Patna sugatino, 126 Pāḷi sugatena, 285 Patna sugatena, 285 Pāḷi sugatena, 285 Udānavarga sugato, 419 Udānavarga sugandhavat,52 Udānavarga sugambhīro, 82 Udānavarga suggatiṁ, 18, 319 Pāḷi sucaritaṁ, 168, 169, 231, 232, 233 Patna sucaritaṁ, 168, 169, 231, 232, 233 Pāḷi sucaritaṁ, 168, 169, 232 Udānavarga sucaritaṁ, 169 Mahāvastu & Other Texts sucarida, 168, 169 Gāndhārī sucikammassa, 24 Pāḷi sucigandhaṁ, 58 Pāḷi sucigavesinā, 245 Pāḷi sucittā, 151 Pāḷi sucitra, 151 Gāndhārī sucitrā, 151 Udānavarga sucinnena, 160 Patna sucī, 393 Pāḷi succhannaṁ, 14 Patna succhannaṁ, 14 Pāḷi succhannaṁ, 14 Udānavarga suchana, 14 Gāndhārī sujivu, 244Gāndhārī sujīvaṁ, 244 Patna sujīvaṁ, 244 Pāḷi sujīvaṁ, 244 Udānavarga suññato, 92, 93 Pāḷi suññāgāraṁ, 373 Pāḷi sutu, 47, 287 Gāndhārī suteṣu, 29 Gāndhārī suttaṁ, 47, 287 Patna suttaṁ, 47, 287 Pāḷi suttesu, 29 Patna suttesu, 29 Pāḷi sutvā, 100, 101, 102 Pāḷi sutvāna, 82, 259 Pāḷi sudantā, 94 Pāḷi sudantena, 160, 323 Pāḷi

sudanto, 159 Pāḷi sudassaṁ, 252 Pāḷi sudāntaḥ, 94 Udānavarga sudāntā, 94 Patna sudāntena, 160 Udānavarga sudāntena, 323 Patna sudānto, 159 Udānavarga suduttaraṁ, 86 Patna suduttaraṁ, ḷi 86 Pā sududdaśaṁ, 36 Patna sududdasaṁ, 36 Pāḷi sudurdamaḥ, 159 Udānavarga sudustyajām, 335, 336 Udānavarga sudeśitaṁ, 44, 45 Udānavarga sudeśite, 44, 45 Patna sudeśida, 44, 45 Gāndhārī sudesitaṁ, 44, 45 Pāḷi suddhaṁ, 412, 413 Pāḷi suddhassa, 125 Pāḷi suddhājīviṁ, 366 Pāḷi suddhājīve, 376 Pāḷi suddhājīvena, 245 Pāḷi suddhī, 165 Pāḷi sunipuṇaṁ, 36 Patna sunipuṇaṁ, 36 Pāḷi

suparisaṁvutā, 234 Pāḷi suparisaṁvṛtā, 234 Patna supaśi, 252 Gāndhārī supaśyaṁ, 252 Udānavarga supaśśaṁ, 252 Patna suptaṁ, 47, 287 Udānavarga supteṣu, 29 Udānavarga suppabuddhaṁ, 296, 297, 298, 299, 300, 301 supraüdhu, 296, 297, 298, 299, 300, 301 Gān suprabuddhaṁ, 296, 297, 298, 299, 300, 301 suprabuddhaṁ, 299, 300, 301 Patna subahv, 19 Udānavarga subbatā, 145 Pāḷi subbato, 95 Pāḷi subhaṣida, 51, 52 Gāndhārī subhānupassiṁ, 7 Pāḷi subhānupassino, 349 Pāḷi subhāvitaṁ, 14 Udānavarga subhāvitaṁ, 14, 89 Patna subhāvitaṁ, 14, 89 Pāḷi subhāvitam, 89 Udānavarga subhāṣitā, 51, 52 Patna subhāṣitā, 51, 52 Udānavarga subhāsitā, 51, 52 Pāḷi

subhāsubhaṁ, 409 Pāḷi sumanā, 68 Udānavarga sumano, 68 Patna sumano, 68 Pāḷi sumarati, 324 Pāḷi sumedha, 208 Gāndhārī sumedhaṁ, 208 Patna sumedhaṁ, 208 Pāḷi sumedhasam, 29 Udānavarga sumedhasu, 29 Gāndhārī sumedhaso, 29 Patna sumedhaso, 29 Pāḷi suyikamasa, 24 Gāndhārī suyiga-, 58 Gāndhārī surakkhitaṁ, 157 Pāḷi surakkhitaṁ, 157, 158 Patna surakṣitam, 157 Udānavarga surakṣida, 14 Gāndhārī surāmerayapānañ, 247 Pāḷi suriu, 172 Gāndhārī sulīnenāpragalbhena, 245 Udānavarga suvimuttacitto, 20 Pāḷi suve, 229 Patna suve, 229 Pāḷi susaṁvutaṁ, 8 Pāḷi susaṁvuto, 281 Pāḷi susaṁvṛtaṁ, 391 Udānavarga susaṁvṛtaṁ, 8 Patna susaṁvṛtaḥ, 231, 281 Udānavarga susaṁvṛtam, 8 Udānavarga susaṁvṛtāḥ, 234 Udānavarga susaṁvṛto, 281 Patna susamaradha, 293 Gāndhārī susamahidu, 10 Gāndhārī susamāraddhā, 293 Patna susamāraddhā, 293 Pāḷi susamārabdhā, 293 Udānavarga susamāhitaḥ, 10, 378 Udānavarga susamāhito, 10, 378 Patna susamāhito, 10, 378 Pāḷi susukhaṁ, 197, 198, 199, 200 Pāḷi susukhaṁ, 197, 198, 199, 200 Udānavarga susukhaṁ,200197, Patna 199, susthiraṁ, 346 Udānavarga suha, 109, 169, 197, 200, 203, 204, 206, 29 suhajjā, 219 Pāḷi suhasavasa, 207 Gāndhārī suhi, 206 Gāndhārī suhu, 2, 79, 168, 193 Gāndhārī

suhṛdo, 219 Udānavarga suheṇa, 83 Gāndhārī suho, 206 Gāndhārī sūtraṁ, 383 Patna sūparasaṁ, 64, 65 Pāḷi sūparasān, 64, 65 Patna sūparasān, 64, 65 Udānavarga sekho, 45 Pāḷi seṭṭhaṁ, 26 Pāḷi seṭṭhataṁ, 30 Pāḷi seṭṭho, 273, 321 Pāḷi seti, 79, 168, 169, 201 Pāḷi senti, 156 Pāḷi sendhavā, 322 Patna seyyaṁ, 61 Pāḷi seyyaso, 43 āP ḷi seyyo, 76, 100, 101, 102, 104, 106, 107, 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 308, 314, 330, 390 Pāḷi selaṁ, 8 Pāḷi selo, 81 Pāḷi sevati, 281 Patna sevaṁti, 293 Patna sevanti, 293 Pāḷi seve, 167 Gāndhārī seve, 310 Pāḷi seveta, 167 Udānavarga sevetha, 208 Patna seveyā, 167 Patna seveyya, 167 Pāḷi sehi, 136 Pāḷi saindhavam, 322 Udānavarga so, 32, 70, 106, 142, 193 Udānavarga so, 70, 106, 142, 193 Mahāvastu & Other Tex so, 9, 10, 15, 16, 20, 65, 70, 84, 103, 106, 142, 162, 172, 193, 259, 267, 291, 367, 372, 396 Gāndhārī so, 9, 15, 16, 45, 63, 70, 84, 106, 131, 132, 142, 162, 172, 187, 193, 249, 284, 303, 379 Patna so, 9, 15, 16, 63, 64, 70, 77, 106, 127, 128, 131, 132, 140, 142, 162, 172, 177, 187, 193, 236, 238, 249, 252, 253, 269, 284, 291, 334, 379, 396393, Pāḷi sokā, 335, 336 Pāḷi sokiniṁ, 28 Pāḷi soko, 212, 213, 214, 215, 216 Pāḷi socati, 15, 207, 367 Pāḷi socanti, 315 Pāḷi socare, 225 Pāḷi sotaṁ, 347, 383 Pāḷi sotā, 339 Patna sotā, 339, 340 Pāḷi sotāpattiphalaṁ, 178 Patna sotāpattiphalaṁ, 178 Pāḷi

sotena, 360 Pāḷi soto, 337 Pāḷi sottāna, 259 Patna sotthim, 219 Pāḷi sotthiye, 295 Pāḷi sodu, 347 Gāndhārī sodhenti, 141 Pāḷi somaṁ, 172, 173, 382 Pāḷi somanassāni, 341 Patna somanassāni, 341 Pāḷi soḷasiṁ, 70 Pāḷi sohu, 201 Gāndhārī sau, 127, 128 Udānavarga saumanasyāni, 341 Udānavarga skandhānām, 374 Udānavarga sti, 62 Udānavarga stīty, 62 Udānavarga stukastoka, 121 Gāndhārī stokaṁ, 239 Udānavarga stokastuka, 122 Gāndhārī stokastokaṁ, 121, 122 Udānavarga stha, 146, 337 Udānavarga sthaṇḍilaśāyikā, u & Other141 Texts Mahāvast sthaṇḍilaśāyikā, 141 Udānavarga sthale, 34, 98 Udānavarga sthaviro, 260 Udānavarga sthānaṁ, 137, 225 Udānavarga sthānāni, 309 Udānavarga sthānair, 224, 391 Udānavarga sthāvareṣu, 405 Udānavarga sthitaṁ, 127, 128 Udānavarga sthitaṁ, Mahāvastu 127, & Other Texts sthiram, 8 Udānavarga snātakaṁ, 422 Udānavarga sneham, 285 Udānavarga snehitāni, 341 Udānavarga spandanaṁ, 33 Udānavarga spṛśanti, 23, 133 Udānavarga spṛśet, 259, 272 Udānavarga spṛṣṭā, 83 Udānavarga spṛhako, 365 Udānavarga spṛhayaty, 209 Udānavarga spṛhayanti, 94 Udānavarga spṛhayanty, 181 Udānavarga sphṛhayaṁ, 272 Mahāvastu & Other Texts smṛtaḥ, 79, 350, 393 Udānavarga smṛtātmanaḥ, 24 Udānavarga smṛtātmā, 328 Udānavarga smṛtānāṁ, 293 Udānavarga

smṛtiḥ, 293, 296,ga297, 298, 299 Udānavar smṛtimantaḥ, 91 Udānavarga syāc, 10 Udānavarga syāt, 40, 231, 244 Udānavarga syād, 51, 52, 124, 252, 376 Udānavarga srotaḥ, 383 Udānavarga svakathaparamu, 166 Gāndhārī svakārthaparamo, 166 Udānavarga svaga, 423 Gāndhārī svagocaram, 22 Udānavarga svacittaparyavadanam, 183 Udānavarga svacittaparyādāpanaṁ, 183 Mahāvastu & Other svacittam, 327 Udānavarga svadi, 293, 296, 297, 298, 299 Gāndhārī svadima, 280 Gāndhārī svadimado, 24 Gāndhārī svayaṁ, 353 Udānavarga svayam, 159, 224 Udānavarga svargāpāyāṁś, 423 Udānavarga svargeṣu, 174 Udānavarga svalābhaṁ, 365 Udānavarga svastināgatam, 219 Udānavarga svātmano, 163 Udānavarga svāni, 240 Udānavarga svihao, 365 Gāndhārī sveṣu, 384 Udānavarga svais, 136 Udānavarga haṁyyā, 129, 130 Patna haṁsavat, 91 Udānavarga haṁsā, 91 Pāḷi haṁsā, 91, 175 Patna haṁsādiccapathe, 175 Pāḷi haṁsādityapathe, 175 Udānavarga hatāvakāśo, 97 Patna hatāvakāśo, 97 Udānavarga hatāvakāso, 97 Pāḷi hattham, 311 Pāḷi hatthasaṁyato, 362 Pāḷi hatthim, 326 Pāḷi hatvā, 294, 295 Udānavarga hadara, 389 Gāndhārī hadi, 405 Gāndhārī hananti, 355 Pāḷi haneyya, 129, 130 Pāḷi hantā, 294 Patna hantāraṁ, 389 Patna hantāraṁ, 389 Pāḷi hantāraṁ, 389 Udānavarga hanti, 72 Patna

hanti, 72, 355, 405 Pāḷi hanti, 72, 355, 405 Udānavarga hanty, 355 Udānavarga hantvā, 294, 295 Pāḷi hanyān, 129, 130 Udānavarga ’ham, 353 Patna hareyya, 124 Pāḷi harṣ, 146 Gāndhārī harṣ, 146 Patna harṣ, 146 Pāḷi harṣ, 146 Udānavarga harṣaḥ, 146 Udānavarga harṣo, 146 Gāndhārī harṣo, 146 Mahāvastu & Other Texts havaï, 166 Gāndhārī have, 104, 1 51, 177, 382 Pāḷi hasa, 101 Gāndhārī hasta, 311 Gāndhārī hastam, 311 Patna hastam, 311 Udānavarga hastasaṁyataḥ, 362 Udānavarga hastasaṁyyato, 362 Patna hastasañadu, 362 Gāndhārī hātmānaṁ, 134 Udānavarga hādityo, 387 Udānavarga hāpaye, 166 Patna hāpaye, 166 Pāḷi hāpayet, 166 Udānavarga hāśo, 146 Patna hāso, 146 Pāḷi hi, 1, 2, 24, 27, 77, 151, 208, 315, 320 Gā hi, 1, 2, 5, 15, 16, 24, 45, 58, 70, 71, 75, 81, 82, 83, 116, 121, 122, 133, 137, 143, 148, 151, 158, 159, 160, 165, 177, 180, 184, 186, 207, 211,

240, 278, 285, 288, 306, 307, 315, 320, 326, 334, 338, 362, 377, 384, 385, 386, 391, 396, 397, 398, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 407, 408, 409, 410, 411, 412, 413, 414, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423 Udānavarga hi, 5, 27, 62, 71, 75, 77, 80, 116, 133, 145, 148, 159, 160, 184, 207, 208, 211, 252, 265, 274, 275, 284, 292, 313, 315, 320, 323, 356, 35 hi, 5, 36, 71, 75, 104, 116, 133, 148, 159, 160, 161, 165, 177, 184, 207, 208, 211, 271, 282, 284, 292, 315, 320, 356, 357, 358, 359, 380 Patna hiṁsati, 132 Udānavarga hiṁsati, 132, 270 Pāḷi hiṁsamano, 390 Pāḷi hiṇa, 167 Gāndhārī hiṇaviyava, 112 Gāndhārī hiṇaviryava, 7 Gāndhārī hitaṁ, 163 Patna hitaṁ, 163 Udānavarga hitañ, 163 Pāḷi

hitam, 42 Udānavarga hitva, 29, 201, 209Gāndhārī hitvā, 201 Mahāvastu & Other Texts hitvā, 29, 88, 91, 201, 209, 231, 232, 233, hitvā, 29, 88, 91, 201, 209, 231, 232, 233, hida, 163 Gāndhārī hidu, 30 Gāndhārī himavanto, 304 Pāḷi himavān, 304 Udānavarga hiri mada, 245 Gāndhārī hirīnisedho, 143 Pāḷi hirīmatā, 245 Patna hirīmatā, 245 Pāḷi hīnaṁ, 167 Patna hīnaṁ, 167 Pāḷi hīnaṁ, 7 Udānavarga hīnayavān, 112 Gāndhārī hīnayavān, 112 Patna hīnayavān, 112 Pāḷi hīnayavān, 112 Udānavarga hīnavīriyaṁ, 7 Patna hīnavīriyaṁ, 7 Pāḷi hīnavīriyo, 112 Patna hīnavīriyo, 112 Pāḷi hīnavīryavān, 112 Mahāvastu & Other Texts hīnavīryavān, 112 Udānavarga hīnāṁ, 167 Udānavarga hu, 367, 372 Gāndhārī hutaṁ, 106, 107, 108 Patna hutaṁ, 106, 107, 108 Pāḷi hutaṁ, 107, 108 Mahāvastu xts & Other Te hutam, 107 Udānavarga huraṁ, 20 Pāḷi hurāhuraṁ, 334 Patna hurāhuraṁ, 334 Pāḷi hure, 20 Patna hetaṁ, 77, 374 Patna hetu, 84 Pāḷi heto, 84 Patna hettā, 29, 88, 91, 201, 209, 231, 232, 233, hedu, 84 Gāndhārī hemaṁna, 286 Patna hemadagi, 286 Gāndhārī hemantaṁ, 286 Udānavarga hemantagimhisu, 286 Pāḷi heva, 47, 48 Patna heva, 47, 48 Pāḷi hehiti, 369 Patna ho, 103, 229, 259 Gāndhārī

hoti, 19, 20, 51, 52, 66, 76, 77, 96, 177, 184, 187, 205, 256, 258, 259, 260, 262, 266, 268, 270, 312, 325, 356, 357,58,3 359, 373, 384, 393, 396 Pāḷi hoti, 19, 20, 51, 52, 66, 76, 77, 96, 184, 187, 249, 259, 262, 356, 357, 358, 359, 373, 384, 393 Patna hotha, 243, 283, 327 Pāḷi hotha, 327 Patna hoda, 108 Gāndhārī hodu, 106, 107 Gāndhārī horo, 20 Gāndhārī hy, 2, 3, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 21, 22, 24, 27, 56, 62, 66, 67, 72, 80, 82, 91, 93, 96, 100, 102, 104, 110, 111, 113, 114, 115, 125, 136, 139, 140, 141, 144, 145, 150, 151, 163, 164, 165, 168, 169, 174, 177, 179, 180, 197, 198, 199, 200, 207, 218, 225, 229, 238, 240, 264, 272, 284, 307, 308, 309, 313, 315, 322, 335, 346, 349, 350, 353, 362, 363, 380, 383, 390, 392, 410, 413, 414, 423 Udānavarga hyetaccharaṇaṁ, 189 Mahāvastu & Other Texts hradaḥ, 82 Udānavarga hrado, 82 Patna hrasvam, 409 Udānavarga hrīniṣevī,rga143 Udānava hrīmatā, 245 Udānavarga hrīmantaṁ, 217 Udānavarga

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.